

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN.....	5
DANH SÁCH BÀI PHÁT BIỂU VÀ BÁO CÁO	7
BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HOA KỲ TẠI VIỆT NAM	8
BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP ANH QUỐC TẠI VIỆT NAM.....	20
BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM	24
BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM.....	28
BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM....	85
BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC TẠI VIỆT NAM ...	89
BÀI PHÁT BIỂU CỦA CÁC THÀNH VIÊN LIÊN KẾT VBF	93
BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC KINH TẾ SỐ	97
BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC KINH TẾ SỐ.....	101
BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI.....	109
BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI	111
PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG CHẤT LƯỢNG CAO CHO VIỆT NAM	125
BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG	128
BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGUỒN NHÂN LỰC.....	142
BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGUỒN NHÂN LỰC	144
BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG.....	148
BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG.....	152
BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGÂN HÀNG.....	162
BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGÂN HÀNG.....	166
BÀI PHÁT BIỂU KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VỐN VIỆT NAM	270
TỔNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	274
BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC THUẾ & HẢI QUAN	298
TỔNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ THUẾ QUAN	300
TỔNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ HẢI QUAN.....	334
BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP ÚC TẠI VIỆT NAM	348
BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO	352
BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC ĐIỆN & NĂNG LƯỢNG	356
BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC KHAI KHOÁNG	360
PHỤ LỤC BÁO CÁO CỦA NCT NÔNG NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG	364

KHUYẾN CÁO

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (“**VBF**”) là một cơ chế đối thoại liên tục và chặt chẽ giữa Chính phủ Việt Nam với cộng đồng doanh nghiệp nhằm cải thiện các điều kiện kinh doanh cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của khối doanh nghiệp tư nhân, thuận lợi hóa môi trường đầu tư, đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế bền vững của Việt Nam.

Tài liệu này được phát hành để phục vụ cho Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam thường niên được tổ chức vào ngày 10/11/2025 tại Hà Nội.

Các kết luận và nhận định đưa ra trong tài liệu này, cũng như trong các bài thuyết trình của đại diện các doanh nghiệp tại Diễn đàn, không thể hiện quan điểm của Hội đồng Quản trị Liên minh VBF, Ban Thư ký VBF, cũng như các tổ chức đồng chủ tọa VBF bao gồm Bộ Tài chính Việt Nam, Ngân hàng Thế giới, và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC). Hội đồng Quản trị Liên minh VBF, Ban Thư ký VBF, và các tổ chức đồng chủ tọa VBF không đảm bảo tính chính xác của các dữ liệu được sử dụng trong tài liệu này cũng như trong các bài thuyết trình nói trên, và không chịu trách nhiệm đối với hậu quả do việc sử dụng các dữ liệu này gây ra.

Tài liệu này không được cho thuê, bán lại hoặc phát hành cho mục đích thương mại.

DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN

DOANH NGHIỆP ĐỒNG HÀNH VỚI CHÍNH PHỦ CHUYỂN ĐỔI XANH TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

Thời gian: 14:00 – 18:00, Thứ Hai, ngày 10 tháng 11 năm 2025

Địa điểm: Grand Ballroom, Khách sạn Lotte, 54 Liễu Giai, Phường Giảng Võ, Hà Nội

CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN

13:30 - 14:00	Đăng ký đại biểu
14:00 - 14:20	Phát biểu khai mạc - Bộ Tài chính – Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng - Tổ chức Tài chính Quốc tế – Ông Thomas Jacobs, Quyền Giám đốc khu vực Đông Á – Thái Bình Dương - Ngân hàng Thế giới – Bà Mariam Sherman, Giám đốc Quốc gia tại Việt Nam, Campuchia và Lào - Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Ông Hồ Sỹ Hùng, Đồng Chủ tịch
PHẦN 1 CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ KINH DOANH HƯỚNG TỚI CHUYỂN ĐỔI XANH TRONG KỶ NGUYÊN SỐ	
14:20 - 15:15	- Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam (7') – Ông Mark Gillin, Chủ tịch - Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam – Ông Đậu Anh Tuấn, Phó Tổng thư ký (7') - Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam – Ông Denzel Eades, Chủ tịch/ Thành viên sáng lập & TGD, Pioneer International Consulting (7') - Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam (7') – Ông Bruno Jaspaer, Chủ tịch - Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam – Ông Wakabayashi Koichi, Chủ tịch/ TGD, Mitsui&Co.Việt Nam (7') - Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam – Ông Ko Tae Yeon, Chủ tịch/ TGD, Heesung Electronics Việt Nam (7') - Đại diện các Thành viên Liên kết (Hiệp hội Doanh nghiệp Úc tại Việt Nam) – Ông David John Whitehead, Giám đốc/ Chủ tịch, Tập đoàn Mavin (7')
PHẦN 2 VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI XANH TRONG KỶ NGUYÊN SỐ	
15:15 - 15:45	(1) Phát triển khoa học công nghệ & đổi mới sáng tạo cho chuyển đổi xanh - Hoàn thiện thể chế cho phát triển khoa học, công nghệ; đổi mới sáng tạo và kinh tế số – Ông Seck Yee Chung, Đại diện NCT Kinh tế số/ Luật sư Thành viên, Baker McKenzie Việt Nam (5') - Thúc đẩy chuyển giao công nghệ, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp trong nước & doanh nghiệp FDI – Ông Đức Trần, Đồng trưởng NCT Đầu tư & Thương mại/ Luật sư Thành viên cấp cao, A&O Shearman (5') (2) Phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực & thực hiện chuyển đổi năng lượng xanh

	cho tăng trưởng bền vững - Phát triển hạ tầng chất lượng cao – Ông Trần Tuấn Phong, Trưởng NCT Cơ sở hạ tầng/ Luật sư Thành viên, VILAF (5') - Phát triển nhân lực cho FDI chất lượng cao – Ông Colin Blackwell, Trưởng NCT Nguồn Nhân lực/ Chủ tịch, Hyperion Fintech (5') - Thúc đẩy hợp tác nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn, thị trường carbon và đổi mới sáng tạo xanh bền vững – Bà Văn Lý, Đồng Trưởng NCT Nông nghiệp & Môi trường/ Đồng sáng lập & Tổng Giám đốc, Raise Partners (5')
15:45 - 16:00	NGHỈ GIẢI LAO
PHẦN 2 (tiếp) VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI XANH TRONG KỶ NGUYÊN SỐ	
16:00 - 16:15	(3) Tài chính xanh - Tài chính xanh & chuyển đổi số trong ngành ngân hàng – Ông Takao Nozaki, Trưởng NCT Ngân hàng/ Tổng Phụ trách Việt Nam, Tổng Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hà Nội, Ngân hàng MUFG (5') - Thị trường vốn thúc đẩy tăng trưởng bền vững – Tiến sĩ Lê Anh Tuấn, Đại diện NCT Thị trường vốn/ Tổng Giám đốc, Dragon Capital (5') - Môi trường thuế ổn định, ưu đãi cho cộng đồng doanh nghiệp – Ông Takahisa Onose, Đại diện NCT Thuế & Hải quan/ Phó Tổng Giám đốc, Ernst & Young Việt Nam (5')
PHẦN 3 PHẢN HỒI CỦA CÁC BỘ NGÀNH	
16:15 - 17:00	- Bộ Tài chính - Bộ Công thương - Bộ Nông nghiệp & Môi trường - Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Xây dựng - Bộ Công an - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Ngân hàng nhà nước
17:00 - 17:50	PHÁT BIỂU CHỈ ĐẠO CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM MINH CHÍNH
17:50 – 18:00	Phát biểu bế mạc - Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Ông Nguyễn Michael Vũ, Đồng Chủ tịch - Bộ Tài chính – Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng

DANH SÁCH BÀI PHÁT BIỂU VÀ BÁO CÁO



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HOA KỲ TẠI VIỆT NAM

Lời mở đầu

Trong hơn ba thập kỷ qua, AmCham luôn sát cánh cùng Việt Nam trên hành trình chuyển đổi kinh tế, và chúng tôi tiếp tục cam kết hỗ trợ đất nước trong giai đoạn phát triển tiếp theo. Mỗi quan hệ này càng trở nên có ý nghĩa hơn kể từ khi Hoa Kỳ và Việt Nam nâng cấp quan hệ song phương lên Đối tác Chiến lược Toàn diện vào năm 2023.

AmCham đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp đa dạng gồm hơn 650 doanh nghiệp thành viên và 2.500 lãnh đạo doanh nghiệp, hoạt động trong các ngành từ sản xuất, năng lượng, công nghệ đến y tế, tài chính và hàng tiêu dùng. Các thành viên của chúng tôi đã đóng góp hàng tỷ đô la đầu tư, tạo ra hàng chục nghìn việc làm trực tiếp và hàng trăm nghìn việc làm gián tiếp. Quan trọng không kém, các doanh nghiệp Hoa Kỳ đã mang đến các phương thức quản trị hiện đại, công nghệ và tiêu chuẩn quốc tế, góp phần nâng cao vai trò của Việt Nam trong thương mại quốc tế. Ngày nay, Hoa Kỳ vừa là một trong những nguồn đầu tư lớn nhất, vừa là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam - minh chứng cho mối quan hệ kinh tế ngày càng sâu rộng giữa hai quốc gia.

AmCham luôn là đối tác của Việt Nam trong việc xây dựng một nền kinh tế cởi mở, năng động và sáng tạo. Chúng tôi tiếp tục hợp tác với Chính phủ trong việc thúc đẩy các cải cách nhằm trao quyền cho doanh nghiệp tư nhân, mở rộng lợi ích từ thương mại, giảm bớt các hạn chế không cần thiết, và tập trung nhiều hơn vào triển khai thực tiễn. Những nguyên tắc này vẫn hết sức phù hợp trong bối cảnh Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên cải cách, đổi mới và hợp tác mới. Chúng tôi đánh giá cao sự tương tác thường xuyên với nhiều bộ, ngành và cơ quan trong việc thúc đẩy các cải thiện này.

Việt Nam đang ở thời điểm mang tính bước ngoặt. Chương trình tái cấu trúc hành chính đầy tham vọng của Chính phủ, kết hợp với những dịch chuyển toàn cầu trong thương mại và đầu tư, đã tạo ra cơ hội để củng cố nền tảng cho tăng trưởng bền vững và chất lượng cao. AmCham cam kết đồng hành cùng Việt Nam trên con đường này, hợp tác chặt chẽ với Chính phủ và xã hội để đạt được sự thịnh vượng chung.

Thời điểm cải cách của Việt Nam hướng tới một tương lai bền vững

Việc Việt Nam tái cơ cấu bộ máy hành chính và áp dụng mô hình chính quyền địa phương hai cấp đánh dấu một bước tiến mang tính lịch sử trong việc xây dựng một hệ thống quản trị hiệu quả hơn, minh bạch hơn và bền vững hơn. Đối với các doanh nghiệp Hoa Kỳ, các cải cách này có thể giảm bớt một trong những thách thức lớn nhất — đó là sự phức tạp của thủ tục hành chính. Chuyển đổi số không chỉ thay đổi cách thức hoạt động của doanh nghiệp, mà

còn có khả năng thay đổi toàn bộ môi trường quản lý; giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, tiết kiệm giấy tờ, chi phí vận chuyển hồ sơ và đi lại của người dân.

Cộng đồng doanh nghiệp hoan nghênh những thay đổi này với sự nhiệt tình, coi đây là tín hiệu rõ ràng về tầm nhìn phát triển của Việt Nam và cam kết tạo điều kiện cho đầu tư. Việc ban hành các nghị quyết quan trọng càng củng cố thêm động lực này: Nghị quyết 57 về thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Nghị quyết 59 về chủ động hội nhập quốc tế; Nghị quyết 68 về phát triển kinh tế tư nhân; và Nghị quyết 66 về cải cách công tác xây dựng và thực thi pháp luật. Tất cả tạo nên nền tảng cho sự cất cánh của Việt Nam, phản ánh sự ghi nhận rằng đổi mới, minh bạch và khu vực tư nhân chính là động lực thực sự của chuyển đổi kinh tế.

Thành công của những cải cách này phụ thuộc vào việc triển khai hiệu quả. Chúng tôi khuyến khích Chính phủ ban hành hướng dẫn và lộ trình rõ ràng để thu hẹp khoảng cách giữa trung ương và địa phương, đảm bảo sự thống nhất trong quản trị trên toàn quốc. Đối thoại có cấu trúc với các kết quả đo lường cụ thể là điều thiết yếu. Các cuộc họp phải dẫn đến hành động cụ thể và thay đổi thực chất, thay vì chỉ dừng lại ở tuyên bố ý định. Việc tái cấu trúc không chỉ là đơn giản hóa hành chính, mà còn là cơ hội để đưa tính trách nhiệm giải trình và phản hồi vào mọi cấp chính quyền. Thực thi nhất quán các biện pháp minh bạch và chống tham nhũng cũng sẽ đóng vai trò quan trọng để đảm bảo các cải cách mang lại lợi ích mong muốn và củng cố niềm tin lâu dài của nhà đầu tư.

Thương mại bền vững & Tiếp cận thị trường

Việt Nam đã hội nhập sâu rộng vào thương mại toàn cầu, mang lại nhiều cơ hội và thịnh vượng. Giai đoạn tiếp theo là đảm bảo tăng trưởng thương mại đi đôi với phát triển bền vững về môi trường. Hoa Kỳ và Việt Nam có cơ hội cùng mở rộng thương mại và đầu tư song phương theo hướng thúc đẩy sản xuất phát thải thấp, logistics xanh và thương mại số.

AmCham hoan nghênh việc Việt Nam tiếp tục hợp tác với Hoa Kỳ nhằm loại bỏ các rào cản và hài hòa hóa tiêu chuẩn, từ đó thúc đẩy thương mại bền vững. Việc gỡ bỏ các rào cản phi thuế quan, đơn giản hóa thủ tục hải quan và nâng cao tính minh bạch không chỉ tăng cường năng lực cạnh tranh mà còn chỉ có thể đạt hiệu quả thông qua tăng cường chuyển đổi số.

Mở rộng khả năng tiếp cận thị trường cho hàng hóa và dịch vụ Hoa Kỳ - từ công nghệ năng lượng sạch đến các giải pháp nông nghiệp đổi mới - sẽ củng cố cả hai nền kinh tế và thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh của Việt Nam. Theo cách đó, thương mại không chỉ là động lực tăng trưởng mà còn là kênh chia sẻ công nghệ, chuyên môn và các thực tiễn bền vững.

Chuyển đổi số hướng tới nền kinh tế phát thải các-bon thấp

AmCham hoan nghênh cam kết của Việt Nam trong đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, vốn đã thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế số, dịch vụ đám mây và thương mại điện tử trong những năm gần đây. Chúng tôi tin rằng Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ mở ra một chương mới trong tiến trình số hóa của Việt Nam, thu hút đầu tư công nghệ cao và nuôi dưỡng văn hóa đổi mới sáng tạo cho toàn xã hội.

AmCham khuyến nghị Việt Nam áp dụng cách tiếp cận toàn diện và phù hợp với chuẩn mực toàn cầu trong việc xây dựng các luật và quy định liên quan đến kinh tế số, như Luật Thương mại điện tử và Luật An ninh mạng sửa đổi, nhận thức rõ bản chất xuyên biên giới của các dịch vụ số. Cần khắc phục sự chồng chéo và bất cập giữa các luật, đồng thời tránh tạo thêm rào cản không cần thiết. Các yêu cầu pháp lý đối với sàn thương mại điện tử cần tính đến sự đa dạng mô hình kinh doanh, tránh trùng lặp với luật khác và hạn chế các nghĩa vụ đại diện địa phương không cần thiết. Tương tự, các quy định về an ninh mạng và Nghị định 147/2024 cần dựa trên tiền lệ quốc tế và tránh yêu cầu lưu trữ dữ liệu nội địa có thể làm gián đoạn dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới, cản trở đầu tư và phát triển kinh tế số.

AmCham ủng hộ sự tập trung của Chính phủ vào phát triển kinh tế sáng tạo và quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Một khuôn khổ pháp lý đơn giản hơn cho game online và dịch vụ OTT - thay thế quy định cấp phép tại Nghị định 71/2022 và 147/2024 bằng cơ chế thông báo, sẽ giúp thu hút nhiều nhà phát triển quốc tế, đồng thời hỗ trợ sự phát triển của ngành sáng tạo tại Việt Nam.

Chúng tôi cũng lưu ý về việc sửa đổi Luật Quảng cáo gần đây và hy vọng nghị định hướng dẫn thi hành sẽ tham chiếu đến thông lệ quốc tế, phù hợp với xu hướng quảng cáo kỹ thuật số, cho phép triển khai các chiến dịch toàn cầu với một nhà cung cấp dịch vụ duy nhất. Điều này sẽ củng cố niềm tin của nhà đầu tư vào Việt Nam như một thị trường cởi mở, thân thiện và sáng tạo.

AmCham cam kết đồng hành cùng Việt Nam trong hành trình chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

Y tế & Khoa học đời sống

Ngành y tế là một lĩnh vực khác mà Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng khích lệ. Chúng tôi đánh giá cao Chính phủ và Bộ Y tế đã ban hành Luật Dược 2024 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành, góp phần cải thiện khả năng tiếp cận của người bệnh và nâng cao tính minh bạch trong quản lý. Những cải cách này tạo nền tảng vững chắc cho việc xây dựng một hệ thống y tế đáp ứng nhu cầu của dân số đang tăng nhanh và ngày càng có mức sống cao hơn.

Quá trình chuyển đổi nhân khẩu học của Việt Nam, với đặc điểm dân số già hóa và tỷ lệ mắc bệnh không lây nhiễm gia tăng, càng làm cho cải cách y tế trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Để phát huy hết tiềm năng của ngành, cần có thêm những bước đi mạnh mẽ. Việc thành lập Quỹ Phòng chống dịch bệnh sẽ giúp đảm bảo nguồn tài chính bền vững cho các chiến lược y tế dài hạn. Bảo hiểm y tế bổ sung và các chương trình hỗ trợ bệnh nhân có thể mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ điều trị chất lượng, đặc biệt cho các nhóm dân cư dễ bị tổn thương. Đồng thời, việc cập nhật Danh mục thuốc được Quỹ Bảo hiểm y tế chi trả, vốn chưa được rà soát toàn diện kể từ năm 2018, là hết sức cấp bách, nhằm bảo đảm người bệnh có thể tiếp cận kịp thời các loại thuốc tiên tiến trên thị trường toàn cầu, mà không phải ra nước ngoài để điều trị.

Quy trình đấu thầu thuốc cũng cần minh bạch và hiệu quả hơn. Những chậm trễ trong mua sắm tập trung đã ảnh hưởng đến cả bệnh viện lẫn doanh nghiệp, cho thấy tầm quan trọng của việc ban hành hướng dẫn rõ ràng để quá trình chuyển đổi giữa các khung pháp lý được thuận lợi. Việc tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt đối với sản phẩm dược phẩm, cũng mang ý nghĩa then chốt. Nếu không có cơ chế thực thi IP mạnh mẽ, Việt Nam có nguy cơ làm

nản lòng các nhà đầu tư trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo, đúng vào thời điểm Việt Nam mong muốn khẳng định vị thế trung tâm về khoa học đời sống.

Các thành viên AmCham sẵn sàng đồng hành và hỗ trợ Việt Nam trong việc xây dựng một hệ thống y tế tiếp cận rộng rãi, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững.

Chính sách thuế & tài khóa

Việt Nam đã duy trì ổn định kinh tế vĩ mô trong những năm gần đây với lạm phát được kiểm soát, tỷ giá ổn định và tăng trưởng bền vững. Các gói hỗ trợ như hoãn thuế, giảm phí và cải thiện hạ tầng đã giúp Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của đầu tư.

Trong thời gian tới, ưu tiên cần đặt vào việc hiện đại hóa hệ thống thuế phù hợp với chuẩn mực quốc tế, đồng thời đảm bảo tính đơn giản, minh bạch và dự đoán trước được. Các đạo luật mới về Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Thuế Thu nhập Cá nhân và Quản lý thuế mang lại cơ hội cải cách quan trọng. Niềm tin của nhà đầu tư sẽ được củng cố nếu việc thực thi chính sách thuế ổn định và nhất quán trong dài hạn. Việc cập nhật các chính sách đã lỗi thời, như Thông tư 103/2014 về thuế nhà thầu nước ngoài, cũng sẽ cải thiện môi trường đầu tư.

Chúng tôi hy vọng Hoa Kỳ và Việt Nam sớm ký kết Hiệp định Thuế song phương để đảm bảo các công ty và nhân viên Hoa Kỳ không bị bất lợi so với các đối tác khác của Việt Nam.

Đáp ứng nhu cầu năng lượng sạch & Hiện thực hóa tầm nhìn tăng trưởng xanh

AmCham đánh giá cao sự hợp tác chặt chẽ và các cuộc tham vấn mang tính xây dựng mà các thành viên của chúng tôi đã và đang có với cả cơ quan trung ương và địa phương về phát triển năng lượng của Việt Nam. Chúng tôi ghi nhận những bước tiến quan trọng mà Việt Nam đã đạt được trong việc hoàn thiện khung pháp lý cho đầu tư năng lượng và phát triển các-bon thấp. Nguồn năng lượng đầy đủ – bao gồm năng lượng tái tạo – là yếu tố then chốt cho sự phát triển kinh tế nói chung.

Cung – cầu điện năng là một bài toán phức tạp, do đó cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa khu vực công và khu vực tư nhân để phát triển hệ thống điện giá cả hợp lý, ổn định và bền vững. Trong tương lai, những đổi mới công nghệ tiên tiến – đặc biệt là trung tâm dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, dịch vụ số và dịch vụ đám mây – sẽ đòi hỏi nguồn điện dồi dào, ổn định và phát thải thấp để phát triển. Các yêu cầu khắt khe của những ngành công nghiệp hiện đại này – bao gồm bộ vi xử lý làm mát bằng chất lỏng, dung lượng lưu trữ đám mây ngày càng mở rộng, cũng như các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về tính bền vững và khả năng chống chịu rủi ro – đang đặt thêm áp lực lên lưới điện quốc gia, kéo theo những tác động quan trọng đối với an ninh năng lượng trong tương lai. Việt Nam cần hành động quyết liệt để tránh những ràng buộc này.

Các doanh nghiệp Hoa Kỳ có nhiều kinh nghiệm chuyên sâu về tài chính cũng như phát triển các giải pháp phía cung trong đầu tư năng lượng sáng tạo. Nhiều doanh nghiệp đã hợp tác chặt chẽ với EVN và các đơn vị thành viên để cùng đáp ứng nhu cầu của Việt Nam. Không kém phần quan trọng là duy trì đối thoại để tiếp tục củng cố chiến lược năng lượng và khung pháp lý điều tiết của Việt Nam. Kinh nghiệm từ Hoa Kỳ cho thấy, các ngành công nghiệp tiêu thụ điện năng lớn ngày càng chủ động bảo đảm nguồn điện của riêng mình thông qua hợp tác giữa Chính phủ, doanh nghiệp tư nhân và các công ty điện lực, trong đó cơ chế mua bán điện

trực tiếp (DPPA) đóng vai trò then chốt. Việt Nam có thể rút ra những bài học quý giá từ mô hình này để nâng cao hiệu quả triển khai Nghị định về DPPA.

Quy hoạch Điện VIII của Việt Nam cũng xác định điện hạt nhân là một thành tố quan trọng trong cơ cấu năng lượng dài hạn – bên cạnh khí tự nhiên, năng lượng tái tạo, nhiên liệu sinh học và lưu trữ pin. Mỗi lĩnh vực này sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu điện ngày càng tăng, đồng thời mở ra nhiều cơ hội hợp tác giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư Hoa Kỳ – Việt Nam để cùng nhau hiện thực hóa mục tiêu bảo đảm an ninh năng lượng. Chúng tôi cũng trân trọng ghi nhận việc Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 70 tháng trước về Bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045. Chúng tôi kêu gọi đẩy nhanh triển khai các giải pháp khả thi trong ngắn hạn.

Bảo vệ môi trường & phát triển

Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc hài hòa hóa các quy định về giảm phát thải khí nhà kính, kinh tế tuần hoàn, phân loại xanh và các biện pháp bảo vệ môi trường khác. Một chiến lược hướng tới tương lai, tích hợp thích ứng biến đổi khí hậu vào các ngành trọng yếu như hạ tầng, nông nghiệp, đô thị, sẽ là chìa khóa cho giai đoạn phát triển xanh tiếp theo.

Tuy nhiên, những thách thức hành chính vẫn còn, đặc biệt là trong cấp phép môi trường vốn thiếu rõ ràng về thời gian và hướng dẫn. Việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về minh bạch và báo cáo sẽ củng cố niềm tin của các đối tác thương mại và đầu tư, đồng thời nâng cao hội nhập chuỗi cung ứng toàn cầu.

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) cũng rất quan trọng. Đây là xương sống của chuỗi cung ứng, nhưng họ thường gặp khó khăn trong việc tuân thủ quy định và tiếp cận nguồn lực. Chính sách cải thiện khả năng tiếp cận tài chính, giảm chi phí tuân thủ và khuyến khích áp dụng công nghệ sẽ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường hệ sinh thái đầu tư.

Hàng tiêu dùng & An toàn thực phẩm

Ngành hàng tiêu dùng vừa phản ánh tiềm năng kinh tế của Việt Nam, vừa cho thấy những thách thức về khung pháp lý. Chúng tôi đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ trong việc củng cố thị trường nội địa, song vẫn còn những ngại ngại liên quan đến nhu cầu tiêu dùng yếu và một số yêu cầu pháp lý.

Ví dụ, quy định hiện hành yêu cầu ghi nhãn xuất xứ trên tất cả bao bì, kể cả nguyên liệu và linh kiện, đang gây ra khó khăn trong tuân thủ và phát sinh chi phí không cần thiết. Tương tự, trong hồ sơ xin giấy phép nhập khẩu tiền chất công nghiệp, đôi khi cơ quan quản lý yêu cầu hóa đơn song ngữ có chữ ký của cả bên mua và bên bán, mặc dù quy định chưa nêu rõ. Những yêu cầu này dẫn đến việc chậm trễ trong phê duyệt và tạo rào cản thương mại.

Làm rõ các quy định và đơn giản hóa thủ tục theo tinh thần Nghị quyết 66 sẽ không chỉ giúp giảm gánh nặng cho doanh nghiệp nước ngoài mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp Việt Nam thông qua việc cắt giảm chi phí và cải thiện hiệu quả. Chúng tôi cũng khuyến nghị ban hành hướng dẫn rõ ràng hơn cho doanh nghiệp chế xuất về việc sử dụng hàng hóa nội bộ, đồng thời cải tiến quy định về quảng cáo để bảo đảm trách nhiệm được phân bổ công bằng giữa nhà quảng cáo, đơn vị truyền thông và nền tảng.

AmCham hoan nghênh việc Chính phủ đang xây dựng Luật An toàn thực phẩm và Nghị định 15 hướng dẫn thi hành. Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ nỗ lực của Chính phủ trong việc củng cố khung pháp lý bảo đảm chất lượng thực phẩm và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Đồng thời, chúng tôi khuyến khích việc các dự thảo luật và nghị định liên quan cần được rà soát kỹ lưỡng dựa trên bằng chứng khoa học, thực tiễn triển khai và thông lệ quốc tế tốt nhất. Các quy định rõ ràng, khả thi và dựa trên cơ sở khoa học sẽ vừa bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam, vừa giúp doanh nghiệp tuân thủ một cách hiệu quả và bền vững.

Hài hòa hóa quy định với các chuẩn mực quốc tế sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả bảo vệ người tiêu dùng và tạo thuận lợi cho xuất khẩu. Việc áp dụng các tiêu chuẩn toàn cầu không chỉ tăng cường an toàn thực phẩm, củng cố niềm tin của cả người tiêu dùng trong nước và quốc tế, mà còn mở rộng cơ hội hội nhập vào chuỗi cung ứng chất lượng cao.

Phát triển lĩnh vực tài chính

Chúng tôi đánh giá cao Chính phủ và Quốc hội vì đã thông qua Nghị quyết số 222/2025/QH15 cùng với dự thảo nghị định về việc thành lập Các Trung tâm Tài chính Quốc tế (IFCs) tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Đây là một trong những cải cách tài chính mang tính tham vọng nhất trong nhiều thập kỷ, thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc trở thành trung tâm khu vực đáng tin cậy về vốn, đổi mới sáng tạo và tài chính xanh. Để bảo đảm IFCs có khả năng cạnh tranh toàn cầu và hoạt động hiệu quả, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ trao quyền tự chủ về quy định cho cơ quan quản lý IFCs, đơn giản hóa dòng vốn thông qua các quy định minh bạch về ngoại hối, và đẩy nhanh việc thành lập cơ chế trọng tài quốc tế độc lập. Những bước đi này là thiết yếu để thu hút các nhà đầu tư và tổ chức quốc tế chất lượng cao, đồng thời xây dựng niềm tin dài hạn đối với hệ sinh thái tài chính của Việt Nam.

Nâng hạng thị trường vốn của Việt Nam lên “Thị trường mới nổi” vẫn là một ưu tiên quan trọng, và sẽ giúp tăng cường đáng kể khả năng tiếp cận các thị trường tài chính toàn cầu. Việc xóa bỏ yêu cầu thanh toán trước, nâng giới hạn sở hữu nước ngoài, và áp dụng mô hình bù trừ trung tâm (central counterparty clearing) phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất sẽ mở ra cơ hội tiếp cận nguồn vốn lớn hơn. Điều này, nhờ đó, sẽ củng cố sức chống chịu kinh tế của Việt Nam và tăng cường năng lực đổi mới.

Nguồn nhân lực & Cơ sở hạ tầng

Không có chương trình cải cách nào có thể thành công nếu thiếu đầu tư vào con người và cơ sở hạ tầng. Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng ghi nhận trong việc mở rộng giáo dục và đào tạo nghề, nhưng cần nhấn mạnh hơn nữa vào việc phát triển lực lượng lao động lành nghề, có khả năng đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp giá trị cao. Cần khuyến khích đầu tư nước ngoài vào đào tạo nghề và tiếp tục giảm bớt các rào cản đối với chuyên gia nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Nghị định số 219/2025/NĐ-CP, đơn giản hóa thủ tục cấp giấy phép lao động, là một bước tiến đáng hoan nghênh. Chúng tôi kỳ vọng sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan cấp tỉnh nhằm đẩy nhanh việc triển khai và hài hòa cách hiểu giữa cấp quốc gia và cấp địa phương đối với các loại giấy phép và giấy phép lao động.

Phát triển cơ sở hạ tầng cũng quan trọng không kém. Các dự án giao thông trọng điểm, sân bay, cảng biển và hành lang logistics sẽ giúp giảm chi phí và củng cố khả năng hội nhập của Việt Nam vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc tiếp tục đầu tư vào hạ tầng thông minh, bao gồm kết nối số và hệ thống giao thông xanh, sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ quá trình đô thị hóa bền vững. Đồng thời, cần có các quy định rõ ràng hơn về đất đai để tạo sự

chắc chắn cho các nhà đầu tư dài hạn trong các dự án công nghiệp và dân cư. Việc hoàn thành các sáng kiến hạ tầng đang triển khai sẽ là một trong những minh chứng rõ ràng và có sức thuyết phục nhất về cam kết của Việt Nam đối với tăng trưởng dựa trên cải cách.

Quan hệ đối tác công – tư (PPP) sẽ đóng vai trò then chốt để hiện thực hóa những mục tiêu này. Bằng cách thiết lập các khuôn khổ minh bạch, có thể dự đoán và đủ điều kiện tín dụng, Việt Nam có thể thu hút nhiều hơn nguồn vốn tư nhân cho phát triển hạ tầng, đồng thời phân bổ công bằng rủi ro giữa khu vực công và tư.

Các lĩnh vực PPP ưu tiên bao gồm: hành lang logistics kết nối các trung tâm công nghiệp với cảng biển, hiện đại hóa hạ tầng hàng hóa hàng không và cảng biển, hệ thống truyền tải năng lượng tái tạo, cùng với mạng lưới giao thông công cộng đô thị. Các quan hệ đối tác thành công trong những lĩnh vực này sẽ giúp Việt Nam đáp ứng nhu cầu hạ tầng, giảm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Kết luận

Câu chuyện thành công kinh tế của Việt Nam thật sự ấn tượng, và chương tiếp theo sẽ phụ thuộc vào chiều sâu và tốc độ cải cách. Việc tái cơ cấu hành chính đang diễn ra, kết hợp với những biến động kinh tế toàn cầu, mang đến cơ hội có một không hai trong một thế hệ để xây dựng một nền kinh tế minh bạch hơn, sáng tạo hơn, toàn cầu hơn và bền vững hơn. Việc tăng cường quản trị, trao quyền cho doanh nghiệp tư nhân và thúc đẩy đổi mới sẽ là chìa khóa.

AmCham vẫn cam kết là đối tác đồng hành của Chính phủ và người dân Việt Nam. Chúng tôi sẽ tiếp tục hỗ trợ các nỗ lực cải cách, đưa ra các khuyến nghị mang tính xây dựng, đồng thời đầu tư vào thành công lâu dài của Việt Nam. Cùng nhau, thông qua cải cách, đổi mới và hợp tác, chúng ta có thể kiến tạo tăng trưởng chất lượng, mang lại lợi ích cho cả hai quốc gia và đóng góp vào sự thịnh vượng chung.



BÀI PHÁT BIỂU CỦA LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

THÚC ĐẨY CẢI CÁCH VÀ ĐỔI MỚI VÌ MỘT VIỆT NAM XANH, NĂNG ĐỘNG VÀ SẴN SÀNG TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Kính thưa Thủ tướng Chính phủ,

Kính thưa các vị chủ tọa, quý đại biểu tham dự Diễn đàn,

Thế giới đang bước vào một giai đoạn chuyển mình sâu rộng. Những biến động địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại, khủng hoảng khí hậu và làn sóng chuyển đổi số đồng loạt đang định hình lại cấu trúc kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh đó, các yêu cầu về phát triển bền vững, chuyển đổi xanh và năng lực thích ứng ngày càng trở thành tiêu chí cốt lõi trong quyết định đầu tư, tiêu dùng và hợp tác quốc tế.

Việt Nam hiện đang nổi lên như một “ngôi sao sáng” của khu vực châu Á, không chỉ nhờ vào nền tảng tăng trưởng ổn định và độ mở cao của nền kinh tế, mà còn bởi những nỗ lực mạnh mẽ trong cải cách thể chế, chuyển đổi số và cam kết phát triển xanh. Việt Nam đang được nhìn nhận là điểm đến tiềm năng trong chuỗi giá trị toàn cầu mới, nơi doanh nghiệp quốc tế tìm đến không chỉ để sản xuất, mà còn để mở rộng thị trường, kết nối chuỗi cung ứng và tìm kiếm các giá trị phát triển bền vững.

Tuy nhiên, cơ hội chỉ trở thành lợi thế khi được chuyển hóa bằng hành động cụ thể. Những thách thức về thể chế, chất lượng thực thi chính sách, năng lực cạnh tranh xanh và khả năng thu hút đầu tư giá trị cao vẫn là những rào cản cần được tháo gỡ quyết liệt hơn.

Từ thực tiễn kinh doanh, chúng tôi nhận thấy đã có **hai xu hướng** chuyển biến lớn như sau:

Đầu tiên, yêu cầu đổi mới mạnh mẽ về tư duy và hành động trong thu hút FDI

Môi trường đầu tư Việt Nam đang phục hồi tích cực sau đại dịch. Các nhà đầu tư nước ngoài thể hiện sự tin tưởng ngày càng lớn vào triển vọng phát triển dài hạn. Tuy nhiên, FDI thể hệ mới không chỉ tìm kiếm chi phí thấp, mà ưu tiên các quốc gia có môi trường minh bạch, năng lực kết nối chuỗi cung ứng nội địa, và cam kết phát triển bền vững.

Xu hướng chuyển dịch từ xuất khẩu sang phục vụ thị trường nội địa, từ sản xuất khối lượng lớn sang giá trị cao, đòi hỏi Việt Nam cần nâng cấp hạ tầng thể chế, nhân lực và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ hai, chuyển đổi xanh đã khởi động, nhưng cần bút phá về chính sách và thực thi

Kết quả điều tra PGI gần nhất của VCCI cho thấy nỗ lực của các địa phương trong cải thiện chất lượng môi trường kinh doanh xanh, khuyến khích doanh nghiệp thực hành xanh và tăng cường quản lý môi trường. Tuy nhiên, gánh nặng thủ tục hành chính, chi phí không chính thức và sự thiếu đồng bộ trong thực thi pháp luật vẫn cản trở tiến trình chuyển đổi.

Tỷ lệ doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động xanh ngày càng tăng, nhưng việc tiếp cận các nguồn lực, đặc biệt là tài chính xanh và tư vấn kỹ thuật, vẫn còn hạn chế, nhất là với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng một Việt Nam xanh, năng động và sẵn sàng trong kỷ nguyên mới, VCCI kiến nghị **ba nhóm giải pháp** trọng tâm như sau:

1. Cải cách thể chế để nâng cao chất lượng điều hành và thực thi chính sách

Trước hết, cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực then chốt như đầu tư, đất đai, môi trường và xây dựng. Việc số hóa toàn diện quy trình, công khai tiến độ xử lý và thiết lập cơ chế một cửa liên thông sẽ giúp giảm thiểu chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả phục vụ.

Song song đó, cần cải thiện hoạt động thanh tra, kiểm tra bằng cách áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, tránh chồng chéo giữa các cơ quan và giảm thiểu can thiệp không cần thiết. Việc công khai quy trình, tiêu chí và kết quả xử lý, cùng với triển khai hệ thống đánh giá độc lập sau kiểm tra, sẽ góp phần củng cố niềm tin và sự công bằng trong thực thi pháp luật.

Một nền tảng dữ liệu quốc gia thống nhất về doanh nghiệp và lịch sử tuân thủ cũng cần được xây dựng để phục vụ công tác quản lý, kết nối giữa các bộ, ngành và địa phương, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận chính sách thuận lợi hơn.

2. Thúc đẩy đầu tư và phát triển doanh nghiệp xanh

Việc hình thành một hệ sinh thái tài chính xanh hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy chuyển đổi xanh. Nhà nước cần phát triển thị trường tín chỉ các-bon, trái phiếu xanh, đồng thời tạo cơ chế bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tiếp cận các khoản vay xanh. Các ngân hàng thương mại nên được khuyến khích xây dựng danh mục sản phẩm tài chính xanh và áp dụng ưu đãi lãi suất phù hợp.

Cùng với đó, cần ban hành bộ tiêu chí quốc gia về dự án đầu tư xanh, làm cơ sở cho việc cấp phép, ưu đãi thuế, đất đai và tiếp cận vốn. Các dự án sử dụng công nghệ sạch, năng lượng tái tạo và sản xuất tuần hoàn cần được ưu tiên hỗ trợ.

Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, lực lượng chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế, cần có các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn chuyển đổi xanh, đào tạo về ESG và hỗ trợ chứng nhận môi trường. Mô hình “vườn ươm doanh nghiệp xanh” có thể được thí điểm tại các địa phương trọng điểm để tạo hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực xanh.

3. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền chủ động của chính quyền địa phương

Để chuyển đổi xanh được triển khai thực chất từ cơ sở, cần lồng ghép các chỉ số đánh giá như Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) vào công cụ điều hành và đánh giá hiệu quả quản lý của chính quyền địa phương. Việc công bố kế hoạch hành động xanh hàng năm, gắn với chỉ tiêu định lượng được, sẽ tạo động lực cải cách rõ ràng và minh bạch.

Đồng thời, cơ chế phân bổ ngân sách cần có yếu tố khuyến khích. Có thể thí điểm “ngân sách linh hoạt” hơn cho các địa phương có kết quả chuyển đổi xanh tích cực, nhằm tái đầu tư vào các sáng kiến cải thiện môi trường và hỗ trợ doanh nghiệp xanh.

Cuối cùng, để bảo đảm chính sách đi vào thực tiễn, các tỉnh nên thành lập tổ công tác chuyển đổi xanh với sự tham gia của đại diện doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, chuyên gia và chính quyền, qua đó thúc đẩy mô hình hợp tác công – tư hiệu quả và đồng thuận hơn trong hoạch định và thực thi chính sách.

Một Việt Nam xanh, năng động và sẵn sàng trong kỷ nguyên mới đòi hỏi tư duy cải cách mạnh mẽ, hành động quyết liệt và sự đồng hành thực chất giữa Nhà nước và doanh nghiệp.

VCCI cho rằng có ba trụ cột chính để định hình giai đoạn phát triển tiếp theo là:

- Thể chế minh bạch, công bằng, hiệu quả;
- Doanh nghiệp xanh, tài chính xanh, thị trường xanh;
- Chính quyền địa phương chủ động, có trách nhiệm và được trao quyền thực sự.

Chúng tôi tin rằng, với sự lãnh đạo nhất quán của Chính phủ, cùng sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và các đối tác phát triển, Việt Nam hoàn toàn có thể bứt phá trở thành hình mẫu quốc gia đang phát triển đi đầu trong chuyển đổi xanh và hội nhập bền vững.

Xin trân trọng cảm ơn!



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP ANH QUỐC TẠI VIỆT NAM

Nhân dịp Vương quốc Anh và Việt Nam **nâng cấp quan hệ song phương lên Đối tác Chiến lược Toàn diện**, BritCham khẳng định lại cam kết mạnh mẽ và lâu dài đối với hành trình phát triển bền vững và thịnh vượng của Việt Nam.

Các doanh nghiệp Anh là những đối tác tin cậy và lâu dài của Việt Nam. Chúng tôi chia sẻ khát vọng của Chính phủ về việc đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045, và tin tưởng rằng Vương quốc Anh có thể tiếp tục là đối tác quan trọng trong việc hiện thực hóa tầm nhìn đó.

Bản đề xuất chính sách này nêu bật những lĩnh vực hợp tác đang phát triển mạnh mẽ, đồng thời thể hiện tiềm năng to lớn để mở rộng và làm sâu sắc hơn nữa quan hệ hợp tác giữa hai bên.

Trung tâm Tài chính Quốc tế (IFC)

Cộng đồng doanh nghiệp Anh hoan nghênh tiến triển của Việt Nam trong việc phát triển Trung tâm Tài chính Quốc tế (IFC), một động lực giúp tăng cường năng lực cạnh tranh, thu hút nguồn vốn toàn cầu và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. IFC được thiết kế nhằm phát triển tài chính xanh, công nghệ tài chính, thị trường vốn và thương mại quốc tế, đồng thời đặt quản trị rủi ro là ưu tiên hàng đầu. Các doanh nghiệp Anh tự hào đã đóng góp và chia sẻ chuyên môn nhằm hỗ trợ quá trình này, trong đó có bao gồm dự án với tham gia cùng City UK.

Để IFC đạt được thành công, cần bảo đảm sự kết nối chặt chẽ với nền kinh tế Việt Nam nói chung, hỗ trợ xuất khẩu, chuyển đổi năng lượng và hưu trí, đồng thời tận dụng kinh nghiệm của UK. BritCham và các thành viên đề xuất:

- Cầu nối quy định London–Việt Nam: Điều chỉnh quy định của IFC theo chuẩn mực quốc tế, áp dụng hệ thống thông luật (common law), sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ làm việc, áp dụng Chuẩn mực Báo cáo và Vốn quốc tế, đồng thời bảo đảm quản trị minh bạch.
- Tận dụng các tổ chức tài chính hiện có: Huy động sự tham gia của các tổ chức Việt Nam và các định chế tài chính Anh có kinh nghiệm và cam kết đầu tư lâu dài.
- Đảm bảo tính bao trùm: Mở rộng các ưu đãi của IFC tới toàn bộ hệ sinh thái tài chính—bao gồm môi giới, tư vấn, kiểm toán, các cơ sở đào tạo và hiệp hội nghề nghiệp—để hỗ trợ mục tiêu phát triển quốc gia.
- Mở rộng cải cách ra phạm vi toàn nền kinh tế: Áp dụng các cải cách liên quan đến IFC như cải thiện quy định về giấy phép lao động và thuế thu nhập cá nhân để thúc đẩy đầu tư, đổi mới và tăng trưởng.

Giáo dục và Kỹ năng

Con người và nguồn nhân lực là nền tảng của phát triển bền vững. Vương quốc Anh có truyền thống lâu đời về chất lượng giáo dục xuất sắc, và các cơ sở đào tạo của Anh đã và đang hỗ trợ sinh viên, chuyên gia và doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng nhu cầu hiện tại cũng như tương lai.

Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ mục tiêu của Việt Nam trong việc đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai, điều này có ý nghĩa quan trọng đối với các lĩnh vực như du lịch, hàng không, tài chính và đầu tư nước ngoài. Các cải cách giáo dục nên khuyến khích tư duy sáng tạo, phản biện và kỹ năng làm việc nhóm trong nhà trường, đồng thời mở rộng hệ thống giáo dục nghề nghiệp với cơ chế tín chỉ linh hoạt và tăng cường liên kết với doanh nghiệp.

Trong giáo dục đại học và đào tạo nghề, việc hài hòa hóa chuẩn mực với quốc tế và tăng cường hợp tác với các trường đại học và tổ chức nghề nghiệp hàng đầu trên thế giới là rất cần thiết. Với các cải cách phù hợp, Việt Nam hoàn toàn có thể trở thành trung tâm giáo dục của khu vực, và các tổ chức Anh sẵn sàng đóng góp vào mục tiêu đó.

Phát triển Bền vững, ESG và Chuyển dịch Năng lượng

Phát triển bền vững cần đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược tăng trưởng của Việt Nam. Thịnh vượng kinh tế, phúc lợi xã hội và sức khỏe môi trường là ba yếu tố gắn bó chặt chẽ và cần được thúc đẩy đồng thời. Cam kết của Việt Nam tại COP26 về đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, Chiến lược Tăng trưởng Xanh Quốc gia và Quy hoạch điện VIII cho thấy tầm nhìn mạnh mẽ và cam kết của Chính phủ.

Để đạt được các mục tiêu này, Việt Nam cần huy động lượng vốn đầu tư rất lớn — hơn 136 tỷ USD cho hạ tầng điện và truyền tải giai đoạn 2026–2030, vượt xa khả năng ngân sách công. Do đó, khu vực tư nhân đóng vai trò then chốt, thông qua các khoản vay xanh, trái phiếu bền vững và cơ chế tài chính kết hợp. Sáng kiến Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Công bằng (JETP) mở ra cơ hội lớn để thu hút nguồn vốn quy mô lớn.

Tuy nhiên, vẫn còn một số thách thức, bao gồm: chưa có hệ thống phân loại tài chính xanh toàn diện, yêu cầu báo cáo ESG còn hạn chế, và thiếu chính sách ưu đãi cho tín dụng xanh. BritCham kiến nghị:

- Ban hành quy định rõ ràng và hệ thống phân loại quốc gia về tài chính xanh.
- Tăng cường yêu cầu công bố ESG phù hợp với chuẩn mực quốc tế, có cơ chế thẩm định độc lập.
- Thiết lập các quỹ bảo lãnh tín dụng hoặc hỗ trợ để giảm thiểu rủi ro trong cho vay xanh.
- Mở rộng ưu đãi cho các dự án kinh tế tuần hoàn và tín dụng xanh.

Y tế và An sinh Xã hội

Ngành y tế Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể, được củng cố bởi các văn bản pháp luật mới và các Nghị quyết 57, 66, và 68. Với hơn 93% dân số có bảo hiểm y tế toàn dân, Việt Nam hiện là quốc gia dẫn đầu khu vực về khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Bên cạnh đó, hệ thống y tế đang được nâng cao nhờ đẩy mạnh sản xuất trong nước, nghiên cứu lâm sàng và chuyển đổi số. Các sáng kiến y tế thông minh và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đã giúp phát hiện sớm bệnh tật và cải thiện kết quả điều trị. Đáng chú ý, nhận thức về mối liên hệ giữa sức khỏe con người và môi trường đang thúc đẩy các dự án đổi mới sáng tạo gắn kết giữa y tế và phát triển bền vững.

Trong tương lai, việc đơn giản hóa quy trình quản lý, triển khai Luật Dược mới, mở rộng cơ chế chi trả bảo hiểm, và khuyến khích đổi mới sáng tạo sẽ là yếu tố then chốt để đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận các liệu pháp tiên tiến. BritCham và các thành viên luôn cam kết đồng hành trong việc xây dựng một hệ thống y tế công bằng, bền vững và hiệu quả.

Chuyển đổi Số và Đổi mới Sáng tạo

Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ ấn tượng trong phát triển kinh tế số. Kinh nghiệm của Vương quốc Anh trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, công nghệ tài chính và an ninh mạng có thể hỗ trợ Việt Nam đẩy nhanh quá trình này, thể hiện qua các hợp tác gần đây như Biên bản Ghi nhớ với Trung tâm Chuyển đổi Số Thành phố Hồ Chí Minh.

Để nền kinh tế số phát triển mạnh mẽ, cần có khung pháp lý rõ ràng, ổn định và hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Song song đó, việc đào tạo kỹ năng số cho lực lượng lao động là điều kiện thiết yếu để Việt Nam tận dụng cơ hội của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.

Thương mại và Đầu tư

Quan hệ kinh tế Anh – Việt tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, với tổng kim ngạch thương mại hàng hóa và dịch vụ đạt 9 tỷ bảng Anh trong 4 quý tính đến hết Quý I năm 2025 — tăng 30,8% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này phản ánh nền tảng vững chắc được tạo nên từ Hiệp định Thương mại Tự do Anh – Việt (UKVFTA) và việc Vương quốc Anh gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

Tuy nhiên, các doanh nghiệp Anh vẫn gặp phải nhiều rào cản phi thuế quan ảnh hưởng đến chi phí và hiệu quả kinh doanh, bao gồm:

- Rào cản kỹ thuật trong thương mại: Tất cả thiết bị CNTT và viễn thông đều phải kiểm định tại Việt Nam theo Thông tư 11/2020/TT-BTTTT, ngay cả khi đã đạt chuẩn CE hoặc UKCA. Việc công nhận lẫn nhau các đánh giá phù hợp sẽ giúp giảm chi phí và thủ tục trùng lặp.
- Biện pháp kiểm dịch động thực vật : Các nhà xuất khẩu thịt, sữa và thực phẩm chế biến của Anh vẫn phải trải qua quy trình xét duyệt cơ sở kéo dài, kiểm nghiệm lặp lại và xét nghiệm trong nước, dù đã có chứng nhận tương đương tại Anh/EU.
- Thủ tục hải quan và hành chính: Việc diễn giải không thống nhất về quy tắc xuất xứ và cập nhật giá tham chiếu đột ngột gây ra sự không chắc chắn cho doanh nghiệp.
- Cấp phép và đăng ký sản phẩm: Quy trình phê duyệt thuốc và thiết bị y tế còn kéo dài, chưa số hóa và thiếu cơ chế công nhận lẫn nhau.

BritCham kiến nghị Chính phủ Việt Nam tăng cường tính minh bạch, hài hòa hóa tiêu chuẩn với thông lệ quốc tế, và mở rộng cơ chế chứng nhận điện tử để tạo thuận lợi cho thương mại. Chúng tôi cũng cho rằng các rào cản phi thuế quan cần được thảo luận sâu hơn trong chương trình chính sách thương mại song phương.

Để thu hút thêm đầu tư chất lượng cao, BritCham khuyến nghị đẩy mạnh các cải cách thực tế: từng bước loại bỏ kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT), đơn giản hóa thủ tục thông qua Công ước Apostille, và cải thiện môi trường kinh doanh tổng thể.

Các giải pháp cụ thể bao gồm: đơn giản hóa thủ tục cấp giấy phép kinh doanh, đảm bảo tính thống nhất giữa quy định trung ương và địa phương, mở rộng miễn thị thực, cấp visa dài hạn hơn và tận dụng các hiệp ước quốc tế để giảm chi phí tuân thủ. Những bước đi này sẽ củng cố vị thế của Việt Nam như một điểm đến đầu tư hàng đầu khu vực.

Kết luận

Trên các lĩnh vực tài chính, giáo dục, phát triển bền vững, y tế, đổi mới sáng tạo, thương mại và đầu tư, các doanh nghiệp Anh luôn cam kết là đối tác lâu dài của Việt Nam. Chúng tôi nhân mạnh tinh thần lạc quan và cam kết mạnh mẽ của các doanh nghiệp Anh đang hoạt động tại Việt Nam, cũng như những doanh nghiệp đang mong muốn gia nhập thị trường.

Vương quốc Anh và Việt Nam có thể cùng xây dựng một mối quan hệ đối tác hiện đại, linh hoạt và phù hợp với thế kỷ 21 - một mối quan hệ mang lại thịnh vượng cho cả hai quốc gia và cơ hội cho người dân, được hỗ trợ bởi môi trường chính sách thuận lợi, tạo điều kiện cho đầu tư tư nhân và nước ngoài phát triển.



BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM

Kính thưa Ngài Thủ tướng, Lãnh đạo các Bộ ngành, và Quý vị đại biểu,

Trước hết, cho phép tôi bày tỏ lòng cảm ơn chân thành tới Chính phủ Việt Nam đã tổ chức buổi đối thoại ngày hôm nay – một dịp ý nghĩa để chúng ta cùng nhìn lại chặng đường đã qua, cùng trao đổi thẳng thắn và củng cố hành trình chung hướng tới khả năng phục hồi, chuyển đổi và phát triển bền vững.

Năm nay đánh dấu một cột mốc quan trọng đối với Việt Nam – một quốc gia không chỉ đang phát triển mà đang chuyển mình mạnh mẽ. Từ việc tái cơ cấu bộ máy nhà nước và sáp nhập các địa phương, đến đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và thúc đẩy tăng trưởng xanh – Việt Nam đang cho thấy ý chí, năng lực và tầm nhìn cần thiết để tái định hình vị thế của mình như một điểm đến đầu tư cạnh tranh và bền vững trong thế kỷ 21.

Đây cũng là năm của những dấu ấn đặc biệt: **35 năm thiết lập quan hệ ngoại giao EU–Việt Nam** và **5 năm thực thi Hiệp định Thương mại Tự do EU–Việt Nam (EVFTA)** – một hiệp định mang tính bước ngoặt, mở ra chương mới trong hợp tác giữa hai khu vực. Những thành tựu này nhắc nhở chúng ta rằng câu chuyện của Việt Nam là câu chuyện về sự chuyển mình – từ một nền kinh tế nông nghiệp, nổi tiếng với sản lượng gạo cho bữa cơm hàng ngày và hạt cà phê cho mỗi buổi sáng mới, trở thành **một trung tâm sản xuất, công nghệ và đổi mới của khu vực**.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu biến động, trọng tâm phát triển cũng đang thay đổi. Bán thân Liên minh châu Âu đang trong giai đoạn củng cố năng lực cạnh tranh, thích ứng với các động lực thương mại mới và tìm kiếm những đối tác đáng tin cậy. Và trong bức tranh đó, **Việt Nam nổi bật như một đối tác chiến lược, được lựa chọn bởi tầm nhìn, sự kiên định và khát vọng phát triển dài hạn.**

Hiện nay, EU là **đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam**. Sau 5 năm thực thi EVFTA, kim ngạch thương mại song phương đã tăng 40%, khoảng **300 tỷ USD** – một nền tảng vững chắc cho giai đoạn hợp tác tiếp theo. Nhưng câu hỏi đặt ra là: chúng ta sẽ làm gì tiếp theo để có thể tăng trưởng cấp số nhân thành công này trong 5 năm tới, khi cả hai khu vực đều đang tái định hình chiến lược phát triển của mình trong thời đại mới?

Tại EuroCham, chúng tôi tin rằng **trải nghiệm đầu tiên của mỗi nhà đầu tư tại Việt Nam phải thực sự suôn sẻ và tích cực**. Đó là lý do chúng tôi đã giới thiệu những “**Trận chiến Phải Thắng – Ưu tiên Chiến lược**” nhằm giúp Việt Nam tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút FDI và cải thiện môi trường kinh doanh.

Những thủ tục tưởng chừng là “hành chính” như **thị thực, giấy phép lao động hay thủ tục nhập cảnh** thực chất là cái bắt tay đầu tiên của Việt Nam với nhà đầu tư. Nếu cái bắt tay đó

vững vàng và thân thiện, nhà đầu tư sẽ không chỉ mang vốn, mà còn mang niềm tin, nhân lực và công nghệ tới đây.

Các vấn đề như **hoàn thuế GTGT, thủ tục thông quan, quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ** cũng là những mấu chốt quyết định khả năng vận hành, mở rộng và tạo dựng niềm tin của nhà đầu tư. Một doanh nghiệp phải chờ đợi quá lâu để hoàn thuế, hoặc đối mặt với rủi ro pháp lý về đất đai, sẽ khó lòng quyết định mở rộng quy mô đầu tư.

Chúng tôi ghi nhận và đánh giá cao **tốc độ cải cách mạnh mẽ của Việt Nam** trong thời gian qua – một tốc độ ấn tượng hiếm thấy. Tuy nhiên, đi nhanh đôi khi đi kèm thách thức. Một số luật và quy định được ban hành nhanh đến mức **ngay cả các doanh nghiệp nước ngoài năng động nhất cũng gặp khó khăn trong việc cập nhật và tuân thủ.**

Trong giai đoạn chuyển đổi này, EuroCham khuyến nghị Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh đơn giản hóa quy trình, và quan trọng hơn, bảo đảm thực thi nhất quán trên toàn quốc. Chúng tôi tự hào đóng vai trò đối tác xây dựng trong quá trình đó – thông qua 20 Tiểu ban ngành nghề, đại diện cho các lĩnh vực từ năng lượng, y tế, logistics, tới chuyển đổi số – nơi chúng tôi cung cấp phân tích chính sách chuyên sâu, đề xuất thực tế và chia sẻ các thông lệ tốt nhất của châu Âu.

Sự hợp tác luôn là nền tảng trong mọi nỗ lực của chúng tôi – bởi chúng ta cùng chung một mục tiêu: giúp Việt Nam phát triển nhanh hơn, xanh hơn và bền vững hơn.

Cho phép tôi chia sẻ thêm một vài “Trận chiến Phải Thắng – Ưu tiên Chiến lược” cụ thể mà các Tiểu ban ngành nghề của EuroCham đang tập trung trong năm nay:

Trong lĩnh vực **Tăng trưởng xanh và Xây dựng**, Việt Nam có cơ hội để dẫn đầu khu vực. Hình ảnh đồng bào miền Trung phải sống chung với nước lũ, hay các hiện tượng thời tiết cực đoan tại Hà Nội, là lời nhắc rằng bền vững không phải khái niệm trừu tượng mà là hành động bảo vệ cuộc sống. **Tích hợp hạ tầng xanh vào quy hoạch đô thị** giúp các thành phố “tự điều chỉnh”: hút nước khi lũ, giảm nhiệt đô thị và nâng cao chất lượng sống — như kinh nghiệm tại Copenhagen hay Rotterdam. Chúng tôi đề xuất ban hành **quy chuẩn xây dựng xanh quốc gia, tiêu chuẩn bền vững bắt buộc và cơ chế ưu đãi** (tín dụng thuế, vay ưu đãi, quỹ hỗ trợ) để khuyến khích những nhà tiên phong áp dụng sớm. Những bước này không chỉ đồng bộ với tiêu chuẩn quốc tế mà còn thu hút nhà đầu tư tìm kiếm dự án bền vững, sẵn sàng cho tương lai.

Trong lĩnh vực **Tài chính Bền vững**, chúng tôi tập trung vào việc biến tham vọng thành hành động. Đối với nhiều doanh nghiệp, ý chí giảm thiểu carbon đã có – nhưng các cơ chế tài chính vẫn chưa được tiếp cận. Đó là lý do tại sao chúng tôi khuyến khích phát triển các công cụ đổi mới như Thư Tín dụng Xanh và Bảo hiểm Tín dụng Thương mại Xanh, giúp cho tính bền vững trở nên khả thi. Chúng tôi cũng nhận thấy tiềm năng to lớn trong quan hệ đối tác giữa các tổ chức địa phương và châu Âu để thí điểm các mô hình cho vay liên kết với ESG, nơi các công ty đáp ứng các mục tiêu bền vững sẽ nhận được nguồn tài chính ưu đãi. Những công cụ này trao quyền cho các doanh nghiệp chuyển đổi trách nhiệm môi trường thành nguồn lực phục hồi và khả năng cạnh tranh lâu dài.

Trong lĩnh vực **Giao thông**, cam kết Không phát thải ròng vào năm 2050 của Việt Nam là một tầm nhìn xa – và vô cùng cần thiết. Bất kỳ ai đã sống ở Việt Nam đủ lâu đều có thể thấy

sự thay đổi về chất lượng không khí ở các khu vực đô thị. Quyết tâm của Chính phủ trong việc thúc đẩy giao thông sạch hơn vừa đáng khen ngợi vừa cấp bách. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy rằng quá trình chuyển đổi ở quy mô này rất phức tạp. Từ kinh nghiệm của chính châu Âu, chúng tôi biết rằng tiến trình diễn ra từng bước một. Đó là lý do tại sao chúng tôi khuyến nghị thúc đẩy **xe hybrid cắm sạc (PHEV)** như một cầu nối hướng tới điện khí hóa hoàn toàn – xây dựng khối lượng thị trường ban đầu, củng cố niềm tin của nhà đầu tư và cho phép triển khai cơ sở hạ tầng sạc xe điện một cách suôn sẻ hơn. Đồng thời, việc hợp tác với các đối tác công nghệ châu Âu có thể giúp Việt Nam thí điểm các **khu vực lưu thông thông minh – tích hợp giao thông công cộng, xe điện và quản lý giao thông dựa trên dữ liệu** để tạo ra những thành phố sạch hơn, an toàn hơn và đáng sống hơn.

Trong lĩnh vực **Y tế**, đặc biệt là **Dược phẩm** và **Thiết bị Y tế**, hoạt động vận động của chúng tôi tiếp tục tập trung vào sức khỏe của người dân. Chúng tôi ủng hộ Luật Dược sửa đổi, bao gồm các điều khoản cho phép **tiếp cận nhanh hơn với các loại thuốc tiên tiến**, đảm bảo bệnh nhân Việt Nam được hưởng lợi từ những tiến bộ y tế mới nhất mà không bị chậm trễ. Đối với thiết bị y tế, chúng tôi đề xuất cải cách mua sắm tập trung vào **giá trị và chất lượng – công thức 40:30:30** – 40% đánh giá kỹ thuật, 30% dịch vụ hậu mãi và 30% giá cả. Mô hình này, lấy cảm hứng từ các hệ thống thành công của châu Âu, đảm bảo rằng việc mua sắm ưu tiên an toàn, độ tin cậy và hiệu quả – để các bệnh viện có thể mang lại kết quả tốt hơn và bệnh nhân có thể nhận được dịch vụ chăm sóc đẳng cấp thế giới khi họ cần nhất.

Cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam có thể chưa phải là nhà đầu tư lớn nhất về quy mô, nhưng chúng tôi là nhà đầu tư của tầm nhìn, của giá trị và của sự bền vững. Chúng tôi không tìm kiếm lợi ích ngắn hạn, mà xây dựng những **quan hệ đối tác lâu dài**, ý nghĩa, đôi bên cùng có lợi.

Chúng tôi tin rằng **tăng trưởng kinh tế có thể – và phải – bền vững**. Tăng trưởng không nên đánh đổi bằng nguồn tài nguyên hữu hạn của hành tinh này. Triết lý **“chuyển đổi kép”** – song hành chuyển đổi xanh và chuyển đổi số – chính là kim chỉ nam cho hợp tác giữa châu Âu và Việt Nam.

Và với tinh thần đó, tôi xin trân trọng kính mời Ngài Thủ tướng và Quý Lãnh đạo Bộ, ngành cùng tham dự **Diễn đàn Kinh tế Xanh (GEF 2025)** do EuroCham tổ chức tại Hà Nội vào ngày 27 tháng 11, với chủ đề **“Tiên phong Đổi mới – Kiến tạo Tương lai”**. Diễn đàn sẽ quy tụ các nhà hoạch định chính sách, lãnh đạo doanh nghiệp và chuyên gia đổi mới từ châu Âu và Việt Nam để cùng thảo luận cách khoa học, công nghệ và quan hệ đối tác có thể dẫn dắt tăng trưởng bền vững – không chỉ cho Việt Nam mà cho toàn khu vực.

Trong kỷ nguyên trời dậy của Việt Nam, tôi tin rằng với sự hợp tác, sáng suốt và bản lĩnh, đất nước này sẽ không chỉ là trung tâm sản xuất của châu Á, mà sẽ trở thành hình mẫu cho một nền kinh tế xanh, số hóa và bao trùm – nơi lợi ích kinh tế và trách nhiệm bền vững cùng song hành.

Xin trân trọng cảm ơn.

BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
1.	Tiểu ban Xây dựng	1. Quy định và Chính sách khuyến khích phát triển bền vững trong xây dựng Những thách thức hiện tại: i. Thiếu các quy định bắt buộc và tiêu chuẩn quốc gia thống nhất về công trình xanh. ii. Chi phí ban đầu cao đối với xây dựng công trình xanh là rào cản cho các nhà đầu tư. Khuyến nghị: i. Đưa ra các yêu cầu bắt buộc về tính bền vững trong Luật Bảo vệ môi trường và Luật Xây dựng, tập trung vào công nghệ tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo và tiết kiệm nước. ii. Xây dựng các tiêu chuẩn công trình xanh thống nhất. iii. Cung cấp các ưu đãi tài chính như tín dụng thuế, trợ cấp hoặc cho vay lãi suất thấp để giảm chi phí trả trước và khuyến khích đầu tư vào các dự án công trình xanh.	• Bộ Xây dựng (BXD) • Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Bộ NN&MT)
		2. Sáng kiến về tổ chức cơ sở dữ liệu, đổi mới sáng tạo và công nhận chứng chỉ nước ngoài Những thách thức hiện tại: i. Cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và quy chuẩn quốc gia (QCVN) cho lĩnh vực xây dựng không được cập nhật thường xuyên và thiếu phân loại theo cấp xây dựng hoặc giai đoạn quy trình. ii. Luật Khoa học và Công nghệ có nguyên tắc chung khuyến khích đổi mới sáng tạo, nhưng chưa có hướng dẫn chi tiết hoặc ưu đãi cụ thể cho hoạt động	• Bộ Xây dựng (BXD) • Bộ Khoa học và Công nghệ (BKH&CN)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		đổi mới sáng tạo. iii. Công thông tin đấu thầu điện tử quốc gia chủ yếu bằng tiếng Việt, và mặc dù có chức năng tiếng Anh, nhưng không phải tất cả nội dung đều được dịch chính xác hoặc có sẵn bằng tiếng Anh. iv. Không có cơ sở dữ liệu toàn diện và chức năng để xác minh lịch sử các dự án của nhà thầu. Khuyến nghị: i. Thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn xây dựng và giới thiệu các tiêu chí tìm kiếm nâng cao để điều hướng và phân loại tốt hơn. ii. Cung cấp hướng dẫn về các ưu đãi cụ thể cho đổi mới, chẳng hạn như ưu đãi thuế hoặc hỗ trợ tài chính. iii. Tăng cường chức năng tiếng anh của cổng thông tin đấu thầu điện tử quốc gia và đảm bảo rằng tất cả nội dung đều được dịch chính xác và dễ truy cập. iv. Thiết lập khung pháp lý tập trung cho cơ sở dữ liệu ghi lại và xác minh các dự án lịch sử của nhà thầu.	
		3. Thúc đẩy áp dụng các tiêu chuẩn Eurocodes vào tiêu chuẩn quốc gia tại Việt Nam Những thách thức hiện tại: i. BXD đã phê duyệt kế hoạch xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia theo Eurocodes, nhưng không có mốc thời gian cụ thể cho việc phê duyệt dự thảo. Khuyến nghị: i. Ưu tiên ban hành các tiêu chuẩn quốc gia chính	Bộ Xây dựng (BXD)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		thức dựa trên Eurocodes. 4. Quy định về chiều cao kệ trong khu vực lưu trữ và kho bãi Những thách thức hiện tại: i. Không có quy định rõ ràng về chiều cao tối đa cho phép đối với kệ và giá đỡ trong khu vực lưu trữ nhằm tuân thủ các yêu cầu an toàn cháy nổ. Khuyến nghị: i. Ban hành hướng dẫn thống nhất về giới hạn chiều cao giá đỡ và khoảng trống trần tối thiểu. ii. Chỉ định ngưỡng cải tạo yêu cầu thẩm định lại an toàn phòng cháy chữa cháy.	Bộ Xây dựng (BXD)
2.	CropLife Việt Nam	1. Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch Thực vật, Luật Đa dạng sinh học Những thách thức hiện tại: i. Bộ NN&MT đang kêu gọi cho ý kiến về Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số quy định của 16 Luật, bao gồm Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch Thực vật, Luật Đa dạng sinh học. Khuyến nghị: i. Xây dựng khung pháp lý rõ ràng về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các giống cây trồng, đăng ký chỉnh sửa/biến đổi gen và các quy định xuất nhập khẩu. ii. Đánh giá thuốc bảo vệ thực vật dựa trên quy trình đánh giá rủi ro, làm rõ các quy định đăng ký thuốc bảo vệ thực vật và tính gọn các thủ tục	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Bộ NN&MT)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		hành chính để nâng cao độ chính xác, nhất quán và đổi mới trong quy định về thuốc bảo vệ thực vật. iii. Làm rõ định nghĩa về sinh vật biến đổi gen dựa trên khoa học và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế.	
		2. Dự thảo Tiêu chuẩn Quốc gia về khảo nghiệm DUS và VCU đối với giống ngô Những thách thức hiện tại: i. Tiêu chuẩn Quốc gia hiện hành về khảo nghiệm DUS và VCU đối với giống ngô cần sửa đổi để phù hợp hơn với điều kiện thực tế và các cam kết quốc tế của Việt Nam. Khuyến nghị: i. Bổ sung và làm rõ cách mô tả tính trạng kháng sâu bộ cánh vảy trong khảo nghiệm DUS. ii. Bổ sung phương pháp đánh giá bằng chỉ thị phân tử trong những khảo nghiệm về DUS. iii. Điều chỉnh cấu trúc và nội dung phân nhóm giống có đặc tính kháng trong khảo nghiệm VCU nhằm phản ánh chính xác tính đa dạng của giống hiện nay. iv. Rà soát lại việc phân vùng khảo nghiệm và số lượng điểm khảo nghiệm cho phù hợp với tình hình sản xuất thực tế và định hướng cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay. v. Sửa lỗi thuật ngữ, kỹ thuật trong các mô tả chuyên môn, đảm bảo tính chính xác và nhất quán trong toàn bộ văn bản.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Bộ NN&MT)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
3.	Tiểu ban Mỹ phẩm	1. Nhiều yêu cầu hành chính hơn cho Hồ sơ Công bố mỹ phẩm Những thách thức hiện tại: Tăng yêu cầu giấy tờ hành chính trong Hồ sơ công bố mỹ phẩm, bao gồm: Dự thảo yêu cầu nộp nhiều giấy tờ trong Hồ sơ Công bố mỹ phẩm như Giấy chứng nhận Thực hành tốt sản xuất mỹ phẩm CGMP/ISO 22716, Giấy chứng nhận lưu hành tự do CFS, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, phiếu kết quả kiểm nghiệm. Tăng gánh nặng hành chính và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, không phù hợp với chủ trương đơn giản hóa thủ tục của Chính phủ và tinh thần Hiệp định Hòa hợp Mỹ phẩm ASEAN. Chồng chéo quy định: yêu cầu nộp Tiêu chuẩn chất lượng và Phiếu kiểm nghiệm trong khi các giấy tờ này vốn đã thuộc Hồ sơ thông tin sản phẩm PIF hoặc đã phải công bố theo Luật Tiêu chuẩn & Quy chuẩn kỹ thuật. Yêu cầu kép CGMP/ISO 22716 và CFS cho mỹ phẩm nhập khẩu, tạo áp lực không cần thiết. Trong khi mỹ phẩm từ CPTPP/ASEAN đã được miễn hoặc thay thế CFS, thì mỹ phẩm từ EU vẫn bị yêu cầu, không đúng tinh thần các cam kết trong EVFTA. Hệ quả: kéo dài thời gian đưa sản phẩm chính hãng ra thị trường (chậm hơn 4–6 tháng so với khu vực), tạo kẽ hở cho hàng giả, hàng lậu. Khuyến nghị: Cắt giảm thủ tục tiền kiểm: không yêu cầu nộp Tiêu chuẩn chất lượng và Phiếu kiểm nghiệm cho tất cả mỹ phẩm; tập trung nguồn lực vào kiểm tra hậu kiểm (thường kỳ, đột xuất), xử lý nghiêm các vi phạm.	- Cục Quản lý Dược (CQLD) thuộc Bộ Y tế (BYT) - Vụ Pháp chế (VPC) thuộc Bộ Y tế (BYT) - Bộ Tư pháp (BTP) - Văn phòng Chính phủ (VPCP)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		ii. Gỡ bỏ yêu cầu CFS cho mỹ phẩm nhập khẩu từ EU, bổ sung điều khoản miễn trừ: nếu cơ sở sản xuất đã có Giấy chứng nhận CGMP hoặc ISO 22716 hoặc tương đương thì không phải nộp CFS, nhằm đảm bảo phù hợp với cam kết EVFTA.	
		2. Nhiều yêu cầu về thủ tục hành chính sau công bố Những thách thức hiện tại: i. Yêu cầu nộp PIF trong 3 tháng sau công bố: - PIF chứa thông tin chi tiết, nhiều dữ liệu bí mật kinh doanh, rủi ro rò rỉ. - Khối lượng hồ sơ rất lớn (hàng trăm – nghìn trang/sản phẩm), gây áp lực nặng nề cho cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý. - Khi phân cấp tiếp nhận hồ sơ về Sở Y tế, việc thêm PIF sẽ vượt quá năng lực xử lý và làm giảm hiệu quả thanh kiểm tra thực tế. - Không phù hợp với Hiệp định Hòa hợp Mỹ phẩm ASEAN (chỉ yêu cầu doanh nghiệp lưu giữ và xuất trình khi kiểm tra, không phải nộp trước). ii. Yêu cầu gửi mẫu sản phẩm, tiêu chuẩn chất lượng và phương pháp kiểm nghiệm đến cơ sở kiểm nghiệm: - Gây chòng chéo với nhiều quy định khác (tiêu chuẩn đã công bố, đã có trong hồ sơ công bố, và trong PIF). - Không đảm bảo tính khách quan vì mẫu do doanh nghiệp cung cấp, thay vì cơ sở kiểm nghiệm lấy ngẫu nhiên từ thị trường. Khuyến nghị:	- Cục Quản lý Dược (CQLD) thuộc Bộ Y tế (BYT) - Vụ Pháp chế (VPC) thuộc Bộ Y tế (BYT) - Bộ Tư pháp (BTP) - Văn phòng Chính phủ (VPCP)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		i. Không bổ sung thêm thủ tục hành chính sau công bố. ii. Tập trung nguồn lực vào hậu kiểm trên thị trường: cơ quan kiểm nghiệm lấy mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra, đảm bảo tính khách quan và hiệu quả quản lý.	
		3. Yêu cầu dán nhãn Những thách thức hiện tại: i. Ghi nhãn điện tử: - Chỉ được phép khi bao bì không đủ diện tích, gây khó áp dụng thực tế. - Doanh nghiệp phải làm nhiều mẫu nhãn cho cùng một sản phẩm (tùy kích cỡ), tăng chi phí thiết kế, giảm hiệu quả kinh doanh. - Bất lợi hơn so với quy định ghi nhãn điện tử ở hàng hóa khác (TT 18/2022/TT-BKHCN cho phép tự chọn điện tử/vật lý). ii. Thêm nhiều thông tin bắt buộc trên nhãn: - So với quy định hiện hành và ASEAN, Dự thảo yêu cầu thêm: tên, địa chỉ cơ sở sản xuất; tiêu chuẩn chất lượng; mã số công bố; khoảng thời gian sử dụng sau mở nắp. - Tạo bất lợi cho thiết kế bao bì, làm sản phẩm tại Việt Nam khác biệt so với các thị trường khác. - Yêu cầu ghi tiêu chuẩn chất lượng trên nhãn không thực tế, thiếu ý nghĩa với người tiêu dùng, tốn diện tích. - Yêu cầu ghi mã số công bố có nguy cơ không phù hợp với cam kết CPTPP. iii. Không có điều khoản chuyển tiếp:	- Cục Quản lý Dược (CQLD) thuộc Bộ Y tế (BYT) - Vụ Pháp chế (VPC) thuộc Bộ Y tế (BYT) - Bộ Tư pháp (BTP) - Văn phòng Chính phủ (VPCP)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		- Thay đổi quy định ghi nhãn tác động lớn, gây chi phí tuân thủ khổng lồ. - Thiếu lộ trình chuyển tiếp có thể gây xáo trộn, tương tự như đã từng có với Nghị định 111/2021/NĐ-CP.. Khuyến nghị: - Cho phép doanh nghiệp chủ động lựa chọn giữa ghi nhãn điện tử hoặc nhãn vật lý, không giới hạn bởi diện tích bao bì. - Gỡ bỏ các yêu cầu ghi nhãn không cần thiết, đặc biệt là yêu cầu ghi tiêu chuẩn chất lượng. - Bổ sung điều khoản chuyển tiếp cho thay đổi ghi nhãn, tham khảo mô hình của Nghị định 111/2021/NĐ-CP, để giảm gánh nặng và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.	

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		4. Yêu cầu lưu mẫu sản phẩm Những thách thức hiện nay i. Yêu cầu lưu mẫu tại Việt Nam: - Doanh nghiệp nhập khẩu đã có thể lưu mẫu tại kho của cơ sở sản xuất ở nước ngoài, không cần thiết phải đầu tư thêm kho tại Việt Nam. - Số lượng mẫu đủ cho 3 lần kiểm nghiệm tất cả chỉ tiêu rất lớn, gây chi phí kho bãi, hậu cần, nhân sự khổng lồ. ii. Thời hạn 7 ngày để cung cấp mẫu: - Không thực tế khi vận chuyển mẫu từ châu Âu, châu Mỹ về Việt Nam. - Trường hợp mã số công bố đã hết hiệu lực nhưng sản phẩm còn hạn dùng, việc xin đơn hàng nhập khẩu và chờ phê duyệt cũng mất thời gian, không đáp ứng được quy định 7 ngày. iii. Chồng chéo lưu mẫu trong nước: Yêu cầu cả doanh nghiệp công bố và cơ sở sản xuất trong nước đều phải lưu mẫu, tạo trùng lặp, gấp đôi chi phí tuân thủ. Khuyến nghị: - Không yêu cầu doanh nghiệp công bố phải trực tiếp lưu mẫu. - Doanh nghiệp công bố chỉ cần phối hợp với cơ sở sản xuất để cung cấp mẫu trong vòng 30 ngày khi có yêu cầu từ cơ quan quản lý.	- Cục Quản lý Dược (CQLD) thuộc Bộ Y tế (BYT) - Vụ Pháp chế (VPC) thuộc Bộ Y tế (BYT) - Bộ Tư pháp (BTP) - Văn phòng Chính phủ (VPCP)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
4.	Tiểu ban Kỹ thuật số	1. Thiết lập khung pháp lý minh bạch, thân thiện với doanh nghiệp về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu tại Việt Nam Thách thức hiện nay: i. Gánh nặng tuân thủ ngày càng gia tăng, với các yêu cầu khắt khe (ví dụ: đánh giá tác động dữ liệu – DPIA, đánh giá chuyển giao quốc tế – TIA, lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam), dẫn đến chi phí vận hành cao hơn cho doanh nghiệp. ii. Một số quy định trong Luật Dữ liệu mới được phê duyệt chưa tương thích với GDPR của EU và các thông lệ quốc tế, có thể cản trở dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới cũng như làm suy giảm sức hấp dẫn của Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài. Khuyến nghị: i. Ban hành hướng dẫn chi tiết, nhất quán về việc thực hiện DPIA và các thủ tục liên quan. ii. Đảm bảo mức độ tương thích cao nhất có thể với GDPR và các chuẩn mực quốc tế; đồng thời chỉ định đầu mối hỗ trợ để giải quyết kịp thời các điểm chồng chéo hoặc xung đột pháp lý.	• Bộ Công an (BCA) • Bộ Khoa học và Công nghệ (BKH&CN) • Văn phòng Chính phủ (VPCP) • Bộ Tư pháp (BTP)
		2. Đặt nền móng cho ngành công nghiệp bán dẫn phát triển mạnh tại Việt Nam Mục tiêu: i. Nhằm đưa Việt Nam trở thành một trung tâm sản xuất chất bán dẫn cạnh tranh toàn cầu. Khuyến nghị: ii. Nhanh chóng phát triển lực lượng lao động lành nghề gồm 50.000 chuyên gia bán dẫn vào năm 2030.	• Bộ Tài chính (BTC) • Bộ Khoa học và Công nghệ (BKH&CN)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		iii. Yêu cầu đầu tư đáng kể vào cơ sở hạ tầng và cơ sở nghiên cứu hiện đại. iv. Áp dụng các công nghệ bán dẫn tiên tiến. v. Phù hợp với các tiêu chuẩn bảo vệ dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ và phát triển bền vững của EU. vi. Thiết lập quan hệ đối tác với các tổ chức hàng đầu châu Âu về chuyển giao tri thức, hình thành quan hệ đối tác kỹ thuật số với EU tương tự như Singapore và Hàn Quốc.	
5.	Tiểu ban nông nghiệp, thực phẩm và nuôi trồng thủy sản	1. Nông nghiệp Việt Nam cần nâng cấp xanh Những thách thức hiện tại: Ngành nông nghiệp Việt Nam đang phải vật lộn để đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về an toàn, môi trường và chất lượng quốc tế, cản trở xuất khẩu và tính bền vững lâu dài. i. Chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản: kiểm soát dịch bệnh, quản lý môi trường, chuỗi giá trị kém hiệu quả, lạm dụng protein thô trong thức ăn, thiếu truy xuất nguồn gốc và thực hành tiêu chuẩn. ii. Sản xuất cây trồng: dư lượng thuốc trừ sâu, sản phẩm giả, phụ thuộc quá nhiều vào phân bón hóa học, phát thải khí nhà kính cao từ nhập khẩu phân bón và ủ phân không bền vững. Khuyến nghị: i. Đóng cửa chợ động vật sống, chuyển sang các lò mổ có kiểm soát, thực hiện phân chia dịch bệnh. ii. Thúc đẩy chế độ ăn ít protein cho động vật, thực hiện khuôn khổ dấu chân nhà kính, khuyến khích ủ phân tại trang trại. iii. Bắt buộc đóng gói sử dụng một lần, thực thi các quy	• Văn phòng Chính phủ (VPCP) • Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT) • Bộ Công Thương (BCT)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		định về thuốc trừ sâu nghiêm ngặt hơn, hỗ trợ quản lý dịch hại thay thế. iv. Kích thích sản xuất thức ăn chăn nuôi và phân bón hữu cơ tại địa phương. v. Cung cấp khả năng tiếp cận các khoản vay xanh cho các thiết bị bền vững.	
		2. Thực hiện cách tiếp cận một sức khỏe trong chăn nuôi Những thách thức hiện tại: Việt Nam phải đối mặt với mối đe dọa nghiêm trọng từ tình trạng kháng kháng sinh (AMR) trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản do lạm dụng và lạm dụng kháng sinh. i. Giảm hiệu quả của kháng sinh trong điều trị bệnh động vật và con người. ii. Dẫn đến thiệt hại kinh tế cho nông dân và ngành công nghiệp thực phẩm. iii. Gây nguy hiểm cho danh tiếng của Việt Nam như một nhà xuất khẩu thực phẩm đáng tin cậy. Khuyến nghị: i. Các quy định và thực thi chặt chẽ hơn về việc sử dụng kháng sinh và thúc đẩy các lựa chọn thay thế tự nhiên. ii. Triển khai hệ thống giám sát AMR. iii. Mở rộng nỗ lực tiêm chủng cho gia súc và vật nuôi. iv. Hợp tác quốc tế trong các chiến dịch tiêm chủng và phòng chống dịch bệnh. v. Đơn giản hóa việc đăng ký vắc-xin và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.	- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT) - Bộ Y tế (BYT)
		3. Ngành nông nghiệp Việt Nam đối mặt với những thách thức về pháp lý	Cục Chăn nuôi; Cục Thủy sản; Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		Những thách thức hiện tại: i. Tiêu chuẩn chưa nhất quán: sự khác biệt giữa các chuẩn mực của Việt Nam và quốc tế, đặc biệt là về giới hạn asen, hạn chế khả năng tiếp cận nguyên liệu chất lượng và tăng chi phí sản xuất, hạn chế tiềm năng xuất khẩu. ii. Quy định về tăng cường thực phẩm: Dự thảo Nghị định về tăng cường thực phẩm có thể dẫn đến sự mâu thuẫn về quy định, tăng chi phí sản xuất và tiềm ẩn tranh chấp thương mại, đặc biệt là liên quan đến tăng cường i-ốt trong thực phẩm chế biến tối thiểu. iii. Quy định xanh của EU: Các quy định sắp tới của EU như CBAM và EUDR đặt ra những thách thức đáng kể đối với xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Khuyến nghị: i. Điều chỉnh các quy định quốc gia với các tiêu chuẩn quốc tế. ii. Hạn chế yêu cầu tăng cường đối với các sản phẩm trong nước. iii. Cung cấp đào tạo kỹ thuật, tham gia với các tổ chức phi chính phủ và triển khai các giải pháp kỹ thuật số để sẵn sàng cho EU Xanh.	trường; Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT) • Văn phòng Chính phủ (VPCP) • Bộ Y tế (BYT) • Bộ Công Thương (BCT)
6.	Tiểu ban Tăng trưởng Xanh	1. Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (hợp tác cùng NFG, Wine & Spirits, FAABS) Những thách thức hiện tại: i. Nghĩa vụ EPR nên được áp dụng cho tất cả các nhà sản xuất và nhập khẩu, không dựa trên doanh thu bán hàng hoặc giá trị nhập khẩu. ii. Thiếu rõ ràng trong việc quản lý các khoản đóng góp tài	• Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT) • Văn phòng EPR

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		chính cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam. iii. Không đủ ưu đãi cho việc sử dụng vật liệu tái chế và thúc đẩy tái chế. Khuyến nghị: - Áp dụng nghĩa vụ EPR cho tất cả các nhà sản xuất và nhập khẩu vì sự công bằng và bền vững. - Đánh giá định mức chi phí tái chế (F) và thu hút các bên liên quan tham gia trước khi điều chỉnh. - Ban hành quy định rõ về quản lý đóng góp tài chính cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam. - Đưa ra các ưu đãi cho vật liệu tái chế và cho phép các nỗ lực tự tái chế được tính vào các khoản đóng góp của quỹ để thúc đẩy đầu tư tái chế.	
		2. Giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ôzôn Những thách thức hiện tại: - Thiếu mục tiêu, quy định cụ thể để doanh nghiệp lập kế hoạch và thực hiện giảm phát thải khí nhà kính. - Sự mơ hồ trong thị trường tín chỉ carbon, với sự khác biệt không rõ ràng giữa những người tham gia trao đổi tín chỉ carbon và bù đắp carbon. Khuyến nghị: - Cấp hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các ngành công nghiệp để giúp doanh nghiệp chuẩn bị và thực hiện hiệu quả các kế hoạch giảm phát thải. - Cung cấp hướng dẫn rõ ràng về cách các doanh nghiệp có thể tham gia vào thị trường giao dịch carbon, bao gồm thủ tục đăng ký, tiêu chí và các biểu mẫu bắt buộc.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		3. Tài nguyên nước Những thách thức hiện tại: i. Tài nguyên nước của Việt Nam đang chịu áp lực nghiêm trọng do ô nhiễm, khai thác quá mức và biến đổi khí hậu. ii. Các vấn đề như xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long, ô nhiễm từ nuôi trồng thủy sản và các hoạt động công nghiệp, và không đủ khả năng tiếp cận nước sạch ở khu vực nông thôn càng khiến khó khăn thêm phần nghiêm trọng. Khuyến nghị: i. Thực thi luật về nước hiện hành bằng cách tăng cường kiểm tra và phạt các trường hợp không tuân thủ trong các ngành công nghiệp và nuôi trồng thủy sản. ii. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng nước sạch, đặc biệt là ở các khu vực chưa được phục vụ, sử dụng các công nghệ hiện đại như bộ lọc sinh học và hệ thống tuần hoàn. iii. Thúc đẩy các hoạt động bền vững thông qua các chiến dịch giáo dục nhằm vào cả cộng đồng nông thôn và các bên liên quan ở thành thị.	• Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT)
		4. Năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng: Những thách thức hiện tại: i. Sự không chắc chắn về giá PPC: Mức thuế gần đây do EVN đưa ra không hấp dẫn, làm trì hoãn các dự án và cản trở đầu tư vào năng lượng mặt trời và gió. ii. Thách thức lưới điện: Lưới điện phải vật lộn với bản chất gián đoạn của năng lượng tái tạo, dẫn đến sự kém hiệu quả, các vấn đề về ổn định và sự chậm trễ lâu dài	• Bộ Công Thương (BCT) • Cục Điện lực Việt Nam (CĐLVN) • Tập đoàn Điện lực Việt Nam (ĐLVN)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		trong việc phê duyệt kết nối. iii. JETP: Sự tham gia của khu vực tư nhân vào Quan hệ Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng (JETP) cần được tăng cường. Khuyến nghị: i. Sửa đổi hợp đồng mua bán điện để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, giải quyết các mối quan tâm như rủi ro cắt giảm, điều khoản chấm dứt, trường hợp bất khả kháng và thiết lập trọng tài quốc tế và lập chỉ số tiền tệ ổn định. ii. Tạo điều kiện cho người tiêu dùng tiếp cận năng lượng sạch bằng cách hợp lý hóa việc thực hiện cơ chế DPPA, giảm các rào cản pháp lý đối với việc phát điện tại chỗ và đảm bảo các cơ chế biểu giá minh bạch, không có rủi ro. iii. Loại bỏ các rào cản đối với việc sản xuất năng lượng tái tạo quy mô nhỏ, chẳng hạn như năng lượng mặt trời áp mái hoặc các dự án gió/mặt trời quy mô nhỏ.	
		5. Công trình xanh: Những thách thức hiện tại: i. Tăng cường các quy định hiện hành và đưa ra các ưu đãi là điều cần thiết để thúc đẩy các hoạt động xây dựng bền vững ở Việt Nam. ii. Việc sửa đổi các luật này đòi hỏi sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan, điều này có thể phải đối mặt với sự phản đối từ các nhà phát triển truyền thống lo ngại về chi phí tuân thủ tăng lên. iii. Ngoài ra, có nguy cơ thực hiện rời rạc nếu chính quyền địa phương thiếu nguồn lực hoặc chuyên môn để thực	• Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT) • Bộ Xây dựng (BXD)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		thi các quy định mới. Khuyến nghị: i. Sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường, Luật Xây dựng và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP về tiêu chí bền vững và tiêu chuẩn thực hiện.	
		6. Công bố và báo cáo ESG Khuyến nghị: i. Mở rộng các yêu cầu công bố ESG cho các công ty vừa và lớn không niêm yết trong lĩnh vực xuất khẩu. ii. Phù hợp với các tiêu chuẩn ESG quốc tế (GRI, ISSB, ESRS) và thích ứng từ các nước láng giềng. iii. Tích hợp trọng yếu kép để hỗ trợ tiếp cận tài chính xanh. iv. Phát triển các công bố ESG cụ thể của ngành và cập nhật chúng theo thời gian. v. Khởi động các chương trình giáo dục để cải thiện việc thu thập và báo cáo dữ liệu ESG.	• Bộ Tài chính (BTC) • Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) • Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) • Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT) • Bộ Nội vụ (BNV) • Bộ Công Thương (BCT)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
7.	Nguồn nhân lực và đào tạo	1. Giấy phép lao động cho người nước ngoài Chúng tôi hoan nghênh và đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ trong việc lắng nghe cộng đồng doanh nghiệp và ban hành Nghị định số 219/2025/NĐ-CP về lao động nước ngoài tại Việt Nam. Nghị định mới đưa ra các điều khoản nói lỏng hơn và thân thiện với doanh nghiệp, phản ánh các khuyến nghị lâu dài từ khu vực tư nhân. Điều quan trọng hiện nay là việc triển khai hiệu quả và tính nhất quán của việc áp dụng giữa các tỉnh. EuroCham sẽ tiếp tục theo dõi chặt chẽ quá trình và hợp tác với Chính phủ để giải quyết bất kỳ vấn đề nào có thể phát sinh trong quá trình thực hiện.	Bộ Nội vụ (BNV)
		2. Hoàn thiện quy định cho thuê lại lao động tại Việt Nam Những thách thức hiện tại: Thời hạn hạn chế: giới hạn 12 tháng đối với các thỏa thuận thuê lại lao động dẫn đến luân chuyển thường xuyên, không ổn định và cơ hội việc làm dài hạn hạn chế. Danh sách công việc hạn chế: danh sách các công việc được phép thuê lại được giới hạn ở 20 vị trí cụ thể, thiếu rõ ràng và không đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động đang thay đổi. Bối cảnh hạn chế: thuê lại lao động bị hạn chế trong các trường hợp cụ thể, cản trở việc sử dụng lao động cho các nhu cầu kinh doanh hợp pháp. Thỏa thuận phân loại sai: các quy định nghiêm ngặt	Bộ Nội vụ (BNV)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		khuyến khích các công ty phân loại sai các thỏa thuận thuê ngoài là thỏa thuận dịch vụ, khiến người lao động không được bảo vệ. Khuyến nghị: Kéo dài thời gian sắp xếp: tăng thời gian tối đa của việc bố trí lao động từ 12 tháng lên 36 tháng để thúc đẩy ổn định và việc làm lâu dài. Mở rộng danh sách công việc được phép: mở rộng danh sách các công việc đủ điều kiện thuê ngoài để phản ánh nhu cầu phát triển của thị trường lao động và bảo vệ quyền của người lao động.	
8.	Quyền sở hữu trí tuệ	1. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ Những thách thức hiện tại: Khó khăn trong việc xác định "quy mô thương mại", "lợi nhuận bất hợp pháp" và "hành vi sai trái có chủ ý". Đánh giá tội phạm dựa trên giá trị bỏ qua các hoạt động giả mạo đang diễn ra. (Truy tố hình sự) Các quy trình đăng ký phức tạp cản trở việc thực thi; các yêu cầu về dữ liệu nhạy cảm không khuyến khích người nộp đơn. (Đăng ký bản quyền) Các ý kiến của cơ quan mâu thuẫn làm phức tạp việc thực thi, đặc biệt là trong các trường hợp khiếu nại công nghiệp. (Ý kiến chuyên gia về thực thi IP). Khuyến nghị: Mở rộng tiêu chí ngoài hàng hóa bị tịch thu, cung cấp hướng dẫn thực thi rõ ràng. (Truy tố hình sự) Nhận biết bằng chứng quyền sở hữu thay thế, bảo vệ dữ liệu nhạy cảm và cải thiện cơ chế thực thi. (Đăng	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (BVHTT&DL) - Bộ Khoa học và Công nghệ (BKH&VN) - Bộ Công Thương (BCT) - Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		ký bản quyền) iii. Thúc đẩy việc sử dụng các chuyên gia độc lập, thành lập hội đồng thanh tra và hợp lý hóa các quy trình để thực thi nhất quán. (Ý kiến chuyên gia về thực thi IP).	
		2. Truy tố quyền sở hữu trí tuệ Những thách thức hiện tại: i. Cách giải thích rộng rãi và hạn chế đặt tên làm trì hoãn việc đăng ký bản quyền và cản trở sự sáng tạo. ii. Chỉ có chữ ký vật lý được chấp nhận, làm tăng thêm thời gian và chi phí. iii. Sự chậm trễ trong việc xử lý nhãn hiệu và bằng sáng chế làm tổn hại đến các doanh nghiệp và có một lượng khiếu nại tồn đọng chưa được giải quyết. iv. Việc nộp đơn bắt buộc tại Việt Nam hoặc PCT bất cứ khi nào sáng chế phải tuân theo các yêu cầu kiểm soát an ninh sẽ lãng phí nguồn lực cho các ứng viên không tập trung vào Việt Nam. v. Thiếu hướng dẫn rõ ràng gây ra việc thực thi không nhất quán đối với việc công nhận nhãn hiệu nổi tiếng. vi. Chứng chỉ điện tử thiếu sự rõ ràng về mặt pháp lý, đòi hỏi phải xử lý thủ công. Khuyến nghị: i. Thay đổi các quy định để giảm sự chậm trễ và khuyến khích đổi mới bản quyền. ii. Cho phép chữ ký số cho các quy trình IP. iii. Tăng tốc độ xử lý và giải quyết tình trạng tồn đọng nhãn hiệu và bằng sáng chế. iv. Cho phép mô tả ngắn gọn hoặc thủ tục nộp đơn	• Bộ Khoa học và Công nghệ (BKH&CN) • Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (BVHTT&DL)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		thay thế cho sáng chế. v. Cung cấp hướng dẫn rõ ràng để nhận biết nhãn hiệu nổi tiếng. vi. Khôi phục hồ sơ điện tử, cải thiện quy trình kỹ thuật số và xác nhận chứng chỉ điện tử.	
9.	Tiểu ban Thuốc Tiêu chuẩn châu Âu	1. Đẩy nhanh sửa đổi quy định đăng ký thuốc tại Việt Nam Những thách thức hiện tại: i. Cơ chế tham chiếu, thừa nhận: Mặc dù Luật Dược sửa đổi đã cho phép các cơ chế tham chiếu, thừa nhận, nhưng quá trình xem xét và phê duyệt vẫn còn kéo dài và các điều kiện để áp dụng còn hạn chế. ii. Yêu cầu CPP: Các yêu cầu hiện tại của Giấy chứng nhận sản phẩm dược phẩm (CPP) là không thực tế đối với các công ty đa quốc gia sản xuất tập trung. iii. Quy trình thay đổi: Các mốc thời gian phê duyệt cho các dược phẩm không được đáp ứng nhất quán và các quy định yêu cầu về thay đổi địa điểm sản xuất còn nhiều vướng mắc. iv. Sự mơ hồ trong quy định về thuốc generic đầu tiên: Thiếu rõ ràng về định nghĩa của "generic đầu tiên" tạo ra sự không chắc chắn cho các công ty thực hiện các thủ tục nhanh chóng. Khuyến nghị: i. Hợp lý hóa lộ trình của cơ chế tham chiếu: rút ngắn thời gian xem xét xuống tối đa 3 tháng và mở rộng các tiêu chí đủ điều kiện. ii. Sửa đổi các yêu cầu về CPP: chỉ yêu cầu một CPP từ một quốc gia SRA (Cơ quan quản lý nghiêm ngặt là một cơ quan quản lý thuốc quốc gia được WHO công	• Bộ Y tế (BYT) • Quốc hội (QH)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		nhận. SRAs chịu trách nhiệm xem xét và phê duyệt thuốc và vắc-xin bằng cách áp dụng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt). iii. Cải thiện các quy trình thay đổi: đảm bảo phê duyệt kịp thời, phù hợp với hướng dẫn của ASEAN và đơn giản hóa các yêu cầu đối với các thay đổi địa điểm sản xuất. iv. Làm rõ định nghĩa thuốc generic đầu tiên: xác định rõ ràng "generic đầu tiên" dựa trên ngày nộp hoặc cấp số đăng ký để đảm bảo công bằng và minh bạch. v. Khuyến khích thuốc generic đầu tiên: đưa ra các ưu đãi rõ ràng cho việc phát triển và sản xuất thuốc generic đầu tiên tại Việt Nam để thúc đẩy sản xuất trong nước và giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu.	

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		2. Tăng cường hệ thống y tế Việt Nam, khuyến khích sản xuất dược phẩm trong nước Những thách thức hiện tại: Thiếu hỗ trợ: hạn chế trong các hỗ trợ chuyển giao công nghệ và R&D cản trở sản xuất dược phẩm trong nước. Chi phí cao và sự không chắc chắn về chính sách: giới thiệu thuốc mới tại địa phương liên quan đến chi phí cao và quá trình kéo dài, khiến đầu tư không hấp dẫn nếu không có ưu đãi rõ ràng Tiếp cận thị trường: thiếu nhóm đấu thầu riêng cho thuốc chuyển giao công nghệ, gây khó khăn cho việc cạnh tranh với thuốc nhập khẩu và khó khăn trong việc tính toán ROI chính xác. Khuyến nghị: Đẩy nhanh đăng ký: thực hiện quy trình đăng ký nhanh, dễ dàng và hiệu quả đối với thuốc được sản xuất thông qua chuyển giao công nghệ. Đảm bảo tiếp cận thị trường: giới thiệu hạn ngạch đấu thầu hoặc nhóm đấu thầu riêng cho các loại thuốc được chuyển giao công nghệ để đảm bảo doanh số bán hàng và cho phép dự báo ROI chính xác Khuyến khích R&D: đưa ra các ưu đãi chuyển giao công nghệ, bao gồm trợ cấp nhân tài để thu hút đầu tư và chuyên môn.	- Bộ Y tế (BYT) - Quốc hội (QH) - Bộ Tài chính (BTC) - Bộ Công Thương (BCT)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		3. Mở rộng phạm vi hoạt động cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIE) trong lĩnh vực dược phẩm Việt Nam Thách thức hiện tại: - Nghị định 163/2025/NĐ-CP hạn chế doanh nghiệp nước ngoài tham gia hoạt động phân phối thuốc, trừ thuốc do doanh nghiệp nước ngoài sản xuất tại địa phương. - Luật Dược sửa đổi đề xuất mở rộng quyền của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài liên quan đến phân phối trong các trường hợp cụ thể (thu phí, chuyển giao công nghệ, chương trình viện trợ, thử nghiệm lâm sàng). Khuyến nghị: Để cải thiện hơn nữa môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong ngành dược nhằm khuyến khích chuyển giao công nghệ, sản xuất theo hợp đồng và phát triển chung ngành y tế, Việt Nam cần cấp thêm quyền phân phối cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bao gồm: - Liên lạc với các nhà phân phối về giá bán buôn và thông tin thuốc. - Trực tiếp nhập khẩu nguyên liệu thô và giao cho các đối tác trong nước để theo hợp đồng sản xuất, chuyển giao công nghệ;	- Bộ Y tế (BYT) - Quốc hội (QH) - Bộ Tài chính (BTC)
10.	Pháp lý (Bất động sản)	1. Bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư trong trường hợp mất khả năng thanh toán, phá sản của chủ đầu tư bất động sản Những thách thức hiện tại: Mất khả năng thanh toán hoặc phá sản của các nhà phát triển bất động sản: Người mua thường trả phần	- Bộ Xây dựng (BXD) - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT) - Bộ Tài chính (BTC) - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		lớn giá trước khi hoàn thành dự án, nhưng sự chậm trễ hoặc phá sản của các nhà phát triển có thể dẫn đến việc người mua mất cả tiền và tài sản, vì họ là người cuối cùng để phân phối lại tài sản. ii. Nhằm lẫn trong quy định về chuyển nhượng dự án bất động sản: chuyển nhượng cổ phần và chuyển nhượng dự án được xử lý thay thế cho nhau, dẫn đến thủ tục kép không cần thiết do sự khác biệt về loại hình giao dịch. Khuyến nghị: i. Yêu cầu kiểm toán hàng năm, thiết lập các tiêu chuẩn tài chính (thanh khoản, tỷ lệ nợ và vốn chủ sở hữu) và thường xuyên xem xét việc tuân thủ, đặc biệt là đối với các nhà phát triển có nhiều dự án ii. Cung cấp hướng dẫn rõ ràng để ngăn chặn hiểu sai pháp lý và đảm bảo các quy trình phê duyệt minh bạch, được tiết lộ công khai.	(NHNN)
		2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với người nước ngoài Những thách thức hiện tại: i. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người mua nước ngoài đã bị trì hoãn đáng kể do không có hoặc công bố không kịp thời Danh mục quy hoạch dự án thuộc sở hữu nước ngoài, làm cơ sở pháp lý để xác định các dự án nhà ở đủ điều kiện. ii. Những sự chậm trễ này tạo ra sự không chắc chắn về pháp lý và khiến người mua nước ngoài dễ bị tổn thương trong trường hợp xảy ra tranh chấp, đồng thời không khuyến khích đầu tư thêm vào thị trường bất động sản	• Bộ Xây dựng (BXD) • Bộ Công an (BCA) • Sở Xây dựng (SXD) • Bộ Quốc phòng (BQP) • Bộ Tài chính (BTC) • Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (UBND tỉnh)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		Việt Nam. Khuyến nghị: - Ban hành các hướng dẫn rõ ràng để chuẩn hóa việc ký và đóng dấu tài liệu, loại bỏ các yêu cầu không cần thiết như viết tắt từng trang hoặc sử dụng con dấu công ty. - Thúc đẩy việc chấp nhận chữ ký điện tử để nộp tài liệu. - Thiết lập các tiêu chí rõ ràng về thời điểm cần phê duyệt M&A, đảm bảo tính nhất quán giữa các chính quyền địa phương. - Tạo nền tảng trực tuyến để nhà đầu tư dễ dàng nhận được câu trả lời về yêu cầu phê duyệt M&A.	
	Pháp lý (M&A)	1. Nội quy lao động trong giao dịch M&A Những thách thức hiện tại: Thuật ngữ không rõ ràng: Thuật ngữ "ảnh hưởng đến việc làm của nhiều nhân viên" không rõ ràng, gây khó khăn cho việc xác định khi nào luật lao động áp dụng trong các giao dịch M&A. Tham vấn với các tổ chức đại diện người lao động: Mặc dù cần tham vấn với các tổ chức nhân viên, nhưng việc thiếu một cơ chế rõ ràng để giải quyết bất đồng giữa người sử dụng lao động và các tổ chức này có thể làm chậm trễ các giao dịch. Không tự động chuyển nhượng hợp đồng lao động trong giao dịch tài sản: Trong bán tài sản, hợp đồng lao động không được chuyển nhượng tự động, đòi hỏi phải thỏa thuận mới với người lao động bị ảnh hưởng. Khuyến nghị: - Làm rõ ngưỡng tác động lao động trong các giao dịch M&A bằng cách định nghĩa "ảnh hưởng đến việc làm của nhiều nhân viên". - Đặt ra các tiêu chí rõ ràng (ví dụ: tỷ lệ phần trăm hoặc số	Bộ Nội vụ (BNV)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		lượng nhân viên) khi nào cần có kế hoạch sử dụng lao động trong các giao dịch M&A. iii. Giới thiệu cơ chế giải quyết tranh chấp để xử lý những bất đồng giữa người sử dụng lao động và tổ chức đại diện người lao động về phương án sử dụng lao động. iv. Cho phép chuyển nhượng hợp đồng lao động trong các giao dịch tài sản, với các biện pháp bồi thường để hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng.	
		2. Phê duyệt M&A Những thách thức hiện tại: i. Sự mơ hồ trong yêu cầu phê duyệt M&A: Chính quyền địa phương đôi khi yêu cầu phê duyệt M&A ngay cả khi không cần thiết về mặt pháp lý, dẫn đến việc thực thi không nhất quán. ii. Thiếu thống nhất trong các yêu cầu ký và đóng dấu tài liệu: Các thông lệ địa phương khác nhau xung quanh việc ký và đóng dấu tạo ra gánh nặng hành chính, đặc biệt là khi các giải pháp kỹ thuật số trở nên phổ biến hơn. Khuyến nghị: i. Chuẩn hóa các yêu cầu ký và đóng dấu, loại bỏ các tác vụ không cần thiết như viết tắt các trang hoặc sử dụng con dấu công ty. ii. Khuyến khích sử dụng chữ ký điện tử để gửi tài liệu. iii. Làm rõ khi nào cần phê duyệt M&A để đảm bảo tính nhất quán. iv. Tạo nền tảng trực tuyến để các nhà đầu tư dễ dàng tham khảo ý kiến của các cơ quan chức năng về phê duyệt M&A.	Bộ Tài chính (BTC)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
	Pháp lý (PPP)	1. Phát triển một quy trình các dự án khả thi và có thể nhìn thấy Những thách thức hiện tại: Làm rõ các dự án PPP được ưu tiên: Việc thiếu cơ sở dữ liệu tập trung, toàn diện cho các dự án PPP được ưu tiên tạo ra sự nhầm lẫn và có nguy cơ xung đột với quy hoạch tổng thể ngành. Hướng dẫn rõ ràng, theo định hướng ngành về các dự án cấp quốc gia, hỗ trợ của chính phủ và ưu đãi là điều cần thiết để thu hút nguồn vốn xuyên biên giới và đảm bảo khả năng tồn tại của dự án. Đề xuất không được yêu cầu: Mặc dù được phép theo luật PPP, nhưng các đề xuất không được yêu cầu phải đối mặt với các quy trình chưa được kiểm tra, không đủ ưu đãi đầu thầu và hạn chế tiếp cận vốn Nhà nước (chỉ thông qua ODA hoặc các khoản vay ưu đãi). Những rào cản này ngăn cản các nhà đầu tư tư nhân, khiến việc tinh chỉnh các quy tắc và tăng cường khuyến khích tham gia rộng rãi hơn là rất quan trọng. - Việc xác định, chuẩn bị và công bố các dự án hữu hình (dù là cánh đồng xanh hay sân nâu) tiếp tục là ưu tiên hàng đầu để khởi động chương trình PPP của Việt Nam. Điều quan trọng là các quy định hiện hành phải được kiểm tra bằng cách thực hiện các dự án PPP, do đó, sẽ làm tăng niềm tin của các nhà đầu tư. Khuyến nghị: - Thông qua một quy trình tập trung, công bố danh sách các dự án trọng điểm của quốc gia và khu vực, đặc biệt là trong các lĩnh vực có thành tích tốt ở các khu vực pháp lý khác với các mô hình được áp dụng nhiều và được các nhà đầu tư nước ngoài sẵn đón như giao thông vận tải và năng lượng với mục đích ưu tiên các dự án	- Văn phòng Đối tác công tư – Cơ quan mua sắm công - Bộ Tài chính (BTC) - Bộ Xây dựng (BXD) - Cơ quan nhà nước có thẩm quyền - Các cơ quan có liên quan khác.

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		khả thi về mặt thương mại như những dự án dự kiến sẽ được thực hiện dưới dạng PPP. ii. Làm rõ quy trình đấu thầu các dự án không được yêu cầu và quy trình chuyển đổi dự án sử dụng vốn nhà nước sang định dạng PPP. iii. Đề trình các dự án được lựa chọn vào quy trình đấu thầu cạnh tranh, minh bạch theo quy định của Luật PPP. iv. Cho phép các dự án được phát triển bởi các nhà tài trợ hàng đầu thế giới dựa trên các đề xuất không được yêu cầu/chỉ định trực tiếp làm dự án thí điểm trong các lĩnh vực ưu tiên cao cụ thể để phát triển một tiêu chuẩn cơ bản về tài liệu dự án và phân bổ rủi ro có thể đảm bảo tài trợ dự án quốc tế từ các bên cho vay nước ngoài. v. Đưa các dự án tiềm năng qua đánh giá nghiêm ngặt về tính thương mại (và chỉ định các chuyên gia tư vấn kỹ thuật và tài chính quốc tế có uy tín để tư vấn và hỗ trợ các cơ quan liên quan của Chính phủ về quy trình đó) liên quan đến các quy trình sàng lọc tiêu chuẩn quốc tế đồng nhất. vi. Đưa ra các ưu đãi và biện pháp hấp dẫn cho các lĩnh vực đang gặp khó khăn trong việc thu hút đầu tư PPP.	
		2. Nâng cao năng lực và sự phối hợp giữa các cơ quan Chính phủ Những thách thức hiện tại: i. Cách tiếp cận không nhất quán giữa các cơ quan Chính phủ: Việc thiếu thể chế và thực tiễn và thiếu cách tiếp cận rủi ro thống nhất và tiêu chuẩn hóa giữa các cơ quan công quyền tiếp tục được các nhà đầu tư và nhà tài trợ dự án quốc tế tiềm năng trích dẫn là những khó khăn lớn trong việc thực hiện các dự án, bao gồm	• Văn phòng Đối tác công tư – Cơ quan mua sắm công • Bộ Tài chính (BTC) • Cơ quan nhà nước có thẩm quyền • Các cơ quan có liên quan khác.

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		cả các dự án PPP, tại Việt Nam. Cũng chỉ có tiền lệ rất hạn chế về các dự án đầu tư tư nhân đã hoàn thành đã đảm bảo tài trợ cho dự án quốc tế. Do đó, các cơ quan nhà nước thường không có hướng dẫn pháp lý và thực tiễn đầy đủ để quản lý suôn sẻ việc thực hiện các dự án, đặc biệt là ngoài lĩnh vực phát điện thông thường. Khuyến nghị: ii. Xây dựng (với sự giúp đỡ của các chuyên gia tư vấn quốc tế có uy tín và có kinh nghiệm ở các thị trường khác) bộ hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt, bao gồm các hợp đồng dự án có các mô hình phân bổ rủi ro được quốc tế chấp nhận, làm cơ sở cho việc đấu thầu nhằm giảm nguy cơ chậm trễ đàm phán kéo dài. iii. Mang đến các dự án hữu hình phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất để cung cấp cho các cơ quan Nhà nước được ủy quyền kinh nghiệm thực tế. iv. Tổ chức các buổi nâng cao năng lực về Luật PPP để đảm bảo việc thực hiện gắn kết. v. Yêu cầu một quy trình thực hiện chung liên quan đến tất cả các Bộ và cơ quan chủ chốt để có một thực tiễn thống nhất trong việc xác định, đánh giá và phát triển các dự án, có khả năng tận dụng những cá nhân đã có kinh nghiệm về các vấn đề khả năng ngân hàng trong bối cảnh các dự án điện thành công.	
		3. Hợp lý hóa quy định chi tiết thi hành Những thách thức hiện tại: i. Luật PPP đưa ra những cải tiến quan trọng nhưng vẫn còn những lỗ hổng và mâu thuẫn cản trở việc tài trợ quốc tế cho các dự án cơ sở hạ tầng ở Việt Nam. Cần có một khuôn khổ toàn diện hơn để hài hòa các quy định về	• Văn phòng Đối tác công tư – Cơ quan mua sắm công • Bộ Tài chính (BTC) • Cơ quan nhà nước có thẩm quyền • Các cơ quan có liên quan khác

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		PPP với các luật khác, giải quyết các mối quan tâm về tài chính và củng cố niềm tin của nhà đầu tư. ii. Bảo đảm đất đai và tài sản: Các hạn chế về thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản dự án hạn chế sự an toàn của người cho vay nước ngoài, làm suy yếu khả năng tài trợ ngân hàng và nợ. iii. Bảo lãnh ngoại tệ: Chính phủ bảo lãnh ngoại hối (lên đến 30% doanh thu) vẫn chưa được kiểm tra, làm dấy lên lo ngại của nhà đầu tư về rủi ro tiền tệ. iv. Tài trợ khoảng cách khả thi (VGF): Việc thiếu hướng dẫn chi tiết về VGF và cơ chế chia sẻ rủi ro không rõ ràng cản trở việc thực hiện dự án và làm giảm niềm tin của nhà đầu tư. v. Luật điều chỉnh: Hợp đồng PPP phải tuân theo luật pháp Việt Nam, tham chiếu mơ hồ của "các nguyên tắc cơ bản", hạn chế việc sử dụng luật điều chỉnh nước ngoài và tạo ra sự không chắc chắn về pháp lý. vi. Thời gian chốt tài chính: Thời hạn bắt buộc từ 12–18 tháng là quá tham vọng đối với các dự án phức tạp, khó khăn cho các nhà đầu tư quốc tế. vii. Sự đồng ý cho việc chuyển nhượng vốn: Cần có sự đồng ý của nhà nước đối với việc chuyển nhượng vốn chủ sở hữu trước khi hoàn thành, không có tiêu chí cố định, tạo ra sự không chắc chắn và không khuyến khích đầu tư. viii. Quyền chấm dứt: Cơ sở hẹp cho việc chấm dứt và các điều khoản thanh toán chấm dứt hạn chế, kết hợp với việc loại bỏ quyền tham gia của người cho vay, làm suy yếu an ninh tài chính. ix. Quyền can thiệp của người cho vay: Việc loại bỏ quyền can thiệp của người cho vay tự động cần có sự	

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		chấp thuận của Nhà nước để thay thế các nhà đầu tư vỡ nợ, làm giảm sự bảo vệ của người cho vay và bảo mật dự án. x. Sửa đổi: Các sửa đổi chỉ được phép trong một số trường hợp hạn chế (ví dụ: bất khả kháng, thay đổi cơ bản), hạn chế tính linh hoạt trong các hợp đồng dài hạn. xi. Giải quyết tranh chấp: Yêu cầu giải quyết tranh chấp tại tòa án Việt Nam hoặc trọng tài trong nước, với sự công nhận hạn chế của trọng tài nước ngoài, ngăn cản các nhà đầu tư quốc tế. Khuyến nghị: i. Hướng dẫn rõ ràng về Luật PPP và đưa các quy định hiện hành lên chuẩn quốc tế để tăng sức hấp dẫn của các dự án PPP Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài. ii. Tạo một khuôn khổ rõ ràng và gắn kết để PPP hưởng lợi từ VGF, đảm bảo doanh thu tối thiểu và các biện pháp chia sẻ rủi ro. iii. Tiếp tục hợp lý hóa các chính sách và hướng dẫn liên quan đến PPP, tập trung vào các yếu tố chính như sự sẵn có và giải ngân vốn chủ sở hữu và các biện pháp hỗ trợ tín dụng. iv. Kiểm tra các quy định này với các dự án thực tế.	
	Pháp lý (Nguồn lực Tư pháp & Trọng tài)	1. Tòa án và cơ quan quản lý cạnh tranh Những thách thức hiện tại: Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 đã đưa ra những cải cách quan trọng, bao gồm các tòa án sơ thẩm chuyên ngành, thẩm quyền giải thích tư pháp và bắt buộc công bố bản án. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế về phạm vi, khả năng dự đoán các quyết định của cơ quan quản lý cạnh tranh và hạn chế đối với các công ty luật nước ngoài trong tố tụng tại tòa án.	• Bộ Tư pháp (BTP) • Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) • Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) • Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội • Bộ Công Thương (BCT)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		i. Tòa án chuyên ngành: Việc thành lập các tòa án sơ thẩm chuyên trách cho các vụ án hành chính, sở hữu trí tuệ và phá sản nâng cao tính chuyên nghiệp và uy tín tư pháp. Tuy nhiên, phạm vi vẫn còn hạn chế và nên được mở rộng sang các vấn đề thương mại và trọng tài. ii. Phiên dịch tư pháp: Tòa án hiện được trao quyền giải thích pháp luật trong các trường hợp cụ thể, trong khi giải thích pháp lý trừu tượng vẫn thuộc về Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tiền lệ chỉ trở nên ràng buộc một khi được Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao công bố. iii. Công bố bản án: Yêu cầu công bố các quyết định của tòa án trực tuyến là một bước quan trọng hướng tới tính minh bạch, nhất quán trong áp dụng pháp luật và phát triển các tiền lệ. iv. Cơ quan quản lý cạnh tranh (VCC): Mặc dù VCC công bố các quyết định về tập trung kinh tế, nhưng hướng dẫn xác định thị trường và thị phần liên quan vẫn chưa đầy đủ. Các quyết định thường được đưa ra cùng với tin tức chung, làm giảm khả năng tiếp cận và khả năng dự đoán cho các doanh nghiệp. v. Công ty luật nước ngoài: Luật pháp Việt Nam vẫn cấm luật sư Việt Nam làm việc cho các công ty luật nước ngoài đại diện cho khách hàng tại tòa, để lại một khoảng trống lớn chưa được giải quyết. Khuyến nghị: i. Mở rộng danh sách các vấn đề có thể được xét xử bởi các tòa án chuyên môn ngay từ sơ thẩm, bao gồm đặc biệt các vấn đề Thương mại và Trọng tài. ii. Tiếp tục công bố bản án của Tòa án các cấp. iii. Cung cấp các quyết định giải thích hợp lý của VCC	

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		trong việc kiểm soát sáp nhập và công bố tất cả các quyết định của cơ quan quản lý cạnh tranh trong một mục riêng biệt, để tiếp cận để minh bạch và trải nghiệm người dùng tốt hơn. iv. Sửa đổi Luật Luật sư để cho phép luật sư Việt Nam có đủ trình độ làm việc cho các công ty luật nước ngoài đại diện cho khách hàng trước tòa án Việt Nam.	
		2. Công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài Những thách thức hiện tại: i. Các phán quyết của trọng tài nước ngoài phải đối mặt với những trở ngại tương tự như phán quyết trong nước tại Việt Nam, tạo khó khăn cho các đối tác quốc tế mong đợi một cách tiếp cận tự do phù hợp với các chuẩn mực toàn cầu. ii. Nhiều quốc gia (ví dụ: Singapore, Pháp, Thụy Sĩ) chấp nhận gần như tự động công nhận các phán quyết nước ngoài, từ chối thực thi chỉ với những lý do hạn chế theo Điều V của Công ước New York (NYC). Tuy nhiên, các tòa án Việt Nam đôi khi có lập trường hạn chế. iii. Ví dụ, trong một vụ án liên quan đến CIETAC, một tòa án Việt Nam đã từ chối thi hành, với lý do vi phạm "các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam". Tòa án cũng xem xét lại vụ án theo luật pháp Việt Nam thay vì Công ước Vienna năm 1980 hiện hành. iv. Mặc dù nhằm bảo vệ các doanh nghiệp địa phương, nhưng cách tiếp cận này đi chệch khỏi các chuẩn mực trọng tài quốc tế và làm suy yếu các cam kết của Việt Nam theo NYC.	• Bộ Tư pháp (BTP) • Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) • Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) • Ủy ban Kinh tế - Tài chính của Quốc hội

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		Khuyến nghị: Tiếp tục công bố số liệu/số liệu cập nhật về đơn xin công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài. Chọn thuật ngữ "trật tự công cộng" thay vì "các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam". Công nhận là tiền lệ và thực thi trên tất cả các cấp tòa án các quyết định tư pháp về các vấn đề trọng tài phù hợp với luật pháp và phù hợp với NYC. Giới thiệu việc tự động chuyển đến Tòa án nhân dân cấp cao có liên quan đối với tất cả các trường hợp đơn đã bị Tòa án cấp sơ thẩm từ chối. Tổ chức các khóa đào tạo, thành lập các bộ phận trọng tài trong tòa án, v.v. như đã đề cập ở trên.	
11.	Thiết bị y tế và chẩn đoán	1. Mua sắm theo giá trị tại Việt Nam Những thách thức hiện tại: - Luật Đấu thầu đưa ra việc mua sắm tập trung đối với các thiết bị y tế, tiềm ẩn nguy cơ ưu tiên giá thấp so với giá trị và hạn chế khả năng tiếp cận của bệnh nhân với các công nghệ tiên tiến. - Tuy nhiên, tại Điều 3.7(d) Luật số 90/2025/QH15 (sửa đổi Luật Đấu thầu): trao quyền tự quyết trong hoạt động mua sắm cho các bệnh viện công lập tự chủ tài chính (nhóm 1 và nhóm 2) khi sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước., cho phép họ đưa ra quyết định mua sắm độc lập. - Điều này có nghĩa là luật đã công nhận quyền tự chủ của các bệnh viện độc lập về tài chính. Do đó, bất kỳ danh sách mua sắm tập trung cấp quốc gia nào cũng cần được đánh giá cẩn thận để tránh sự can thiệp không cần	- Bộ Y tế (BYT) - Cục Cơ sở hạ tầng và Thiết bị Y tế Việt Nam / Bộ Y tế (BYT) - Sở Kế hoạch và Tài chính (SKH&TC)/ Bộ Y tế (BYT) - Bộ Tài chính (BTC)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		thiết và chỉ áp dụng khi thực sự cần thiết. iv. Việc mua sắm trang thiết bị y tế và IVD hiện được thực hiện minh bạch thông qua đấu thầu công khai, kết hợp với cơ chế kiểm soát giá nghiêm ngặt (kê khai, niêm yết, đàm phán) dưới sự giám sát của các cơ quan có liên quan. Các cơ chế này đã đảm bảo sử dụng hiệu quả các quỹ nhà nước. Áp đặt mua sắm tập trung bổ sung rủi ro tạo ra sự chông chéo, gánh nặng hành chính và gián đoạn các hệ thống hiện có. Khuyến nghị i. Xem xét lại việc áp dụng mua sắm tập trung quốc gia cho các thiết bị y tế và IVD, đặc biệt là đối với các thiết bị sáng tạo và chuyên dụng. ii. Hạn chế mua sắm tập trung, nếu cần, đối với các thiết bị được sử dụng rộng rãi với các thông số kỹ thuật duy nhất trên các cơ sở. iii. Ưu tiên mua sắm dựa trên giá trị bằng cách xem xét chi phí vòng đời, hiệu suất kỹ thuật, chất lượng dịch vụ và kết quả của bệnh nhân thay vì chỉ giá thấp nhất. iv. Xây dựng khung pháp lý rõ ràng cho mua sắm dựa trên giá trị theo Luật Thiết bị y tế mới để thể chế hóa cách tiếp cận này.	
		2. Thường xuyên cập nhật danh mục hoàn trả dịch vụ kỹ thuật y tế của Việt Nam Những thách thức hiện tại: i. Không thường xuyên cập nhật danh sách hoàn trả (không được cập nhật kể từ năm 2018). ii. Sự chậm trễ trong việc đưa các dịch vụ kỹ thuật y tế mới cản trở việc áp dụng các kỹ thuật hiện đại và hạn	• Bộ Y tế (BYT) • Phòng Quản lý Dịch vụ Y tế/Bộ Y tế • Sở Kế hoạch và Tài chính/ Bộ Y tế • Cục Bảo hiểm y tế/ Bộ Y tế • Bảo hiểm xã hội Việt Nam (BHXH)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		chế khả năng tiếp cận của bệnh nhân. Khuyến nghị: i. Cập nhật hàng năm: cập nhật danh sách các dịch vụ kỹ thuật y tế được phép hàng năm để bắt kịp với những tiến bộ trong chăm sóc sức khỏe ii. Đẩy nhanh tính toán chi phí: đẩy nhanh quá trình tính toán chi phí và đưa các dịch vụ mới vào danh sách hoàn trả kịp thời iii. Ưu tiên chẩn đoán và sàng lọc sớm: cho phép hoàn trả cho chẩn đoán sớm và sàng lọc các bệnh có tỷ lệ mắc cao để có thể can thiệp sớm và cải thiện kết quả của bệnh nhân iv. Phát triển các phương pháp tiếp cận tài chính bền vững: khám phá và thực hiện các cơ chế tài chính bền vững để hỗ trợ tăng khả năng tiếp cận đổi mới chăm sóc sức khỏe.	

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		3. Thiết lập khung pháp lý cho phần mềm y tế tại Việt Nam Những thách thức hiện tại: - Việc thiếu khung pháp lý rõ ràng cho việc đăng ký, mua sắm và hoàn trả phần mềm được sử dụng trong chẩn đoán và điều trị y tế tạo ra sự không chắc chắn cho các doanh nghiệp và cản trở việc áp dụng các công nghệ tiên tiến. Khuyến nghị: Dựa vào và hài hòa đăng ký: triển khai một hệ thống công nhận các phê duyệt và chứng nhận từ các cơ quan quản lý đáng tin cậy để hợp lý hóa quy trình đăng ký phần mềm y tế. Khung mua sắm và hoàn trả: phát triển các hướng dẫn và cơ chế rõ ràng để mua sắm và hoàn trả phần mềm chẩn đoán và điều trị được sử dụng trong môi trường chăm sóc sức khỏe.	- Bộ Y tế (BYT) - Cục Cơ sở hạ tầng và Thiết bị Y tế Việt Nam/ Bộ Y tế - Phòng Quản lý dịch vụ y tế/ Bộ Y tế - Sở Kế hoạch và Tài chính/ Bộ Y tế - Cục Bảo hiểm y tế/ Bộ Y tế - Bảo hiểm xã hội Việt Nam (BHXH)
12.	Ngành Công nghiệp Ô tô, Xe máy	A. Ô tô 1. Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn tiêu thụ nhiên liệu đối với xe ô tô chở người Vấn đề thách thức hiện tại: - Dự thảo TCVN đặt mục tiêu CAFC là 4,83L/100 km vào năm 2030. Mặc dù EuroCham ủng hộ các mục tiêu giảm phát thải của Việt Nam, nhưng thời gian được đề xuất có nguy cơ gây gián đoạn lớn. Dựa trên tính toán của các nhà sản xuất, 96% mẫu xe ICE và 14% xe điện sẽ không đáp ứng yêu cầu năm 2030, buộc phải cắt giảm mạnh sản lượng ICE (lên đến -76%) và tăng mạnh sản lượng EV (+868%). - Điều này sẽ đòi hỏi đầu tư lớn, đe dọa việc làm, gây bất	- Văn phòng Chính phủ (VPCP) - Bộ Xây dựng (BXD) - Bộ Công Thương (BCT) - Bộ Tài chính (BTC) - Bộ Khoa học và Công nghệ (BKHCN)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		ổn thị trường và giảm doanh thu tài khóa. Hơn nữa, mục tiêu CAFC dựa trên các dự báo lỗi thời đánh giá thấp việc áp dụng EV (hiện ~ 33% doanh số bán hàng vào năm 2024, dự kiến 40% vào năm 2025), dẫn đến phân bổ sai trách nhiệm giảm phát thải. Khuyến nghị: i. Cung cấp thời gian giao hàng tối thiểu 24 tháng trước khi quy định trở thành bắt buộc. ii. Cập nhật tính toán CAFC dựa trên tỷ lệ thâm nhập EV thực tế. iii. Áp dụng lộ trình giảm theo từng giai đoạn: 6,0L/100 km vào năm 2030 (giảm ≈4% hàng năm trong giai đoạn 2027–2030), tăng lên 4,83L/100 km vào năm 2035 (giảm ≈5% hàng năm trong giai đoạn 2031–2035). iv. Ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng sạc để đảm bảo sẵn sàng cho quá trình chuyển đổi xe điện.	
		2. Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi của Việt Nam sang xe điện (EV) Những thách thức hiện tại: i. Lỗ hổng cơ sở hạ tầng sạc: thiếu quy định và hỗ trợ tài chính cản trở sự phát triển của mạng lưới sạc EV mạnh mẽ và đáng tin cậy ii. Khung pháp lý chưa đầy đủ: các quy định hạn chế về vận hành trạm sạc, an toàn và biểu giá điện tạo ra sự không chắc chắn cho doanh nghiệp và người tiêu dùng iii. Khuyến khích không đầy đủ: các ưu đãi hiện tại chủ yếu tập trung vào BEV, bỏ qua vai trò chuyển tiếp của PHEV.	• Bộ Xây dựng (BXD) • Bộ Tài chính (BTC) • Bộ Khoa học và Công nghệ (BKH&CN) • Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT).

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		Khuyến nghị: i. Nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật: xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật toàn diện cho xe điện, thiết bị sạc và trạm sạc ii. Xây dựng khung pháp lý: thiết lập khung pháp lý rõ ràng về đầu tư, an toàn, biểu giá điện và ưu đãi tài chính cho các doanh nghiệp sạc xe điện iii. Thúc đẩy chuyển giao công nghệ: đưa ra các ưu đãi để khuyến khích chuyển giao công nghệ và áp dụng xe điện giữa người tiêu dùng, nhà nhập khẩu và nhà sản xuất iv. Hỗ trợ đầu tư tư nhân: cung cấp các ưu đãi tài chính cho các nhà đầu tư sớm vào mạng sạc nhanh DC công suất cao công cộng v. Mở rộng hỗ trợ chính sách: đưa PHEV vào các chương trình khuyến khích, miễn thuế nhập khẩu cho xe điện và xe hybrid, đồng thời gia hạn ưu đãi BEV đến năm 2030 vi. Tối ưu ưu đãi: thực hiện cách tiếp cận theo cấp độ đối với thuế tiêu thụ đặc biệt (TTBĐB) và lệ phí trước bạ, với mức thuế suất thấp hơn đối với PHEV và tiếp tục ưu đãi cho BEV cho đến năm 2030.	
		B. Xe máy 1. Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp khẩn trương, quyết định phòng, chống ô nhiễm môi trường Những thách thức hiện tại: Mặc dù chúng tôi ủng hộ cam kết của Chính phủ về chuyển đổi xanh và trung hòa carbon, nhưng lệnh cấm đốt ngót đối với xe máy chạy bằng xăng và bắt buộc chuyển sang xe máy điện đặt ra những thách thức lớn. i. Về mặt kinh tế xã hội, nó sẽ tạo ra gánh nặng tài chính	• Văn phòng Chính phủ (VPCP) • Bộ Xây dựng (BXD) • Bộ Công Thương (BCT) • Bộ Tài chính (BTC) • Bộ Khoa học và Công nghệ (BKH&CN) • Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (UBND TP. Hà Nội) • Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (UBND Tp. Đà Nẵng)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		nặng nề cho người dân, đặc biệt là các nhóm thu nhập thấp, và phá vỡ một ngành công nghiệp với 200+ nhà cung cấp, 2.000+ đại lý và hàng trăm nghìn công nhân, gây mất việc làm và giảm thu ngân sách nhà nước. ii. Những thách thức về cơ sở hạ tầng và an toàn cũng vẫn còn, bao gồm nguy cơ hỏa hoạn do sặc hàng loạt, trạm sặc không đủ, tiêu chuẩn hóa pin, tái chế và cập nhật mã xây dựng. Khuyến nghị: i. Cho phép các lộ trình chuyển đổi kép: (i) xe máy điện, hoặc (ii) xe máy chạy xăng sạch (nhiên liệu sinh học EURO4, E10, kiểm soát chặt chẽ hơn đối với các phương tiện cũ). ii. Tận dụng các khoản đầu tư của ngành (25 nghìn tỷ đồng) vào công nghệ EURO4, có thể cắt giảm 50% lượng khí thải từ năm 2027. iii. Song song đó, chỉ đạo các bộ ưu tiên cơ sở hạ tầng sặc, mở rộng lưới điện, tiêu chuẩn hóa pin và phát triển hệ thống tái chế. Cách tiếp cận này sẽ giảm lượng khí thải trong khi vẫn duy trì sự ổn định xã hội và tăng trưởng bền vững.	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (UBND TP. Hồ Chí Minh)
		2. Hoàn thiện quy định về xử lý xe hết hạn sử dụng tại Việt Nam Những thách thức hiện tại: i. Nghị định 08 bắt buộc thu hồi và tái chế xe nhưng thiếu cơ chế ràng buộc và khuyến khích chủ xe xử lý xe đúng cách, có khả năng cản trở việc thực hiện EPR và dẫn đến việc xử lý không đúng cách. Khuyến nghị:	- Văn phòng Chính phủ (VPCP) - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT) - Bộ Tài chính (BTC) - Bộ Tư pháp (BTP)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		i. Thiết lập cơ chế ràng buộc: Giới thiệu các cơ chế ràng buộc để thực thi trách nhiệm của chủ phương tiện đối với việc xử lý đúng cách, chẳng hạn như: ii. Thanh toán trước phí tái chế tại thời điểm mua. iii. Hệ thống thu phí tự động để duy trì trách nhiệm cho đến khi xử lý đúng cách. iv. Thực hiện các chương trình khuyến khích: Cung cấp các ưu đãi tài chính để khuyến khích xử lý thích hợp, chẳng hạn như: v. Trợ cấp cho người tiêu dùng vứt bỏ xe trước khi hết thời hạn sử dụng hoặc trong vòng 15 năm kể từ khi mua. vi. Sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường để hỗ trợ các hoạt động xử lý (thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý).	
13.	Nhóm thực phẩm dinh dưỡng	1. Sửa đổi Luật An toàn thực phẩm Việt Nam Những thách thức hiện tại: i. Đảo ngược tiến độ: Dự thảo đề xuất quay trở lại các biện pháp kiểm tra trước lỗi thời, bao gồm đăng ký 100% sản phẩm và kiểm tra nhập khẩu, từ bỏ cách tiếp cận dựa trên rủi ro của Nghị định 15. Điều này cũng sẽ khôi phục các thủ tục giấy tờ bắt buộc, trước đây đã được bỏ đối với nhiều doanh nghiệp. ii. Tăng gánh nặng hành chính: Những thay đổi này sẽ gây ra gánh nặng hành chính đáng kể cho các doanh nghiệp, làm tăng chi phí tuân thủ và có khả năng làm chậm tăng trưởng kinh tế. Điều này mâu thuẫn với mục tiêu của chính phủ là hợp lý hóa các quy định và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh như đã nêu trong Nghị quyết 02. Khuyến nghị:	• Quốc hội (QH) • Bộ Y tế (BYT) • Vụ Pháp chế, Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế (BYT)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		i. Duy trì Nghị quyết 02: Duy trì sự tập trung vào quản lý rủi ro, hậu kiểm và hợp lý hóa các thủ tục. ii. Kết hợp các quy định của Nghị định 15: Giữ lại việc tự khai báo, kiểm tra nhập khẩu dựa trên rủi ro và miễn trừ đối với các cơ sở có chứng nhận nâng cao. iii. Hiện đại hóa luật: Bao gồm các quy định về hậu kiểm tra, chuyển đổi số và quản lý an toàn thực phẩm dựa trên rủi ro. iv. Áp dụng quản lý rủi ro: Tập trung vào các loại thực phẩm có nguy cơ cao (ví dụ: dinh dưỡng y tế, thực phẩm bổ sung cho các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương) để kiểm soát và chứng nhận chặt chẽ hơn.	
14.	Tiểu ban Dược Phẩm	1. Quyền sở hữu trí tuệ: Những thách thức hiện tại: i. Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị xác định đổi mới sáng tạo là một trong những động lực chính cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam. ii. Một cuộc khảo sát nội bộ giữa các thành viên kinh doanh dược phẩm của chúng tôi cho thấy 50% đã bị vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, với 44% trong số này vẫn chưa được giải quyết và 24% kết thúc mà không có biện pháp khắc phục hậu quả. Khuyến nghị: i. Ưu tiên rà soát toàn diện các quy định về sở hữu trí tuệ và tăng cường thực thi. Đặc biệt chú trọng đến các quy định liên quan đến lĩnh vực dược phẩm trong quá trình đăng ký thuốc, chẳng hạn như bảo vệ dữ liệu.	• Bộ Y tế (BYT) • Bộ Khoa học và Công nghệ (BKH&CN)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
15.	Tài chính bền vững	1. Công bố ESG: Những thách thức hiện tại: - Chi phí tuân thủ cao và nhu cầu xây dựng năng lực nội bộ Khuyến nghị: - Giới thiệu khung công bố ESG bắt buộc, tiêu chuẩn hóa cho các công ty niêm yết. - Cung cấp các ưu đãi tài chính, chẳng hạn như giảm thuế hoặc giảm chi phí tuân thủ, cho các công ty áp dụng báo cáo ESG. - Yêu cầu công bố ESG bắt buộc đối với các lĩnh vực chính có tác động cao đến môi trường và xã hội, chẳng hạn như năng lượng, bất động sản và sản xuất. - Đầu tư vào việc phát triển các nền tảng và công cụ kỹ thuật số giúp đơn giản hóa quá trình thu thập, quản lý và báo cáo dữ liệu ESG.	- Bộ Tài chính (BTC) - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT) - Bộ Công Thương (BCT)
		2. Phân loại tài chính bền vững: Những thách thức hiện tại: - Thiếu các định nghĩa được tiêu chuẩn hóa, dẫn đến việc phân loại các hoạt động bền vững không nhất quán giữa các lĩnh vực. Khuyến nghị: - Thành lập một nhóm công tác đa bên bao gồm đại diện từ các cơ quan chính phủ, khu vực tư nhân, các tổ chức tài chính và các tổ chức quốc tế để phát triển và tinh chỉnh phân loại. - Khuyến khích tạo ra các sản phẩm tài chính như trái phiếu xanh, các khoản vay liên kết bền vững và tài chính chuyển tiếp liên quan đến phân loại.	- Bộ Tài chính (BTC) - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT) - Bộ Công Thương (BCT)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		3. Tài trợ thương mại bền vững: Những thách thức hiện tại: - Sự tham gia hạn chế của các ngân hàng trong việc tài trợ cho các hoạt động liên quan đến khí hậu - Nhận thức hạn chế với các sản phẩm tài trợ thương mại bền vững - Những khoảng trống pháp lý càng làm phức tạp thêm bối cảnh, vì Việt Nam thiếu các quy tắc toàn diện hướng dẫn tài chính thương mại bền vững, không giống như các khu vực như EU. Khuyến nghị: - Khuyến khích phát triển nhiều sản phẩm tài chính xanh, chẳng hạn như thư tín dụng xanh, cho vay liên kết bền vững và bảo hiểm tín dụng thương mại xanh. - Xây dựng chiến lược xuất khẩu xanh, tập trung thúc đẩy sản phẩm bền vững trên thị trường quốc tế.	- Bộ Tài chính (BTC) - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT) - Bộ Công Thương (BCT)
		4. Rủi ro khí hậu trong ngân hàng Những thách thức hiện tại: - Ngành ngân hàng Việt Nam đang đối mặt với áp lực ngày càng lớn trong việc quản lý rủi ro khí hậu, bao gồm cả rủi ro vật chất (thiên tai, thời tiết cực đoan) và rủi ro chuyển đổi (giá carbon, thay đổi chính sách). Khuyến nghị: - Thực hiện kiểm tra sức chịu đựng rủi ro khí hậu toàn diện đối với tất cả các tổ chức tài chính, phù hợp với Quyết định 1408/QĐ-NHNN, nhằm xác định lỗ hổng trong các lĩnh vực nhạy cảm và hạn chế tổn thất tiềm ẩn. - Hoàn thiện và tăng cường các quy định hiện hành (Nghị định 17/2022/TT-NHNN và Quyết định 1408/QĐ-NHNN), ban hành hướng dẫn cụ thể hơn về đánh giá và	- Bộ Tài chính (BTC) - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT) - Bộ Công Thương (BCT)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		quản lý rủi ro khí hậu. iii. Triển khai chương trình bảo lãnh tín dụng để giảm rủi ro cho ngân hàng khi tài trợ các dự án xanh, từ đó huy động thêm nguồn vốn cho quá trình chuyển đổi bền vững. 5. Tài chính thích ứng Những thách thức hiện tại: i. Việt Nam chưa có khung pháp lý đầy đủ cho tài chính thích ứng. Chi phí dự kiến để thích ứng khí hậu lên tới 35 tỷ USD vào năm 2030, trong khi dữ liệu rủi ro khí hậu còn hạn chế, gây khó khăn cho việc huy động vốn, đặc biệt từ khu vực tư nhân. Khuyến nghị: i. Xây dựng khuôn khổ quốc gia toàn diện về tài chính thích ứng, bao gồm định nghĩa rõ ràng, tiêu chí đầu tư và hướng dẫn tích hợp rủi ro khí hậu vào các quyết định tài chính. ii. Tham gia sâu hơn vào các cơ chế tài chính khí hậu quốc tế để huy động vốn và hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án lớn trong nông nghiệp, hạ tầng ven biển và đô thị. iii. Thành lập Ngân hàng Đầu tư Xanh quốc gia (GIB) với trọng tâm tài chính thích ứng, cung cấp các khoản vay ưu đãi, bảo lãnh và tài chính hỗn hợp. iv. Tăng cường hỗ trợ tài chính có mục tiêu cho nông nghiệp thích ứng khí hậu, bao gồm đa dạng hóa cây trồng, hệ thống tưới tiêu bền vững và quản lý đất hiệu quả, bao gồm đa dạng hóa cây trồng, hệ thống tưới tiêu bền vững và quản lý đất.	
16.	Tiểu ban Thuế và Chuyển giá	1. Đẩy nhanh hoàn thuế GTGT và giảm gánh nặng hành chính để tiếp tục hỗ trợ sự phát triển của doanh nghiệp Những thách thức hiện tại:	• Bộ Tài chính (BTC) • Cục Thuế

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		i. Hoàn thuế GTGT đóng vai trò quan trọng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, vì ảnh hưởng trực tiếp đến việc quản lý dòng tiền và duy trì của hoạt động kinh doanh. Thời gian gần đây, nhiều doanh nghiệp đã bày tỏ quan ngại về việc chậm trễ trong nhận hoàn thuế GTGT từ cơ quan thuế. Khuyến nghị: i. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thuế GTGT nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và thu hút thêm đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.	
		2. Mở rộng chính sách hỗ trợ đầu tư (Trợ cấp bằng tiền mặt và ưu đãi dựa trên chi phí) Những thách thức hiện tại: i. Trong bối cảnh bất ổn kinh tế toàn cầu, thay đổi về thuế quốc tế, cùng với nhu cầu thúc đẩy chuyển dịch năng lượng và phát triển sản xuất có giá trị gia tăng. Khuyến nghị: i. Mở rộng các ưu đãi dựa trên chi phí sang nhiều lĩnh vực hơn và tại các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, nhằm thu hút thêm nguồn vốn đầu tư nước ngoài trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu.	• Bộ Tài chính (BTC) • Cục Thuế
		3. Khấu trừ toàn bộ chi phí lãi vay đối với các khoản vay xanh và vay gắn với phát triển bền vững Những thách thức hiện tại: i. Mục tiêu dài hạn của Việt Nam về đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, cùng với yêu cầu ngày càng khắt khe về giảm phát thải carbon đối với hàng xuất khẩu, đặc biệt sang thị trường EU, sẽ đòi hỏi nguồn	• Bộ Tài chính (BTC) • Cục Thuế

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		vốn đầu tư rất lớn, bao gồm cả các khoản vay từ ngân hàng thương mại. Khuyến nghị: i. Bổ sung quy định trong Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (CIT) cho phép khấu trừ toàn bộ chi phí lãi vay đối với các khoản vay xanh và các khoản vay gắn với phát triển bền vững, loại bỏ mức trần hiện tại là 30% trên EBITDA. Điều này sẽ hỗ trợ các khoản đầu tư bền vững và giúp chính sách tài khóa của Việt Nam phù hợp hơn với các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu.	
		4. Thuế và miễn giảm thuế theo hiệp định thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn từ các cổ đông nước ngoài 4.1 Khung pháp lý chưa rõ ràng về thuế đối với chuyển nhượng vốn tại Việt Nam Những thách thức hiện tại: i. Khung pháp lý hiện tại của Việt Nam về chuyển nhượng vốn còn thiếu rõ ràng, dẫn đến khó khăn trong việc xác định nghĩa vụ thuế. ii. Quy định đánh thuế theo phạm vi rộng có thể dẫn đến việc áp thuế không hợp lý đối với các giao dịch tái cấu trúc hoặc các trường hợp phát sinh lỗi. iii. Đề xuất áp dụng mức thuế suất cố định 2% có thể tạo thêm gánh nặng cho bên chuyển nhượng, đặc biệt trong những trường hợp không phát sinh lợi nhuận chịu thuế. Khuyến nghị: i. Nghiên cứu thông lệ quốc tế về thuế đối với chuyển nhượng vốn và ban hành các quy định cụ thể, rõ ràng	• Bộ Tài chính (BTC) • Cục Thuế

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		hơn, cũng như áp dụng cơ chế miễn trừ như tại nhiều quốc gia khác, trong nghị định hoặc thông tư hướng dẫn Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (CIT). 4.2 Thực tiễn miễn giảm thuế theo hiệp định thuế Những thách thức hiện tại: i. Nhiều cơ quan thuế địa phương từ chối áp dụng miễn giảm thuế theo hiệp định thuế đối với các giao dịch chuyển nhượng vốn mà không có lý do rõ ràng, gây ra sự thiếu chắc chắn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Khuyến nghị: i. Ban hành hướng dẫn cụ thể, thống nhất về việc áp dụng miễn giảm thuế theo hiệp định thuế, nhằm đảm bảo việc thực hiện các ưu đãi thuế minh bạch và công bằng, phù hợp với các cam kết quốc tế.	
17.	Tiểu ban Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1. Chính sách thị thực nhập cảnh và thủ tục hành chính Những thách thức hiện tại: i. Việt Nam vẫn chưa cạnh tranh cao so với các nước trong khu vực (Thái Lan, Malaysia) vốn có các chính sách miễn thị thực rộng rãi hơn. ii. Các vấn đề hành chính (cổng thị thực điện tử chậm, xếp hàng dài tại sân bay) cũng ảnh hưởng đến trải nghiệm của du khách quốc tế. Khuyến nghị: i. Mở rộng chính sách miễn thị thực cho nhiều quốc gia hơn, ưu tiên các nước EU và các thị trường có giá trị cao. ii. Miễn thị thực tạm thời cho các sự kiện đặc biệt, như du	• Bộ Ngoại giao (BNG) • Bộ Công an (BCA) • Cục Quản lý xuất nhập cảnh • Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (BVHTT&DL)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		lịch MICE và các sự kiện quốc tế, diễn đàn, hội chợ triển lãm, sự kiện thể thao và lễ hội văn hóa. iii. Nâng cấp và đơn giản hóa quy trình e-visa và thủ tục nhập cảnh: đa ngôn ngữ, nhanh hơn, hướng dẫn rõ ràng hơn; bổ sung cổng e-gate và làn nhập cảnh “chăm sóc đặc biệt”. iv. Xem xét các loại thị thực mới cho nhóm khách lưu trú dài hạn theo nhu cầu đặc thù (ví dụ: thị thực cho lao động số – digital nomad, thị thực hưu trí).	
		2. Du lịch y tế Những thách thức hiện tại: i. Chưa có loại thị thực y tế chuyên dụng. ii. Các gói dịch vụ còn phân mảnh và hạn chế. iii. Số lượng bệnh viện đạt chuẩn quốc tế còn ít và hoạt động quảng bá quốc tế còn yếu. Khuyến nghị: i. Ban hành loại thị thực y tế hoặc chính sách thị thực tạo thuận lợi: cho phép lưu trú dài hơn (90–180 ngày) cho bệnh nhân và người chăm sóc. ii. Phát triển các gói du lịch y tế tích hợp nhằm tăng cường hợp tác công – tư. iii. Triển khai các chiến dịch quảng bá quốc tế để xây dựng thương hiệu Việt Nam như một điểm đến du lịch y tế. iv. Có chính sách khuyến khích các bệnh viện đạt chứng nhận quốc tế (JCI) và cải thiện dịch vụ ngôn ngữ/chăm sóc bệnh nhân. v. Quảng bá các gói dịch vụ y học cổ truyền & chăm sóc sức khỏe được chứng nhận như một điểm khác biệt độc	• Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (BVHTT&DL) • Cục Du lịch quốc gia Việt Nam (CDLQGVN) • Bộ Y tế (BYT)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		đáo.	
		3. Du lịch chăm sóc sức khỏe Những thách thức hiện tại: - Các dịch vụ vẫn còn phân mảnh và thiếu các gói toàn diện. - Các đối thủ cạnh tranh như Thái Lan / Bali đã chiếm ưu thế. Khuyến nghị: - Xây dựng chiến lược du lịch chăm sóc sức khỏe quốc gia toàn diện. - Khuyến khích đổi mới sản phẩm và các gói chăm sóc sức khỏe tích hợp. - Quảng bá thương hiệu chăm sóc sức khỏe Việt Nam ra quốc tế. - Đầu tư nguồn nhân lực và cơ sở vật chất. - Đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan y tế và du lịch.	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (BVHTT&DL) - Cục Du lịch quốc gia Việt Nam (CDLQGVN) - Bộ Y tế (BYT).
		3. Cơ sở hạ tầng du lịch và kết nối khu vực Những thách thức hiện tại: - Việt Nam đang đầu tư mạnh mẽ (cao tốc, sân bay Long Thành, sân bay khu vực), nhưng các cửa ngõ chính vẫn đang quá tải (Tân Sơn Nhất, Nội Bài). - Các điểm đến thứ cấp còn kết nối kém; so với Thái Lan, cơ sở hạ tầng của Việt Nam vẫn chưa phát triển đầy đủ, hạn chế khả năng phát triển du lịch đa điểm đến. Khuyến nghị: Đẩy nhanh tiến độ các dự án giao thông trọng điểm (sân bay Long Thành, hệ thống cao tốc, hiện đại hóa	- Bộ Ngoại giao (BNG) - Bộ Công an (BCA) - Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Giao thông Vận tải (BGTVT) - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (BVHTT&DL) - Cục Hàng không Việt Nam (CHKVN) - Bộ Tài chính (BTC)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		đường sắt). ii. Cải thiện kết nối liên tỉnh và xuyên biên giới (tăng cường kết nối với Lào/Campuchia, mở thêm tuyến phà và du lịch đường biển). iii. Khuyến khích đa dạng hóa đầu tư (công viên giải trí, cơ sở MICE, khu nghỉ dưỡng sinh thái, khu du lịch chuyên đề). iv. Đảm bảo yếu tố bền vững trong các dự án mới (đánh giá tác động môi trường, khả năng chống chịu biến đổi khí hậu, tiêu chuẩn công trình xanh). v. Hợp tác với các nước ASEAN trong việc xây dựng tiêu chuẩn hạ tầng, chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường kết nối khu vực.	
		4. Bảo vệ di sản và bền vững môi trường Những thách thức hiện tại: i. Sự phát triển du lịch đang đe dọa các di sản UNESCO (ví dụ: Vịnh Hạ Long đang trong diện xem xét của UNESCO). ii. Các vấn đề bao gồm: du lịch quá tải, xây dựng không kiểm soát, rác thải, và việc thực thi còn yếu. iii. Một số thí điểm thành công (lệnh cấm nhựa tại Hội An, du lịch cộng đồng), nhưng chưa được nhân rộng. Khuyến nghị: i. Thực thi nghiêm ngặt các quy định bảo vệ di sản (ĐTM, vùng đệm, thành lập lực lượng bảo vệ di sản). ii. Nâng cấp hệ thống quản lý chất thải và môi trường tại các điểm nóng du lịch (cấm nhựa dùng một lần, hạ tầng tái chế, phạt nặng vi phạm). iii. Xây dựng Chứng nhận Du lịch Xanh, kèm theo ưu đãi	• Bộ Giao thông Vận tải (BGTVT) • Bộ Tài chính (BTC) • Bộ Ngoại giao (BNG) • Văn phòng Chính phủ (VPCP) • Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (BVHTT&DL)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		cho các đơn vị kinh doanh thân thiện môi trường. iv. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương (đào tạo, hợp tác xã, quỹ du lịch, tái đầu tư từ phí tham quan). v. Giáo dục và định hướng du khách (chiến dịch du lịch có trách nhiệm, ứng dụng du lịch xanh, thông điệp về ứng xử văn hóa).	
18.	Tiểu ban Vận tải và Hậu cần	1. An ninh hàng không Những thách thức hiện tại: i. Tình trạng tắc nghẽn và thiết bị soi chiếu lạc hậu đang gây chậm trễ trong vận chuyển hàng hóa. ii. Khả năng giám sát hạn chế và quy trình sân bay cứng nhắc làm giảm hiệu quả. iii. Các quy định hạn chế (vận tải đường bộ, giờ bốc xếp) càng làm gia tăng điểm nghẽn. Khuyến nghị: i. Hiện đại hóa sân bay với thiết bị soi chiếu cỡ lớn và áp dụng công nghệ AI/đội chó nghiệp vụ (K9) để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. ii. Mở rộng giờ bốc dỡ hàng hóa và gỡ bỏ các điểm nghẽn nhằm giảm tắc nghẽn và chậm trễ. iii. Thí điểm mô hình cơ sở xử lý hàng hóa ngoài sân bay để giảm ùn tắc và nâng cao hiệu quả. iv. Đơn giản hóa thủ tục hải quan để cải thiện dòng chảy hàng hóa và giảm điểm nghẽn.	• Bộ Công Thương (BCT) • Bộ Tài chính (BTC) • Bộ Xây dựng (BXD)
		2. Hải quan Những thách thức hiện tại: i. Khai báo thuế quan phức tạp, tranh chấp về trị giá hải quan, và tình trạng thiếu mẫu chứng nhận xuất xứ	• Bộ Tài chính (BTC) • Cục Hải quan (CHQ) • Bộ Công Thương (BCT)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		EUR.1 đang cản trở hiệu quả thương mại. ii. Việc bãi bỏ thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ có nguy cơ làm tăng chi phí, gây chậm trễ và giảm khả năng cạnh tranh. Khuyến nghị: i. Phân biệt rõ giữa lỗi hành chính và vi phạm pháp luật nhằm nâng cao tính linh hoạt trong lưu chuyển hàng hóa. ii. Số hóa các quy trình hải quan, bao gồm cả chứng nhận xuất xứ điện tử (e-C/O), để nâng cao hiệu quả. iii. Đảm bảo nguồn cung lâu dài cho mẫu chứng nhận EUR.1 và chuyển đổi sang hệ thống chứng nhận điện tử.	
		3. Tính bền vững trong vận tải và hậu cần Những thách thức hiện tại: i. Lượng khí thải cao, thiếu phương tiện phát thải thấp và chưa áp dụng rộng rãi các thực hành bền vững. Khuyến nghị: i. Xây dựng lộ trình phát triển bền vững, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. ii. Đặt mục tiêu giảm phát thải, khuyến khích sử dụng nhiên liệu sạch và bắt buộc báo cáo minh bạch. iii. Nâng cấp hạ tầng cho phương tiện điện và LNG, đồng thời phát triển các trung tâm logistics xanh. iv. Thiết kế kế hoạch chuyển đổi sang phương tiện phát thải thấp vào năm 2030. v. Điều chỉnh chính sách phù hợp với các tiêu chuẩn toàn cầu như Thỏa thuận Xanh của EU (EU Green Deal) và Chiến lược Tăng trưởng Xanh của Việt Nam.	• Bộ Công thương (BCT) • Bộ Tài chính (BTC) • Bộ Xây dựng (BXD) • Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BNN&MT)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
19.	Rượu vang và Rượu mạnh	Hiện tại không có nội dung vận động chính sách.	
20.	Phụ nữ trong kinh doanh	1. Phát triển bền vững và bình đẳng giới Những thách thức hiện tại: i. Trao quyền cho phụ nữ và giải quyết bình đẳng giới là điều cần thiết để đạt được sự phát triển bền vững và một xã hội công bằng. Khuyến nghị: ii. Thúc đẩy bình đẳng giới trong quản lý môi trường và chiến lược khí hậu (Bộ NN&PTNT, Bộ TN&MT). iii. Tăng cường khả năng lãnh đạo của phụ nữ và đảm bảo tiếp cận bình đẳng với giáo dục, chăm sóc sức khỏe và các cơ hội kinh tế (Bộ Y tế, Bộ KH&ĐT). iv. Chống phân biệt đối xử trên cơ sở giới để thúc đẩy sự hòa nhập và gắn kết xã hội.	• Bộ Nội vụ (BNV)
		2. Nội quy lao động ảnh hưởng đến lao động nữ Những thách thức hiện tại: i. Thiếu ưu đãi cho các chính sách thân thiện với phụ nữ: Nghị định 145 khuyến khích người sử dụng lao động hỗ trợ lao động nữ thông qua các biện pháp như lịch trình linh hoạt và làm việc từ xa. Tuy nhiên, nếu không có các ưu đãi cụ thể, hiệu quả của các biện pháp này là điều đáng nghi ngờ. ii. Nghỉ thai sản ngắn hạn cho nam giới: Luật Bảo hiểm xã hội chỉ cho nam giới 5-14 ngày nghỉ thai sản, so với sáu tháng đối với phụ nữ. Khuyến nghị:	• Bộ Nội vụ (BNV)

STT.	Tiểu ban ngành nghề	Tóm tắt điểm vận động chính sách	Các cơ quan chính phủ có liên quan
		i. Dành ưu đãi cụ thể cho người sử dụng lao động thực hiện chính sách thân thiện với phụ nữ theo Nghị định 145. ii. Kéo dài thời gian nghỉ thai sản lên một tháng như một bước hướng tới các chính sách nghỉ phép của cha mẹ cân bằng hơn.	
		3. Đảm bảo bình đẳng giới trong chuyển đổi số Việt Nam Những thách thức hiện tại: i. Khi chuyển đổi kỹ thuật số tiến triển, với 75% việc làm trong STEM vào năm 2050, phụ nữ vẫn chưa được đại diện trong các lĩnh vực STEM, có nguy cơ mở rộng sự chênh lệch giới. Khuyến nghị: i. Thu thập dữ liệu về sự tham gia của phụ nữ STEM và đảm bảo các chính sách giải quyết khoảng cách giới. ii. Thúc đẩy giáo dục hòa nhập và đào tạo nghề cho phụ nữ trong lĩnh vực STEM và kỹ thuật số (MOET, MOHA). iii. Thúc đẩy các chiến dịch nâng cao nhận thức để thách thức định kiến và truyền cảm hứng cho phụ nữ trong STEM.	• Bộ Nội vụ (BNV) • Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD&DT) • Bộ Khoa học và Công nghệ (BKH&CN)



BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM

Kính thưa Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính
Kính thưa Bộ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng
Kính thưa toàn thể quý vị đại biểu,

Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam (JCCI) xin bày tỏ sự cảm kích trước sự lãnh đạo với tầm nhìn xa của Chính phủ Việt Nam, đặc biệt thông qua bốn Nghị quyết của Bộ Chính trị về đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế, công tác xây dựng, thực thi pháp luật và phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Những trụ cột này có ý nghĩa then chốt đối với tương lai của Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp Nhật Bản ủng hộ mạnh mẽ định hướng này.

Các doanh nghiệp Nhật Bản đã chuyển hướng đầu tư từ thâm dụng lao động sang nâng cao giá trị công nghiệp, phát triển nguồn nhân lực và hạ tầng. Chúng tôi khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, bao gồm nghiên cứu và phát triển (R&D), nâng cao năng lực và các dự án chuyển đổi năng lượng, nhằm thể hiện cam kết đối với một Việt Nam xanh, có năng lực cạnh tranh và sẵn sàng cho tương lai.

Tuy nhiên, bên cạnh cam kết mạnh mẽ đó, chúng tôi vẫn đang gặp phải một số khó khăn trong quá trình vận hành. Chúng tôi xin trình bày một số kiến nghị như sau:

1. Thi hành chính sách có tính khả thi cao

Chúng tôi ủng hộ các mục tiêu môi trường của Việt Nam, bao gồm chỉ đạo của Thủ tướng về việc hạn chế xe máy chạy xăng tại Hà Nội. Tuy nhiên, chúng tôi kiến nghị thực hiện theo lộ trình từng bước và có tính khả thi, cân nhắc đến tác động đối với người dân và các ngành công nghiệp địa phương. Cần đảm bảo việc hoạch định chính sách cân bằng và mang tính bao trùm.

Tương tự, các tiêu chuẩn về hiệu suất nhiên liệu được đề xuất trong ngành giao thông vận tải cần phản ánh đúng bối cảnh năng lượng và đặc thù giao thông của Việt Nam. Các loại xe chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện vốn không yêu cầu hạ tầng đặc biệt có thể là một hướng đi thực tế.

Chúng tôi ủng hộ việc xây dựng chính sách mang tính hợp tác, đi kèm lộ trình rõ ràng để định hướng quá trình chuyển đổi công nghiệp. Các doanh nghiệp Nhật Bản sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam trên hành trình này.

2. Tăng cường thẩm quyền hành chính và tính minh bạch pháp lý

Trong quá trình triển khai các dự án hạ tầng, một số Bộ, ngành và cơ quan đối tác dường như chưa có đủ thẩm quyền hoặc điều kiện cần thiết. Bên cạnh đó, các quy định pháp luật liên quan còn thiếu rõ ràng, làm hạn chế khả năng giải quyết vướng mắc. Việc đạt

được thỏa thuận giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý vì vậy gặp nhiều khó khăn, làm chậm tiến độ của dự án.

Ví dụ, có những dự án hạ tầng quốc gia đã hoàn thành, nhưng nhà thầu vẫn chưa được thanh toán đầy đủ. Các cuộc đàm phán với cơ quan có thẩm quyền không mang lại kết quả do cán bộ phụ trách không có đủ thẩm quyền và năng lực giải quyết. Ngay cả khi họ xin ý kiến cấp trên, cơ quan cấp cao hơn cũng e ngại chịu trách nhiệm vì phạm vi thẩm quyền trong luật và quy định liên quan chưa được xác định rõ ràng.

Trong một trường hợp khác, một doanh nghiệp Nhật Bản đã nộp hồ sơ xin gia hạn thời gian thực hiện dự án đầu tư, nhưng do những bất cập trong quy định pháp luật, thủ tục hành chính đã bị đình trệ. Do thiếu sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, cơ quan hải quan đã tạm ngừng áp dụng ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp chế xuất (EPE) của công ty này, gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh.

Chúng tôi kính đề nghị các cấp lãnh đạo Chính phủ Việt Nam, bao gồm Ngài Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, tiếp tục quan tâm chỉ đạo giải quyết những khó khăn nêu trên.

3. Cải thiện thủ tục hành chính

Các doanh nghiệp Nhật Bản hiện đang gặp khó khăn khi xin Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (ROL) do quy định Kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) theo Nghị định 09/2018. Theo Hiệp định CPTPP, Việt Nam đã cam kết dỡ bỏ yêu cầu ENT đối với các quốc gia thành viên. Chúng tôi đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ trong việc sửa đổi Nghị định 09 và kiến nghị sớm áp dụng cam kết đối xử quốc gia đối với các nhà đầu tư CPTPP.

Trong lĩnh vực kỹ thuật số, việc chậm trễ trong cấp giấy phép kinh doanh thương mại điện tử cũng khiến cho nhiều cơ hội bị bỏ lỡ. Chúng tôi đề nghị Chính phủ đẩy nhanh quy trình cấp phép nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hỗ trợ sự phát triển của các ngành công nghiệp mới.

4. Tăng cường chuỗi cung ứng và phát triển nguồn nhân lực

Để tránh rơi vào bẫy thu nhập trung bình và đạt được tăng trưởng bền vững, Việt Nam cần thúc đẩy đổi mới sáng tạo và củng cố chuỗi cung ứng, qua đó phát triển các ngành công nghiệp trong nước có năng lực cạnh tranh toàn cầu. Sự hợp tác giữa các doanh nghiệp toàn cầu và doanh nghiệp Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và năng suất lao động.

Các doanh nghiệp Nhật Bản đã xây dựng hệ thống phát triển nhân lực có tay nghề cao và hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, góp phần giúp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy vậy, chúng tôi vẫn đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt lao động có tay nghề cao do tình trạng chảy máu chất xám và việc mở rộng kinh doanh. Do đó, chúng tôi đề nghị tăng cường các cơ sở đào tạo nghề để đáp ứng nhu cầu của ngành. JCCI hiện đang hợp tác với các trường đại học và trường dạy nghề để thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp và nhà trường thông qua phát triển nghề nghiệp.

Cuối cùng, cộng đồng doanh nghiệp Nhật Bản xin cam kết sẽ làm sâu sắc hơn nữa mối quan hệ hợp tác này để tiếp tục đóng góp đáng kể cho sự phát triển của Việt Nam thông qua vốn đầu tư, tạo việc làm, chuyển giao công nghệ và tri thức, hỗ trợ Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, có năng lực cạnh tranh và sẵn sàng cho tương lai. JCCI tin tưởng rằng việc liên tục cải thiện môi trường đầu tư sẽ tạo điều kiện để các doanh nghiệp

nước ngoài, trong đó có doanh nghiệp Nhật Bản, yên tâm đầu tư, mở rộng hoạt động tại Việt Nam, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển vào năm 2045.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị đã chú ý lắng nghe.



BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC TẠI VIỆT NAM

Hôm nay, tôi rất vinh dự được thay mặt cho cộng đồng doanh nghiệp Hàn Quốc đang hoạt động tại Việt Nam, bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Ngài Thủ tướng Phạm Minh Chính cùng các vị lãnh đạo các bộ, ban, ngành liên quan đã dành cho chúng tôi cơ hội quý báu được tham dự sự kiện trọng thể này. Với tư cách là một doanh nhân Hàn Quốc đang đồng hành cùng Việt Nam trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ và đầy tiềm năng, tôi thực sự cảm thấy tự hào và hạnh phúc khi được chia sẻ niềm vui chung ấy. Tôi đặc biệt trân trọng và ghi nhớ sự quan tâm sâu sát của Ngài Thủ tướng, khi Ngài đã trực tiếp lắng nghe ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp Hàn Quốc và chỉ đạo kịp thời việc tháo gỡ nhiều vấn đề quan trọng trong buổi đối thoại vào tháng 3 vừa qua.

Hoạt động sản xuất – kinh doanh của các doanh nghiệp là một quá trình liên tục và không ngừng đổi mới. Nhân dịp này, tôi xin phép được chia sẻ một số vấn đề vẫn còn tồn tại, đồng thời bày tỏ hy vọng rằng những nội dung đó sẽ được lắng nghe, xem xét và từng bước cải thiện trong thời gian tới.

Thứ nhất, liên quan đến những khó khăn trong quá trình logistics xuất khẩu do thay đổi chính sách.

Hiện nay, một số doanh nghiệp sản xuất – trong đó có các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ô tô – đang triển khai sản xuất các sản phẩm chuyên dụng phục vụ xuất khẩu. Tuy nhiên, do các sản phẩm này được thiết kế và chế tạo theo tiêu chuẩn kỹ thuật của thị trường nhập khẩu, nên trong một số trường hợp, doanh nghiệp chưa thể được cấp Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) tại Việt Nam.

Hệ quả là các doanh nghiệp không thể xin cấp biển số tạm thời để vận chuyển hàng hóa ra cảng, dẫn đến việc toàn bộ tiến độ xuất khẩu bị chậm trễ. Đồng thời, tình trạng này cũng làm phát sinh thêm chi phí cho doanh nghiệp do những khó khăn trong quá trình vận chuyển và lưu kho hàng hóa.

Chúng tôi nhận thấy rằng những hạn chế về thủ tục nêu trên đang dần trở thành rào cản đối với nỗ lực đa dạng hóa thị trường xuất khẩu của doanh nghiệp. Vì vậy, chúng tôi kính đề nghị Chính phủ và các cơ quan chức năng xem xét xây dựng cơ chế ngoại lệ dành cho các sản phẩm chuyên dùng phục vụ xuất khẩu, qua đó cho phép cấp biển số tạm thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho quá trình vận chuyển hàng hóa ra cảng.

Thứ hai, vấn đề chậm trễ trong việc hoàn thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với hoạt động xuất nhập khẩu nội địa cần sớm được giải quyết một cách triệt để.

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp Hàn Quốc đang gặp khó khăn trong hoạt động tài chính do việc hoàn thuế bị kéo dài. Đặc biệt, có những trường hợp doanh nghiệp không chỉ chưa được hoàn thuế mà còn bị yêu cầu hoàn trả lại khoản thuế đã được hoàn trước đó, hoặc phải nộp bổ sung thuế và tiền phạt sau khi bị thanh tra.

Thực tế này cho thấy ở một số địa phương, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vẫn chưa được thực hiện đầy đủ theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ Việt Nam.

Do đó, chúng tôi cho rằng cần bảo đảm để các chính sách và cơ chế quản lý của cơ quan hải quan và thuế trung ương được áp dụng thống nhất trên toàn quốc; đồng thời đẩy nhanh tiến độ hoàn thuế nhằm giúp doanh nghiệp ổn định dòng tiền, duy trì hoạt động sản xuất – kinh doanh và mở rộng đầu tư. Từ góc nhìn của các doanh nghiệp đang triển khai mô hình phát triển bền vững ESG, việc áp dụng cơ chế “hoàn thuế trước, kiểm tra sau” sẽ thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa niềm tin của Nhà nước đối với doanh nghiệp và tính thực tiễn, linh hoạt trong chính sách quản lý.

Thứ ba, cần xem xét việc gia hạn thời hạn hoạt động cho các doanh nghiệp đang đầu tư trong các khu công nghiệp.

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp Hàn Quốc đang đối mặt với thời điểm hết hạn hợp đồng thuê đất hoặc giấy phép đầu tư tại các khu công nghiệp. Tuy nhiên, do chưa có cơ chế pháp lý rõ ràng cho phép tiếp tục hoạt động sau khi hợp đồng kết thúc, nên không ít doanh nghiệp đang đứng trước nguy cơ phải cân nhắc rút khỏi thị trường — một tình huống không mong muốn và có thể kéo theo nhiều hệ quả đáng tiếc. Tình trạng này không chỉ gây tổn thất cho doanh nghiệp về phương diện phát triển bền vững, mà còn có thể ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài đối với môi trường đầu tư của Việt Nam. Để khắc phục vấn đề này, chúng tôi kính đề nghị Chính phủ xem xét ban hành chính sách hướng dẫn và bố trí quỹ đất thay thế trong cùng khu công nghiệp hoặc tại khu vực lân cận cho các doanh nghiệp có dự án đã hết thời hạn hoạt động. Đồng thời, đối với các doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ điều kiện, đề nghị thể chế hóa cơ chế gia hạn hợp đồng đầu tư và thuê đất, nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp tục hoạt động ổn định, lâu dài và đóng góp bền vững cho nền kinh tế. Đặc biệt, đối với những doanh nghiệp đã đồng hành cùng Việt Nam từ những năm 1990 và có đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, cũng như các doanh nghiệp đang triển khai kế hoạch đầu tư dài hạn, chúng tôi đề xuất ưu tiên xem xét gia hạn trước thời hạn, như một sự ghi nhận xứng đáng và khuyến khích sự gắn bó lâu dài của họ với Việt Nam.

Thứ tư, cần bảo đảm rằng việc sửa đổi Luật Công nghệ cao sẽ không làm suy giảm động lực đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

Dự thảo Luật Công nghệ cao đang được Quốc hội xem xét, thảo luận là một văn bản pháp lý có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giữ vai trò then chốt trong việc thúc đẩy đổi

mới sáng tạo và nâng cao năng lực công nghiệp của Việt Nam. Đây sẽ là nền tảng cốt lõi để Việt Nam tiến tới xây dựng nền kinh tế dựa trên công nghệ cao trong tương lai.

Tuy nhiên, chúng tôi lo ngại rằng một số nội dung sửa đổi có thể ảnh hưởng đến các chính sách ưu đãi mà doanh nghiệp FDI đã và đang được hưởng theo cam kết đầu tư trước đây. Nếu việc sửa đổi dẫn tới thu hẹp phạm vi ưu đãi hoặc làm suy giảm năng lực cạnh tranh trong hoạt động đầu tư, điều đó có thể gây tác động tiêu cực đến các mục tiêu phát triển trung và dài hạn của Việt Nam — bao gồm mở rộng đầu tư, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Vì vậy, chúng tôi kính đề nghị Ngài Thủ tướng quan tâm chỉ đạo để quá trình sửa đổi luật được thực hiện theo hướng hợp lý, hài hòa và nhất quán — vừa bảo đảm mục tiêu phát triển quốc gia, vừa duy trì niềm tin và động lực đầu tư của cộng đồng doanh nghiệp FDI.

Nhân dịp này, chúng tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới Chính phủ Việt Nam vì đã nỗ lực thúc đẩy hiệu quả các cuộc đàm phán thương mại và thuế quan với Hoa Kỳ kể từ tháng 5 vừa qua. Chúng tôi hy vọng rằng trong quá trình đàm phán sắp tới, tiêu chí “vận chuyển hợp lý” (Transshipment Rule) sẽ được thiết lập rõ ràng, qua đó tạo dựng một môi trường kinh doanh ổn định, minh bạch và có thể dự đoán được cho cả doanh nghiệp Việt Nam lẫn các doanh nghiệp FDI. Kính mong Ngài Thủ tướng tiếp tục quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ để những mục tiêu này sớm được hiện thực hóa một cách hài hòa, hiệu quả và bền vững.

Thứ năm, cần từng bước khắc phục tình trạng mất cân đối cung – cầu lao động.

Hiện nay, các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tuyển dụng cả lao động có tay nghề cao lẫn lao động phổ thông trước những biến động của môi trường đầu tư. Đáng lưu ý, việc một số doanh nghiệp tuyển dụng tràn lan, thiếu kiểm soát đã làm xáo trộn thị trường lao động; nhiều lao động lành nghề — vốn được doanh nghiệp đào tạo với chi phí và thời gian đáng kể — không thể gắn bó ổn định, lâu dài. Hệ quả là năng suất bị ảnh hưởng, đồng thời xuất hiện rào cản lớn đối với kế hoạch mở rộng đầu tư mới.

Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi kính đề nghị Chính phủ tăng cường hợp tác trong đào tạo nghề và giáo dục, thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chuyên môn tại địa phương; đồng thời thiết lập cơ chế điều phối cung – cầu lao động giữa khu vực nông thôn và khu công nghiệp dựa trên nhu cầu thực tế của thị trường. Bên cạnh đó, cần có các chính sách hỗ trợ mang tính thể chế nhằm bảo đảm người lao động do doanh nghiệp đào tạo có thể làm việc ổn định, lâu dài — thông qua các biện pháp hạn chế dịch chuyển lao động thiếu lành mạnh, củng cố tính ổn định của quan hệ việc làm và bảo vệ lợi ích chính đáng của cả người lao động lẫn doanh nghiệp.

Cuối cùng, xin được đề cập đến vấn đề xây dựng và triển khai mạnh mẽ chính sách của Chính phủ về ESG.

Hiện nay, quản trị ESG không còn là một lựa chọn, mà đã trở thành yêu cầu tất yếu cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đây chính là thời điểm cần đẩy nhanh tốc độ thực thi các chính sách liên quan, nhằm đưa các cam kết về phát triển xanh và bền vững đi vào thực chất. Chúng tôi cũng nhận thấy rằng tăng trưởng xanh và chuyển đổi số là những lĩnh vực mà Ngài Thủ tướng đặc biệt quan tâm và dành nhiều tâm huyết chỉ đạo. Nếu công nghệ sạch tiên tiến của Hàn Quốc được kết hợp với nền tảng sản xuất năng động của Việt Nam, hai quốc gia hoàn toàn có thể cùng kiến tạo một trung tâm sản xuất thân thiện với môi trường hàng đầu khu vực châu Á. Trên tinh thần đó, chúng tôi mong muốn được tiếp tục thúc đẩy hợp tác song phương sâu rộng hơn nữa trong lĩnh vực này.

Song song với đó, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt. Việt Nam và Hàn Quốc có thể cùng mở rộng các chương trình đào tạo nghề, tăng cường hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, qua đó bồi dưỡng đội ngũ nhân lực chung có khả năng dẫn dắt kỷ nguyên “kinh tế xanh và kinh tế số”. Để đạt được điều này, rất cần một cơ chế đối thoại thường xuyên, hiệu quả và thực chất giữa Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn một số thách thức cần được sớm tháo gỡ, như việc nâng cao nhận thức và hiểu biết về thủ tục hành chính, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn công bố ESG, cũng như cải thiện khả năng tiếp cận nguồn tài chính xanh. Nếu Chính phủ sớm hoàn thiện các cơ chế này và đồng thời áp dụng chính sách ưu đãi mạnh mẽ dành cho những doanh nghiệp thực hiện tốt tiêu chuẩn ESG, chúng tôi tin tưởng rằng điều đó sẽ đóng góp to lớn vào việc hiện thực hóa mục tiêu “Việt Nam trung hòa carbon” trong tương lai gần.

Các doanh nghiệp Hàn Quốc luôn ghi nhớ và trân trọng thông điệp đầy cảm hứng mà Ngài Thủ tướng Phạm Minh Chính đã chia sẻ trong buổi gặp gỡ với cộng đồng doanh nghiệp Hàn Quốc vào tháng 3 vừa qua — rằng chúng ta cần “cùng làm, cùng hưởng, cùng thắng và cùng phát triển”, thông qua tầm nhìn sâu rộng, tư duy chiến lược và hành động mạnh mẽ.

Chúng tôi cho rằng những đề xuất được trình bày hôm nay không chỉ phản ánh tiếng nói chung của cộng đồng doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam, mà còn là những kiến nghị mang tính xây dựng và thực tiễn, hướng tới việc cải thiện môi trường đầu tư và thúc đẩy phát triển bền vững, đặc biệt trong các lĩnh vực tăng trưởng xanh và chuyển đổi số.

Chúng tôi tin tưởng rằng những thành tựu mà doanh nghiệp Hàn Quốc đã đạt được trong hơn 30 năm qua tại Việt Nam — đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất và công nghiệp chế tạo — sẽ tiếp tục được mở rộng sang các lĩnh vực hạ tầng, tăng trưởng xanh, chuyển đổi số và kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, để trở thành những đối tác tin cậy và người đồng hành lâu dài của Việt Nam trên con đường hướng tới một nền kinh tế phát triển toàn diện và bền vững.

Xin kính chúc Ngài Thủ tướng cùng quý vị dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA CÁC THÀNH VIÊN LIÊN KẾT VBF

Kính thưa Ngài Thủ tướng Chính phủ Việt Nam,
Kính thưa các Bộ trưởng,
Kính thưa các lãnh đạo Ngân hàng Thế giới và IFC,
Kính thưa các Đại sứ, quý đồng nghiệp, quý vị đại biểu,

Quý vị vừa lắng nghe phát biểu của 5 thành viên thuộc Liên minh VBF và từ VCCI.

Hôm nay, tôi xin được phát biểu thay mặt cho bảy (07) Hiệp hội Doanh nghiệp và Phòng Thương mại Quốc tế quy mô nhỏ hơn – các thành viên liên kết của VBF. Chúng tôi đại diện cho hơn 4.000 doanh nghiệp FDI, đóng góp hàng tỉ USD đầu tư nước ngoài vào Việt Nam từ Úc, Đài Loan (Trung Quốc), Hồng Kông, Ấn Độ, Singapore, Thụy Sĩ và Thái Lan.

Các vấn đề mà các thành viên liên kết của VBF đang đối mặt về cơ bản cũng giống với những thách thức của các phòng thương mại lớn, bao gồm: phát triển bền vững và quản lý môi trường hướng tới chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, đặc biệt là ứng dụng công nghệ tiên tiến và trí tuệ nhân tạo (AI).

Ngoài ra, những nội dung như môi trường kinh doanh thuận lợi và cải cách hành chính cũng là mối quan tâm chung của chúng tôi.

Việt Nam đã đề ra những mục tiêu phát triển đầy tham vọng cho giai đoạn tới, trong đó có cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, và đẩy mạnh số hóa trong quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

Để hiện thực hóa những mục tiêu này, Việt Nam cần một cách tiếp cận mang tính chuyển đổi, thúc đẩy tăng trưởng xanh song song với đổi mới số.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục là động lực trung tâm của tiến trình này: mở khóa nguồn vốn toàn cầu, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, tạo việc làm giá trị cao, hỗ trợ giáo dục cả về học thuật lẫn nghề nghiệp, hiện đại hóa chuỗi cung ứng, và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Về chuyển đổi xanh, đã tròn 4 năm kể từ COP26 (tháng 11/2021) – khi Thủ tướng Chính phủ Việt Nam công bố cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Hiện nay, COP30 đang diễn ra tại Brazil, với trọng tâm là chuyển dịch năng lượng, thúc đẩy tăng trưởng năng lượng tái tạo, hiệu quả năng lượng, và chuyển đổi các ngành công nghiệp.

Đáng chú ý, COP30 cũng thảo luận về thích ứng và tăng cường khả năng chống chịu – giải quyết rủi ro vật lý của biến đổi khí hậu thông qua các sáng kiến về đô thị, hạ tầng và hệ thống nước – những vấn đề vô cùng cấp thiết với Việt Nam.

Do đó, song song với việc chuyển sang nguồn năng lượng tái tạo để vận hành sản xuất, từ nhiên liệu hóa thạch sang các nguồn năng lượng sạch hơn như gió, mặt trời, sinh khối hay hydro xanh, chúng tôi nhận thấy rằng tất cả các nhà sản xuất – trong nước và nước ngoài –

đều cần nâng cao hiệu quả năng lượng, áp dụng quy trình sản xuất thông minh, và triển khai kinh tế tuần hoàn, bao gồm thu hồi, tái chế và tái sử dụng nguyên liệu.

Chúng tôi cũng hoan nghênh việc Chính phủ đang hướng tới phi carbon hóa và phát triển thị trường carbon, đây là một bước tiến tích cực giúp giảm phát thải khí nhà kính và khuyến khích sử dụng năng lượng thay thế.

Chuyển đổi số đang định hình lại nền kinh tế Việt Nam, mở ra cơ hội trong thương mại điện tử, dịch vụ tài chính, logistics, nông nghiệp, sản xuất, chính phủ điện tử và giáo dục, cùng với việc triển khai các công nghệ tiên tiến như AI.

Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng rất mạnh, tuy nhiên, để bảo đảm tốc độ tăng trưởng này, các yếu tố then chốt bao gồm:

- Năng lực triển khai nhất quán ở cấp tỉnh,
- Khả năng vận hành linh hoạt giữa hình thức trực tuyến và hồ sơ giấy,
- Các quy định về luồng dữ liệu đảm bảo lộ trình tuân thủ rõ ràng.

Chúng tôi mong muốn thấy:

- Thống nhất quy trình số hóa trên toàn quốc,
- Ban hành hướng dẫn cụ thể cho các tỉnh về xây dựng năng lực triển khai,
- Nâng cấp hệ thống hành chính số (bao gồm song ngữ),
- Thúc đẩy nguyên tắc an ninh mạng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế,
- Cho phép luồng dữ liệu xuyên biên giới,
- Và xây dựng, nâng cấp hạ tầng số công.

Cải cách hành chính 2025 của Việt Nam – bao gồm việc sáp nhập các đơn vị cấp tỉnh và loại bỏ cấp hành chính huyện – thể hiện cam kết mạnh mẽ của Chính phủ về hiệu quả và chất lượng dịch vụ công.

Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng chậm trễ trong cấp phép do quá trình chuyển đổi cơ cấu, sự khác biệt trong cách hiểu giữa các tỉnh, và một số thủ tục cấp phép nhập khẩu vẫn còn vướng mắc khi cơ quan quản lý đang tái cơ cấu.

Chúng tôi kỳ vọng khi hệ thống mới ổn định, cả Chính phủ và doanh nghiệp sẽ cùng hưởng lợi đáng kể.

Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mang tính quyết định.

Chuyển đổi xanh và chuyển đổi số sẽ giúp đất nước nâng cấp vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu, thu hút đầu tư chất lượng cao hơn, và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Các thành viên liên kết của VBF sẵn sàng trở thành đối tác mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam trong giai đoạn tăng trưởng mới này, thông qua việc cung cấp:

- Công nghệ năng lượng sạch và phi carbon,
- Năng lực chuyển đổi số và an ninh mạng,
- Giáo dục nghề nghiệp và đại học chất lượng cao,
- Chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp – thực phẩm và y tế,
- Cùng với thực hành kinh doanh minh bạch, phù hợp với tiêu chuẩn ESG.

Để hiện thực hóa tầm nhìn chung về một Việt Nam xanh, số và cạnh tranh toàn cầu, chúng tôi cho rằng môi trường chính sách cần tiếp tục tập trung vào:

- Sự rõ ràng và ổn định về pháp lý,
- Tính nhất quán trong thực thi cải cách giữa các địa phương,
- Tạo thuận lợi hiệu quả cho đầu tư và nhân lực chất lượng cao,
- Tăng cường đối tác công – tư và hợp tác song hành,
- Và phát triển hạ tầng năng lượng và số hóa vững mạnh.

Các thành viên liên kết của VBF luôn sẵn sàng đồng hành cùng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương, cùng nhau chuyển hóa những khuyến nghị này thành giải pháp thực tiễn, mang lại lợi ích cho người dân, nền kinh tế và môi trường Việt Nam, hướng tới một Việt Nam xanh, số và cạnh tranh toàn cầu, tự tin tiến bước vào tương lai.

Xin trân trọng cảm ơn.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC KINH TẾ SỐ

Kính thưa Thủ tướng Phạm Minh Chính,
Kính thưa Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng,
Kính thưa các quý vị đại biểu,

Điều đầu tiên, Nhóm Công tác Kinh tế số hoan nghênh định hướng về chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước Việt Nam, đặc biệt là Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Chúng tôi lạc quan tin tưởng rằng với định hướng giải phóng tư duy khoa học trong Nghị quyết 57, Việt Nam sẽ bứt phá trong cuộc đua về công nghệ và sẽ ghi tên mình vào bản đồ công nghệ cao thế giới.

Ngoài ra, nền kinh tế số Việt Nam đang phát triển một cách rất mạnh mẽ. Sự tăng trưởng của lĩnh vực này trong thời gian vừa qua là rất đáng kinh ngạc, và tất cả mọi chỉ số đều cho thấy tiềm năng của nền kinh tế số Việt Nam còn rất lớn. Hơn nữa, một nền kinh tế số vững mạnh đã được chứng minh là thúc đẩy sự phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. Với nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc tạo môi trường thuận lợi nhất cho nền kinh tế số Việt Nam phát triển, chúng tôi tin tưởng vào một tương lai xán lạn, và cam kết sẽ tiếp tục đồng hành, hỗ trợ Việt Nam trên con đường này.

Tuy nhiên, để nền kinh tế số có thể thực sự bứt phá hơn nữa, chúng tôi có một số ý kiến liên quan tới khung pháp lý điều chỉnh kinh tế số tại Việt Nam.

Đầu tiên, chúng tôi mong muốn rằng các cơ quan, bộ ngành khi soạn thảo quy định cần đảm bảo rằng quy định mới phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp và thị trường, tránh gây thêm các rào cản không cần thiết đối với hoạt động của doanh nghiệp hoặc đưa ra các thủ tục hành chính rườm rà, nặng nề, tạo thêm gánh nặng tuân thủ đối với doanh nghiệp.

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng một nền kinh tế càng nhiều quy định rườm rà và mang tính hạn chế thì tính đổi mới càng kém. Đối với một lĩnh vực có tốc độ phát triển và thay đổi cực kỳ nhanh chóng như ngành ICT, có thể các cơ quan, bộ ngành sẽ cảm thấy thôi thúc cần phải bổ sung khuôn khổ pháp lý nhằm quản lý những mô hình kinh doanh mới, chưa rõ ràng. Tuy nhiên, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ Việt Nam cần thận trọng, tránh việc ban hành các quy định vượt quá mức cần thiết và cần tham khảo kinh nghiệm quốc tế để xem các quốc gia tiên tiến khác trên thế giới đang khám phá và áp dụng các giải pháp đối với những vấn đề mới mẻ này như thế nào, và áp dụng các thông lệ tốt một cách thiết thực nhất đối với thị trường Việt Nam.

Ngoài ra, năng lực thực thi chính sách cũng là rất quan trọng để đảm bảo chính sách tốt sẽ sớm đi vào cuộc sống, khó khăn mà doanh nghiệp đang gặp phải sẽ thực sự được tháo gỡ, giải phóng nguồn lực cho doanh nghiệp, vốn rất cần thiết đối với sự nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thứ hai, chúng tôi mong muốn rằng Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục đẩy mạnh công cuộc cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh tế số. Cơ quan quản lý cần đảm bảo sự cân bằng giữa mục tiêu quản lý Nhà nước với lợi ích của doanh nghiệp, tránh đưa ra thủ tục hành chính mới khi mục đích quản lý và hiệu quả của những yêu cầu đó của còn chưa rõ ràng.

Đặc biệt, cơ quan quản lý cần tránh gây ra sự chồng chéo trong thủ tục hành chính giữa nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Ví dụ, hiện nay, một nền tảng thương mại điện tử đang phải chịu nhiều yêu cầu về báo cáo tại nhiều Luật khác nhau, bao gồm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, pháp luật về Giao dịch điện tử, pháp luật về Thương mại điện tử, và trong cả dự thảo Luật Chuyển đổi số, dự kiến được thông qua vào Kỳ họp Quốc hội tới. Sự chồng chéo như vậy làm gia tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, lấy đi nguồn lực đáng nhẽ ra có thể được sử dụng vào hoạt động kinh doanh và đổi mới sáng tạo.

Ngoài ra, chúng tôi cũng khuyến nghị cơ quan quản lý giảm thiểu việc đưa ra điều kiện yêu cầu doanh nghiệp nước ngoài phải thành lập pháp nhân trong nước để cung cấp dịch vụ, như trong Dự thảo mới của Luật An ninh mạng, Dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo hay Luật Thương mại điện tử, Nghị định 147/2024. Những yêu cầu như vậy sẽ làm giảm tính hấp dẫn của Việt Nam với tư cách là một đối tác kinh doanh và từ đó ảnh hưởng đến khả năng thu hút đầu tư vào quốc gia.

Thứ ba, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, dòng chảy dữ liệu tự do, không bị cản trở bởi biên giới vật lý, là yếu tố nền tảng, thiết yếu cho một nền kinh tế số phát triển mạnh mẽ và an toàn. Khi yếu tố này được đảm bảo, doanh nghiệp trong nước sẽ có thể tiếp cận các công nghệ mới, hiện đại trên toàn cầu, ví dụ như dịch vụ phân tích, xử lý dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, v.v., một cách dễ dàng, giúp doanh nghiệp có thể khai thác giá trị nhiều hơn từ dữ liệu của mình thông qua các công cụ hiện đại trên toàn cầu trong khi vẫn có thể giảm thiểu chi phí hoạt động.

Hơn nữa, việc dữ liệu được di chuyển một cách tự do cũng góp phần nâng cao sự an toàn và tính bảo mật cho doanh nghiệp và người dùng. Các cuộc tấn công mạng diễn ra ở mức độ toàn cầu, và các tổ chức an ninh mạng cần có dữ liệu tổng quát, từ mọi địa điểm để có thể nhận dạng các mô hình tấn công của tội phạm mạng, hỗ trợ phát hiện mối đe dọa sớm, cũng như cách phòng vệ và xử lý khi bị tấn công. Doanh nghiệp cũng có thể thực hiện sao lưu dữ liệu trên toàn cầu; đây là một trong các thông lệ tốt nhất để tránh sự gián đoạn trong hoạt động khi hệ thống ở một địa điểm đang chịu sự tấn công. Do đó, chúng tôi mong muốn cơ quan quản lý sẽ để ý tới điểm này trong quá trình phát triển chính sách và soạn thảo văn bản.

Cuối cùng, kinh tế sáng tạo đang dần trở thành một lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, đóng góp nhiều vào sự phát triển kinh tế của Việt Nam, cũng như góp phần đưa văn hoá Việt Nam ra với cộng đồng quốc tế. Để thúc đẩy sự phát triển của ngành này, chúng tôi đề xuất cơ quan quản lý Nhà nước tiếp tục cởi trói cho doanh nghiệp trong nước thông qua việc cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính như đã nêu ở trên, và giảm thiểu các điều kiện đối với doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào thị trường Việt Nam. Hiện nay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền và dịch vụ trò chơi trực tuyến phải thực hiện cấp phép theo quy định tại trong Nghị định 71/2022 và Nghị định 147/2024. Điều kiện này khiến cho các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực này trên thế giới còn ngần ngại khi đầu tư và hoạt động tại Việt Nam, gây khó khăn cho các nhà sáng tạo nội dung của Việt Nam trên con đường tiếp cận khán giả thế giới thông qua các nền tảng nội dung toàn cầu. Chúng tôi đề xuất Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xem xét, áp dụng một cách tiếp cận tối ưu hơn, đó là chỉ yêu cầu doanh nghiệp xuyên biên giới thực hiện thông báo khi cung cấp dịch vụ. Chúng tôi tin rằng cách tiếp cận như vậy sẽ thúc đẩy đầu tư nước ngoài vào công nghiệp văn hoá tại Việt Nam, hỗ trợ sự phát triển của nền kinh tế sáng tạo. Việc này cũng sẽ không chỉ khuyến khích sự phát triển của trò chơi trực tuyến và nội dung sáng tạo trong nước mà còn mở rộng khả năng tiếp cận nội dung quốc tế chất lượng cao tới đông đảo khán giả và người dùng Việt Nam.

Xin trân trọng cảm ơn các quý vị đại biểu đã lắng nghe, và Nhóm Công tác Kinh tế số VBF sẵn sàng tiếp tục hỗ trợ Chính phủ Việt Nam và các cơ quan, bộ ngành trong việc phát triển khuôn khổ pháp lý phù hợp, kiến tạo nhất với ngành kinh tế số của Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC KINH TẾ SỐ

Stt	Lĩnh vực	Quy định liên quan	Vấn đề	Khuyến nghị
1	Nghĩa vụ của nền tảng cung cấp nội dung phát thanh truyền hình theo yêu cầu trên Internet	Nghị định 06/2016/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 71/2022/NĐ-CP về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình	Nghĩa vụ nặng nề của nền tảng cung cấp nội dung phát thanh truyền hình theo yêu cầu trên Internet: Nghị định 06/2016/NĐ-CP hiện đang đưa ra nhiều rào cản đối với hoạt động của nền tảng cung cấp nội dung phát thanh truyền hình theo yêu cầu trên nền tảng internet. Trong đó bao gồm các yêu cầu như: nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới phải thành lập pháp nhân, phải đáp ứng các yêu cầu cấp phép và đăng ký của Việt Nam, phải tuân thủ mức giới hạn 30% đối với kênh nội dung nước ngoài. Các yêu cầu này là rào cản kinh doanh đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tới khách hàng tại thị trường Việt Nam. Trong khu vực châu Á, chỉ có Trung Quốc và Việt Nam đưa ra các yêu cầu này. Ngoài ra, các quy định này cũng hạn chế khả năng tiếp cận các nội dung nước ngoài có chất lượng cao của người tiêu dùng tại Việt Nam.	Chúng tôi kiến nghị Chính phủ xem xét, gỡ bỏ các yêu cầu về cấp phép và thành lập doanh nghiệp trong nước, gỡ bỏ giới hạn 30% với kênh nội dung nước ngoài tại Nghị định 06 và Nghị định 71, tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ nước ngoài.
2	Nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ thông tin điện tử, trò chơi điện tử	Nghị định 147/2024/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng	Nghĩa vụ nặng nề của nhà cung cấp dịch vụ thông tin điện tử, trò chơi điện tử và trung tâm dữ liệu: Nghị định 147/2024/NĐ-CP hiện đang đưa ra nhiều quy định ngặt nghèo đối với các dịch vụ cung cấp trò chơi điện tử trên mạng, cụ thể như phải thành lập pháp nhân trong nước, phải được cấp phép kinh doanh trò chơi điện tử, phải được cấp phép hoặc cấp giấy xác nhận để phát hành trò chơi điện tử, v.v... Những yêu cầu này tạo rào cản tiếp cận thị trường đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực trò chơi điện tử và không phù hợp với mô hình, thực tiễn kinh doanh của các nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới.	Kiến nghị Chính phủ xem xét, gỡ bỏ các quy định yêu cầu thành lập pháp nhân trong nước và cấp phép đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trong Nghị định 147. Thay vào đó, Chính phủ có thể xem xét áp dụng chế độ thông báo dịch vụ - một cơ chế đơn giản và dễ thực thi hơn đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.

Stt	Lĩnh vực	Quy định liên quan	Vấn đề	Khuyến nghị
3	Nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ thông tin điện tử, trò chơi điện tử	Nghị định 147/2024/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng	Mẫu số 29 - Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng và Mẫu số 39 - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng, Phụ lục Nghị định 147/2024 yêu cầu doanh nghiệp xin cấp phép phải cam kết toàn bộ hệ thống hỗ trợ và kết nối thanh toán cho game là đặt tại Việt Nam và do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam. Tuy nhiên, quy định tại điểm d khoản 1 Điều 39 và điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định 147/2024 chỉ yêu cầu doanh nghiệp “ <i>Có hệ thống thiết bị kỹ thuật để kết nối thanh toán với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định của pháp luật</i> ”, không yêu cầu doanh nghiệp phải đặt hệ thống tại Việt Nam, cũng như quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.	Chúng tôi kiến nghị Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử, Bộ chính sửa Mẫu 29 và Mẫu 39 để nhất quán với nội dung tại Điều 39 và Điều 48 Nghị định 147/2024.
4	Phạm vi điều chỉnh của pháp luật thương mại điện tử	Dự thảo Luật thương mại điện tử (bản lấy ý ngày 12/08/2025)	Phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Luật được quy định quá rộng, bao trùm nhiều doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác vốn đã được điều chỉnh bởi các văn bản chuyên ngành, ví dụ lĩnh vực nội dung, dịch vụ số. Điều này sẽ dẫn đến việc áp đặt các nghĩa vụ nặng nề đối với doanh nghiệp trong và ngoài nước trên nhiều lĩnh vực, đồng thời làm phát sinh chi phí tuân thủ rất lớn. Bên cạnh đó, việc áp dụng cùng một cơ chế quản lý đối với tất cả các mô hình nền tảng thương mại điện tử khác nhau, với các sản phẩm khác nhau, có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến những nỗ lực khuyến khích đầu tư của Việt Nam và hoạt động thương mại của khu vực tư nhân.	Chúng tôi kiến nghị bổ sung danh mục loại trừ (tương tự như quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 52/2013 về Thương mại điện tử, sửa đổi bởi Nghị định 85/2021) đối với một số lĩnh vực hiện đang được loại trừ khỏi phạm vi điều chỉnh của pháp luật thương mại điện tử, bao gồm các dịch vụ nội dung thông tin số, dịch vụ phát thanh truyền hình... đã được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành.

Stt	Lĩnh vực	Quy định liên quan	Vấn đề	Khuyến nghị
5	Điều kiện để nền tảng thương mại điện tử nước ngoài kinh doanh ở Việt Nam	Dự thảo Luật thương mại điện tử (bản lấy ý ngày 12/08/2025)	Dự thảo Luật hiện quy định chủ sở hữu các nền tảng thương mại điện tử nước ngoài phải thành lập pháp nhân tại Việt Nam hoặc chỉ định đại diện uỷ quyền trong nước, tùy thuộc vào cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia. Việc buộc doanh nghiệp phải thành lập pháp nhân tại Việt Nam sẽ tạo ra gánh nặng lớn về tài chính, pháp lý và vận hành. Hơn nữa, nếu nền tảng thương mại điện tử lựa chọn uỷ quyền cho pháp nhân tại Việt Nam, điều này tiềm ẩn rủi ro rất lớn liên quan đến nội bộ doanh nghiệp, bí mật thương mại, bí quyết công nghệ, đồng thời đặt ra gánh nặng lớn trong việc giám sát pháp nhân được uỷ quyền này.	Chúng tôi kiến nghị loại bỏ quy định bắt buộc thành lập pháp nhân tại Việt Nam trong Dự thảo Luật.
6	Luồng dữ liệu xuyên biên giới	Dự thảo Luật An ninh mạng	Khoản 3 Điều 16 Dự thảo Luật quy định dữ liệu về thông tin cá nhân, dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ, dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra phải được lưu trữ tại Việt Nam. Yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam sẽ chỉ gây bất lợi cho Việt Nam và người tiêu dùng Việt Nam. Các yêu cầu này sẽ hạn chế việc người tiêu dùng, doanh nghiệp và cơ quan Chính phủ Việt Nam, vốn phụ thuộc vào việc truyền dữ liệu quốc tế, truy cập vào các dịch vụ công nghệ (ví dụ: dịch vụ điện toán đám mây, công cụ chống gian lận). Cụ thể: - Việc yêu cầu phải lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam đi ngược lại với mục tiêu nâng cao hiệu quả mạng lưới và chi phí thông qua các dịch vụ kết nối Internet. Hơn nữa, do gian lận không phải là một hiện tượng xảy ra ở mỗi một quốc gia, việc yêu cầu phải lưu trữ dữ liệu	Chúng tôi khuyến nghị quy định lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam được bỏ ra khỏi Dự thảo Luật.

Stt	Lĩnh vực	Quy định liên quan	Vấn đề	Khuyến nghị
			tại Việt Nam cũng sẽ cản trở các nỗ lực phòng chống gian lận, bởi việc xây dựng các mô hình gian lận hiệu quả và ngăn chặn hoạt động gian lận theo thời gian thực đòi hỏi tổ chức phải phân tích các tập dữ liệu toàn cầu hoặc đa quốc gia. Việc áp đặt các yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam, ngăn chặn hoặc hạn chế việc truyền dữ liệu qua biên giới sẽ khiến cho các tổ chức khó phòng chống gian lận hơn, do phương pháp này ngăn chặn việc xác định các mô hình gian lận giống nhau giữa các khu vực địa lý khác nhau, và có thể dẫn đến hậu quả không mong muốn là mang lại lợi ích cho những kẻ thực hiện gian lận. - Việc yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam cũng làm tăng chi phí phát triển sản phẩm do yêu cầu này có nghĩa rằng thiết bị phải được thiết kế riêng cho từng thị trường địa phương, và do đó tạo ra một thị trường cạnh tranh không lành mạnh. Ngoài ra, xu hướng đổi mới toàn cầu và phát triển công nghệ tiên tiến đang ngày càng hướng tới kiến trúc siêu quy mô dựa trên các tập dữ liệu toàn cầu, cần thiết đối với những tiến bộ như trí tuệ nhân tạo, học sâu, xử lý ngôn ngữ, v.v. Việc áp đặt các yêu cầu khiến các dịch vụ này trở nên không khả thi ở Việt Nam sẽ kìm hãm tăng trưởng kinh tế và sự phát triển của các doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh toàn cầu. - Hơn nữa, các doanh nghiệp hoạt động tại nhiều quốc gia cần có khả năng truyền tải, lưu trữ và xử lý dữ liệu xuyên biên giới để cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho người tiêu dùng, quản lý lực lượng lao động toàn cầu, duy trì chuỗi cung ứng và tuân thủ các yêu cầu báo cáo tài chính.	

Stt	Lĩnh vực	Quy định liên quan	Vấn đề	Khuyến nghị
			- Việc yêu cầu phải lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam cũng mâu thuẫn với các cam kết của Việt Nam về thương mại quốc tế. Việt Nam là một bên tham gia Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), trong đó có cam kết ràng buộc rằng "không Bên nào được yêu cầu một cá nhân/tổ chức liên quan sử dụng hoặc đặt cơ sở hạ tầng máy tính trên lãnh thổ của Bên đó như một điều kiện để tiến hành kinh doanh trong lãnh thổ của Bên đó". Đề xuất lưu trữ dữ liệu là một bước thụt lùi so với chính sách số hóa tiên bộ mà Việt Nam đã thể hiện trong nhiều cuộc đàm phán thương mại quốc tế khác nhau. - Việc phải lưu trữ dữ liệu bắt buộc và yêu cầu lưu trữ kéo dài (lên đến 2 năm sau khi cung cấp dịch vụ) đặt ra những thách thức đáng kể về bảo mật đám mây cho các đơn vị cung cấp dịch vụ điện toán đám mây. Việc phải lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam có thể tạo ra các mục tiêu tập trung cho các cuộc tấn công mạng, làm tăng nguy cơ vi phạm thay vì tăng cường bảo mật. Điều này mâu thuẫn với các thông lệ tốt nhất của dịch vụ điện toán đám mây như dự phòng dữ liệu trên toàn cầu để phục hồi và khắc phục thảm họa.	
7	Quy định về “cửa hậu”	Dự thảo Luật An ninh mạng	Trong Dự thảo Luật mới nhất, khoản 5 Điều 53 sẽ dẫn đến những rủi ro an ninh mạng lớn và làm xói mòn đáng kể quyền riêng tư cá nhân. Quy định tại khoản này có thể cho phép cơ quan chức năng buộc các công ty phải duy trì các “cửa hậu” bí mật hoặc các khả năng giám sát kỹ thuật khác, làm suy yếu công cụ mã hóa và các công cụ khác nhằm phòng chống tin tặc và các tác nhân độc hại. Việc tạo ra cửa hậu có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng,	Chúng tôi khuyến nghị các cơ quan chức năng không nên áp dụng biện pháp cửa hậu này. Thay vào đó, cơ quan chức năng nên đưa ra các giải pháp khác mà vừa có thể đạt được mục tiêu chống tội phạm công nghệ cao, vừa không xâm phạm

Stt	Lĩnh vực	Quy định liên quan	Vấn đề	Khuyến nghị
			nhiều hậu quả trong số đó đi ngược lại mục đích ban đầu của việc tạo ra cửa hậu: - Rủi ro bảo mật và tác hại đối với người dùng: Cửa hậu tạo ra các lỗ hổng trong hệ thống mà có thể bị lợi dụng bởi các tác nhân độc hại, gây tổn hại đến quyền riêng tư, tài sản và sự an toàn của người dùng. - Tác hại kinh tế: Khi người dùng nhận thấy thiết bị của họ kém an toàn hơn, họ sẽ bớt sử dụng thiết bị, tham gia ít hơn vào hệ sinh thái số, gây tổn hại đến ngành thương mại điện tử đang phát triển mạnh mẽ của Việt Nam. - Hiệu quả thấp của cửa hậu: Các tổ chức tội phạm sẽ tránh sử dụng các ứng dụng có cửa hậu mà sẽ sử dụng các phương tiện chia sẻ thông tin khác, hạn chế hiệu quả thu thập thông tin tình báo từ cửa hậu. Nhìn chung, tác động của việc ban hành quy định về cửa hậu sẽ là gây ra các rủi ro bảo mật, gây hại cho người dùng và gây thiệt hại kinh tế cho hệ sinh thái số đang phát triển mạnh mẽ của Việt Nam. Lợi ích dự kiến của việc nâng cao khả năng tiếp cận thông tin liên quan đến tội phạm có thể thấp hơn nhiều so với dự kiến, vì các tổ chức tội phạm sẽ thích nghi và di chuyển dữ liệu ra khỏi phạm vi theo dõi của các cửa hậu.	quyền riêng tư và an ninh của người dùng Việt Nam, chẳng hạn như các quy trình tư pháp chặt chẽ hơn.
8	Thực hiện thông báo khi cung cấp dịch vụ xuyên biên giới	Luật Viễn thông Nghị định 163/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông	Hiện nay, Luật Viễn thông và Nghị định 163 yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới, ví dụ như dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet hoặc dịch vụ điện toán đám mây, trung tâm dữ liệu xuyên biên giới, phải thực hiện thủ tục đăng ký hoặc thông báo khi cung cấp dịch vụ tại Việt Nam. Điều này dẫn đến việc gia tăng chi	Chúng tôi khuyến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, cũng như giảm thiểu các thông tin mà các nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên

Stt	Lĩnh vực	Quy định liên quan	Vấn đề	Khuyến nghị
	vào Việt Nam trong lĩnh vực viễn thông		phí tuân thủ của doanh nghiệp khi hoạt động tại Việt Nam.	giới phải cung cấp và thực hiện khi hoạt động tại Việt Nam.
9	Bảo vệ dữ liệu cá nhân	Nghị định 13/2024/NĐ-CP về Bảo vệ dữ liệu cá nhân Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân	Nghị định 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ dữ liệu cá nhân, cũng như Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, hiện đang yêu cầu các doanh nghiệp phải thông báo, nộp hồ sơ đánh giá tác động khi xử lý dữ liệu cá nhân hoặc chuyển bản sao dữ liệu cá nhân ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Yêu cầu này gây ra gánh nặng tuân thủ lớn cho doanh nghiệp.	Chúng tôi kiến nghị bỏ yêu cầu này trong Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân, cũng như trong Nghị định hướng dẫn Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân trong tương lai, nhằm giảm thiểu gánh nặng tuân thủ, thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.
10	Dữ liệu	Luật Dữ liệu Nghị định 165/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu Quyết định 20/2025/QĐ-TTg Ban hành danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi.	Điều 12 Nghị định 165/2023/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu đang yêu cầu bên chuyển dữ liệu phải lập và gửi hồ sơ đánh giá tác động tới Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng 15 ngày trước khi xử lý dữ liệu đối với dữ liệu quan trọng. Đối với dữ liệu cốt lõi, bên chuyển dữ liệu phải nhận được kết quả đánh giá đạt từ Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng đối với hồ sơ đánh giá tác động của mình trước khi chuyển dữ liệu cốt lõi ra nước ngoài hoặc xử lý dữ liệu xuyên biên giới. Yêu cầu này gây ra gánh nặng tuân thủ lớn cho doanh nghiệp, và chỉ nên được áp dụng đối với dữ liệu của cơ quan Nhà nước.	Chúng tôi đề xuất Chính phủ phân biệt rõ dữ liệu nào có thể được coi là dữ liệu công cộng, công khai và dữ liệu nào được coi là bí mật nhà nước, và chỉ áp dụng quy định tại Điều 12 Nghị định 165/2023 chỉ nên được áp dụng đối với thông tin được coi là bí mật nhà nước. Doanh nghiệp có thể được tự do chuyển dữ liệu công cộng ra nước ngoài hoặc xử lý dữ liệu công cộng xuyên biên giới mà không cần phải thực hiện thủ tục gì. Quy định như vậy sẽ giúp doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận các công nghệ,

Stt	Lĩnh vực	Quy định liên quan	Vấn đề	Khuyến nghị
				công cụ tiên tiến của thế giới một cách dễ dàng, giúp Việt Nam thực hiện mạnh mẽ nỗ lực chuyển đổi số của quốc gia, cũng như phát triển nền kinh tế số lớn mạnh, có đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế nói chung.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI

Thay mặt Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại VBF, chúng tôi xin được trình bày một số vấn đề chính với mục tiêu giúp Việt Nam cạnh tranh tốt hơn, hút thêm vốn đầu tư và tăng trưởng bền vững. Trong giai đoạn vừa qua, khung pháp lý liên quan tới đầu tư kinh doanh và thị trường vốn đã và đang có những bước tiến lớn. Bước tiếp theo là đơn giản thủ tục, thống nhất các quy định và triển khai các cơ chế thực thi có hiệu quả trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh và thị trường vốn.

1. Đơn giản hóa thủ tục phê duyệt đầu tư

Chúng tôi hoan nghênh việc thu hẹp dự án phải xin chấp thuận chủ trương và giảm ngành nghề có điều kiện trong Dự thảo Luật Đầu tư. Nhưng các thủ tục trùng lặp vẫn làm chậm dòng vốn đầu tư. Văn bản Chấp thuận chủ trương và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có nhiều nội dung trùng lặp và có thể hợp nhất hai thủ tục để tiết kiệm thời gian và chi phí. Thêm vào đó, cũng cần giảm lược hồ sơ, nhất là hợp pháp hóa lãnh sự và dịch thuật.

2. Bảo đảm và hỗ trợ hoạt động đầu tư

Việt Nam cần một nguồn vốn rất lớn để phát triển hạ tầng: đường bộ, cảng biển, logistics, năng lượng và hạ tầng số. Nhu cầu đầu tư kéo dài nhiều năm và vượt quá khả năng của ngân sách. Chính phủ cần có quy định chi tiết để tạo ra cơ chế khuyến khích các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài bỏ vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng để phát triển kinh tế, nhất là các dự án quan trọng quốc gia trên nguyên tắc “rủi ro hài hòa, chia sẻ lợi ích”. Bảo đảm và hỗ trợ của Nhà nước cần áp dụng đối với các dự án tư nhân không theo Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

3. Lược bớt giấy phép con trùng lặp, ưu tiên xử lý Nghị định 09

Luật quy định 13 ngày để cấp Giấy phép Kinh doanh, nhưng thực tế thường kéo dài 9 -12 tháng do xin ý kiến nhiều cơ quan. Cần có giải pháp đảm bảo tuân thủ thời hạn theo luật với hồ sơ rõ ràng. Xem xét bỏ Giấy phép Kinh doanh riêng cho thương mại điện tử theo Nghị định 09 vì đã có khung pháp lý chuyên ngành và Luật Thương mại Điện tử sắp tới.

4. Kinh tế số cạnh tranh

Muốn trở thành trung tâm số khu vực, quy định chuyển dữ liệu cần một cơ chế khả thi. Luật Dữ liệu và Nghị định 165 đang yêu cầu đánh giá tác động và phải có phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền trước khi truyền dữ liệu cốt lõi ra nước ngoài và chồng chéo với qui định bảo vệ dữ liệu cá nhân, làm giảm sức hút đầu tư trung tâm dữ liệu lớn. Chúng tôi đề xuất cơ chế đánh giá rủi ro đơn giản và phù hợp với chuẩn mực quốc tế trong khi vẫn bảo đảm an ninh quốc gia.

Doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đánh giá tác động lên Bộ Công an (“BCA”) hoặc Bộ Quốc phòng (“BQP”) trước khi truyền dữ liệu cốt lõi ra nước ngoài. Với dữ liệu cốt lõi, doanh nghiệp phải được BCA hoặc BQP chấp thuận. Điều này gây ra gánh nặng hành chính đáng kể và làm chậm trễ quy trình.

Việc yêu cầu các nhà vận hành nền tảng thương mại điện tử nước ngoài phải thành lập pháp nhân tại Việt Nam trong một số trường hợp là một rào cản lớn. Qui định này có thể khiến các doanh nghiệp nước ngoài e ngại tham gia hoạt động tại thị trường Việt Nam, đặc biệt là các

doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) vốn dựa nhiều vào mô hình kỹ thuật số tinh gọn. Điều này cũng có thể làm giảm sự đa dạng dịch vụ cung cấp cho người tiêu dùng Việt Nam và cản trở sự phát triển của thương mại điện tử xuyên biên giới. Có thể thay bằng cơ chế đăng ký, văn phòng đại diện hoặc đầu mối liên hệ chịu trách nhiệm tại Việt Nam.

5. Tăng tốc dịch vụ công trực tuyến, gỡ vướng chữ ký số

Chúng tôi ủng hộ số hóa đối với quy trình chấp thuận đầu tư, thông báo tập trung kinh tế, văn phòng đại diện, đăng ký khoản vay nước ngoài và giấy phép bán lẻ. Các cơ quan nhà nước nên chấp nhận bản sao chứng thực và không áp dụng thời hạn hiệu lực của bản sao chứng thực khi nội dung không đổi. Bên cạnh đó, quy định nộp bản điện tử có chữ ký số cũng đang vướng: để được công nhận chữ ký số nước ngoài thì phải có giấy tờ chứng minh hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong khi nhà đầu tư mới chưa hoạt động tại Việt Nam thì chưa thể có giấy tờ này. Cần sớm có hướng dẫn để tránh điểm nghẽn thủ tục thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

6. Đất đai, bất động sản: định giá đất

Luật Đất đai, Nhà ở và Kinh doanh BĐS mới là bước tiến lớn. Tuy nhiên, các nhà đầu tư rất e ngại việc chậm trễ xác định giá đất. Hiện thiếu cơ sở dữ liệu giá đất và phương pháp đáng tin cậy, gây chậm trễ và thiếu chắc chắn khi tính tiền sử dụng, tiền thuê đất. Chúng tôi đề xuất xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, lập hội đồng thẩm định độc lập, hài hòa các luật liên quan và sớm hướng dẫn xử lý dự án sắp hết thời hạn thuê đất, nhất là tại khu công nghiệp.

7. Thị trường vốn và M&A: tiệm cận thông lệ quốc tế

Để hút dòng vốn nước ngoài vào Việt Nam, cần thêm vài sửa đổi đối với khung pháp lý hiện hành. Một là cho phép chào mua công khai có điều kiện và bổ sung cơ chế squeeze-out) phù hợp thông lệ quốc tế. Hai là đơn giản các quy định và thủ tục thông báo tập trung kinh tế. Ba là cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam.

8. Bảo lãnh và hỗ trợ của nhà nước

Bảo lãnh và các cam kết hỗ trợ từ Chính phủ là chìa khóa để giảm rủi ro pháp lý và rủi ro doanh thu, hạ chi phí vốn, và thu hút nhà đầu tư dài hạn. Cần có cơ chế hiệu quả và minh bạch, có tiêu chí lựa chọn dự án, trần nghĩa vụ bảo lãnh và biện pháp kiểm soát rủi ro cho Chính phủ.

Kết luận

Việt Nam đang sẵn sàng bứt phá về đầu tư, chuyển đổi số và thị trường vốn. Nếu tinh giản phê duyệt, điều chỉnh quy định số và dữ liệu, tiệm cận thông lệ quốc tế và bỏ thủ tục trùng lặp, sẽ thu hút làn sóng đầu tư chất lượng cao vào Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI

Chúng tôi đánh giá cao những nỗ lực to lớn và các sáng kiến của Chính phủ trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế Việt Nam. Chúng tôi đã tổng hợp một số vấn đề trọng tâm cần được xem xét và giải quyết nhằm hướng tới sự phát triển bền vững của nền kinh tế cũng như môi trường pháp lý tại Việt Nam.

1. Dự thảo Luật Đầu tư (gọi tắt là Dự thảo LĐT) cần xử lý thêm một số vấn đề chính như sau

Chấp thuận chủ trương đầu tư

Chúng tôi tán thành với phần lớn các nội dung sửa đổi liên quan đến việc thu hẹp các dự án cần phải có chấp thuận chủ trương đầu tư và danh mục các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trên thực tế chúng tôi nhận thấy các nội dung trong Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư khá trùng lặp với Giấy chứng nhận đầu tư. Chúng tôi đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu kết hợp hai thủ tục xin cấp Quyết định chấp thuận chủ trương và Giấy chứng nhận đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư thuận lợi hơn nữa.

Hơn nữa, cần có thêm hướng dẫn hoặc danh sách các khu vực có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh để có thể xác định dự án nào cần phải có chấp thuận chủ trương đầu tư theo Điều 25.9.

Hồ sơ, trình tự, thủ tục đầu tư

Chúng tôi ủng hộ việc giao cho Chính phủ qui định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đầu tư nhằm tạo điều kiện để Chính phủ có thể linh hoạt xử lý cho phù hợp với tình hình thực tế tại từng thời điểm. Trên thực tế, việc yêu cầu phải có văn bản hợp pháp hóa lãnh sự và dịch thuật mất rất nhiều thời gian, công sức và chi phí. Rất mong Chính phủ có thể nghiên cứu cải thiện các thủ tục này khi ban hành Nghị định hướng dẫn chi tiết.

Bảo đảm hoạt động đầu tư

Pháp luật hiện hành không có cơ chế bảo đảm phù hợp để có thể thu hút đầu tư tư nhân trong nước và nước ngoài tham gia phát triển các dự án hạ tầng quan trọng tại Việt Nam. Dự thảo LĐT chưa thực sự tháo gỡ được điểm nghẽn này. Cần xem xét mở rộng Điều 11 của Dự thảo LĐT để bổ sung thẩm quyền quyết định áp dụng bảo đảm hoặc hỗ trợ của Nhà nước cho UBND tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. Hơn nữa, Chính phủ cần có qui định chi tiết đối với các hình thức bảo đảm để đa dạng các hình thức bảo đảm và áp dụng linh hoạt theo nhu cầu thực tế trên nguyên tắc “rủi ro hài hòa, chia sẻ lợi ích”. Bảo đảm của Nhà nước cần áp dụng đối với các dự án tư nhân không theo Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật

Trên thực tế các nhà đầu tư rất e ngại đối với các thay đổi pháp luật. Quy định hiện hành của Luật đầu tư chưa làm cho các nhà đầu tư yên tâm và thực sự mong muốn sửa đổi Điều 13 của Luật đầu tư hiện hành để tạo ra môi trường pháp lý ổn định cho các nhà đầu tư.

2. Đơn giản hóa thủ tục cấp phép, đặc biệt đối với các ngành phát triển bền vững

Chúng tôi ghi nhận nỗ lực của Chính phủ trong việc thúc đẩy phát triển bền vững và đổi mới công nghệ tại Việt Nam, bao gồm việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và tự động hóa trong sản xuất. Tuy nhiên, việc triển khai hiện đang bị cản trở bởi quy trình hành chính rườm rà và phức tạp trong việc xin các giấy phép con, chỉ áp dụng riêng cho nhà đầu tư nước ngoài theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP (“**Nghị định 09**”).

Nhà đầu tư nước ngoài muốn hoạt động và kinh doanh trong các ngành bán lẻ, cho thuê thiết bị, và thương mại điện tử phải xin Giấy phép Kinh doanh tại Bộ Công Thương (MOIT). Kể từ ngày 1/7/2025, theo Nghị định 146/2025/NĐ-CP, nhà đầu tư nước ngoài sẽ phải xin Giấy phép Kinh doanh từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Mặc dù thời hạn luật định (tùy thuộc vào hoạt động cụ thể và hồ sơ xin cấp phép) để được cấp Giấy phép Kinh doanh là 13 ngày làm việc; nhưng thời gian lấy ý kiến và chờ phản hồi từ Sở Công Thương (DOIT) và các sở, ngành khác lại không được tính vào thời hạn này. Trên thực tế, quy trình có thể kéo dài từ 9 đến 12 tháng.

Đối với một số ngành, chẳng hạn ngành điện mặt trời mái nhà (**RTS**) sử dụng mô hình cho thuê thiết bị, quy trình còn phức tạp hơn khi cơ quan cấp phép lại coi hoạt động cho thuê thiết bị là phát điện, và yêu cầu đăng ký ngành nghề kinh doanh không phản ánh đúng bản chất hoạt động. Sự không phù hợp này dẫn đến các cách hiểu khác nhau giữa các địa phương và làm chậm tiến độ triển khai dự án. Điều này đặc biệt gây nản lòng cho nhà đầu tư nước ngoài vốn đã phải đối mặt với môi trường pháp lý phức tạp của ngành RTS.

Đáng chú ý, mặc dù không có quy định rõ ràng nào về hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong các dự án RTS, nhưng quyết định cấp phép vẫn phụ thuộc vào cân nhắc của từng địa phương theo từng trường hợp cụ thể. Việc phê duyệt đấu nối lưới điện bởi EVN và các đơn vị thành viên cũng khác nhau giữa các địa phương, ngay cả đối với hệ thống chỉ nhằm mục đích tự tiêu thụ tại chỗ, do chưa có quy định thống nhất. Hơn nữa, khuôn khổ pháp lý cũng chưa rõ ràng về việc hệ thống RTS vượt quá 1 megawatt có phải xin phê duyệt trong quy hoạch phát triển điện lực hay không, và một số cơ quan đã từ chối cấp giấy chứng nhận đầu tư do thiếu hướng dẫn pháp lý tập trung và chi tiết.

Chúng tôi trân trọng đề nghị Chính phủ xem xét và ban hành các quy định rút ngắn thời hạn luật định cho việc cấp Giấy phép Kinh doanh, đồng thời bảo đảm thực thi thống nhất.

Chúng tôi cũng trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh tuân thủ thời hạn luật định hiện hành đối với việc cấp Giấy phép Kinh doanh, và quy định rõ ràng, cụ thể hơn về yêu cầu hồ sơ xin cấp phép để giảm thiểu tối đa số lần bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ.

3. Bãi bỏ Giấy phép Kinh doanh thương mại điện tử theo Nghị định 09

Để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật và tránh chồng chéo hoặc mâu thuẫn giữa các quy định, chúng tôi kiến nghị bãi bỏ yêu cầu về Giấy phép Kinh doanh đối với hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử theo Nghị định 09.

Cụ thể, theo Nghị định 09, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (“**FIE**”) khi thiết lập website thương mại điện tử nhằm cung cấp nền tảng kinh doanh cho thương nhân và các tổ chức khác thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ thì được coi là đang cung cấp dịch vụ thương mại điện tử. Theo đó, các doanh nghiệp FIE này phải xin Giấy phép Kinh doanh cho hoạt động dịch vụ thương mại điện tử.

Tuy nhiên, hoạt động thương mại điện tử đã được điều chỉnh bởi một khung pháp lý chuyên ngành, cụ thể là Nghị định 52/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2021/NĐ-CP (“**Nghị định 52 sửa đổi**”), với các quy định chi tiết về phát triển, ứng dụng và quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử. Hơn nữa, Dự thảo Luật Thương mại điện tử sắp tới dự kiến sẽ hợp nhất và hoàn thiện hơn nữa các quy định này.

Việc duy trì yêu cầu xin Giấy phép Kinh doanh theo Nghị định 09 dẫn đến sự trùng lặp không cần thiết và gia tăng gánh nặng hành chính cho doanh nghiệp FIE, trong khi các hoạt động này vốn đã chịu sự điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành về thương mại điện tử. Để xây dựng một môi trường pháp lý thống nhất và tinh gọn, hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử cần được điều chỉnh nhất quán trong khuôn khổ pháp luật chuyên ngành về thương mại điện tử.

Cách tiếp cận này sẽ giúp loại bỏ sự chồng chéo, giảm bớt sự nhầm lẫn cho cả nhà đầu tư và cơ quan quản lý, đồng thời nâng cao tính minh bạch. Bằng việc bãi bỏ yêu cầu về Giấy phép Kinh doanh thương mại điện tử tại Nghị định 09 và tập trung thống nhất các quy định liên quan trong khung pháp lý về thương mại điện tử, Việt Nam có thể cải thiện tính rõ ràng của pháp luật và hiệu quả hành chính, đồng thời hỗ trợ sự phát triển của thương mại số theo hướng nhất quán và thân thiện hơn với nhà đầu tư.

4. Bãi bỏ yêu cầu thành lập pháp nhân tại Việt Nam đối với nhà cung cấp nền tảng thương mại điện tử nước ngoài

Theo Khoản 1 Điều 27 của Dự thảo Luật Thương mại điện tử, các nhà vận hành nền tảng thương mại điện tử nước ngoài phải thành lập pháp nhân tại Việt Nam nếu rơi vào một số trường hợp nhất định. Cụ thể, yêu cầu này được áp dụng khi nền tảng có giao diện tiếng Việt, sử dụng tên miền quốc gia “.vn”, hoặc đạt ngưỡng giao dịch nhất định với người mua tại Việt Nam. Mặc dù mục tiêu của quy định là nhằm tăng cường giám sát quản lý và bảo đảm bảo vệ người tiêu dùng, song yêu cầu này lại mang tính ràng buộc quá mức. Nó đặt ra gánh nặng tuân thủ đáng kể cho các nhà cung cấp nước ngoài.

Việc bắt buộc thành lập pháp nhân tại Việt Nam có thể khiến các doanh nghiệp nước ngoài e ngại tham gia hoặc tiếp tục hoạt động tại thị trường Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) vốn dựa nhiều vào mô hình kỹ thuật số tinh gọn. Điều này cũng có thể làm giảm sự đa dạng dịch vụ cung cấp cho người tiêu dùng Việt Nam và cản trở sự phát triển của thương mại điện tử xuyên biên giới. Một cách tiếp cận cân bằng hơn là xem xét các cơ chế tuân thủ thay thế, chẳng hạn như văn phòng đại diện hoặc nghĩa vụ đăng ký nền tảng, thay vì yêu cầu thành lập pháp nhân đầy đủ. Cách tiếp cận này sẽ giúp Việt Nam duy trì sức hấp dẫn trong vai trò trung tâm kinh tế số, đồng thời vẫn đạt được mục tiêu quản lý.

5. Thúc đẩy Chính phủ điện tử

Chúng tôi đánh giá cao quyết tâm và nỗ lực của Chính phủ hiện nay trong việc nâng cao hiệu quả và loại bỏ sự lãng phí. Công nghệ, đặc biệt là điện toán đám mây, có thể trở thành công cụ hữu hiệu để tinh giản thủ tục hành chính, tự động hóa quy trình, đồng thời cho phép cung cấp các dịch vụ sáng tạo và tự phục vụ. Điện toán đám mây cũng giúp nhiều cơ quan Chính phủ dễ dàng phối hợp và trao đổi thông tin với nhau hơn.

Mặc dù một số thủ tục, như đăng ký doanh nghiệp, đã có thể thực hiện trực tuyến, nhưng nhiều quy trình liên quan đến đầu tư nước ngoài vẫn yêu cầu gặp trực tiếp và nộp hồ sơ giấy. Các thủ tục này bao gồm: đăng ký đầu tư, chấp thuận M&A, đăng ký khoản vay nước ngoài, thành lập văn phòng đại diện, và xin Giấy phép Kinh doanh bán lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài. Ví dụ, đối với thủ tục chấp thuận M&A, nên thay thế bằng một biểu mẫu điện tử duy nhất có thể được nộp bởi bên mua, bên bán hoặc chính công ty, và không nên yêu cầu nộp bất kỳ tài liệu nào dưới dạng bản cứng.

Trên thực tế, nhà đầu tư nước ngoài phải chuẩn bị và nộp nhiều bản sao hợp pháp hóa của cùng một loại tài liệu cho một giao dịch. Hơn nữa, các cơ quan địa phương áp dụng thời hạn hiệu lực khác nhau đối với tài liệu đã hợp pháp hóa và chứng thực (từ 3 đến 6 tháng), tùy theo cách hiểu, do chưa có quy định rõ ràng về vấn đề này. Việc chuẩn bị nhiều bản hợp pháp hóa cho một tài liệu gây tốn kém và mất nhiều thời gian.

Chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp linh hoạt như sau:

- **Hiện đại hóa thủ tục đầu tư** bằng cách tăng cường ứng dụng công thông tin trực tuyến và nộp hồ sơ điện tử: Cung cấp nền tảng đề nhiều thủ tục hành chính và hồ sơ có thể được hoàn tất trực tuyến, giúp quy trình nhanh chóng và thuận tiện hơn.
- **Cơ quan địa phương nên chấp nhận bản sao chứng thực từ bản hợp pháp hóa** thay vì yêu cầu nộp bản hợp pháp hóa gốc (từ một bản hợp pháp hóa có thể chuẩn bị nhiều bản sao chứng thực). Việc sử dụng bản sao chứng thực phù hợp với Khoản 2 Điều 3 Nghị định 23/2015/NĐ-CP, theo đó bản sao chứng thực có giá trị pháp lý như bản gốc.
- **Cơ quan địa phương không nên áp đặt thời hạn hiệu lực cứng nhắc** đối với tài liệu đã hợp pháp hóa và chứng thực, miễn là nội dung của tài liệu không thay đổi. Lý do là doanh nghiệp và nhà đầu tư đã phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của thông tin trong hồ sơ nộp cho cơ quan quản lý, theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định 168/2025/NĐ-CP và Điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định 31/2021/NĐ-CP.

Việc thực hiện các thay đổi được đề xuất trên sẽ giúp Việt Nam xây dựng một khuôn khổ pháp lý hấp dẫn và thuận lợi hơn cho đầu tư nước ngoài, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững và tạo ra lợi ích song hành cho cả nhà đầu tư nước ngoài và nền kinh tế Việt Nam.

6. Khả năng áp dụng chữ ký số trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chưa rõ ràng trên thực tế

Nghị định 239/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 3/9/2025) sửa đổi Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư quy định rằng khi thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định 31/2021/NĐ-CP, nhà đầu tư phải nộp bản sao điện tử của hồ sơ có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, và các bản sao điện tử này có giá trị pháp lý như hồ sơ giấy. Nói cách khác, ngoài bộ hồ sơ giấy (theo yêu cầu thông thường), nhà đầu tư nay còn phải nộp thêm bản sao điện tử của hồ sơ có chữ ký số.

Về cơ sở pháp lý, Luật Giao dịch điện tử 2023 quy định các khái niệm sau:

- **Chữ ký điện tử**: là chữ ký được tạo ra dưới dạng dữ liệu điện tử gắn hoặc kết hợp logic với thông điệp dữ liệu nhằm xác nhận người ký và xác nhận sự chấp thuận của chủ thể đối với thông điệp dữ liệu đó.

- *Chữ ký số*: là chữ ký điện tử sử dụng thuật toán khóa bất đối xứng, bao gồm khóa bí mật và khóa công khai, trong đó khóa bí mật được sử dụng để ký và khóa công khai được sử dụng để kiểm tra chữ ký số.
- *Chứng thư chữ ký điện tử*: là thông điệp dữ liệu xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân được chứng thực là người ký chữ ký điện tử.
- *Chứng thư chữ ký số*: là chứng thư chữ ký điện tử dùng cho chữ ký số.

Phân loại chữ ký điện tử:

- *Chữ ký điện tử chuyên dùng*: được tạo ra bởi các cơ quan, tổ chức và chỉ dùng trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đó theo chức năng, nhiệm vụ (áp dụng cho cả khu vực công và tư).
- *Chữ ký số công cộng*: là chữ ký số được sử dụng trong các hoạt động công cộng và được bảo mật bởi chứng thư chữ ký số công cộng (chủ yếu cho khu vực tư nhân).
- *Chữ ký số chuyên dùng công cộng*: là chữ ký số sử dụng trong các hoạt động công vụ và được bảo mật bởi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công cộng (chủ yếu cho khu vực công).

Chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài nói chung được công nhận tại Việt Nam nếu:

- Phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- Chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài phải được hình thành trên cơ sở thông tin định danh đã được xác thực đầy đủ của tổ chức nước ngoài.

Thông tư 06/2024/TT-BTTTT quy định về thủ tục công nhận chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam:

- Tổ chức nộp hồ sơ lên Bộ Thông tin và Truyền thông (cụ thể là Nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia – ROOTCA) trực tiếp / qua bưu điện / trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, bao gồm:
 - + Đơn đề nghị theo Mẫu số 03 ban hành kèm Thông tư 06/2024/TT-BTTTT;
 - + Tài liệu, hồ sơ kỹ thuật chứng minh chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
 - + Chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài đề nghị công nhận tại Việt Nam phải có các trường thông tin tối thiểu theo quy định để phục vụ việc kiểm tra trạng thái chứng thư trên hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy;
 - + Tài liệu chứng minh chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được hình thành trên thông tin định danh đã được xác thực của tổ chức:
 - Đối với tổ chức Việt Nam: Quyết định thành lập hoặc quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư và Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng nhận định danh hoặc Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức; hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức.

- Đối với cá nhân Việt Nam: Căn cước công dân, định danh điện tử, giấy tờ chứng nhận định danh hoặc hộ chiếu hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2.
 - **Đối với tổ chức nước ngoài: Văn bản của cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cho phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.**
 - Đối với cá nhân nước ngoài: Hộ chiếu kèm thị thực hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam xác nhận cư trú hợp pháp tại Việt Nam.
 - Trường hợp ủy quyền sử dụng chữ ký điện tử nước ngoài và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài, tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền phải có văn bản ủy quyền cho phép sử dụng hợp pháp chữ ký điện tử và thông tin thuê bao cấp kèm chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài phải phù hợp với thông tin trong văn bản ủy quyền hoặc văn bản cho phép.
- + Bản dịch công chứng của giấy phép hoặc chứng thư chứng minh rằng nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài cấp chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài đề nghị công nhận tại Việt Nam được thành lập và hoạt động hợp pháp tại quốc gia đăng ký hoạt động.
- + Cá nhân và tổ chức có quyền lựa chọn nộp bản sao trích từ sổ gốc, bản sao chứng thực, hoặc nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu, hoặc cung cấp dữ liệu điện tử được chứng thực. Các giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cấp, công nhận hoặc chứng nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự (trừ trường hợp được miễn) và dịch công chứng sang tiếng Việt.
- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, ROOTCA phối hợp với Bộ Công an để thẩm định (có thể kéo dài đến 65 ngày nếu cần xác minh). Nếu đạt điều kiện, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ cấp Giấy chứng nhận công nhận, đồng thời ROOTCA đưa chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài vào danh sách tin cậy và công bố trên Hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy. Nếu không đạt điều kiện, Bộ sẽ thông báo và nêu rõ lý do.

Thời hạn công nhận chữ ký điện tử nước ngoài và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam là 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực của chứng thư chữ ký điện tử đó. Trường hợp có thay đổi thông tin, tổ chức phải báo cáo và đề nghị công nhận lại.

Bên cạnh quy trình phức tạp và kéo dài để nhà đầu tư nước ngoài có thể được công nhận chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam, vấn đề thực tế nảy sinh là trong hồ sơ công nhận phải có tài liệu chứng minh chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được hình thành trên cơ sở thông tin định danh đã được xác thực của tổ chức nước ngoài. Đối với tổ chức nước ngoài, đó là văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Tuy nhiên, tại giai đoạn nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (“GCNĐKĐT”), tổ chức nước ngoài chưa thể có được loại văn bản này để nộp. Điều này tạo ra những vướng mắc không cần thiết, và hiện nay chưa có cách tháo gỡ, cho các nhà đầu tư nước ngoài trong quá trình nộp hồ sơ xin GCNĐKĐT tại Việt Nam.

Hơn nữa, theo cơ quan có thẩm quyền, Cổng thông tin ROOTCA (<https://rootca.gov.vn/>) sẽ công bố danh sách chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam. Tuy nhiên, cho đến nay, trang ROOTCA vẫn chưa công bố danh sách này. Với quy trình cấp phép nhiều vướng mắc như vậy, hiện chưa rõ liệu đã có chữ ký điện tử hoặc chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài nào thực sự được công nhận tại Việt Nam hay chưa. Chúng tôi kiến nghị Chính phủ, Bộ Tài chính và Bộ Khoa học & Công nghệ sớm ban hành hướng dẫn rõ ràng về cách thức thực hiện/yêu cầu mới đối với bản điện tử của tài liệu có chữ ký số trong bối cảnh mâu thuẫn nêu trên. Điều này sẽ góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài và tạo thuận lợi cho thủ tục đầu tư tại Việt Nam vốn đã tốn nhiều thời gian.

7. Hoàn thiện pháp luật về đất đai và bất động sản

Chúng tôi ghi nhận những nỗ lực nhằm cải thiện khuôn khổ pháp lý liên quan đến đầu tư và các hoạt động về đất đai, bất động sản cũng như các dự án có sử dụng đất; và hoan nghênh việc ban hành Luật Đất đai sửa đổi cùng với Luật Kinh doanh Bất động sản và Luật Nhà ở mới.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy còn tồn tại một số thách thức trong việc áp dụng và xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Luật Đất đai 2024. Vấn đề cốt lõi bắt nguồn từ việc chưa có cơ sở dữ liệu đất đai toàn diện cũng như thiếu các mô hình thống kê tin cậy để phản ánh đúng các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất.

Mặc dù chúng tôi hoan nghênh sáng kiến của Chính phủ trong việc dự thảo sửa đổi để khắc phục các vướng mắc trong triển khai Luật Đất đai 2024 — bao gồm cả vấn đề định giá đất — chúng tôi cho rằng cần có cải cách căn bản hơn đối với chế độ đất đai. Cụ thể, nên áp dụng cách tiếp cận từ dưới lên, bao gồm việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia tập trung và thành lập hội đồng chuyên gia độc lập để giám sát công tác thẩm định giá đất.

Ở phạm vi rộng hơn, chúng tôi mong muốn:

- Tăng cường tính minh bạch và hiệu quả trong công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, bàn giao đất và đưa đất vào sử dụng.
- Đẩy mạnh sự hài hòa giữa các văn bản pháp luật liên quan đến triển khai dự án có sử dụng đất, bao gồm Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu và Luật Đấu giá.
- Ban hành các quy định rõ ràng hơn nhằm tạo sự chắc chắn về pháp lý đối với các loại hình phát triển hỗn hợp, condotel và các dự án sử dụng theo tầng thay vì toàn bộ tòa nhà.

Cuối cùng, với việc nhiều dự án và khu công nghiệp chỉ còn khoảng 10–15 năm thời hạn sử dụng đất, việc ban hành sớm các hướng dẫn về phương án xử lý khi hết thời hạn sử dụng đất là hết sức cần thiết.

8. Niềm yết của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Chúng tôi hoan nghênh việc một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy mô lớn đang cân nhắc thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (“**IPO**”) trên sàn chứng khoán tại Việt Nam. Điều này thể hiện niềm tin vào thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như cam kết gắn bó lâu dài với nền kinh tế Việt Nam.

Về mặt pháp lý, Việt Nam đã có một khung khổ tương đối toàn diện về điều kiện và quy trình IPO, niêm yết cổ phiếu. Tuy nhiên, trên thực tế, khi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

tiến hành các thủ tục này, quá trình lại thường tốn nhiều thời gian và tiềm ẩn nhiều yếu tố thiếu chắc chắn.

Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành hướng dẫn và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện IPO theo cách thức minh bạch và không phân biệt đối xử. Đồng thời, cần rút ngắn thời gian và đơn giản hóa quy trình IPO, cho phép triển khai các thủ tục song song, qua đó củng cố niềm tin của nhà đầu tư và thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam.

9. Thủ tục VNeID mới cho doanh nghiệp

Theo Nghị định 69/2024/NĐ-CP (“Nghị định 69”), kể từ ngày 01/7/2025, doanh nghiệp phải đăng ký tài khoản định danh điện tử Việt Nam (Định danh số tổ chức) để thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến, bao gồm cả khai thuế với cơ quan có thẩm quyền.

- Điều này có nghĩa là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp sẽ tiến hành đăng ký tài khoản định danh điện tử Việt Nam cho doanh nghiệp thông qua tài khoản VNeID của chính mình. Điều kiện bao gồm: (i) người đại diện theo pháp luật phải có tài khoản VNeID mức độ 2; và (ii) thông tin trên căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật trong tài khoản VNeID của họ phải trùng khớp với thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty.
- Trong trường hợp khác, người đại diện theo pháp luật có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện việc đăng ký. Người được ủy quyền cũng phải có tài khoản VNeID mức độ 2.
- Thời gian xử lý đăng ký là từ 3 – 15 ngày làm việc, và kết quả sẽ được gửi vào tài khoản VNeID của người nộp hồ sơ.

Người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài chỉ đủ điều kiện đăng ký tài khoản VNeID mức độ 2 nếu họ đang cư trú hoặc tạm trú tại Việt Nam (có thẻ tạm trú). Thêm vào đó, theo thực tiễn hiện nay, việc đăng ký tài khoản VNeID mức độ 2 đối với người nước ngoài phải được thực hiện trực tiếp tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh hoặc công an cấp tỉnh. Quy trình này có thể kéo dài, gây tốn kém nguồn lực của khu vực tư nhân. Ngoài ra, sự thiếu thống nhất và rõ ràng trong quy trình tại các cơ quan địa phương đã dẫn đến tình trạng chậm trễ hồ sơ, ngay cả khi doanh nghiệp đã nộp đầy đủ giấy tờ theo yêu cầu.

Bên cạnh đó, Nghị định 69 cũng quy định người đại diện theo pháp luật có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện đăng ký tài khoản định danh điện tử của doanh nghiệp. Tuy nhiên, một số vấn đề triển khai vẫn chưa rõ ràng. Ví dụ, khi doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật, chưa có hướng dẫn cụ thể liệu việc ủy quyền có bắt buộc phải được tất cả người đại diện đồng ý hay chỉ cần một người đại diện là đủ.

Trước những bất cập nêu trên, chúng tôi kiến nghị cần sớm ban hành hướng dẫn chính thức để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục đăng ký định danh điện tử một cách hiệu quả hơn, bao gồm việc làm rõ các bước quy trình và hồ sơ cần thiết. Đồng thời, chúng tôi đề xuất mạnh mẽ việc cho phép người nước ngoài có thị thực dài hạn (nhưng chưa có thẻ tạm trú) cũng được đăng ký VNeID, bởi trong thực tế có những trường hợp chuyên gia nước ngoài sắp kết thúc nhiệm kỳ công tác, việc xin cấp thẻ tạm trú mới sẽ tốn kém và mất nhiều thời gian.

10. Cải cách hành chính mới dẫn đến quá tải cho cơ quan nhà nước

Kể từ tháng 3/2025, Việt Nam đã triển khai cải cách hành chính trên phạm vi toàn quốc. Cuộc cải cách này bao gồm cả các cơ quan Nhà nước và đơn vị hành chính.

Các cải cách này, cùng với việc cắt giảm nhân sự trong các cơ quan Nhà nước, đã dẫn đến tình trạng quá tải đối với đội ngũ cán bộ công chức. Nguyên nhân là do khối lượng công việc gia tăng khi nhiều đơn vị hành chính được sáp nhập (ví dụ: khối lượng công việc của Thành phố Hồ Chí Minh hiện bao gồm thêm cả phần việc của các tỉnh cũ Bình Dương và Vũng Tàu), và nhiều cơ quan được hợp nhất (ví dụ: công việc của Bộ Tài chính hiện bao gồm cả phần việc trước đây của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ xem xét vấn đề quá tải nhân sự tại các cơ quan và xây dựng một chiến lược nhân sự phù hợp nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân.

11. Thủ tục đầu tư đặc thù đối với một số loại dự án

Chúng tôi đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ trong việc ban hành Nghị định số 19/2025/NĐ-CP (“**Nghị định 19**”) ngày 10 tháng 2 năm 2025, quy định thủ tục đầu tư đặc thù theo Luật Đầu tư. Đây là một sáng kiến tiến bộ, nếu được triển khai hiệu quả, có thể giúp Việt Nam thu hút dòng vốn đầu tư chiến lược vào các lĩnh vực công nghệ cao và đổi mới sáng tạo.

Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy vẫn còn một số vấn đề quan trọng cần được giải quyết, do Nghị định 19 hiện mới tập trung vào giai đoạn đầu của thủ tục đăng ký đầu tư, trong khi các giai đoạn triển khai và hoàn tất dự án vẫn chưa rõ ràng. Sự thiếu minh bạch này gây ra tâm lý thiếu chắc chắn cho cả nhà đầu tư và cơ quan quản lý. Để đảm bảo việc triển khai thông suốt các dự án theo cơ chế đầu tư đặc thù, chúng tôi kiến nghị xây dựng một lộ trình rõ ràng, bao quát từ khâu chuẩn bị dự án đến giai đoạn đưa vào vận hành. Lộ trình này cần nêu cụ thể những thủ tục nào được miễn trừ và những thủ tục nào vẫn phải thực hiện, cũng như các loại hồ sơ cần thiết. Sự minh bạch như vậy sẽ giúp nhà đầu tư lập kế hoạch hiệu quả và hỗ trợ cơ quan nhà nước trong việc giám sát nhất quán.

Ngoài ra, cần xem xét và điều chỉnh các quy định pháp luật có liên quan, chẳng hạn như các quy định của Luật Đất đai đối với các dự án có sử dụng đất, nhằm bảo đảm sự đồng bộ với khung thủ tục đầu tư đặc thù. Nếu thiếu sự phối hợp này, sẽ có nguy cơ chồng chéo hoặc mâu thuẫn giữa Nghị định 19 và các quy định pháp luật chuyên ngành khác. Một cách tiếp cận pháp lý hài hòa sẽ là yếu tố then chốt để phát huy tối đa tiềm năng của cơ chế đầu tư đặc thù và định vị Việt Nam như một điểm đến cạnh tranh cho các dòng vốn đầu tư giá trị cao.

12. Các dự án trung tâm dữ liệu và rào cản pháp lý

Trong quá trình vận hành trung tâm dữ liệu, việc truyền dữ liệu ra nước ngoài là thiết yếu nhằm phục vụ hoạt động toàn cầu và bảo đảm khả năng truy cập dữ liệu từ nhiều địa điểm khác nhau. Bằng cách phân tán dữ liệu trên nhiều trung tâm dữ liệu tại các quốc gia khác nhau, doanh nghiệp có thể giảm độ trễ, nâng cao chất lượng, bảo đảm dự phòng và sao lưu dữ liệu.

Tuy nhiên, mặc dù Chính phủ thể hiện cam kết mạnh mẽ, các quy định hiện hành trong Luật Dữ liệu và Nghị định hướng dẫn số 165/2025/NĐ-CP (“**Nghị định 165**”) lại tạo ra những rào cản lớn cho nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là việc hạn chế truyền dữ liệu xuyên biên giới. Cụ thể, Điều 12 Nghị định 165 quy định các thủ tục đánh giá rủi ro phức tạp và phải xin phê duyệt, có thể khiến các nhà vận hành trung tâm dữ liệu quốc tế e ngại và cản trở sự phát triển số của Việt Nam.

Đánh giá tác động & phê duyệt phức tạp: Doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đánh giá tác động lên Bộ Công an (“BCA”) hoặc Bộ Quốc phòng (“BQP”) trước khi truyền dữ liệu cốt lõi ra nước ngoài. Với dữ liệu cốt lõi, doanh nghiệp phải được BCA hoặc BQP chấp thuận. Điều này gây ra gánh nặng hành chính đáng kể và làm chậm trễ quy trình.

Những yêu cầu này có thể dẫn đến:

- Gánh nặng hành chính và quá tải về nguồn nhân lực cho cả khu vực tư nhân và khu vực công trong việc nộp hồ sơ xin phê duyệt/thông báo trước và trong việc xem xét, xử lý các phê duyệt/tiếp nhận thông báo trước đó. Đồng thời, cũng chưa rõ BCA sẽ xử lý khối lượng lớn các báo cáo đánh giá tác động cần được xem xét và phê duyệt như thế nào để bảo đảm hoạt động chuyển dữ liệu xuyên biên giới của doanh nghiệp diễn ra thuận lợi.
- Hạn chế việc thực hiện chủ trương của Chính phủ về tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp bước vào kỷ nguyên số, đặc biệt trong việc khuyến khích phát triển công nghệ cao và kỹ thuật.
- Giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong nỗ lực phát triển, tối ưu chi phí vận hành, đồng thời ảnh hưởng đến việc thu hút FDI trong các lĩnh vực công nghệ cao, số hóa và trí tuệ nhân tạo thế hệ mới (GenAI).
- Chồng chéo với các quy định của Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân và Nghị định 13/2023/NĐ-CP, tạo ra yêu cầu tuân thủ trùng lặp.

Các nhà đầu tư lớn vẫn đang áp dụng cách tiếp cận “chờ và xem” (wait-and-see), trì hoãn các kế hoạch mở rộng do các quy định khắt khe, trong khi các đối thủ trong khu vực lại đưa ra khuôn khổ linh hoạt hơn. Ví dụ, so với Việt Nam, Luật Dữ liệu của Trung Quốc đã thiết lập các cơ chế quan trọng để chuyển dữ liệu ra nước ngoài thông qua các quy định như Cơ chế Đánh giá An ninh đối với Chuyển Dữ liệu ra nước ngoài. Cơ chế này nhằm làm rõ và cung cấp hướng dẫn cụ thể cho các doanh nghiệp trong việc chuyển giao và xử lý dữ liệu ở nước ngoài.

Với việc Singapore và Malaysia đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt năng lượng và quỹ đất, Việt Nam đang có cơ hội vàng để thu hút đầu tư vào nhiều lĩnh vực (bao gồm trung tâm dữ liệu). Tuy nhiên, để nắm bắt cơ hội này, Việt Nam cần giải quyết các quan ngại chính của các nhà cung cấp dịch vụ quy mô lớn, đặc biệt là về khung pháp luật dữ liệu. Nếu không có sự điều chỉnh phù hợp, Việt Nam có nguy cơ bỏ lỡ hàng tỷ USD vốn đầu tư tiềm năng trong lĩnh vực trung tâm dữ liệu, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, tiến bộ công nghệ và mục tiêu phát triển hạ tầng số.

Đáng chú ý và khích lệ là Việt Nam đã đặt mục tiêu trở thành trung tâm công nghệ số toàn cầu vào năm 2045, trong đó đầu tư trung tâm dữ liệu đóng vai trò then chốt. Chúng tôi cũng hiểu mối quan ngại của Nhà nước về quốc phòng và an ninh. Tuy nhiên, để duy trì sức cạnh tranh trên thị trường khu vực, chúng tôi kiến nghị Chính phủ và Bộ Công an xem xét điều chỉnh Luật Dữ liệu và các quy định hướng dẫn, bảo đảm phù hợp với chuẩn mực quốc tế, vừa bảo vệ an ninh quốc gia vừa hỗ trợ hoạt động kinh doanh.

13. Bỏ khái niệm Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp (DICA)

Hiện nay, pháp luật Việt Nam yêu cầu các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIEs) phải mở một tài khoản vốn đầu tư trực tiếp (Direct Investment Capital Account – “DICA”) để nhận vốn từ nhà đầu tư nước ngoài. Chúng tôi hiểu rằng DICA chỉ tồn tại nhằm mục đích

thống kê và kiểm soát tiền tệ, tuy nhiên, quy định này đã gây ra sự phức tạp không cần thiết trong các giao dịch.

Vì vậy, để đơn giản hóa quá trình giao dịch và giảm gánh nặng hành chính cho nhà đầu tư, chúng tôi đề xuất chỉ duy trì một khái niệm chung là **Tài khoản đầu tư gián tiếp (Indirect Investment Account – “IIA”)** thay vì DICA. Đồng thời, thủ tục hành chính rườm rà liên quan đến việc chuyển tiền vào và ra từ DICA/IIA cũng cần được cắt giảm.

14. Sửa đổi Luật Cạnh tranh để tạo thuận lợi cho quá trình giao dịch

Theo Luật Cạnh tranh, một giao dịch phải được thông báo cho và chịu sự chấp thuận của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (UBCTQG) nếu (i) giao dịch đó được coi là tập trung kinh tế, và (ii) đáp ứng bất kỳ ngưỡng thông báo nào được quy định trong pháp luật.

Các hình thức tập trung kinh tế bao gồm:

- sáp nhập doanh nghiệp;
- hợp nhất doanh nghiệp;
- mua lại doanh nghiệp;
- liên doanh giữa các doanh nghiệp; và
- các hình thức tập trung kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

Ngưỡng phải nộp hồ sơ tập trung kinh tế được quy định như sau:

- tổng tài sản trên thị trường Việt Nam của bất kỳ bên bán, bên mua, hoặc doanh nghiệp mục tiêu (tính trên cơ sở hợp nhất nhóm công ty) đạt từ 3.000 tỷ đồng (khoảng 114 triệu USD) trở lên trong năm tài chính liền kề trước khi thực hiện tập trung kinh tế;
- tổng doanh thu trên thị trường Việt Nam của bên bán, bên mua và doanh nghiệp mục tiêu (tính trên cơ sở hợp nhất nhóm công ty) đạt từ 3.000 tỷ đồng (khoảng 114 triệu USD) trở lên trong năm tài chính liền kề trước khi thực hiện tập trung kinh tế;
- giá trị giao dịch của thương vụ dự kiến đạt từ 1.000 tỷ đồng (khoảng 38 triệu USD) trở lên (không áp dụng đối với các giao dịch ngoài lãnh thổ); hoặc
- thị phần kết hợp của bên mua và doanh nghiệp mục tiêu (tính trên cơ sở hợp nhất nhóm công ty) đạt từ 20% trở lên trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước khi thực hiện tập trung kinh tế.

Chúng tôi kiến nghị loại bỏ ngưỡng giá trị giao dịch và làm rõ cách thức áp dụng các tiêu chí về doanh thu/tài sản,... Ngoài ra, các giao dịch trong những lĩnh vực không nhạy cảm nên được áp dụng cơ chế nộp hồ sơ tập trung kinh tế trên cơ sở **tự nguyện**. Điều này vẫn đảm bảo được việc giám sát của Nhà nước thông qua quyền điều tra của UBCTQG đối với bất kỳ giao dịch nào.

15. Sửa đổi Luật Chứng khoán để tạo thuận lợi cho quá trình giao dịch

Hiện nay, pháp luật chứng khoán Việt Nam chưa ghi nhận khái niệm Chào mua công khai có điều kiện (“**Public Tender Offers - PTOs**”) và quyền mua lại bắt buộc (“**squeeze-outs**”).

Theo quy định pháp luật Việt Nam, chào mua công khai là thủ tục đăng ký và công bố công khai ý định mua một phần hoặc toàn bộ cổ phần hoặc chứng chỉ quỹ có quyền biểu quyết của công ty đại chúng hoặc quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng trong các trường hợp pháp luật quy định. Giá chào mua thường cao hơn giá cổ phiếu hiện tại của công ty, nhằm tạo động lực cho cổ đông bán cổ phần.

Ở các quốc gia khác, ví dụ như Vương quốc Anh, Hồng Kông, Singapore..., chào mua công khai tự nguyện (voluntary PTOs) nhìn chung có thể kèm theo điều kiện. Đối với chào mua công khai bắt buộc (mandatory PTOs), dù về nguyên tắc không được đặt điều kiện, nhưng vẫn có ngoại lệ, chẳng hạn trong trường hợp có “lý do chính đáng” (ví dụ: việc thay đổi quyền kiểm soát đòi hỏi phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền). Thực tiễn hiện nay tại Việt Nam là các điều kiện, kể cả điều kiện đầu tư như phê duyệt tập trung kinh tế, phải được đáp ứng trước khi tiến hành chào mua công khai.

Tuy nhiên, cách tiếp cận này dường như đi ngược lại thông lệ quốc tế tốt và gây ra các vấn đề về công bố thông tin cũng như những phức tạp khác. Sẽ tốt hơn cho thị trường nếu áp dụng cơ chế chào mua công khai có điều kiện, vì cơ chế này cho phép chào mua được công bố sớm hơn ra thị trường, đồng thời đảm bảo minh bạch hơn về các yêu cầu của giao dịch.

Mục đích của chào mua công khai là để bên mua giành quyền kiểm soát công ty, và đối với chào mua 100%, nhằm đưa công ty mục tiêu vào trong nhóm công ty của bên mua. Cơ chế **squeeze-outs** cho phép cổ đông chỉ phối, nắm giữ tỷ lệ đa số rất lớn (ví dụ: 95% số cổ phần còn lại), có quyền mua lại phần cổ phần của cổ đông thiểu số với mức giá hợp lý, qua đó buộc họ rút khỏi công ty. Mục đích chính là tránh tình trạng bế tắc trong ra quyết định do cổ đông thiểu số gây ra và tăng cường hiệu quả hoạt động của công ty. Vì vậy, quyền squeeze-out là công cụ then chốt để đảm bảo sự linh hoạt và hiệu quả trong cấu trúc doanh nghiệp quy mô lớn. Khái niệm này đã được thừa nhận ở nhiều quốc gia như Mỹ, Anh, Hồng Kông, Singapore, Pháp, Đức... Trong khi đó, pháp luật doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có cơ chế squeeze-out, phương án duy nhất hiện tại chỉ là tiếp tục pha loãng.

Chúng tôi kiến nghị đưa khái niệm **chào mua công khai có điều kiện (PTOs)** và **quyền mua lại bắt buộc (squeeze-outs)** vào các luật liên quan. Điều này sẽ giúp xây dựng một khuôn khổ pháp lý toàn diện và thuận lợi hơn cho nhà đầu tư tại Việt Nam, đồng thời tiệm cận với thông lệ quốc tế.

16. Đơn giản hóa yêu cầu và thủ tục liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường Việt Nam

Hiện nay, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đang trong quá trình xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007, được Quốc hội thông qua vào tháng 6/2025 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2026 (“Dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa”).

Về **nhãn điện tử**, Dự thảo Nghị định yêu cầu đăng ký và phê duyệt đối với nhãn điện tử, điều này bị coi là không cần thiết và gây cản trở cho hoạt động kinh doanh. Yêu cầu về mã QR riêng cho từng quốc gia (như Việt Nam đang đề xuất) sẽ không đơn giản hóa việc tra cứu thông tin cho người tiêu dùng và cũng không phù hợp với thông lệ quốc tế. Chúng tôi kiến nghị sửa đổi Dự thảo Nghị định theo hướng cho phép sử dụng nhãn điện tử mà không cần đăng ký hoặc phê duyệt. Đồng thời, nhãn điện tử nên được phép thay thế hoàn toàn nhãn vật lý nếu thể hiện đầy đủ các thông tin bắt buộc.

Hiện nay, dù nhãn điện tử đã được phép cho một số nội dung, **dấu hợp quy (CR mark)** lại chưa được phép thể hiện dưới dạng mã QR điện tử. Chính phủ có thể xem xét cho phép sử dụng dấu hợp quy điện tử thay thế dấu vật lý. Điều này sẽ đơn giản hóa việc thực thi, giảm chi phí in ấn và giúp người tiêu dùng dễ dàng truy cập thông tin chứng nhận sản phẩm.

Dự thảo Nghị định cũng đưa ra khái niệm **hộ chiếu số cho sản phẩm (“DPP”)**. Đây là một khái niệm mới trên thế giới, hiện chủ yếu đang được thí điểm tại châu Âu. Việc triển khai phụ thuộc vào các yếu tố như tiêu chuẩn hóa, kiến trúc hệ thống, quyền riêng tư và quyền truy cập. Do đó, chúng tôi kiến nghị nên để DPP ở hình thức tự nguyện. Việt Nam nên tiếp tục theo dõi việc triển khai tại các nước khác, đặc biệt là châu Âu. Ngoài ra, Dự thảo Nghị định cần bãi bỏ quy định về “nội dung tối thiểu” trong DPP, để thông tin yêu cầu cho từng sản phẩm cụ thể có thể thay đổi tùy theo đặc thù sản phẩm, đồng thời tránh trùng lặp với các yêu cầu khác trong nghị định.

Một điểm khác là Dự thảo Nghị định yêu cầu **truy xuất nguồn gốc sản phẩm CNTT qua số sê-ri**, điều này có thể không cần thiết và gây gánh nặng. Các sản phẩm sản xuất theo mô hình **OEM** vốn có chất lượng đồng nhất bất kể địa điểm sản xuất. Việc theo dõi nguồn gốc của từng sản phẩm điện tử với hàng nghìn linh kiện sẽ tạo ra gánh nặng hành chính và tài chính lớn. Chúng tôi kiến nghị nên miễn trừ đối với sản phẩm công nghệ thông tin và viễn thông khỏi các yêu cầu truy xuất này vì bị coi là dư thừa và tạo thêm gánh nặng không cần thiết.

Ngoài ra, Dự thảo Nghị định yêu cầu **nguồn gốc nguyên liệu, linh kiện phải được thể hiện trên bao bì**, gây nhiều vướng mắc đối với hàng hóa lắp ráp tại Việt Nam rồi xuất khẩu. Quy định này không phải là thông lệ của các quốc gia nhập khẩu. Việc thực thi sẽ buộc doanh nghiệp phải thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc cho từng linh kiện, kéo theo chi phí và thách thức lớn về logistics. Đồng thời, doanh nghiệp còn phải chuẩn bị nhiều loại nhãn khác nhau cho các sản phẩm có nguồn gốc linh kiện khác nhau, làm gián đoạn chuỗi cung ứng và tăng chi phí. Chúng tôi kiến nghị bãi bỏ quy định này, đồng thời cho phép doanh nghiệp xuất khẩu được áp dụng yêu cầu ghi nhãn xuất xứ của nước nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam.

Về **quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa**, hiện chưa có cơ chế miễn trừ tự động đối với các lô hàng giống hệt sau khi đã qua kiểm tra thành công ban đầu. Điều này dẫn đến chậm trễ trong thông quan. Thực tế, yêu cầu phải có sổ tờ khai hải quan trước khi đăng ký kiểm tra chất lượng làm phát sinh thêm từ 1 – 3 ngày chậm trễ. Do đó, chúng tôi kiến nghị Chính phủ áp dụng cơ chế miễn trừ tự động cho các lô hàng tương tự sau khi doanh nghiệp đã có ba lô hàng liên tiếp được kiểm tra đạt yêu cầu; đồng thời, sổ tờ khai hải quan chỉ nên được coi là bước cuối cùng của thông quan, không phải điều kiện tiên quyết cho đăng ký kiểm tra chất lượng.

Cuối cùng, pháp luật Việt Nam hiện **cấm nhập khẩu hàng hóa đã qua sử dụng và hàng tân trang**. Quy định này mâu thuẫn với các cam kết trong CPTPP và EVFTA. Việc cho phép lưu hành hàng tân trang có thể thúc đẩy tính bền vững và giúp người tiêu dùng tiếp cận sản phẩm với chi phí hợp lý hơn. Chúng tôi kiến nghị Chính phủ xem xét sửa đổi các quy định liên quan để cho phép doanh nghiệp nhập khẩu và phân phối sản phẩm tân trang tại thị trường Việt Nam.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG

PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG CHẤT LƯỢNG CAO CHO VIỆT NAM

Tầm nhìn mới của Việt Nam về một “kỷ nguyên đổi mới” đã thể hiện các ý định tích cực hướng tới mục tiêu xây dựng mô hình kinh tế cân bằng giữa vai trò của Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân, nhưng thực tế còn nhiều khó khăn thách thức nếu không gỡ bỏ các chính sách kiểm soát và trao quyền cho kinh tế tư nhân vươn lên trong chuỗi giá trị toàn cầu. Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng của VBF xin đề xuất ba khuyến nghị về phát triển cơ sở hạ tầng chất lượng cao trong kỷ nguyên phát triển mới của Việt Nam.

1. Đổi mới năng lực thể chế và tình trạng quản lý quá mức

Để phát triển một dự án cơ sở hạ tầng từ quy mô nhỏ (một dự án năng lượng tái tạo 50 MW với tổng vốn đầu tư khoảng 100 triệu đô la) đến dự án quy mô lớn hơn (một dự án điện khí 1.500 MW với tổng vốn đầu tư khoảng 2,5 tỷ đô la), công tác đưa dự án vào quy hoạch quốc gia mất 3-5 năm; thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án mất 1-1,5 năm; thủ tục lựa chọn nhà đầu tư mất 1-2 năm (nhiều dự án còn kéo dài chưa lựa chọn xong nhà đầu tư); thủ tục trình, phê duyệt nghiên cứu khả thi và đàm phán bộ tài liệu hợp đồng dự án (như hợp đồng mua bán điện) mất 2-3 năm; đàm phán bộ tài liệu hợp đồng tín dụng và xin các chính sách huy động vốn mất 1-2 năm. Như vậy để đóng tài chính thành công một dự án trước khi khởi công xây dựng, thời gian phát triển một dự án mới mất từ 8-12 năm (nhiều dự án kéo dài đến 15 năm hoặc không thực hiện được do không có chính sách huy động tài chính quốc tế quy mô lớn).

Chính phủ cần xem xét rút gọn các thủ tục hành chính và quy trình phát triển dự án, giảm thời gian phát triển dự án xuống 1-2 năm đối với dự án quy mô nhỏ và 3-5 năm đối với dự án quy mô lớn hơn; có chính sách ưu tiên thực hiện các dự án gắn với khả năng và điều kiện huy động vốn rõ ràng; có cơ chế áp dụng các điều kiện đột phá cho dự án gắn với tiến độ triển khai và hoàn thành dự án, đặc biệt là các điều kiện tín dụng cho các tổ chức tài chính thường cấp tới 70-80% tổng vốn đầu tư dự án.

2. Chuyển đổi năng lượng, xây dựng hệ sinh thái tích hợp và hạ tầng chất lượng cao

Hiện nay, Việt Nam phụ thuộc vào điện than (chiếm 37% cơ cấu năng lượng), cùng với lưới điện không ổn định đang đặt ra những rủi ro lớn đối với phát triển năng lượng tái tạo và sự ổn định kinh tế xã hội của đất nước và uy tín thương mại quốc tế. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% năm 2025 và hai con số từ năm 2026 thì cứ mỗi % tăng trưởng GDP cần phải có 1,5% tăng trưởng năng lượng, trong khi dự án nguồn chậm triển khai và nguy cơ thiếu điện là hiện hữu.

Chính phủ xem xét có cơ chế ưu tiên triển khai sớm các dự án điện khí trong nước và LNG nhập khẩu cụ thể (tạo điện nền thay thế dần điện than) mà nhà đầu tư (1) có khả năng đặt hàng turbine khí (hiện nay 3 công ty sản xuất turbine khí trên thế giới đã được đặt hàng và

không còn hàng giao đến hết năm 2029), (2) gắn với nguồn cung cấp khí ổn định dài hạn và giá khí trung bình cạnh tranh tính trên cả thời hạn của dự án, (3) có năng lực vay vốn quốc tế quy mô lớn, đáp ứng các điều kiện cấp tín dụng của các tổ chức tài chính cụ thể.

Chính phủ xem xét cơ chế phát triển các dự án năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi gắn với khả năng tích hợp điện nền/điện khí tại các trung tâm năng lượng quốc gia, gắn với các dự án áp dụng công nghệ mới về tích năng (BESS), cân bằng lưới điện quốc gia, ưu tiên các địa phương vừa có tiềm năng về gió/mặt trời vừa có đủ không gian phát triển tích hợp cảng biển hậu cần, công nghiệp phụ trợ năng lượng, khu công nghiệp xanh, phát triển đô thị xanh phục vụ người dân từ việc kết hợp các nguồn điện nền, điện tái tạo và năng lượng mới. Theo Quy hoạch điện 8 điều chỉnh, đến năm 2030 Việt Nam sẽ phát triển năng tổng công suất điện từ 183-236 GW theo hai kịch bản tăng trưởng kinh tế (tăng 2-2,7 lần so với tổng công suất 87 GW hiện năm, cần nguồn vốn 150-200 tỷ đô la), trong đó điện năng lượng tái tạo chiếm tỷ lệ 40%. Chính phủ xem xét có chính sách cụ thể về tài chính dự án và trái phiếu dự án để huy động các nguồn vốn trong nước và quốc tế cho các dự án năng lượng tái tạo quy mô lớn và hệ sinh thái tích hợp.

Trụ cột chuyển đổi xanh tập trung vào việc kết hợp tính bền vững vào nền kinh tế Việt Nam – ví dụ như trong nông nghiệp, ngành chiếm 32% lực lượng lao động nhưng phải đối mặt với thiệt hại do biến đổi khí hậu lên tới 1,5 tỷ đô la mỗi năm (ước tính của Tổ chức Lương thực Thế giới năm 2023). Năng lực thể chế phải hỗ trợ các cơ chế tài chính xanh và cơ sở hạ tầng chống chịu biến đổi khí hậu, chẳng hạn như mạng lưới giao thông chống lũ lụt, để thu hút đầu tư giá trị cao.

Chính phủ xem xét có chính sách để khu vực kinh tế tư nhân phát triển các cảng biển hậu cần khu vực/liên tỉnh gắn với phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp năng lượng mới, công nghiệp đường sắt, trung tâm dữ liệu, năng lượng xanh, hệ sinh thái tích hợp; thu hút đầu tư nước ngoài chuyển giao công nghệ cho khu vực kinh tế tư nhân và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

3. Khả năng vay vốn và chính sách tín dụng cho các dự án cơ sở hạ tầng

Nền kinh tế Việt Nam chủ yếu dựa vào tín dụng ngân hàng. Hệ thống ngân hàng đang đối mặt với mối đe dọa ngày càng tăng từ nợ xấu, và nền kinh tế cho thấy rõ đặc điểm khả năng hấp thụ vốn thấp. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam không thể tiếp cận được với nguồn tài chính quốc tế trực tiếp hoặc trái phiếu dự án, trong khi Chính phủ lại miễn cưỡng trong việc cấp các biện pháp đảm bảo khả năng trả nợ và hỗ trợ, ngay cả đối với các dự án cơ sở hạ tầng quy mô lớn. Năm nay, Việt Nam đã đạt được vị thế thị trường mới nổi, tạo điều kiện thu hút dòng vốn đáng kể từ các quỹ đầu tư toàn cầu và các nhà đầu tư tổ chức. Việt Nam cần chủ động giải quyết các vấn đề về khả năng tiếp cận thị trường vốn, cấp vốn dự án cơ sở hạ tầng, có chính sách đột phá như mô hình trung tâm tài chính quốc tế, xử lý thiết thực các vấn đề của các tổ chức tài chính quốc tế (như về thời hạn vay trả nợ, ngoại hối/đồng tiền

thanh toán, thay đổi chính sách/pháp luật ảnh hưởng đến dòng tiền và khả năng trả nợ của dự án, giải thích pháp luật Việt Nam và cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế).

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG

Các vấn đề then chốt để phát triển và huy động vốn thành công cho các dự án điện quy mô lớn

1. LNG

(i) Qc

Theo luật hiện hành, sản lượng điện cam kết tối thiểu (Qc) phải đạt tối thiểu 65% và được duy trì trong thời hạn vay vốn của dự án, song không kéo dài quá 10 năm kể từ khi nhà máy chính thức vận hành thương mại (COD), với điều kiện COD đạt được trước ngày 1 tháng 1 năm 2031. Qc hiện được đề xuất ít nhất 75% theo dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về giải quyết các vướng mắc về phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 (“**Dự thảo Nghị quyết**”).

Các nhà đầu tư đang đề xuất Qc tối thiểu là 85% - 90% và áp dụng cho toàn bộ thời hạn của Hợp đồng mua bán điện (PPA) (lên tới 25 năm). Ngoài ra, mức huy động công suất tối thiểu cần được đảm bảo để thực hiện Qc (nói cách khác, Qc sẽ không có ý nghĩa nếu không có huy động thực tế).

(ii) *Cơ chế bảo đảm ngoại tệ theo tỉ lệ 30:70*

Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế bảo đảm ngoại tệ chỉ áp dụng cho các dự án BOT, tức là bảo đảm chuyển đổi sang USD đối với 30% doanh thu, sau khi trừ các khoản chi bằng VND, và hỗ trợ chuyển đổi sang USD đối với phần doanh thu còn lại (70%).

Pháp luật về đầu tư quy định chung các biện pháp hộ đầu tư của Nhà nước, bao gồm cả các biện pháp liên quan đến bảo đảm khả năng chuyển đổi ngoại hối. Các nhà đầu tư đang đề xuất các dự án IPP cũng cần được áp dụng cơ chế bảo đảm ngoại tệ tương tự do việc huy động tài chính quốc tế cho các dự án điện quy mô lớn đều đòi hỏi điều kiện bảo đảm tương tự, bất kể dự án được triển khai theo hình thức BOT hay IPP.

(iii) *Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng*

Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế chấm dứt hợp đồng trước thời hạn chỉ áp dụng đối với các dự án BOT. Theo đó, nhà đầu tư và Bộ Công Thương sẽ đàm phán về các sự kiện dẫn đến chấm dứt hợp đồng và mức thanh toán tương ứng, trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc áp dụng trong các dự án điện BOT thành công trước đây, và các khoản thanh toán khi chấm dứt hợp đồng được thực hiện bằng USD.

Các nhà đầu tư đề xuất rằng các dự án IPP cũng cần được áp dụng cùng cơ chế chấm dứt hợp đồng như các dự án BOT theo quy định của Dự thảo Nghị quyết.

(iv) *Công nhận ngày vận hành thương mại giả định (Deemed COD)*

Deemed COD là cơ chế mà theo đó ngày vận hành thương mại (COD) được coi là đã đạt được và doanh nghiệp dự án được quyền nhận thanh toán chi phí công suất (capacity charge) cùng các chi phí liên quan khác, trong trường hợp nhà máy điện đã

sẵn sàng để chạy thử và vận hành thương mại nhưng không thể đạt COD vì các nguyên nhân không thuộc lỗi của chủ đầu tư, chẳng hạn lỗi của EVN, các sự kiện Chính phủ, hoặc sự kiện bất khả kháng không thuộc Chính phủ nhưng ảnh hưởng đến EVN.

Luật Điện lực và Dự thảo Nghị quyết hiện chưa quy định về cơ chế này. Các nhà đầu tư đề xuất rằng Dự thảo Nghị quyết cần bao gồm cơ chế Deemed COD và áp dụng cho cả các dự án BOT và IPP.

(v) Cơ chế bảo vệ trong trường hợp thay đổi luật

Pháp luật về đầu tư và PPP hiện hành đã quy định cơ chế bảo vệ chung đối với nhà đầu tư trong trường hợp có thay đổi về pháp luật. Tuy nhiên, các nhà đầu tư đề xuất rằng Dự thảo Nghị quyết cần quy định cụ thể cơ chế bảo vệ khi có thay đổi pháp luật, bao gồm xác định rõ các sự kiện được coi là thay đổi pháp luật và các biện pháp bảo vệ tương ứng, như bồi thường thiệt hại, điều chỉnh giá điện, hoặc gia hạn thời hạn hợp đồng, áp dụng cho cả các dự án BOT và IPP.

(vi) Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp

Dự thảo Nghị quyết quy định rằng, đối với các dự án BOT, doanh nghiệp dự án BOT phải tuân thủ pháp luật Việt Nam; đồng thời, trong trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến việc giải thích và thực hiện các hợp đồng dự án, bao gồm Hợp đồng BOT, Thỏa thuận Bảo lãnh và cam kết của Chính phủ (GGU - Government Guarantee and Undertaking), Chấp thuận và Cam kết của Bộ Công Thương (MOIT A&C – MOIT Approval and Commitment), và Hợp đồng mua bán điện (PPA), ngoại trừ Hợp đồng thuê đất (LLA – Land Lease Agreement), các bên có thể lựa chọn áp dụng pháp luật nước ngoài làm luật điều chỉnh.

Các nhà đầu tư đề xuất rằng Dự thảo Nghị quyết cần cho phép các dự án IPP cũng được hưởng cơ chế tương tự như đối với các dự án BOT.

Về cơ chế giải quyết tranh chấp, các nhà đầu tư đề xuất rằng Dự thảo Nghị quyết cần cho phép cả dự án BOT và IPP được quyền lựa chọn trọng tài nước ngoài hoặc trọng tài quốc tế làm cơ quan giải quyết tranh chấp đối với Hợp đồng mua bán điện (PPA) và các hợp đồng dự án liên quan khác.

2. Điện gió ngoài khơi

(i) Qc

Đối với dự án điện gió ngoài khơi bán điện lên lưới điện quốc gia, mức sản lượng điện cam kết tối thiểu (Qc) hiện được quy định là ít nhất 80%, áp dụng trong thời hạn vay vốn của dự án, nhưng không vượt quá 15 năm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa doanh nghiệp dự án và EVN. Cơ chế này áp dụng cho các dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư (IPA) trước ngày 1 tháng 1 năm 2031. Theo Dự thảo Nghị quyết, Qc tối thiểu được quy định như sau:

- (a) 90% trong thời hạn vay vốn của dự án nhưng không vượt quá 20 năm, áp dụng cho các dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày 1 tháng 1 năm 2030 và đạt COD trước ngày 1 tháng 1 năm 2032; hoặc
- (b) 80% trong thời hạn vay vốn của dự án nhưng không vượt quá 20 năm, áp dụng cho các dự án (i) được chấp thuận chủ trương đầu tư trước 1 tháng 1 năm 2032 và đạt COD trước 1 tháng 1 năm 2036, hoặc (ii) được chấp thuận chủ trương đầu tư trước 1 tháng 1 năm 2030 và đạt COD trong giai đoạn từ 1 tháng 1 năm 2032 đến 1 tháng 1 năm 2036.

Các nhà đầu tư đang đề xuất Qc tối thiểu là 90% - 100% và áp dụng cho toàn bộ thời hạn của PPA.

- (ii) **Cơ chế bảo đảm ngoại tệ theo tỷ lệ 30:70, thanh toán khi chấm dứt hợp đồng, công nhận ngày vận hành thương mại giả định (Deemed COD), cơ chế bảo vệ khi thay đổi luật, quy định về luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp** - được đề xuất áp dụng tương tự như đối với các dự án LNG đã nêu ở phần trên, nhằm đáp ứng yêu cầu huy động vốn quốc tế.

3. **Đảm bảo đấu nối lưới điện**

Theo Luật Điện lực, Nhà nước giữ độc quyền trong việc **“đầu tư vào [...] lưới điện truyền tải quan trọng có cấp điện áp từ 220 kV trở lên”** và **“vận hành lưới điện truyền tải, trừ trường hợp lưới điện truyền tải được đầu tư và xây dựng bởi các thành phần kinh tế ngoài Nhà nước”**. Do đó, có thể hiểu rằng khu vực tư nhân có thể phát triển (i) các lưới điện truyền tải không thuộc diện quan trọng có cấp điện áp từ 220 kV trở lên, và (ii) các lưới điện truyền tải nói chung có cấp điện áp trên 110 kV đến dưới 220 kV. Tuy nhiên, hiện chưa có quy định cụ thể về cơ chế cho phép nhà đầu tư tư nhân phát triển và vận hành các dự án lưới điện truyền tải.

Do đó, chúng tôi kiến nghị bổ sung cơ chế cho phép nhà đầu tư tư nhân (i) đầu tư vào các dự án lưới điện truyền tải (dưới hình thức độc lập hoặc gắn liền với dự án nguồn điện), và (ii) chuyển giao các lưới điện này cho doanh nghiệp Nhà nước sở hữu 100% vốn để vận hành, thu phí truyền tải và hoàn vốn cho nhà đầu tư tư nhân.

PHỤ LỤC: CÁC VẤN ĐỀ CHI TIẾT

Số	Vấn đề	Khuyến nghị	Bộ/ ngành liên quan
1.	Ổn định môi trường đầu tư Nhóm công tác cơ sở hạ tầng (IWG) hoan nghênh các chính sách mới được Chính phủ Việt Nam ban hành trong nửa đầu năm 2025. Từ việc sáp nhập địa giới hành chính một số tỉnh đến tái cơ cấu cơ quan trung ương và địa phương, cũng như các chính sách mạnh mẽ thúc đẩy đầu tư tư nhân, những chính sách này được kỳ vọng sẽ mở đường cho sự phát triển kinh tế mạnh mẽ hơn của Việt Nam trong thập kỷ tới. Để các chính sách mới thành công, các thay đổi về thể chế và nhân sự phải được cân nhắc kỹ lưỡng và triển khai hiệu quả. Do tính ổn định cùng với khả năng dự đoán về chính trị và pháp lý là yếu tố then chốt đối với sự thành công của các dự án hạ tầng dài hạn và niềm tin của nhà đầu tư vào môi trường đầu tư tại Việt Nam, những thay đổi chính sách và quá trình tái cơ cấu thể chế đang diễn ra đã gây ra thách thức và làm chậm trễ trong cấp phép, phát triển và huy động vốn cho các dự án trong những tháng qua.	• <i>Tăng cường các nền tảng đối thoại công – tư:</i> Các diễn đàn thường xuyên giữa Chính phủ và nhà đầu tư sẽ cho phép thảo luận cởi mở về tác động chính sách và thách thức trong vận hành. • <i>Đảm bảo ổn định pháp lý cho các dự án đang triển khai:</i> Cần có các biện pháp pháp lý tạm thời để bảo vệ các dự án đang thực hiện và các dự án đã được lên kế hoạch, nhằm đảm bảo chúng không bị gián đoạn bởi những thay đổi chính sách đột ngột. Việc công bố lộ trình và thời gian thực hiện các thay đổi thể chế một cách rõ ràng cũng sẽ giúp nhà đầu tư dự đoán và thích ứng với các cải cách, từ đó củng cố tính dự đoán trong môi trường đầu tư. • <i>Ưu tiên xây dựng năng lực và sắp xếp lại nhân sự:</i> Các chương trình đào tạo cần được triển khai để trang bị cho cán bộ và nhà đầu tư kiến thức về khung pháp lý mới, trong khi nhân sự có kinh nghiệm cần được bố trí một cách chiến lược để giải quyết các vấn đề trong giai đoạn chuyển tiếp. • <i>Khung giám sát và đánh giá:</i> Cần thường xuyên đánh giá tác động của chính sách mới đối với phát triển hạ tầng và môi trường đầu tư. Theo dõi các chỉ số hiệu quả chính như thời gian cấp phép và mức độ hài lòng của nhà đầu tư sẽ cung cấp dữ liệu quan trọng và định hướng cải thiện trong tương lai.	Vấn đề chung
2.	Ưu tiên và phân bổ nguồn lực cho các dự án, ngành trọng điểm IWG hoan nghênh các chính sách mạnh mẽ và định hướng	Để đảm bảo việc phân bổ nguồn lực hiệu quả, chúng tôi khuyến nghị: • Đầu tư công cần được tập trung vào các dự án hạ tầng	Chính phủ

Số	Vấn đề	Khuyến nghị	Bộ/ ngành liên quan
	chiến lược của Chính phủ nhằm thúc đẩy đầu tư vào dự án hạ tầng trong nửa đầu năm 2025, đặc biệt là cam kết đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công. Trước nhu cầu phát triển hạ tầng rất lớn của đất nước và sự hạn chế về vốn cũng như nguồn lực, điều quan trọng là khi ưu tiên về tốc độ và quy mô thì vẫn phải giữ vững và không được lơ là các mục tiêu cốt lõi.	then chốt nhưng gặp khó khăn về hiệu quả thương mại do dòng doanh thu chưa ổn định và rủi ro đặc thù của quốc gia ở mức cao. Những dự án này bao gồm hệ thống giao thông đường bộ và sân bay – vốn có vai trò thiết yếu trong việc cải thiện kết nối với các khu vực vùng sâu, vùng xa và thúc đẩy phát triển kinh tế tại các địa phương còn khó khăn. • Khuyến khích và tạo điều kiện cho đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài nhằm bổ sung cho nguồn vốn công, đặc biệt trong những lĩnh vực có thể giảm thiểu rủi ro thông qua các giải pháp thị trường và tận dụng được kinh nghiệm quốc tế. Các lĩnh vực ưu tiên bao gồm phát điện, bất động sản công nghiệp, hạ tầng sân bay quốc tế, cùng các trung tâm logistics và cảng biển mang tầm quốc tế. • Thúc đẩy liên doanh giữa doanh nghiệp nhà nước với nhà đầu tư tư nhân hoặc nước ngoài có kinh nghiệm để đa dạng hóa nguồn vốn và tận dụng chuyên môn quốc tế cùng năng lực tài chính. Những liên doanh này có thể nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững dài hạn của dự án. • Cần có hành động cụ thể để thiết lập một môi trường đầu tư đáng tin cậy và ổn định, xây dựng niềm tin cho nhà đầu tư và hỗ trợ cam kết dài hạn đối với phát triển hạ tầng của Việt Nam.	
3.	Thách thức trong đấu thầu cạnh tranh lựa chọn nhà đầu tư dự án hạ tầng Đấu thầu cạnh tranh, nếu được triển khai hiệu quả, mang lại cho Việt Nam cơ chế vững chắc để xác định và chọn ra nhà đầu tư có năng lực nhất cho các dự án hạ tầng trọng điểm. Tuy	Để đảm bảo quy trình đấu thầu cạnh tranh thực sự hỗ trợ phát triển hạ tầng tại Việt Nam, chúng tôi khuyến nghị một số điều chỉnh sau: • <i>Áp dụng đấu thầu cạnh tranh có mục tiêu:</i> Đấu thầu cạnh tranh nên chỉ áp dụng đối với một nhóm dự án	Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, các Bộ ngành liên quan và Ủy ban Nhân dân

Số	Vấn đề	Khuyến nghị	Bộ/ ngành liên quan
	nhiên, kể từ khi quy định bắt buộc đấu thầu cạnh tranh theo Nghị định 115/2024/NĐ-CP (9/2024) có hiệu lực, việc triển khai gặp nhiều thách thức, dẫn đến chậm trễ đáng kể trong việc thúc đẩy các dự án đầu tư mới (dự án “greenfield”) cấp thiết. Các thách thức thực thi chính: • <i>Sự thay đổi trong trách nhiệm chuẩn bị dự án:</i> Trước đây, nhà đầu tư giữ vai trò chủ động trong việc khởi xướng và tài trợ cho các nghiên cứu tiền khả thi cũng như đề xuất dự án để Chính phủ xem xét. Các hoạt động chuẩn bị này, đặc biệt với những dự án quy mô lớn hoặc có tính kỹ thuật phức tạp, đòi hỏi nguồn lực tài chính và kỹ thuật đáng kể. Theo khung pháp lý mới, trách nhiệm này đã chuyển sang cho chính quyền địa phương, nơi thường gặp hạn chế về nguồn lực và phải kiêm nhiệm nhiều vai trò khác nhau. Do đó, nhiều địa phương đã gặp khó khăn trong việc chuẩn bị đầy đủ hồ sơ dự án và tài liệu đấu thầu. • <i>Sự e ngại của nhà đầu tư do thiếu chắc chắn.</i> Việc thiếu rõ ràng và tính dự đoán trong quy trình đấu thầu đã khiến nhiều nhà đầu tư không muốn cam kết nguồn lực cho giai đoạn phát triển ban đầu của dự án, do lo ngại chi phí bỏ ra sẽ mất trắng mà không được đảm bảo quyền tham gia. • <i>Khung pháp lý cứng nhắc và cách hiểu hạn chế.</i> Các quy định mang tính áp đặt trong đấu thầu cạnh tranh thường không đáp ứng được nhu cầu đa dạng của từng dự án cụ thể hoặc cơ cấu khác nhau của các nhà đầu tư tiềm năng. Ví dụ: ○ Tiêu chí và mẫu hồ sơ chuẩn hóa chưa phản ánh được sự đa dạng trong cơ cấu doanh nghiệp và tài chính theo	giới hạn, trong đó: ○ tồn tại sự cạnh tranh thực sự giữa các nhà đầu tư; ○ cơ quan nhà nước có thẩm quyền được cung cấp đầy đủ nguồn lực và hỗ trợ kỹ thuật để chuẩn bị dự án một cách toàn diện; và ○ có đủ thời gian để thiết kế và thực hiện quy trình đấu thầu một cách bài bản. • <i>Trao quyền linh hoạt hơn cho cơ quan nhà nước:</i> Các cơ quan quản lý quá trình đấu thầu nên được trao quyền để điều chỉnh tiêu chí và thủ tục đấu thầu nhằm phù hợp với nhu cầu cụ thể của từng dự án cũng như đặc điểm của nhóm nhà đầu tư tiềm năng. Điều này sẽ giúp đảm bảo tính phù hợp, hiệu quả và công bằng trong quá trình lựa chọn. • <i>Khuyến khích các nhà đầu tư giai đoạn đầu:</i> Các nhà đầu tư chủ động bỏ vốn vào việc chuẩn bị dự án - như nghiên cứu khả thi hoặc đánh giá kỹ thuật - cần được hưởng các ưu đãi phù hợp trong quá trình đấu thầu. Cách tiếp cận này sẽ khuyến khích sự tham gia sớm và giảm nguy cơ hồ sơ mời thầu chưa được chuẩn bị đầy đủ. • <i>Linh hoạt trong hồ sơ mời thầu:</i> Khung pháp lý nên quy định rõ việc cho phép cả cơ quan nhà nước và nhà đầu tư được quyền điều chỉnh các mẫu hồ sơ đấu thầu chuẩn theo luật định. Tính linh hoạt này là cần thiết để đáp ứng yêu cầu riêng của từng dự án cũng như sự đa dạng trong mô hình doanh nghiệp và cơ cấu tài chính của các nhà đầu tư.	các tỉnh/thành phố lớn

Số	Vấn đề	Khuyến nghị	Bộ/ ngành liên quan
	thông lệ quốc tế. ○ Các cách hiểu mang tính hạn chế – chẳng hạn yêu cầu nhà thầu trúng thầu phải trực tiếp nắm giữ cổ phần trong doanh nghiệp dự án thay vì thông qua công ty con – gây khó khăn về thương mại và quản lý tài chính cho các nhà đầu tư lớn, vốn thường sử dụng công ty con để cơ cấu đầu tư. ● <i>Rủi ro không tuân thủ hoặc trì hoãn.</i> Trước những thủ tục thiếu tính thực tiễn, các bên liên quan có thể phải tìm giải pháp lách luật dẫn đến nguy cơ vi phạm quy định, hoặc lựa chọn trì hoãn hành động – cả hai việc này đều làm gia tăng sự bất định và đình trệ của dự án.		
4.	Sự tham gia của các quỹ đầu tư vào dự án hạ tầng Hiện nay, có sự quan tâm ngày càng lớn từ các quỹ đầu tư tư nhân (private equity funds) đối với các dự án hạ tầng, đây có thể trở thành nguồn vốn quan trọng để hỗ trợ Việt Nam phát triển các công trình hạ tầng cần thiết. Tuy nhiên, khung pháp lý hiện hành, đặc biệt là quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đã ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tham gia của các quỹ đầu tư hạ tầng. ● <i>Tiêu chí tài chính:</i> Yêu cầu về mức vốn điều lệ hoặc vốn chủ sở hữu tối thiểu đối với nhà thầu theo quy định đấu thầu hiện hành không phù hợp với mô hình hoạt động của các quỹ đầu tư. Vốn của quỹ được các “đối tác” (partners) cam kết góp khi đăng ký quỹ và chỉ thực góp sau khi có quyết định đầu tư. Do đó, việc yêu cầu quỹ cung cấp bằng chứng về vốn điều lệ hoặc vốn chủ sở hữu là không khả thi. ● <i>Tiêu chí kỹ thuật:</i> Các quỹ đầu tư được quản lý bởi đối	Hệ thống pháp luật về đấu thầu và thủ tục đầu tư cần cho phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thiết kế các tiêu chí lựa chọn một cách linh hoạt, đồng thời bổ sung một điều khoản “mở” (catch-all provision) để cho phép nhà thầu và nhà đầu tư tiềm năng chứng minh năng lực của mình tùy theo mô hình doanh nghiệp và phương thức hoạt động kinh doanh cụ thể.	Bộ Tài chính

Số	Vấn đề	Khuyến nghị	Bộ/ ngành liên quan
	tác chung (general partners) hoặc công ty quản lý quỹ. Cùng một đối tác chung hoặc công ty quản lý quỹ có thể quản lý nhiều quỹ với các nhà đầu tư giới hạn khác nhau. Các công ty quản lý quỹ sẽ thành lập các pháp nhân dự án (special purpose vehicles) để đầu tư vào từng dự án cụ thể. Tuy nhiên, mẫu hồ sơ mời thầu hiện hành chưa rõ ràng về việc liệu công ty quản lý quỹ có thể sử dụng kinh nghiệm từ các dự án mà những quỹ khác do mình quản lý đã đầu tư để chứng minh năng lực kỹ thuật hay không. • <i>Thực thể đầu tư:</i> Như đã nêu, việc yêu cầu công ty quản lý quỹ phải trực tiếp nắm giữ cổ phần trong công ty dự án sau khi trúng thầu là không thực tế. • <i>Hạn chế trong việc chuyển nhượng:</i> Các giới hạn về việc chuyển nhượng lợi ích trong dự án (sẽ được phân tích ở phần dưới) cũng đã hạn chế tính thanh khoản của các khoản đầu tư – vốn là ưu tiên hàng đầu của các quỹ đầu tư.		
5.	Thách thức về tính thanh khoản vốn • Tính thanh khoản vốn là yếu tố thiết yếu đối với đầu tư hạ tầng, đặc biệt trong bối cảnh thị trường toàn cầu còn nhiều biến động. Tại Việt Nam, các quy định nghiêm ngặt về việc chuyển nhượng lợi ích của nhà đầu tư nhằm bảo vệ hạ tầng quốc gia, nhưng đồng thời cũng có thể cản trở tính linh hoạt trong đầu tư và làm chậm trễ việc thoái vốn. • Để đạt được sự cân bằng hợp lý hơn, uy tín của nhà đầu tư nên được bảo đảm thông qua cơ chế cấp phép và công cụ tuân thủ, thay vì bằng những hạn chế chuyển nhượng cứng nhắc. Cách tiếp cận này vừa duy trì được sự giám sát, vừa cho phép dòng vốn dịch chuyển linh hoạt hơn. • Tính thanh khoản đặc biệt quan trọng đối với các quỹ đầu	• Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng hoan nghênh các quy định trong Nghị định 225/2025/NĐ-CP, đã nói lòng một số yêu cầu hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng lợi ích trong dự án. • Ngoài những thay đổi trong pháp luật, điều quan trọng không kém là cơ quan quản lý cần thừa nhận vai trò then chốt của tính thanh khoản vốn, đồng thời chủ động phê duyệt và tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch chuyển nhượng vốn có trách nhiệm. Điều này sẽ nâng cao sức hấp dẫn của Việt Nam đối với các nhà đầu tư và tổ chức cho vay quốc tế.	Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan

Số	Vấn đề	Khuyến nghị	Bộ/ ngành liên quan
	tư, bởi họ phải hoàn trả vốn cho các nhà đầu tư trong khung thời gian nhất định. Việc hạn chế thoái vốn có thể mâu thuẫn với nghĩa vụ này và làm giảm động lực đầu tư trong tương lai. - Bên cạnh đó, trước áp lực ngày càng tăng trong việc dịch chuyển sang các tài sản bền vững, nhiều nhà đầu tư cần có sự linh hoạt để thoái vốn khỏi các dự án nhiên liệu hóa thạch. Việc tạo điều kiện thoái vốn từ các dự án đã trưởng thành và thành công sẽ giúp tái đầu tư vào những dự án mới tại Việt Nam. - Khuyến khích các hoạt động thoái vốn có trách nhiệm không chỉ đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư mà còn giúp tái chu chuyển vốn vào các lĩnh vực ưu tiên, thúc đẩy dòng vốn đầu tư tổng thể và phát triển hạ tầng.		
6.	Các dự án khí tự nhiên trong nước Quy hoạch Phát triển điện VIII (điều chỉnh) ưu tiên phát triển các dự án điện khí trong nước nhằm bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và đạt được các mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Mặc dù Việt Nam đã phát hiện nhiều mỏ khí tự nhiên lớn, các dự án trọng điểm như Lô B hay Cá Voi Xanh vẫn tiếp tục đối mặt với những chậm trễ đáng kể. Thách thức chính nằm ở việc xây dựng lộ trình tiêu thụ và cơ chế giá. Sự thành công trong phát triển các nguồn tài nguyên khí này sẽ phụ thuộc phần lớn vào việc đàm phán thành công các giao dịch bao tiêu với các dự án hạ nguồn – trong đó nhiều dự án thuộc sở hữu nhà nước – và bản thân sự thành công của các dự án hạ nguồn lại phụ thuộc vào các hợp đồng mua bán điện dài hạn với EVN. Nếu không có sự phân bổ rủi ro hài hòa giữa các bên liên quan, cùng với cơ chế giá và bao tiêu dài hạn ổn	Chính phủ Việt Nam — đặc biệt là Bộ Công Thương (cơ quan quản lý cả lĩnh vực dầu khí và điện lực) — cần phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan chủ chốt như PVN và EVN để xây dựng một tầm nhìn thống nhất và khả thi cho việc phát triển các dự án thượng nguồn và hạ nguồn. Cần có ngay sự chỉ đạo đồng bộ đối với các khung khổ thương mại then chốt, bao gồm: - cơ chế giá khí cho hoạt động bán khí thượng nguồn, - thỏa thuận bao tiêu điện cho các dự án điện khí hạ nguồn, và - phân bổ rủi ro giữa nhà cung cấp khí, nhà phát điện và đơn vị bao tiêu điện cuối cùng (EVN). Nếu không có định hướng rõ ràng về những yếu tố nền tảng này, các nhà phát triển dự án và nhà đầu tư sẽ tiếp tục đối mặt với sự bất định, làm giảm tính khả thi của các dự	Bộ Công Thương

Số	Vấn đề	Khuyến nghị	Bộ/ ngành liên quan
	định, triển vọng của các dự án khí trong nước sẽ vẫn còn mờ mịt.	án điện khí trong nước và tri hoãn tiến trình hướng tới các mục tiêu về an ninh năng lượng cũng như tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.	
7.	Biểu giá FIT (Feed-in-Tariff) trong các dự án năng lượng tái tạo Từ Quý II/2025, trong khi chờ hướng dẫn chính thức của Chính phủ, EVN đã tạm ngừng thanh toán biểu giá FIT (Feed-in-Tariff) cho nhiều dự án điện gió và điện mặt trời đã vận hành. EVN viện dẫn lý do vi phạm một số yêu cầu pháp lý – đặc biệt là việc thiếu biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng tại thời điểm vận hành thương mại – để làm cơ sở cho hành động này. Tuy nhiên, các dự án bị ảnh hưởng đã được pháp luật hiện hành tại thời điểm đó xác định rõ ràng là đủ điều kiện hưởng FIT và đã ký kết hợp đồng mua bán điện (PPA) với EVN dựa trên mẫu chuẩn do Bộ Công Thương ban hành. Trong khi bất kỳ vi phạm pháp luật nào cũng có thể bị xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam, thì không có điều khoản nào trong khuôn khổ pháp lý hiện hành, các hợp đồng PPA đã ký, hay trong quy trình vận hành thương mại của EVN cho phép loại bỏ các dự án này khỏi quyền hưởng FIT vì các lý do nêu trên. Việc trì hoãn thanh toán FIT – và khả năng thu hồi lại các khoản đã chi trả trước đó – đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính khả thi tài chính của các dự án bị ảnh hưởng, cũng như đến nhà đầu tư và tổ chức cho vay. Tình huống này đã làm dấy lên mối quan ngại lớn từ các nhà đầu tư và tổ chức tài chính quốc tế về tính ổn định và độ tin cậy của môi trường đầu	Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng kêu gọi Chính phủ sớm ban hành hướng dẫn cuối cùng để giải quyết tranh chấp FIT hiện nay theo cách bảo đảm tuân thủ pháp luật hiện hành và duy trì sự công bằng, hợp lý cho các nhà đầu tư và tổ chức tín dụng có liên quan. Cụ thể: • Tất cả các hành động thực hiện phải phù hợp với pháp luật hiện hành. Quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, được ghi nhận trong các văn bản pháp luật có hiệu lực và các hợp đồng đã ký kết, phải được tôn trọng và bảo vệ. • Bất kỳ vi phạm nào do doanh nghiệp dự án gây ra cần được xử lý thông qua chế tài hành chính theo đúng quy định, mà không làm suy giảm quyền lợi hợp đồng của họ. • Các vấn đề phát sinh từ những quyết định chính trị hoặc chính sách trong quá khứ – bao gồm các chính sách đã lỗi thời, có thể không còn phù hợp với điều kiện thị trường hiện tại – nên được coi là vấn đề nội bộ để Chính phủ rà soát và hoàn thiện chính sách trong tương lai. Tuy nhiên, không nên xem xét lại các văn bản pháp luật ràng buộc và phủ nhận hồi tố quyền và lợi ích hợp pháp đã được công nhận trước đây của nhà đầu tư.	Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Bộ Công Thương

Số	Vấn đề	Khuyến nghị	Bộ/ ngành liên quan
	tư tại Việt Nam, qua đó có thể làm giảm năng lực cạnh tranh của quốc gia trong việc thu hút vốn nước ngoài cho quá trình chuyển dịch năng lượng.		
8.	Thách thức trong khung hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA) Nghị định 57/2025/NĐ-CP thiết lập khung pháp lý cho phép các doanh nghiệp sản xuất được mua điện trực tiếp từ các nhà phát điện năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, cho đến nay, các khách hàng tiêu thụ điện lớn vẫn chưa thể ký bất kỳ hợp đồng DPPA nào. Nguyên nhân chủ yếu là do tính khó dự đoán của các khoản phí hàng tháng liên quan đến DPPA. Các khoản phí này bao gồm chi phí truyền tải, phân phối, vận hành hệ thống và thị trường do EVN đề xuất, biên lợi nhuận được phê duyệt, và các dịch vụ phụ trợ – tất cả đều khó dự đoán trước.	Chúng tôi kiến nghị Chính phủ xem xét các vấn đề sau: - Loại bỏ các khoản phí không phù hợp trong cơ chế DPPA, chẳng hạn như “chi phí quyết toán ròng” hàng tháng hiện đang áp dụng cho các nhà máy điện khác. - Đảm bảo tính minh bạch và khả năng dự đoán của cơ cấu chi phí. - Bảo vệ các bên tham gia DPPA khỏi việc phải gánh chịu chi phí liên quan đến các nguồn điện từ nhiên liệu hóa thạch, vốn thường có mức giá cao và biến động mạnh.	Bộ Công Thương
9.	Cải thiện tình hình tài chính của EVN Là đơn vị bao tiêu điện duy nhất tại Việt Nam, mức độ tín nhiệm của EVN là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn và tính khả thi tài chính của các dự án điện. Tình trạng thua lỗ tài chính kéo dài, chủ yếu do giá bán lẻ điện được ấn định thấp hơn mức thu hồi chi phí, đã làm dấy lên những lo ngại trong cộng đồng nhà đầu tư và các nhà phát triển dự án.	Để củng cố hiệu quả tài chính của EVN và tạo lập môi trường đầu tư ổn định hơn, chúng tôi kiến nghị thực hiện các biện pháp sau: - Xây dựng lộ trình điều chỉnh giá bán lẻ điện rõ ràng và khả thi, phản ánh chi phí thực tế của phát điện, truyền tải và phân phối. - Nâng cao tính minh bạch tài chính và trách nhiệm giải trình của EVN, bao gồm công bố báo cáo tài chính và cơ cấu chi phí, áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế và thực hiện kiểm toán độc lập, qua đó củng cố niềm tin của nhà đầu tư. - Tăng cường quản lý rủi ro và hỗ trợ tín dụng thông qua việc xem xét các công cụ bảo lãnh của Chính phủ hoặc các giải pháp tăng cường tín dụng cho các dự án điện quy mô lớn.	Bộ Công Thương

Số	Vấn đề	Khuyến nghị	Bộ/ ngành liên quan
10.	Tính khả tín tài chính (Bankability) – Các dự án điện quy mô lớn • Hợp đồng mua bán điện mẫu không khả tín (unbankable). Sự phân bổ rủi ro thiếu cân bằng trong hợp đồng mua bán điện mẫu (PPA) theo quy định pháp luật khiến các nhà đầu tư và công ty dự án phải gánh chịu những rủi ro lớn về vận hành, doanh thu và tranh chấp, vốn không được các tổ chức cho vay quốc tế chấp nhận trong cấu trúc tài trợ dự án. • Biến động giá điện. Yêu cầu các dự án điện LNG bắt buộc tham gia thị trường điện cạnh tranh sẽ ảnh hưởng đáng kể đến khả năng dự đoán giá điện và doanh thu của dự án. • Xếp hạng tín nhiệm của bên mua điện. EVN và các đơn vị thành viên là bên mua điện duy nhất tại Việt Nam. Giá bán lẻ điện tại Việt Nam trong nhiều năm qua chưa đủ để EVN thu hồi chi phí đầu tư. Các nhà đầu tư và tổ chức cho vay đã nhiều lần bày tỏ lo ngại về mức tín nhiệm cũng như khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán của EVN trong các hợp đồng PPA lớn. Mặc dù gần đây đã có cải thiện nhẹ, nhưng đây vẫn là trở ngại. Cần có bảo lãnh của Chính phủ để bù đắp khoảng trống này. • Hạn chế trong khung pháp lý về bảo đảm và thực thi biện pháp bảo đảm. Các tổ chức cho vay nước ngoài không được nhận thế chấp quyền sử dụng đất và bất động sản tại Việt Nam. Cơ chế thực thi biện pháp bảo đảm ở Việt Nam hiện vẫn kém hiệu quả. • Khả năng chuyển đổi ngoại tệ. Theo quy định pháp luật Việt Nam, giá điện trong PPA phải được ghi nhận và thanh toán bằng đồng Việt Nam mà không được tham chiếu	• Các dự án LNG cần được miễn nghĩa vụ tham gia thị trường điện bán buôn và được hưởng biểu giá cạnh tranh cố định với hai cấu phần (phí công suất và phí năng lượng). • Xây dựng quy hoạch không gian biển quốc gia gắn với phát triển các trung tâm năng lượng khu vực, các dự án LNG và điện gió ngoài khơi, nhằm xác định phương án sử dụng và phân bổ tối ưu diện tích biển. • Thành lập cơ quan quốc gia và chương trình đào tạo quốc gia để hỗ trợ phát triển cả lĩnh vực LNG và điện gió ngoài khơi, hướng tới mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia dẫn đầu trong khu vực và thế giới, xuất khẩu năng lượng sạch ra toàn cầu, đồng thời cung ứng nguồn nhân lực và tri thức chuyên môn cho thị trường quốc tế. • Xây dựng mẫu hợp đồng mua bán điện (PPA) mới cho các lĩnh vực LNG và điện gió ngoài khơi, với các điều khoản phân bổ rủi ro được các tổ chức cho vay quốc tế chấp nhận. ○ Các vấn đề then chốt về tính khả tín tài chính (bankability) cần được xử lý trong PPA bao gồm: cắt giảm công suất (curtailment), công nhận vận hành giả định (deemed commissioning), thanh toán khi chấm dứt hợp đồng, phân biệt giữa sự kiện bất khả kháng do thiên nhiên và bất khả kháng do Chính phủ, bảo đảm trước thay đổi pháp luật và chính sách thuế, quyền can thiệp của bên cho vay, cơ chế giải quyết tranh chấp và luật điều chỉnh. ○ Làm rõ cơ chế chuyển chi phí nhiên liệu (fuel pass through) và nghĩa vụ bao tiêu (take-or-pay) phát	Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương

Số	Vấn đề	Khuyến nghị	Bộ/ ngành liên quan
	ngoại tệ. Trong khi đó, công ty dự án phải trả nợ nước ngoài và nhiều chi phí phát triển, vận hành dự án (ví dụ: chi phí EPC, chi phí nhiên liệu, v.v.) bằng ngoại tệ. Điều này khiến công ty dự án chịu rủi ro mất giá tiền tệ. Ngoài ra, còn tồn tại rủi ro (dù ít cấp bách hơn) là nguồn cung ngoại tệ trên thị trường ngân hàng Việt Nam có thể bị hạn chế vào một số thời điểm.	sinh từ hợp đồng cung cấp nhiên liệu. - Rà soát việc áp dụng Quyết định 1604 đối với các dự án PPP, và trong chừng mực nhất định là cả các dự án IPP. Trước đây, Quyết định này đã là một giải pháp giúp các dự án BOT có tính khả thi về tài chính. Do đó, việc có được sự làm rõ tương tự sẽ rất cần thiết để hỗ trợ thực thi hiệu quả Luật PPP. - Trong trường hợp quy định và pháp luật chưa thể giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan, cần cho phép các bên được đàm phán điều khoản hợp đồng, với điều kiện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đây là thông lệ quốc tế tốt nhất và cũng là cách mà các dự án điển hình trước đây đã thành công tại Việt Nam.	
11.	Thiếu cơ sở hạ tầng logistics hỗ trợ cho vận tải hàng hóa bằng đường hàng không Hiện nay, nhiều doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu hàng công nghệ cao tại Việt Nam đang sử dụng đường hàng không là kênh vận chuyển chính để xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa sản xuất tại Việt Nam. Với sự tăng trưởng xuất khẩu liên tục từ các doanh nghiệp chế xuất ở phía Bắc trong những năm gần đây và sự gia tăng lớn về khối lượng xuất khẩu bằng đường hàng không, hệ thống cảng hàng không tại Việt Nam chưa hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp hiện còn gặp khó khăn trong quá trình thủ tục logistics xuất khẩu, do tình trạng ùn tắc tại cảng hàng không Nội Bài. Điều này khiến cho thời gian chờ đợi hoàn thành quy trình thông quan xuất khẩu qua cảng hàng không bị kéo dài, ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.	Chúng tôi đề xuất các cơ quan liên quan xem xét, nghiên cứu việc thành lập mô hình kho xung quanh phạm vi các cảng hàng không (off-terminal). Tại các kho này, các doanh nghiệp logistics được phép thực hiện một số hoạt động cụ thể, bao gồm việc phân loại và hợp nhất hàng hóa xuất khẩu. Sáng kiến này sẽ giúp giảm bớt tình trạng ùn tắc tại các cảng hàng không quốc tế tại Việt Nam.	Bộ Giao thông Vận tải

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGUỒN NHÂN LỰC

Chuẩn bị lực lượng lao động sẵn sàng cho nhu cầu FDI chất lượng cao

Kính thưa Ngài, quý đại biểu, quý vị và các bạn,

Khi nói về khả năng cạnh tranh trong tương lai của Việt Nam, chúng ta thường dễ tập trung vào hạ tầng, ưu đãi thuế, hay các hiệp định thương mại. Nhưng nền tảng thực sự của tiến bộ là khả năng con người thích nghi với thay đổi. Công nghệ phát triển nhanh hơn bất kỳ chính sách hay quy định nào, và trong thời đại mà trí tuệ trở thành nguồn lực quý giá nhất, câu hỏi chúng ta đặt ra không phải là liệu Việt Nam có thu hút được đầu tư hay không, mà là liệu chúng ta có thể xây dựng một lực lượng lao động phát triển cùng tốc độ với công nghệ hay không.

Việt Nam đã đạt được thành công phi thường trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, và hiện chúng ta đang chuyển từ tăng trưởng về số lượng sang tăng trưởng về chất lượng. Các nhà đầu tư ngày nay không chỉ tìm kiếm hiệu quả chi phí, họ còn quan tâm đến năng lực, sự sáng tạo và khả năng thích ứng. Giai đoạn phát triển tiếp theo của Việt Nam sẽ được đánh giá dựa trên cách chúng ta kết hợp trí tuệ con người và trí tuệ nhân tạo một cách thông minh.

Là các doanh nghiệp nước ngoài, chúng tôi hoàn toàn nhận thức rằng phát triển nhân tài Việt Nam là ưu tiên dài hạn. Tuy nhiên, để tăng tốc sự phát triển đó, cần có chuyên gia kiến thức quốc tế hiệu quả. Khi các khoản đầu tư vào các lĩnh vực như Trung tâm Tài chính Quốc tế, công nghệ tiên tiến và AI đến Việt Nam, việc đưa các chuyên gia nước ngoài vào là cần thiết. Họ không thay thế chuyên gia địa phương, mà đến để đào tạo, chuyển giao kỹ năng và xây dựng năng lực trong tương lai.

Trong bối cảnh này, chúng tôi hoan nghênh Nghị định 219 đã tạo ra tiến bộ thực chất trong việc hiện đại hóa quy định về giấy phép lao động cho người nước ngoài. Nghị định này đơn giản hóa thủ tục, giảm các rào cản không cần thiết, và thể hiện cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong việc thu hút chuyên gia. Chúng tôi đặc biệt hoan nghênh việc miễn giấy phép lao động cho chuyên gia trong các lĩnh vực chiến lược như công nghệ và đổi mới sáng tạo, dù sẽ rất hữu ích nếu có hướng dẫn chi tiết hơn về cách áp dụng trong thực tế.

Cùng lúc đó, tính linh hoạt trong đánh giá trình độ chuyên gia nước ngoài vẫn rất quan trọng, đặc biệt trong các lĩnh vực thay đổi nhanh như AI. Trong các lĩnh vực này, tốc độ phát triển công nghệ là cấp số nhân. Không thể yêu cầu ai đó đã có bằng cấp về một công nghệ mới chỉ tồn tại vài tuần. Đây không phải vấn đề riêng của Việt Nam mà là thực tế toàn cầu, khi đổi mới diễn ra nhanh hơn hệ thống giáo dục và chứng nhận truyền thống có thể thích ứng.

Mặc dù Nghị định 219 là bước tiến xuất sắc, việc thực thi thống nhất trên toàn quốc vẫn rất quan trọng. Mục tiêu của nghị định rõ ràng và mang tầm nhìn dài hạn, nhưng doanh nghiệp đôi khi gặp cách hiểu khác nhau, gây trì hoãn hoặc phức tạp hóa quá trình thực hiện. Nếu chúng ta có thể hài hòa thực tiễn này trên toàn quốc, lợi ích sẽ rất lớn, không chỉ cho doanh nghiệp mà còn cho các chuyên gia Việt Nam, giúp họ tiếp cận chuyên môn quốc tế và trao đổi kiến thức nhanh hơn.

Cải cách giáo dục và đào tạo đang tiến triển nhanh chóng. Các trường đại học và nhà tuyển dụng hợp tác chặt chẽ hơn, và các chiến lược Giáo dục 4.0 và AI trong giáo dục của Bộ Giáo dục mang tầm nhìn dài hạn. Tuy nhiên, vẫn tồn tại khoảng cách giữa kiến thức học thuật và sẵn sàng làm việc. Nhiều sinh viên tốt nghiệp vững về kỹ thuật nhưng thiếu kỹ năng giải quyết vấn đề thực tiễn, sáng tạo và khả năng chịu đựng áp lực. Khu vực tư nhân sẵn sàng hỗ trợ lấp đầy khoảng cách này, bằng cách tích hợp phát triển kỹ năng thực tiễn và đảm bảo thể hệ tiếp theo học không chỉ về công nghệ mà học cùng với công nghệ, sử dụng AI như một công cụ hàng ngày.

Khi AI được tích hợp vào tất cả các ngành, một ngành quản trị mới đang xuất hiện: Quản trị Trí tuệ (Intelligence Management). Trước đây, tổ chức chỉ dựa trên vai trò của con người. Ngày nay, trí tuệ vừa là con người vừa là trí tuệ nhân tạo. Hệ thống AI phân tích, quyết định và sáng tạo cùng con người, điều này có nghĩa là thiết kế tổ chức phải phát triển theo hướng mới. Quản trị Trí tuệ liên quan đến cách con người và AI hợp tác: trí tuệ nằm ở đâu, quyết định ra sao, và trách nhiệm được chia thế nào. Đây không chỉ là tự động hóa mà là thiết kế lại tổ chức dựa trên trí tuệ hỗn hợp. Lực lượng lao động trẻ và linh hoạt của Việt Nam tạo điều kiện để dẫn đầu trong việc thử nghiệm các mô hình tổ chức mới, tích hợp năng lực con người và hệ thống AI từ cơ sở.

Để thực hiện được điều này, có ba ưu tiên nổi bật:

- Rõ ràng và linh hoạt trong quy định về chuyên gia nước ngoài;
- Đào tạo lại toàn quốc, xây dựng hiểu biết AI ở mọi cấp độ;
- Hợp tác chặt chẽ giữa Chính phủ – doanh nghiệp – giáo dục để biến khung pháp lý thành kết quả thực tiễn.

Thế giới đang bước vào thời đại mà trí tuệ - con người và nhân tạo - là lợi thế cạnh tranh quyết định. Việt Nam đặc biệt có vị thế thuận lợi cho tương lai này. Chính phủ không chỉ sẵn sàng cải cách, mà còn tham khảo thực tiễn tốt nhất toàn cầu và hiện đại hóa chính sách một cách nhanh chóng. Với sự lãnh đạo này và hợp tác mạnh mẽ từ khu vực tư nhân, Việt Nam có thể chứng minh một nền kinh tế công nghệ cao vẫn giữ con người làm trung tâm, sáng tạo và cạnh tranh toàn cầu.

Xin cảm ơn.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGUỒN NHÂN LỰC

1. Lời cảm ơn và ghi nhận

Cộng đồng doanh nghiệp hoan nghênh việc Chính phủ ban hành **Nghị định số 219/2025/NĐ-CP** về quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Nghị định này thể hiện rõ sự lắng nghe và thấu hiểu của Chính phủ đối với những khó khăn mà doanh nghiệp đã gặp phải trong nhiều năm qua, đồng thời là một bước tiến quan trọng trong việc **đơn giản hóa thủ tục hành chính** và **giảm bớt rào cản tiếp cận thị trường** cho các chuyên gia và người lao động nước ngoài.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Chính phủ đã duy trì đối thoại thường xuyên với khu vực tư nhân, đồng thời tiếp thu nhiều kiến nghị được nêu ra trong quá trình tham vấn để đưa vào nội dung của nghị định lần này.

2. Những điểm tích cực nhưng còn thiếu rõ ràng

Mặc dù Nghị định 219/2025/NĐ-CP đã đưa ra nhiều quy định mang tính tiến bộ, một số nội dung vẫn chưa được quy định rõ ràng hoặc chỉ áp dụng trong phạm vi hẹp, dẫn đến nguy cơ diễn giải và thực hiện không thống nhất giữa các địa phương (đặc biệt là Sở Nội vụ). Các vấn đề chính bao gồm:

a. Miễn giấy phép lao động cho chuyên gia trong các lĩnh vực chiến lược

- Quy định miễn GPLĐ mới được cộng đồng doanh nghiệp đặc biệt hoan nghênh, nhất là đối với các lĩnh vực như tài chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Tuy nhiên, phạm vi áp dụng và quy trình xác nhận miễn GPLĐ hiện vẫn chưa được quy định cụ thể, gây khó khăn cho việc triển khai trên thực tế.

b. Làm việc tại nhiều địa điểm

- Việc cho phép người lao động nước ngoài làm việc tại nhiều tỉnh/thành phố theo cùng một GPLĐ, chỉ cần thông báo đơn giản đến địa phương khác, là bước tiến tích cực.
- Tuy nhiên, cần làm rõ thêm trong trường hợp địa điểm làm việc là cơ sở của **nhà cung cấp hoặc đối tác**, chứ không phải chi nhánh hoặc công ty con của doanh nghiệp bảo lãnh.

c. Công nhận giấy khám sức khỏe do nước ngoài cấp

- Nghị định quy định rằng giấy khám sức khỏe cấp tại nước ngoài có thể được chấp nhận nếu Việt Nam có thỏa thuận công nhận lẫn nhau với quốc gia đó.
- Tuy nhiên, hiện chưa có thỏa thuận nào được biết đến, dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng quy định này trên thực tế.

d. Phân loại lĩnh vực công việc trong Mẫu đơn mới số 3a

- Mẫu số 3 mới thay thế mục “Chức danh công việc” bằng “Lĩnh vực công việc”, yêu cầu doanh nghiệp chọn mã nghề cấp độ 3 theo Quyết định 34/2020/QĐ-TTg. Quy định này giúp chuẩn hóa hồ sơ, nhưng làm thu hẹp phạm vi lĩnh vực công việc so với trước đây và chưa phản ánh được các ngành nghề mới phát sinh.
- Hiện vẫn còn nhiều câu hỏi cần được làm rõ, chẳng hạn như liệu doanh nghiệp có thể điền nhiều mã nghề trong cùng một hồ sơ hay không; hay các tài liệu chứng minh kinh nghiệm gắn với chức danh cũ có còn được chấp nhận làm căn cứ hợp lệ cho các “lĩnh vực công việc” chuẩn hóa hay không.

3. Thách thức trong triển khai thực hiện

Nghị định mới được triển khai ngay sau khi ban hành, áp dụng đồng loạt cho tất cả các bên liên quan, bao gồm cả chính quyền địa phương. Do Ủy ban nhân dân là cơ quan có thẩm quyền được giao thực hiện, các Sở Nội vụ (DOHA) cấp tỉnh chưa thể tiếp nhận hồ sơ do chưa có văn bản ủy quyền chính thức. Việc ủy quyền này phải mất hơn ba tuần mới được ban hành.

Trong thời gian đó, các hồ sơ đề nghị cấp mới hoặc gia hạn giấy phép lao động (GPLĐ) đều không thể được tiếp nhận hoặc giải quyết, dẫn đến ảnh hưởng đáng kể tới tình trạng visa của người lao động nước ngoài và thân nhân đi cùng.

Bên cạnh đó, việc **triển khai ngay lập tức cũng tạo thêm khó khăn**, khi các Sở Nội vụ địa phương phải xin ý kiến làm rõ thêm từ Bộ Nội vụ (MOHA) về một số quy định chưa rõ ràng trong nghị định.

Tình hình này đã gây ra một số gián đoạn trong hoạt động của doanh nghiệp:

- Không thể nộp hồ sơ cấp mới hoặc gia hạn GPLĐ đúng hạn;
- Phát sinh khoảng trống về tình trạng pháp lý của người lao động nước ngoài;
- Một số người nước ngoài phải xuất cảnh và nhập cảnh lại Việt Nam với visa mới do không thể gia hạn thẻ tạm trú (TRC) trong khi GPLĐ chưa được gia hạn.

Những vướng mắc này phần nào làm giảm hiệu quả của chính sách và tạo ra sự bất ổn không cần thiết cho cộng đồng doanh nghiệp.

Ngoài ra, một trường hợp tương tự gần đây cũng xảy ra tại Hà Nội, gây khó khăn đáng kể trong quá trình thực thi. Trung tâm Dịch vụ công của thành phố đã ra thông báo trong ngày, yêu cầu kể từ thời điểm công bố, tất cả hồ sơ, bao gồm hồ sơ cấp GPLĐ, đều phải được ký điện tử hoặc chứng thực điện tử, áp dụng ngay lập tức.

Do thông báo được ban hành gấp và **thực hiện ngay**, Sở Nội vụ Hà Nội đã hoàn trả cả những hồ sơ đã nộp trước ngày 20/10/2025 nhưng chưa được ký điện tử hoặc kèm chứng thực điện tử.

Đáng chú ý, một số giấy tờ bắt buộc trong hồ sơ GPLĐ, như hộ chiếu, không thể chứng thực điện tử nếu người sở hữu không có mặt tại Việt Nam. Quy định này khiến người nước ngoài phải bay đến Việt Nam chỉ để thực hiện chứng thực, gây phát sinh chi phí lớn, tốn thời gian và kéo dài tiến độ xử lý hồ sơ. Ngoài ra, các tài liệu từ nước ngoài cũng gặp khó khăn khi chứng thực điện tử. Các tài liệu đã hợp pháp hóa lãnh sự phải được dịch sang tiếng Việt trước khi nộp, nhưng hiện chỉ có rất ít cơ quan tại Hà Nội chấp nhận chứng thực điện tử đối với bản dịch, dẫn đến tình trạng quá tải, tắc nghẽn và chậm trễ trên toàn bộ quy trình.

Hiện chưa có hướng dẫn cụ thể nào được ban hành, và Sở Nội vụ tại địa phương cũng chưa thể đưa ra biện pháp xử lý hay tư vấn giải pháp cho doanh nghiệp.

4. Kiến nghị

Chúng tôi trân trọng kiến nghị một số nội dung sau:

- **Về thời gian chuyển tiếp khi triển khai quy định mới:** Trong tương lai, các nghị định mới nên có thời gian chuẩn bị (grace period) ít nhất từ **03 đến 04 tuần kể từ ngày ban hành đến khi có hiệu lực**, nhằm tạo điều kiện cho:
 - Các cơ quan có thẩm quyền kịp thời ban hành văn bản ủy quyền chính thức cho đơn vị thực hiện.

- Các cơ quan hoạch định chính sách có thời gian tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho đơn vị triển khai, đồng thời tổ chức hội nghị, hội thảo với cộng đồng doanh nghiệp để giải đáp thắc mắc và ban hành hướng dẫn thực hiện trước khi quy định mới có hiệu lực.
 - Cán bộ địa phương và doanh nghiệp có đủ thời gian để chuẩn bị, điều chỉnh quy trình làm việc phù hợp với quy định mới.
- **Về hướng dẫn thực hiện chính thức:** Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét ban hành văn bản hướng dẫn rõ ràng về:
 - Công nhận và giá trị pháp lý của giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế nước ngoài cấp.
 - Phạm vi và quy trình áp dụng các trường hợp miễn giấy phép lao động trong các ngành, lĩnh vực chiến lược.
 - Nguyên tắc và điều kiện làm việc tại nhiều địa điểm, đặc biệt trong trường hợp làm việc tại các nhà thầu phụ hoặc đơn vị đối tác.

5. Kết luận

Nghị định 219 đánh dấu một bước tiến quan trọng và tích cực trong việc xây dựng môi trường kinh doanh thân thiện hơn tại Việt Nam. Với việc làm rõ thêm các quy định và tăng cường công tác triển khai thực hiện, nghị định này hoàn toàn có thể trở thành một hình mẫu về quá trình xây dựng chính sách linh hoạt, thực tiễn, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và sức hấp dẫn của Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Cộng đồng doanh nghiệp cam kết tiếp tục đồng hành và đối thoại cùng Chính phủ nhằm bảo đảm Nghị định đạt được các mục tiêu đề ra, đồng thời đóng góp thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của Việt Nam.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG

Đối tác vì một Nền Kinh tế Tuần hoàn Vững mạnh, Thị trường Các-bon và Đối mới Sáng tạo Xanh

Trước tiên, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, cùng tất cả các đối tác trong Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) và Ban Thư ký vì đã tổ chức Diễn đàn thường niên này.

Kể từ năm 2020, Chính phủ đã có những bước đi ý nghĩa thể hiện rõ quyết tâm chính trị trong việc thực hiện các cam kết về khí hậu và tăng trưởng xanh, qua đó khẳng định vị thế của Việt Nam như một quốc gia dẫn đầu trong khu vực. Chúng tôi đánh giá cao những nỗ lực cải thiện chính sách và thực thi, đặc biệt trong việc ban hành các hướng dẫn về giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn, thị trường các-bon, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) và phân loại xanh. Khung pháp lý được cải thiện này đã tạo nền tảng cho khu vực tư nhân tham gia và hợp tác, với các quy định rõ ràng hơn về tuân thủ môi trường, quản lý chất thải, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải các-bon.

Trên cơ sở đó, Nhóm Công tác Nông nghiệp và Môi trường xin nhấn mạnh hai lĩnh vực chính sách trọng tâm có thể tiếp tục thúc đẩy hợp tác, nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng một nền kinh tế tuần hoàn và các-bon thấp vững mạnh trong tương lai.

Phần 1. Đối tác thúc đẩy Kinh tế Tuần hoàn

Để Việt Nam tiếp tục duy trì vai trò năng động, giữ vững vị thế là một nền kinh tế và đối tác thương mại – chuỗi cung ứng năng động, chúng tôi khuyến nghị tăng cường nền tảng khoa học và thể chế để đo lường và quản lý dấu chân vật chất trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế tuần hoàn.

Việc triển khai sớm các chính sách liên quan đến kinh tế tuần hoàn, đặc biệt là EPR, đã cho thấy những tiến triển tích cực và khẳng định vị thế dẫn đầu khu vực của Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nhiều thách thức, bao gồm:

- Hệ thống hạ tầng quản lý chất thải còn yếu, đặc biệt là thiếu cơ sở phân loại, xử lý và vận chuyển rác thải tách biệt.
- Chi phí cao và thị trường nguyên liệu tái chế còn non trẻ.
- Thiếu các ưu đãi cho doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu tái chế.
- Thiếu công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác quản lý EPR.

Các khuyến nghị nhằm thúc đẩy đối tác trong phát triển Kinh tế Tuần hoàn:

1. Xây dựng lộ trình quốc gia về sử dụng nguyên liệu trong một kế hoạch chiến lược, xác định cách các loại vật liệu chính – từ dệt may đến nhựa – sẽ được quản lý, tái sử dụng và tái chế trong nền kinh tế quốc gia.

a. Lộ trình này, dựa trên cơ sở khoa học và phù hợp với nhu cầu phát triển của Việt Nam, sẽ giúp giảm chi phí dài hạn, tăng hiệu quả và đảm bảo tính cạnh tranh của ngành công nghiệp trong thị trường toàn cầu.

b. Ngoài ra, một kế hoạch chiến lược bao gồm cơ chế tăng đầu tư vào hạ tầng, đồng bộ hóa hệ

thống phân loại và xử lý chất thải tại các tỉnh/thành phố – từ ngân sách địa phương, Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam, các hoạt động xã hội hóa và mô hình đối tác công – tư – sẽ giúp khu vực tư nhân hiểu rõ hơn cách phối hợp với chính quyền địa phương để xây dựng kế hoạch tái chế và nâng cao năng lực cùng các đối tác địa phương.

2. Thể chế hóa chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản trị sẽ giúp quá trình tuân thủ minh bạch và giảm chi phí, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; đồng thời giúp xác minh các tuyên bố về phát triển bền vững, tăng cường quản lý tài chính và nâng cao uy tín của Việt Nam trong thương mại và tài chính quốc tế.

3. Huy động đổi mới sáng tạo và tài chính cho các ngành công nghiệp tuần hoàn sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam dẫn đầu trong các lĩnh vực then chốt (dệt may và da giày, điện tử, nông nghiệp, đồ gỗ và xây dựng). Ví dụ, có thể áp dụng **chính sách ưu đãi thuế EPR** hoặc **trợ cấp** cho doanh nghiệp có tỷ lệ cao sử dụng vật liệu tái chế trong sản phẩm – từ đó khuyến khích chuyển dịch sang mô hình sản xuất tuần hoàn.

Phần 2. Đối tác phát triển Thị trường Các-bon

Chúng tôi đánh giá cao việc Chính phủ tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý cho phát triển thị trường các-bon. Tuy nhiên, vẫn còn một số thách thức cần được giải quyết trước cuối năm 2026:

Lộ trình và mục tiêu của Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính:

Thời gian để xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải đang đến gần, trong khi doanh nghiệp cần sự hỗ trợ và phối hợp với các đối tác liên quan. Nếu chưa có quy định cụ thể về hạn ngạch phát thải, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc xây dựng chiến lược giảm phát thải, xác định mục tiêu và lộ trình thực hiện khả thi.

Thiếu rõ ràng trong khái niệm và quy trình đăng ký, tham gia giao dịch tín chỉ các-bon.

Ví dụ, doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc phân biệt giữa “đối tượng tham gia sản giao dịch tín chỉ các-bon” và “đối tượng tham gia bù đắp các-bon”.

Cần có hướng dẫn cụ thể, chi tiết hơn về quy trình, yêu cầu đăng ký và tham gia thị trường giao dịch các-bon, cũng như biểu mẫu cụ thể để doanh nghiệp cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền, phục vụ công tác thẩm định và phê duyệt dự án giao dịch tín chỉ các-bon.

Thiếu sự đồng bộ giữa tiêu chuẩn trong nước và quốc tế trong hoạt động giao dịch và bù đắp các-bon.

Lợi ích của việc hoàn thiện hướng dẫn phát triển thị trường các-bon đối với Việt Nam

Làm rõ các khái niệm, quy định đăng ký và tham gia thị trường các-bon sẽ giúp nâng cao uy tín của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết khí hậu theo Thỏa thuận Paris, đồng thời tăng cường tính bền vững của các chính sách phát triển các-bon thấp.

Sự hài hòa giữa tiêu chuẩn trong nước và quốc tế cũng giúp giảm thiểu rủi ro, tăng niềm tin của nhà đầu tư và củng cố vị thế của Việt Nam trên thị trường toàn cầu.

Các khuyến nghị để phát triển thị trường các-bon và tăng cường vai trò khu vực tư nhân:

Để thúc đẩy phát triển nền kinh tế các-bon thấp thông qua một thị trường các-bon hiệu quả, chúng tôi xin đề xuất bốn nhóm giải pháp:

1) Công nhận vai trò của các hàng hóa các-bon:

Hai loại tài sản có thể giao dịch sẽ định hình thị trường các-bon của Việt Nam là **hạn ngạch phát thải** và **tín chỉ các-bon**. Trong giai đoạn đầu, khi hạn ngạch phát thải được cấp miễn phí, tín chỉ các-bon sẽ là công cụ linh hoạt hơn để khu vực tư nhân tham gia.

2) Thúc đẩy phát triển các dự án tín chỉ các-bon trong nước chất lượng cao, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế (như Verra, Gold Standard, GCC) cho đến khi khung pháp lý quốc gia hoàn thiện, nhằm đảm bảo tính minh bạch và khả năng thương mại.

Cần đẩy nhanh việc ban hành **tiêu chuẩn quốc gia và quy trình phê duyệt**, đồng thời xây dựng **năng lực chuyên gia trong nước** để thẩm định và xác minh, giúp giảm chi phí và tăng sức cạnh tranh của tín chỉ các-bon Việt Nam.

3) Tăng tính thanh khoản của thị trường thông qua liên kết quốc tế:

- Mở rộng hợp tác song phương và đa phương trong giao dịch theo **Điều 6.2 và 6.4 của Thỏa thuận Paris**.
- Ký kết và vận hành các thỏa thuận với các quốc gia đối tác trọng điểm (như Singapore, Thụy Sĩ, Nhật Bản, Hàn Quốc) nhằm mở rộng mạng lưới người mua, thúc đẩy nhu cầu và gia tăng giá trị tín chỉ.
- Hỗ trợ doanh nghiệp (chủ sở hữu dự án các-bon) trong việc xin **thư ủy quyền của Chính phủ** để tham gia giao dịch theo Điều 6.2 và 6.4, đảm bảo khả năng tiếp cận kịp thời với thị trường quốc tế.

4) Chuẩn bị cho giai đoạn thị trường trưởng thành hơn:

Về lâu dài, khi việc phân bổ hạn ngạch phát thải chuyển sang hình thức **đấu giá** với mức giới hạn chặt chẽ hơn, nếu doanh nghiệp tư nhân được phép giao dịch cả hạn ngạch và tín chỉ, điều này sẽ giúp **đa dạng hóa sản phẩm giao dịch, tăng thanh khoản thị trường, và tạo động lực mạnh mẽ hơn cho khu vực tư nhân tham gia**.

Phát triển một **thị trường các-bon vững mạnh và liên kết quốc tế** sẽ tạo động lực kinh tế mạnh mẽ thúc đẩy giảm phát thải khí nhà kính.

KẾT LUẬN

Việt Nam có vai trò quan trọng trong khu vực với tư cách là quốc gia tiên phong về tăng trưởng xanh, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững, đồng thời là hình mẫu trong việc định hình lộ trình cho nền kinh tế xanh và số hóa trong tương lai.

Một **cách tiếp cận chiến lược** cho giai đoạn tiếp theo của phát triển kinh tế tuần hoàn và các-bon thấp – bao gồm **xây dựng hướng dẫn rõ ràng, hài hòa và phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế; bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; đầu tư vào đổi mới và công nghệ; và huy động cả doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn tham gia** – sẽ đóng vai trò then chốt để khơi dậy và thúc đẩy các **đối tác công** – tư trong giai đoạn phát triển tiếp theo của Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG

Thúc đẩy Nền Kinh tế Tuần hoàn và Các-bon thấp thông qua Thực thi Chính sách Môi trường

LỜI GIỚI THIỆU

Nhóm Công tác Nông nghiệp và Môi trường xin gửi lời cảm ơn tới Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, cùng các đối tác trong Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) và Ban Thư ký đã tổ chức Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam thường niên nhằm thảo luận chủ đề “Việt Nam: Tạo dựng tăng trưởng chất lượng thông qua cải cách, đổi mới và hợp tác”.

Kể từ năm 2020, Chính phủ đã có những bước đi ý nghĩa thể hiện quyết tâm chính trị rõ ràng đối với các cam kết về biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, đồng thời đưa Việt Nam trở thành một quốc gia dẫn đầu trong khu vực về phát triển bền vững.

Chúng tôi đánh giá cao các nỗ lực trong việc hoàn thiện chính sách và thực thi, như **Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020**, cùng với các nghị định và thông tư sau đó, bao gồm:

- **Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025** (sửa đổi Nghị định số 06/2022/NĐ-CP) về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK) và bảo vệ tầng ô-dôn, đồng thời làm rõ lộ trình xây dựng thị trường carbon theo Nghị định số 06;
- **Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP** cùng với Dự thảo Nghị định sửa đổi đang được chuẩn bị, liên quan đến trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR);
- **Việc ban hành Hệ thống phân loại xanh (Green Taxonomy) ngày 04/7/2025** theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 22/8/2025. Đây là bộ tiêu chí môi trường và quy trình chứng nhận thống nhất để phân loại dự án đầu tư “xanh” trong 7 lĩnh vực trọng điểm, nhằm thu hút vốn xanh và định hướng quá trình chuyển đổi các-bon thấp, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Khung pháp lý hoàn thiện này đã tạo nền tảng để khu vực tư nhân tham gia sâu hơn thông qua các quy định rõ ràng về tuân thủ môi trường, quản lý chất thải, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải carbon.

Chúng tôi cũng đánh giá cao nỗ lực và cơ sở lý luận trong việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức của hệ thống chính trị liên quan đến các bộ, cơ quan ngang bộ cũng như việc sáp nhập các tỉnh. Tất cả những bước đi này cho thấy Việt Nam đang định hình tương lai kinh tế của mình trong bối cảnh thị trường toàn cầu nhiều biến động và tác động ngày càng rõ rệt của biến đổi khí hậu.

Với tinh thần đó, Nhóm Công tác Nông nghiệp và Môi trường nhận thấy đất nước đang đứng tại điểm ngoặt quan trọng trong giai đoạn phát triển tiếp theo, nơi Việt Nam có thể chiến lược hóa con đường để vừa đáp ứng nhu cầu hiện tại của người dân vừa mở rộng tăng trưởng cho nền kinh tế các-bon thấp bền vững trong tương lai.

Chúng tôi mong muốn được đồng hành cùng Chính phủ Việt Nam trong việc nhấn mạnh bốn lĩnh vực chính sách có thể tiếp tục thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và các-bon thấp, cũng như hỗ trợ thực thi hiệu quả chính sách môi trường:

- 1) **Tăng cường thúc đẩy kinh tế tuần hoàn thông qua kế hoạch chiến lược về sử dụng vật liệu tự nhiên, số hóa và AI trong quản trị, huy động đổi mới sáng tạo và tài chính;**
- 2) **Cải thiện quản lý tài nguyên nước thông qua mô hình chiến lược và đổi mới sáng tạo tại Đồng bằng sông Cửu Long;**
- 3) **Huy động tài chính trong phát triển thị trường carbon và đổi mới sáng tạo cho tăng trưởng xanh, bao trùm;**
- 4) **Bao gồm doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) trong lộ trình hướng tới nền kinh tế xanh và số hóa.**

PHẦN 1. TĂNG CƯỜNG THÚC ĐẨY KINH TẾ TUẦN HOÀN

Tuân thủ và Phát triển Chính sách trong bối cảnh Biến động Thị trường Toàn cầu

Chúng ta đang sống trong giai đoạn chuyển dịch lớn của thị trường toàn cầu cùng áp lực gia tăng từ nhà đầu tư, đối tác thương mại và người tiêu dùng về các tiêu chuẩn cao hơn trong phát triển bền vững và minh bạch trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, hạ tầng và logistics. Các biện pháp thuế carbon xuyên biên giới và quy tắc thương mại mới đang xuất hiện. Quốc gia nào thích ứng sớm sẽ đảm bảo được lợi thế cạnh tranh, thu hút tài chính và duy trì khả năng tiếp cận thị trường. Ngược lại, quốc gia nào chậm trễ sẽ phải chịu chi phí cao hơn, rào cản thương mại nhiều hơn và phụ thuộc lớn hơn.

Để củng cố vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu và đóng góp vào mục tiêu giảm phát thải KNK cũng như bảo vệ đa dạng sinh học, Việt Nam cần quản lý tài nguyên thiên nhiên một cách thận trọng. Điều cần thiết là phải **xây dựng nền tảng khoa học và thể chế vững chắc để đo lường và quản lý dấu chân vật liệu** trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế tuần hoàn.

Nếu thiếu điều này, chính sách sẽ bị phân mảnh và doanh nghiệp thiếu sự chắc chắn. Ngược lại, khi có, Việt Nam sẽ cải thiện khả năng ra quyết định, gắn tăng trưởng với lợi thế cạnh tranh thương mại, đồng thời bảo vệ các lợi thế quốc gia trong kỷ nguyên cạnh tranh tài nguyên.

Tăng cường Kinh tế Tuần hoàn và Trách nhiệm mở rộng của Nhà sản xuất (EPR)

Việt Nam đang chịu áp lực môi trường ngày càng lớn: mực nước biển dâng nhanh đang phá vỡ hệ sinh thái và cộng đồng tại Đồng bằng sông Cửu Long, trong khi Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh nằm trong nhóm các thành phố ô nhiễm nhất thế giới. Những thực tế này nhấn mạnh tính cấp thiết của hành động môi trường mạnh mẽ hơn, thúc đẩy nhu cầu xây dựng các chuỗi cung ứng bền vững, linh hoạt và các-bon thấp.

Quá trình chuyển đổi của Việt Nam hướng tới kinh tế tuần hoàn (CE) chính thức bắt đầu với **Luật Bảo vệ Môi trường 2020**, văn bản đã thể chế hóa CE và phân công rõ ràng trách nhiệm cho các bộ, ngành và chính quyền địa phương. Một điểm then chốt là cơ chế **Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR)** được quy định tại Điều 54, yêu cầu nhà sản xuất thu hồi và tái chế sản phẩm sau tiêu dùng, với lộ trình triển khai chi tiết tại **Nghị định 08/2022/NĐ-CP**, bắt đầu từ năm 2024 đối với bao bì và đến năm 2027 đối với thiết bị điện tử. Chính phủ đã liên tục hoàn thiện các quy định EPR dựa trên phản hồi của doanh nghiệp, thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với việc thực thi thực chất. Các chiến lược hỗ trợ như **Nghị quyết 29/NQ-CP (2021)** về Chương trình Nghị sự 2030, **Quyết định 1677/QĐ-TTg (2021)** về phát triển CE, và **Chiến lược Tăng trưởng xanh quốc gia (Quyết định 1658/QĐ-TTg, 2021)** đã định vị CE là một trụ cột của tăng trưởng bền vững, được hỗ trợ bởi các luật trước đó về đa dạng sinh học và tài nguyên biển.

Việc triển khai ban đầu trong kinh tế tuần hoàn, đặc biệt là EPR, đã ghi nhận những tiến triển trong công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và sáng kiến cộng đồng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều

thách thức như mức độ sẵn sàng của SMEs, công nghệ tái chế, phân loại chất thải và các cơ chế khuyến khích thị trường — điều này cho thấy cần tiếp tục đổi mới chính sách và tăng cường phối hợp.

Các vấn đề và mối quan ngại về Trách nhiệm mở rộng của Nhà sản xuất (EPR):

Đề rõ ràng, tiến triển trong EPR hiện bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

- **Hạ tầng quản lý chất thải yếu kém:** Theo khảo sát năm 2023 tại Hà Nội, hơn 75% chất thải rắn ở Việt Nam, bao gồm nhựa, bị xử lý sai cách, với chưa tới 30% rác thải nhựa được tái chế.
- **Thiếu cơ sở phân loại và tách rác, cũng như vận chuyển rác thải riêng biệt:** Sau khi sáp nhập các tỉnh, một số doanh nghiệp thành viên phản ánh việc chậm xác định cơ quan địa phương phù hợp để phối hợp triển khai kế hoạch tái chế.
- **Chi phí nguyên liệu tái chế cao:** Do thiếu cơ chế và thực thi yếu về phân loại tại nguồn, cộng với việc thu gom còn thủ công và phụ thuộc vào khu vực phi chính thức, quá trình tái chế trở nên tốn kém. Khối lượng và chất lượng vật liệu thu gom biến động, tạo ra sự bất ổn chuỗi cung ứng cho doanh nghiệp. Điều này dẫn tới sự chênh lệch chi phí, khi chi phí thu gom, phân loại và xử lý rác để tạo ra nguyên liệu tái chế chất lượng cao thường cao hơn so với nhập khẩu nguyên liệu thô mới (như nhựa nguyên sinh).
- **Bất cập trong quy định:** Quy định EPR hiện chưa có bất kỳ ưu đãi nào cho các nhà sản xuất sử dụng nguyên liệu tái chế. Các ưu đãi như vậy sẽ giúp thúc đẩy ngành tái chế giai đoạn đầu và tạo động lực cho kinh tế tuần hoàn. Một số vấn đề lệch chuẩn khác đang được xử lý trong Dự thảo sửa đổi Nghị định EPR.
- **Thị trường nguyên liệu tái chế chưa trưởng thành:** Hầu hết hoạt động tái chế ở Việt Nam vẫn ở quy mô nhỏ, sử dụng quy trình thủ công, lạc hậu, dẫn tới chất lượng nguyên liệu tái chế thấp, khó cạnh tranh với nguyên liệu nguyên sinh.
- **Thiếu công nghệ/AI trong quản trị EPR:** Theo Nghị định EPR hiện hành và Dự thảo sửa đổi, các đơn vị tự tái chế, cơ sở tái chế và tổ chức trung gian chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu nhập lên hệ thống báo cáo. Tuy nhiên, hệ thống hiện tại thiếu cơ chế báo cáo số hóa, thiếu tiêu chí rõ ràng cho giám sát và kiểm toán EPR, khiến doanh nghiệp không chắc chắn liệu kế hoạch hoặc báo cáo đã nộp có được Chính phủ chấp thuận hay không.

Lợi ích khi giải quyết các vấn đề về EPR & Kinh tế tuần hoàn (CE)

Nếu khắc phục các thách thức này thông qua khung pháp lý đồng bộ và tăng cường khung pháp lý về Kinh tế tuần hoàn (CE), Việt Nam có thể đạt được nhiều lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường, tạo nền tảng cho một nền kinh tế bền vững, linh hoạt hơn.

- Một hệ thống CE được triển khai hiệu quả sẽ giảm chi phí sản xuất trong dài hạn nhờ ổn định nguồn cung nguyên liệu tái chế, giảm phụ thuộc vào tài nguyên nguyên sinh nhập khẩu, và bảo vệ quốc gia trước biến động giá tài nguyên toàn cầu.
- Nó sẽ tăng cường năng lực cạnh tranh thương mại bằng cách đảm bảo hàng hóa Việt Nam đáp ứng yêu cầu bền vững quốc tế, giúp doanh nghiệp duy trì khả năng tiếp cận thị trường xuất khẩu và tuân thủ các cơ chế thương mại mới như Cơ chế điều chỉnh biên giới

carbon (CBAM).

- Nó cũng sẽ thu hút tài chính xanh và đầu tư bền vững, đưa Việt Nam trở thành điểm đến đáng tin cậy của các dòng vốn toàn cầu tìm kiếm chuỗi cung ứng các-bon thấp và linh hoạt.
- Ngoài khía cạnh kinh tế, một khung CE mạnh sẽ giảm ô nhiễm đô thị, cải thiện sức khỏe cộng đồng và tạo ra việc làm xanh chất lượng cao trong các lĩnh vực tái chế, logistics và đổi mới sáng tạo.

Khuyến nghị về việc thúc đẩy Kinh tế tuần hoàn

Để nâng cao hơn nữa việc thúc đẩy CE tại Việt Nam, chúng tôi đề xuất ba nhóm khuyến nghị chính:

- 1. Xây dựng lộ trình quốc gia về sử dụng vật liệu** trong một kế hoạch chiến lược, nêu rõ cách quản lý, tái sử dụng và tái chế các vật liệu chính (từ dệt may đến nhựa) trong nền kinh tế.
 - a. Lộ trình dựa trên cơ sở khoa học và phù hợp với nhu cầu phát triển của Việt Nam, giúp giảm chi phí dài hạn, nâng cao hiệu quả và đảm bảo ngành công nghiệp duy trì sức cạnh tranh toàn cầu.
 - b. Kế hoạch này cần có các cơ chế tăng cường đầu tư vào hạ tầng, đồng bộ hóa phân loại và xử lý rác tại địa phương, sử dụng ngân sách địa phương, Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (VEPF), hoạt động xã hội hóa và hợp tác công – tư. Qua đó, khu vực tư nhân có thể thấy rõ cách thức phối hợp với chính quyền địa phương để phát triển kế hoạch tái chế và nâng cao năng lực.
- 2. Thúc đẩy số hóa và AI trong quản trị:** Ứng dụng công nghệ giúp việc tuân thủ trở nên minh bạch và chi phí thấp, đặc biệt với SMEs.
 - a. Đầu tư sớm vào nền tảng số hóa và công nghệ báo cáo phù hợp chuẩn quốc tế, theo dõi dòng chảy vật liệu, và xác minh cam kết bền vững sẽ củng cố quản lý tài chính và tăng uy tín của Việt Nam trong thương mại, tài chính quốc tế.
- 3. Huy động đổi mới sáng tạo và tài chính cho ngành công nghiệp tuần hoàn:** Khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam dẫn đầu trong các lĩnh vực dệt may – da giày, điện tử, nông nghiệp, nội thất và xây dựng.
 - a. Thúc đẩy đổi mới trong các ngành này sẽ giảm lãng phí, mở rộng thị trường, ổn định chuỗi cung ứng và thu hút đầu tư quốc tế.
 - b. Giới thiệu các ưu đãi EPR, chính sách thuế hoặc trợ cấp cho doanh nghiệp sử dụng tỷ lệ cao nguyên liệu tái chế, khuyến khích chuyển đổi sang mô hình sản xuất tuần hoàn.

Một quá trình chuyển đổi chiến lược như vậy sẽ đưa Việt Nam trở thành quốc gia dẫn đầu trong nền kinh tế toàn cầu mới. Việc xây dựng nền tảng cho một nền kinh tế tuần hoàn và các-bon thấp là chìa khóa để **đảm bảo năng lực cạnh tranh, ổn định và sức mạnh quốc gia lâu dài.**

PHẦN 2. CẢI THIỆN QUẢN LÝ NGUỒN NƯỚC THÔNG QUA MÔ HÌNH CHIẾN LƯỢC VÀ ĐỔI MỚI Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nước ngọt, đặc biệt là nước uống sạch, là một tài nguyên quý giá và thiết yếu cho sự sống, nông nghiệp, công nghiệp và hệ sinh thái. Khi dân số tăng, nhu cầu về nước ngọt cũng tăng theo, do

đó tất cả các thành phần trong xã hội đều có trách nhiệm tham gia tích cực vào việc bảo tồn nguồn nước, bao gồm giảm sử dụng nước và nâng cao quản lý nước thải.

Việt Nam sử dụng một lượng nước đáng kể hàng năm trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Tổng lượng nước sử dụng ở Việt Nam khoảng **89 tỷ mét khối mỗi năm**.

- **Nông nghiệp:** Là ngành tiêu thụ lớn nhất, với **75 tỷ mét khối mỗi năm** (chiếm 84% tổng lượng nước sử dụng).
- **Công nghiệp:** Sử dụng **10 tỷ mét khối mỗi năm** (chiếm 11% tổng lượng nước sử dụng).
- **Sinh hoạt:** Chiếm **4 tỷ mét khối mỗi năm** (chiếm 4% tổng lượng nước sử dụng).

Những con số này nhấn mạnh tầm quan trọng của quản lý và bảo tồn nước một cách hiệu quả nhằm đảm bảo việc sử dụng nước bền vững tại Việt Nam.

Đồng bằng sông Cửu Long, thường được gọi là “Vựa lúa” của Việt Nam, là một vùng trọng yếu hỗ trợ sinh kế cho hàng triệu người. Với hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc và đất đai màu mỡ, đồng bằng sông Cửu Long có vai trò sống còn đối với nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, khu vực này đang đối mặt với những thách thức nghiêm trọng liên quan đến quản lý nguồn nước, mà nếu không được giải quyết, có thể dẫn đến hậu quả nặng nề về sinh thái, kinh tế và xã hội.

Bất chấp sự phong phú tự nhiên, đồng bằng sông Cửu Long phải đối mặt với nhiều thách thức trong quản lý nước, bao gồm: mực nước biển dâng, xâm nhập mặn, các đập thủy điện và công trình phân dòng ở thượng nguồn, sụt lún đất, cũng như ô nhiễm từ hoạt động công nghiệp và nông nghiệp. Những thách thức này bị trầm trọng thêm bởi cả yếu tố tự nhiên và con người.

Giải Pháp Quản Lý Nước Bền Vững

Trước những thách thức đó, quản lý nước bền vững là yếu tố then chốt cho tương lai của đồng bằng sông Cửu Long. Quản lý nước bền vững là việc lập kế hoạch và sử dụng tài nguyên nước một cách thận trọng, nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Các khía cạnh chính bao gồm:

- **Quản lý tổng hợp tài nguyên nước (IWRM):** Đây là một cách tiếp cận toàn diện, xem xét sự gắn kết giữa nước, đất và hệ sinh thái. Nó bao gồm việc phối hợp các nỗ lực quản lý nước giữa các ngành và cấp độ, thúc đẩy sử dụng nước hiệu quả và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Ở đồng bằng sông Cửu Long, IWRM có thể giúp cân bằng nhu cầu cạnh tranh giữa nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt, đồng thời bảo vệ hệ sinh thái quan trọng.
- **Tăng cường khả năng chống chịu với khí hậu:** Bao gồm việc thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu tác động của nó. Điều này có thể đạt được thông qua các biện pháp như cải thiện cơ sở hạ tầng kiểm soát lũ, phát triển giống cây trồng chịu mặn, và áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm nước. Việc tăng cường khả năng chống chịu của cộng đồng và hệ sinh thái là điều cần thiết để giảm tính dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu.
- **Thực hành nông nghiệp bền vững:** Việc áp dụng các phương pháp nông nghiệp bền vững có thể giúp giảm tác động tiêu cực của nông nghiệp đến nguồn nước. Các phương pháp như nông nghiệp chính xác, nông lâm kết hợp và nông nghiệp hữu cơ có thể cải thiện hiệu quả sử dụng nước, giảm ô nhiễm và tăng cường độ phì nhiêu của đất. Thúc đẩy nông nghiệp bền vững tại đồng bằng sông Cửu Long là điều quan trọng để duy trì năng suất nông nghiệp và bảo vệ chất lượng nước.

- **Sự tham gia và giáo dục cộng đồng:** Huy động cộng đồng địa phương tham gia quản lý nguồn nước và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc sử dụng nước bền vững là yếu tố then chốt để thành công lâu dài. Việc giáo dục nông dân, doanh nghiệp và người dân về các thực hành tốt trong bảo tồn nước và ngăn ngừa ô nhiễm sẽ tạo ra ý thức trách nhiệm và tinh thần làm chủ đối với nguồn tài nguyên nước.

Các Giải Pháp và Chiến Lược Tiềm Năng

Giải quyết các thách thức về quản lý nước ở đồng bằng sông Cửu Long đòi hỏi một cách tiếp cận đa chiều, kết hợp giữa chính sách, quy định, kỹ thuật và sự tham gia của cộng đồng. Một số giải pháp và chiến lược bao gồm:

1. **Nâng cấp hạ tầng nước:** Đầu tư vào cơ sở hạ tầng nước hiện đại và hiệu quả, như hồ chứa, kênh dẫn và hệ thống kiểm soát lũ, có thể giúp quản lý tài nguyên nước tốt hơn. Việc nâng cấp cơ sở hạ tầng hiện có và áp dụng công nghệ mới sẽ cải thiện phân phối nước, giảm thất thoát và tăng khả năng chống chịu trước các hiện tượng thời tiết cực đoan.
2. **Hợp tác quốc tế:** Vì sông Mekong chảy qua nhiều quốc gia, hợp tác xuyên biên giới là điều cần thiết để quản lý nước hiệu quả. Những nỗ lực hợp tác giữa các quốc gia thành viên Ủy hội sông Mekong (MRC) có thể thúc đẩy việc sử dụng bền vững nguồn nước chung, giải quyết tác động thượng nguồn – hạ nguồn và đảm bảo phân bổ nước công bằng.
3. **Khung chính sách và quy định:** Cần có chính sách và hệ thống quy định mạnh mẽ từ chính phủ để hỗ trợ quản lý nước bền vững. Chính phủ Việt Nam nên ban hành các chính sách khuyến khích bảo tồn nước, quản lý khai thác nước ngầm, và thực thi các biện pháp kiểm soát ô nhiễm. Các biện pháp khuyến khích thực hành bền vững và chế tài với hành vi vi phạm có thể thúc đẩy thay đổi tích cực.
4. **Nghiên cứu và đổi mới:** Nghiên cứu và đổi mới liên tục là cần thiết để phát triển các giải pháp mới cho những thách thức về quản lý nước. Đầu tư vào nghiên cứu về thích ứng biến đổi khí hậu, nông nghiệp bền vững và công nghệ quản lý nước có thể cung cấp công cụ và thông tin giá trị để xử lý các vấn đề mới phát sinh. Việc phối hợp giữa các trường đại học ở đồng bằng sông Cửu Long và các tổ chức nghiên cứu quốc tế là yếu tố quan trọng để đảm bảo áp dụng các thực tiễn quản lý nước tiên tiến nhất trên thế giới.

Chi tiết được trình bày trong phụ lục đính kèm.

PHẦN 3. HUY ĐỘNG TÀI CHÍNH TRONG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÁC-BON VÀ ĐỔI MỚI CHO TĂNG TRƯỞNG XANH, BAO TRÙM

Thực Trạng Phát Triển Thị Trường Các-bon

Chúng tôi đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ trong việc củng cố khung pháp lý nhằm giảm phát thải khí nhà kính (KNK) và phát triển kinh tế các-bon thấp đến năm 2050, đặc biệt thông qua:

- Ban hành **Nghị định 06/2022/NĐ-CP**, văn bản quy phạm pháp luật toàn diện đầu tiên về giảm nhẹ phát thải KNK và thị trường các-bon.
- Ban hành **Nghị định 119/2025/NĐ-CP**, trong đó có những cải tiến quan trọng, bao gồm:
 - Tăng hạn mức bù trừ các-bon lên 30% (từ 10%);
 - Mở rộng đối tượng tham gia thị trường, bao gồm nhiều bên liên quan hơn;

- Cung cấp định nghĩa rõ ràng hơn về các loại dự án bù trừ được công nhận;
 - Xác định hơn 2.000 đơn vị thuộc diện phải thực hiện kiểm kê KNK bắt buộc, hình thành nền tảng cho thị trường các-bon tuân thủ.
- Phê duyệt Đề án phát triển thị trường các-bon quốc gia (2025) theo Quyết định 232/QĐ-TTg (tháng 1/2025), với lộ trình 3 giai đoạn hướng tới vận hành toàn quốc vào năm 2029.

Ngoài việc ban hành các văn bản quan trọng, Chính phủ cũng đã hợp tác với khu vực tư nhân trong việc chủ động nâng cao năng lực và nhận thức cho các doanh nghiệp phát thải cao, nhằm chuẩn bị cho kiểm kê KNK, lập kế hoạch giảm phát thải, đồng thời nâng cao hiểu biết về các quy định của EU liên quan đến **CBAM** (Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon) và **chống phá rừng**, bao gồm:

- Các chương trình đào tạo do Chính phủ chủ trì nhằm tăng cường sự sẵn sàng của doanh nghiệp.
- Năm 2023, Cục Biến đổi khí hậu (DCC) phối hợp với các chuyên gia quốc tế tổ chức tập huấn chuyên sâu về kiểm kê KNK và thị trường các-bon.
- Từ cuối năm 2024, ISPONRE (nay là ISPEA) đã tổ chức các khóa đào tạo cho hơn 1.000 doanh nghiệp trên toàn quốc, chuẩn bị cho giai đoạn thị trường các-bon thí điểm.

Chúng tôi đánh giá cao và trân trọng các hình thức hợp tác đa ngành này trong tương lai để phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam.

Vấn Đề và Quan Ngại trong Phát Triển Thị Trường Các-bon

Tuy nhiên, vẫn còn một số thách thức trong phát triển thị trường các-bon cần được xử lý trước năm 2026:

- **Lộ trình và mục tiêu của Kế hoạch giảm phát thải KNK:** Thời điểm triển khai các biện pháp giảm phát thải KNK đang đến gần (từ năm 2026), và doanh nghiệp cần có sự hỗ trợ, phối hợp với các đối tác liên quan. Tuy nhiên, đến nay chưa có thông tin cụ thể về hạn mức dự kiến để doanh nghiệp lên kế hoạch. Nếu thiếu quy định rõ ràng về hạn ngạch phát thải, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc lập kế hoạch giảm phát thải hiệu quả, bao gồm xác định mục tiêu khả thi và khung thời gian thực hiện.
- **Thiếu rõ ràng trong định nghĩa và thủ tục đăng ký tham gia giao dịch tín chỉ các-bon:**
 - Doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc phân biệt giữa “đơn vị tham gia trao đổi tín chỉ các-bon” và “đơn vị tham gia bù trừ các-bon” theo dự thảo Nghị định.
 - Việc thiếu định nghĩa rõ ràng và thực thi chưa thống nhất khiến doanh nghiệp khó lập kế hoạch và triển khai các dự án xanh dài hạn.
 - Cần có hướng dẫn cụ thể hơn về thủ tục và yêu cầu đăng ký, tham gia thị trường giao dịch các-bon để đảm bảo thị trường vận hành hiệu quả, thông suốt.
 - Theo đó, cần ban hành các mẫu biểu cụ thể để doanh nghiệp cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, phục vụ cho việc thẩm định và phê duyệt giao dịch các-bon.
- **Thiếu sự hài hòa giữa tiêu chuẩn trong nước và quốc tế về giao dịch và bù trừ các-bon:** Hoạt động kinh doanh hiện nay có phạm vi vượt qua biên giới quốc gia và gắn chặt với chuỗi cung ứng toàn cầu. Do đó, cần có quy định nhằm tiêu chuẩn hóa hoạt động giao

dịch và bù trừ các-bon trong nước phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Điều này sẽ giúp thị trường các-bon của Việt Nam vận hành hiệu quả, đồng thời hội nhập với thị trường các-bon toàn cầu.

Lợi ích đối với Việt Nam khi Tăng Cường Hướng Dẫn về Thị Trường Các-bon

Làm rõ các khái niệm, quy định về đăng ký và tham gia thị trường các-bon sẽ nâng cao uy tín của cam kết khí hậu của Việt Nam theo Thỏa thuận Paris, đồng thời củng cố và tăng cường tính bền vững của các chính sách phát triển các-bon thấp.

Sự hài hòa giữa tiêu chuẩn trong nước và quốc tế còn giúp giảm thiểu sự bất định cho nhà đầu tư, giảm rủi ro và xây dựng niềm tin cho nhà đầu tư.

Khuyến Nghị về Phát Triển Thị Trường Các-bon và Sự Tham Gia của Khu Vực Tư Nhân

Để thúc đẩy phát triển nền kinh tế các-bon thấp thông qua thị trường các-bon vững mạnh ở Việt Nam, chúng tôi có bốn khuyến nghị chính:

1) Công nhận vai trò của hàng hóa các-bon

- Hai loại tài sản có thể giao dịch sẽ định hình thị trường các-bon của Việt Nam: hạn ngạch phát thải và tín chỉ các-bon.
- Trong giai đoạn đầu, khi hạn ngạch được phân bổ miễn phí, tín chỉ các-bon sẽ là công cụ linh hoạt hơn cho khu vực tư nhân tham gia.

2) Thúc đẩy các dự án tín chỉ các-bon chất lượng cao phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế

- Ưu tiên phát triển các dự án trong nước tạo ra tín chỉ phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.
- Trước khi khung pháp lý quốc gia được hoàn thiện, các dự án nên áp dụng các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận (ví dụ: Verra, Gold Standard, GCC) để đảm bảo uy tín và tính khả mại.
- Đẩy nhanh việc ban hành tiêu chuẩn quốc gia và thủ tục phê duyệt, đồng thời xây dựng năng lực trong nước cho công tác thẩm định và xác minh, nhằm giảm chi phí và nâng cao khả năng cạnh tranh của tín chỉ Việt Nam.

3) Tăng cường tính thanh khoản của thị trường thông qua liên kết quốc tế

- Mở rộng hợp tác song phương và đa phương trong giao dịch theo Điều 6.2 và 6.4 của Thỏa thuận Paris.
- Ký kết và triển khai các thỏa thuận với các quốc gia đối tác chủ chốt (ví dụ: Singapore, Thụy Sĩ, Nhật Bản, Hàn Quốc) để mở rộng mạng lưới người mua, kích thích nhu cầu và gia tăng giá trị tín chỉ.
- Hỗ trợ doanh nghiệp (chủ dự án các-bon) trong việc xin thư ủy quyền của Chính phủ để tham gia giao dịch theo Điều 6.2 và 6.4, đảm bảo khả năng tiếp cận kịp thời với thị trường quốc tế.

4) Chuẩn bị cho giai đoạn thị trường trưởng thành hơn

- Về lâu dài, khi hạn ngạch phát thải chuyển sang phân bổ theo hình thức đấu giá với mức trần chặt chẽ hơn, các doanh nghiệp tư nhân sẽ có cơ hội giao dịch hạn ngạch song song với tín chỉ.
- Điều này sẽ đa dạng hóa hàng hóa có sẵn, làm sâu sắc hơn tính thanh khoản của thị trường, đồng thời tạo động lực mạnh mẽ hơn để khu vực tư nhân tham gia.

Phát triển một thị trường các-bon vững mạnh, gắn kết quốc tế sẽ tạo ra công cụ kinh tế hữu hiệu thúc đẩy giảm phát thải.

PHẦN 4. LÒNG GHÉP DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ (SMEs) TRONG LỘ TRÌNH TIẾN TỚI NỀN KINH TẾ XANH VÀ SỐ

Cuối cùng, xét đến việc **doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs)** là xương sống của nền kinh tế Việt Nam, chiếm hơn **97% tổng số doanh nghiệp** và đóng góp gần **45% GDP quốc gia**, thì việc đưa họ vào tiến trình chuyển đổi xanh không chỉ là lợi ích – mà là **yếu tố bắt buộc** để bảo đảm một quá trình chuyển đổi xanh thành công và công bằng.

- **Hỗ trợ tùy chỉnh:** Chính sách cần được thiết kế với SMEs là trọng tâm. Điều này đồng nghĩa với việc cung cấp các nguồn tài chính dễ tiếp cận, hỗ trợ kỹ thuật trong việc áp dụng công nghệ xanh, và đơn giản hóa các thủ tục tuân thủ.
- **Nâng cao năng lực:** Nhiều SMEs thiếu kiến thức kỹ thuật và nguồn lực tài chính để triển khai các giải pháp xanh phức tạp. Chính phủ cần hợp tác với các hiệp hội ngành nghề và tổ chức tài chính để cung cấp các khóa đào tạo cũng như sản phẩm tài chính phù hợp với nhu cầu của SMEs.
- **Tận dụng công nghệ:** Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI), như đã đề cập trong phần kinh tế tuần hoàn, có thể giúp giảm đáng kể chi phí tuân thủ cho SMEs, cho phép họ tham gia vào nền kinh tế xanh mà không bị gánh nặng bởi thủ tục giấy tờ phức tạp.

Bằng cách xây dựng các chính sách cân bằng giữa thuế và ưu đãi, cũng như áp dụng chính sách ưu tiên cho SMEs, các tập đoàn đa quốc gia và doanh nghiệp nội địa lớn sẽ dễ dàng hơn trong việc lôi kéo SMEs tham gia vào chuỗi giá trị, hỗ trợ các nỗ lực khử các-bon, đồng thời thu hút thêm nhiều SMEs hiện chưa tham gia vào các chuỗi giá trị.

KẾT LUẬN

Việt Nam có một vai trò quan trọng với tư cách là quốc gia dẫn đầu trong khu vực về tăng trưởng xanh, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững, đồng thời định hình những lộ trình để bảo đảm nền kinh tế xanh và số trong tương lai cho người dân.

Một cách tiếp cận chiến lược cho giai đoạn tiếp theo của kinh tế tuần hoàn và phát triển kinh tế các-bon thấp — với định hướng rõ ràng, hài hòa và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đầu tư vào đổi mới sáng tạo và công nghệ, cũng như huy động sự tham gia của cả doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) lẫn các tập đoàn lớn — sẽ là yếu tố then chốt để kích hoạt và thúc đẩy hơn nữa quan hệ đối tác với khu vực tư nhân trong chặng đường phát triển tiếp theo của Việt Nam.

Chúng tôi, Nhóm Công tác Nông nghiệp và Môi trường, mong muốn được đồng hành cùng tầm nhìn của Chính phủ trong những quan hệ đối tác và cuộc thảo luận mang tính tác động sâu rộng như vậy cho tương lai.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGÂN HÀNG

Kính thưa Thủ tướng Phạm Minh Chính,
Kính thưa Bộ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng,
Kính thưa Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Nguyễn Ngọc Cảnh,
Kính thưa Lãnh đạo các Bộ, Ngành & Cơ quan nhà nước
Kính thưa Các vị khách quý,

Tôi rất vinh dự được có mặt ở đây và phát biểu đại diện Nhóm Công tác Ngân hàng.

Nửa đầu năm 2025 là một giai đoạn đầy thách thức với bất ổn địa chính trị gia tăng, xung đột quân sự lan rộng, căng thẳng thương mại khiến chuỗi cung ứng gián đoạn, tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy giảm. Thiên tai, biến đổi khí hậu gây áp lực lên an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng. Lạm phát vẫn ở mức cao, trong khi điều kiện thị trường tài chính ngày càng thắt chặt.

Trước những áp lực đó, tôi đánh giá cao và chúc mừng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã đạt được những kết quả ấn tượng trong công tác lãnh đạo, điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng, cũng như đạt được các mục tiêu và hiệu quả kinh tế. Trong nước, Việt Nam đang nỗ lực hết sức để huy động hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tập trung vào nhiều lĩnh vực trong đó bao gồm chuyển đổi xanh và chuyển đổi số.

Trong lĩnh vực ngân hàng, chuyển đổi xanh và chuyển đổi số ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, và thích ứng linh hoạt với những biến động của thị trường.

NHNN đã thể hiện vai trò tiên phong trong thúc đẩy chuyển đổi xanh và chuyển đổi số.

- **Đối với chuyển đổi xanh**, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chủ động thúc đẩy chuyển đổi xanh trong ngành ngân hàng bằng việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế và chính sách.
- **Đối với chuyển đổi số**, nhiều sáng kiến, hội nghị và hội thảo chuyên đề đã được triển khai như hội thảo khoa học **“Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng”** và Hội nghị phát động phong trào **“Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”** và **“Bình dân học vụ số”**. Ngân hàng Nhà nước đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định 94/2025/NĐ-CP về cơ chế thí điểm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng (Sandbox).

Vai trò và uy tín của Ngân hàng Nhà nước còn được khẳng định mạnh mẽ khi Thống đốc Nguyễn Thị Hồng được Tạp chí *Global Finance* xếp hạng A+ và vinh danh là một trong những Thống đốc Ngân hàng Trung ương xuất sắc nhất thế giới.

Hưởng ứng chủ đề của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) thường niên năm nay, Nhóm Công tác Ngân hàng xin đề xuất một số định hướng như sau nhằm thúc đẩy tài chính xanh và chuyển đổi số trong ngành ngân hàng.

1. Thứ nhất, về chính sách và khung pháp lý

Sau Quyết định 21/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh được ban hành vào tháng 7 năm 2025, các cơ quan quản lý nên sớm ban hành hướng dẫn mang tính định lượng để thực hiện quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, giúp các ngân hàng dễ dàng phân loại, sàng lọc và lập báo cáo về tín dụng xanh.

Khung pháp lý hoàn thiện cũng giúp các quỹ đầu tư và tổ chức tài chính quốc tế thuận lợi hơn trong việc giải ngân vốn hỗ trợ cho tài chính xanh thông qua hệ thống ngân hàng.

Ngoài ra, Việt Nam cần xây dựng các lộ trình chuyển đổi xanh rõ ràng, phù hợp với từng ngành nghề và địa phương đi cùng với các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp đặc biệt các doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, công nghệ sạch và sản xuất tuần hoàn.

Các khung chính sách khuyến khích các ngân hàng có chương trình tài chính xanh hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi xanh cũng cần được xây dựng rõ ràng, cụ thể.

2. Thứ hai, về hạ tầng số và đổi mới sáng tạo:

Việc đầu tư vào hạ tầng số để đảm bảo dữ liệu quốc gia minh bạch, giúp xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông về doanh nghiệp và các dự án triển khai sẽ là tiền đề quan trọng cho việc đánh giá các dự án xanh, phục vụ thúc đẩy tài chính xanh.

Cần nhanh chóng thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ triển khai AI, big data và blockchain để đo lường hiệu quả mức độ phát thải của mỗi doanh nghiệp, xây dựng cơ sở dữ liệu theo địa phương, xác minh tác động môi trường theo ngành nghề từ đó tạo tiền đề cho sự phát triển của thị trường carbon và tạo cơ sở cho các sản phẩm tài chính carbon và các sản phẩm tài chính tiên tiến như trái phiếu xanh quốc gia được hình thành và phát triển.

Ngoài ra, việc phát triển các giải pháp hạ tầng thông minh như lưới điện thông minh, hệ thống giám sát môi trường bằng IoT, và nền tảng quản lý năng lượng số là rất cần thiết. Điều này sẽ giúp hỗ trợ kiểm soát, điều động điện năng, tiến tới chuyển đổi xanh nhanh nhất từ hạ tầng điện quốc gia, hỗ trợ doanh nghiệp đồng hành sử dụng năng lượng xanh phục vụ sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong quá trình chuyển đổi số, cũng như khuyến khích các startup công nghệ xanh, các doanh nghiệp thúc đẩy kinh tế tầm thấp thông qua các chương trình ươm tạo và quỹ đầu tư mạo hiểm.

Thêm nữa, chúng tôi cũng đề xuất tăng cường năng lực thanh tra, giám sát trong lĩnh vực Fintech, thúc đẩy áp dụng các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế trong các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo an toàn, bảo mật cho toàn hệ thống doanh nghiệp và ngân hàng tài chính.

3. Thứ ba, về kết hợp hài hòa hợp tác công – tư & hợp tác quốc tế

Việt Nam cần chủ động hơn nữa thúc đẩy các mô hình hợp tác công – tư trong các dự án xanh như giao thông bền vững, đô thị thông minh và năng lượng sạch. Việc thành lập các dự án có nguồn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế sẽ giúp huy động nguồn lực hiệu quả hơn.

Việt Nam nên triển khai tích cực hơn nữa các sáng kiến khu vực và toàn cầu về phát triển bền vững (JETP, AZEC...), đồng thời khẩn trương triển khai áp dụng các tiêu chuẩn ESG quốc tế để nâng cao uy tín và thu hút dòng vốn nước ngoài.

Việt Nam cần áp dụng quản lý dữ liệu lớn để liên kết, quản lý hiệu quả các dự án công tư, các dự án quốc tế, đảm bảo sự thống nhất, liên thông, liên kết thông tin giữa các dự án nhằm tạo hiệu ứng lan tỏa và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

4. Thứ tư, về đào tạo và nâng cao nhận thức và năng lực

Một trong những trở ngại lớn nhất của chuyển đổi xanh trong thời đại mới là sự phát triển không tương xứng của nguồn nhân lực. Các doanh nghiệp cũng như các ngân hàng Việt Nam vẫn đang đối mặt với việc thiếu các chuyên gia, nhân sự trình độ cao có thể bắt kịp công cuộc chuyển đổi xanh trong kỷ nguyên số.

Việt Nam cần đầu tư và mở rộng hơn nữa các chương trình đào tạo kỹ năng xanh và kỹ năng số cho lực lượng lao động, thậm chí cần nhắc bổ sung vào chương trình đào tạo tại trường học như một môn học bắt buộc.

Nhận thức xuyên suốt từ thế hệ trẻ đến lực lượng lao động trưởng thành sẽ chuyển thành sức mạnh của quốc gia trong quá trình chuyển đổi xanh bắt kịp với thời đại số.

Kính thưa quý vị,

Chuyển đổi xanh không chỉ là trách nhiệm mà còn là cơ hội để Việt Nam vươn lên mạnh mẽ trong chuỗi giá trị toàn cầu. Với sự đồng hành của chính quyền địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng, chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng một tương lai xanh – số – bền vững cho đất nước.

Xin trân trọng cảm ơn!

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGÂN HÀNG**DANH SÁCH CÁC VẤN ĐỀ KỸ THUẬT LÀM VIỆC GIỮA
NHÓM CÔNG TÁC NGÂN HÀNG (BWG) VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC (NHNN)
& CÁC BỘ NGÀNH NĂM 2025**

STT	NHÓM VẤN ĐỀ	SỐ LƯỢNG
I.	Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền của NHNN	49
A.	Nhóm vấn đề chưa được xử lý	12
A1.	Vấn đề cũ từ năm 2024	10
A2	Vấn đề mới phát sinh năm 2025	2
B.	Nhóm các vấn đề đã được xử lý	37
B1.	Vấn đề cũ từ năm 2024	33
B2.	Vấn đề mới phát sinh năm 2025	4
II.	Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền của Bộ, ngành khác	21
A.	Nhóm vấn đề chưa được xử lý	5
A1.	Vấn đề cũ từ năm 2024	5
A2.	Vấn đề mới phát sinh năm 2025	0
B.	Nhóm vấn đề đã được xử lý	16
B1.	Vấn đề cũ từ năm 2024	6
B2.	Vấn đề mới phát sinh năm 2025	10

I. NHÓM VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN XỬ LÝ CỦA NHNN (49 VẤN ĐỀ)
A. NHÓM VẤN ĐỀ CHƯA ĐƯỢC XỬ LÝ (12 VẤN ĐỀ)
A.1. CÁC VẤN ĐỀ CŨ TỪ NĂM 2024 (10 VẤN ĐỀ)

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
1.	Chế độ lưu trữ tài liệu kế toán trong ngành ngân hàng nêu tại Quyết định 1913/2002/QĐ-NHNN về chế độ lưu trữ tài liệu kế toán trong ngành ngân hàng; Quyết định 376/2003/QĐ-NHNN; Khoản 1(b) Điều 13 Quyết định 1789/2005/QĐ-NHNN (BWG - Ban Pháp chế & Tuân thủ) (NHNN - Vụ	Trên cơ sở rà soát các quy định đối với việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán trong lĩnh vực ngân hàng, chúng tôi nhận thấy ngoài Quyết định 1913/2005/QĐ-NHNN quy định thời hạn lưu trữ các chứng từ kế toán phù hợp với Luật Kế toán 2015, Nghị định 174/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Kế toán, thì quy định tại Quyết định 376/2003/QĐ-NHNN ngày 22/4/2003 quy định về bảo quản, lưu trữ chứng từ điện tử đã sử dụng để hạch toán và thanh toán vốn của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và Khoản 1(b) Điều 13 Quyết định 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng không còn phù hợp với các quy định hiện hành về lưu trữ chứng từ cũng như thực tế hoạt động của các tổ chức tín dụng. Cụ thể như sau: 1. Quyết định 376/2003/QĐ-NHNN: a. Điều 1 Quyết định 376/2003/QĐ-NHNN Hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định hoạt động hạch toán và thanh toán vốn cũng như chứng từ điện tử đã sử dụng để hạch toán và thanh toán vốn . Theo chúng tôi, đây là một khái niệm cũ và không còn được sử dụng trong các văn bản quy phạm pháp luật cũng như thực tế hoạt động hiện nay của các tổ chức tín dụng. b. Điều 9 Quyết định 376/2003/QĐ-NHNN	Ngày 29 tháng 12 năm 2021, NHNN ban hành Thông tư 22/2021/TT NHNN quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành trong hoạt động của NHNN Việt Nam. 2022: Vụ Tài chính Kế toán (Công văn số 1314/TCKT1 ngày 29/11/2022): NHNN đã có Công văn số 4732/NHNN-TCKT ngày 28/06/2022 gửi Bộ Tài chính về thực trạng, vướng mắc của TCTD đối với các quy định về chứng từ kế toán và lưu trữ tài liệu kế toán liên quan đến Luật Kế toán. Trong thời gian tới, NHNN sẽ tiếp tục làm việc với Bộ Tài chính liên quan đến nội dung này. Năm 2023, NHNN đã có các Công văn số 1397/NHNN-TCKT ngày 03/03/2023 và	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG mong muốn nhận được cập nhật để tiếp tục phối hợp, làm việc với Vụ TCKT.	Phản hồi của Vụ TCKT gửi Vụ HTQT năm 2025: 1. Quyết định 376/2003/QĐ-NHNN: Quyết định vẫn còn hiệu lực thi hành, nhưng các VBQPPL làm căn cứ pháp lý để ban hành đã hết hiệu lực; nội dung quy định đã tồn tại trên 20 năm không còn phù hợp với thực tiễn. Việc quản lý chứng từ điện tử trong ngành Ngân hàng hiện nay thực hiện theo quy định về quản lý thông điệp dữ liệu tại Luật Giao dịch điện tử và các văn bản pháp luật

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
	Tài chính Kế toán)	Điều 9 Quyết định 376 quy định các chứng từ điện tử liên quan trực tiếp đến ghi sổ kế toán tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải lưu trữ 20 năm, chưa thống nhất với quy định tại Nghị định 174/2016/NĐ-CP, chứng từ điện tử được phép lưu trữ trên phương tiện điện tử (Điều 10) với thời hạn lưu trữ là 5 năm, 10 năm, hoặc vĩnh viễn tùy vào loại chứng từ kế toán (Điều 12 đến Điều 15). Đề xuất cho Quyết định 376/2003/QĐ-NHNN: kính đề nghị NHNN xem xét sửa đổi Quyết định 376 vì quyết định này được ban hành từ rất lâu (năm 2003), không còn phù hợp thực tiễn hoạt động hiện nay của tổ chức tín dụng, đặc biệt trong lĩnh vực chứng từ điện tử; hoặc ban hành hướng dẫn cụ thể về thời hạn lưu trữ chứng từ điện tử phù hợp với Luật Kế toán hiện hành. Trong thời gian chưa có hướng dẫn, các ngân hàng xin được thực hiện như sau: “chứng từ điện tử đã sử dụng để hạch toán và thanh toán vốn” được hiểu là chứng từ điện tử đã dùng để hạch toán và thanh toán chuyển tiền; thời hạn lưu trữ áp dụng là 10 năm để đảm bảo tính nhất quán trong việc lưu trữ chứng từ giấy và chứng từ điện tử trong hoạt động thanh toán, cũng như không có sự chênh lệch về thời gian lưu trữ giữa chứng từ điện tử (20 năm) và chứng từ bằng giấy (10 năm) của cùng một giao dịch thanh toán chuyển tiền. 2. Khoản 1(b) Điều 13 Quyết định 1789/2005/QĐ-	Công văn số 2597/NHNN-TCKT ngày 12/04/2023 để tiếp tục kiến nghị những vướng mắc của Tổ chức Tín dụng (TCTD) trong quy định về chứng từ kế toán và lưu trữ tài liệu liên quan đến Luật Kế toán. Ngày 21/01/2023, Bộ Tài chính đã có Công văn số 3988/BTC-QLKT trả lời các nội dung này của NHNN. Theo đó, Bộ Tài chính đã có ý kiến về các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán và lưu trữ tài liệu kế toán cho các TCTD thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và Nghị định 174/2016/NĐ-CP. Các vướng mắc nêu tại các văn bản của NHNN sẽ được Bộ Tài chính tiếp thu, sửa đổi trong quá trình nghiên cứu sửa Luật Kế toán 2025 trong thời gian tới. Tháng 4/2024, NHNN đã gửi		chuyên ngành (như Luật kế toán số 88/2015/QH13 (đã sửa đổi bổ sung)). Bên cạnh đó, Điều 13 Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN đã có quy định về bảo quản, lưu trữ chứng từ (bao gồm chứng từ điện tử). Để có đầy đủ cơ sở đề xuất bãi bỏ hiệu lực của các văn bản, Vụ TCKT đã lấy ý kiến các đơn vị NHNN có liên quan¹. Hiện nay, Vụ TCKT đang tổng hợp đưa Quyết định 376/2003/QĐ-NHNN vào Danh mục văn bản quy phạm pháp luật đề xuất bãi bỏ trong năm 2025 tại

¹ Vụ Thanh toán, Cục Công nghệ thông tin, Cục Phát hành và Kho quỹ

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		NHNN: 2.1. Quy định về lưu trữ đóng gói chứng từ quy định tại Khoản 1(b) Điều 13 Quyết định 1789 không còn phù hợp. <u>Đề xuất cho Quyết định 1789/2005/QĐ-NHNN:</u> Kính đề nghị NHNN xem xét bãi bỏ Khoản 1(b) Điều 13 Quyết định 1789 hoặc cho phép các ngân hàng thương mại tự chủ động trong việc quản lý, đóng gói, lưu trữ chứng từ phù hợp với quy mô và mô hình hoạt động của từng ngân hàng, với điều kiện các ngân hàng đảm bảo chứng từ có thể truy xuất đầy đủ và toàn vẹn trong thời hạn lưu trữ tối thiểu theo quy định của pháp luật. 2.2. Chữ ký điện tử trên chứng từ kế toán Ngày 13/09/2024, BWG gửi công văn số 13092024BWGVBF3 đề xuất NHNN hỗ trợ kiến nghị với Bộ Tài chính là đơn vị chủ trì soạn thảo Luật Kế toán sửa đổi, đồng thời xem xét sửa đổi các văn bản hướng dẫn của NHNN để : (i) Chấp nhận chứng từ kế toán có thể được ký bởi chữ ký điện tử hoặc các hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử thể hiện sự chấp thuận của chủ thể ký như trong Luật GDĐT 2023. Theo đó, các đơn vị kế toán được chủ động lựa chọn chữ ký điện tử hoặc các hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử thể hiện sự chấp thuận của chủ thể ký đối với các chứng từ kế	tới các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài Công văn số 3502/NHNN-TCKT ngày 25/04/2024, đề nghị các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nghiên cứu, rà soát và báo cáo nêu rõ ý kiến đồng ý hủy bỏ/chưa hủy bỏ ngay đối với từng văn bản quy phạm pháp luật, trong đó bao gồm Quyết định 1913/2005/QĐ-NHNN ngày 30/12/2005.		Dự thảo bãi bỏ một số văn bản QPPL do Thống đốc NHNN ban hành theo yêu cầu của Vụ Pháp chế -NHNN² 2. Khoản 1(b) Điều 13 Quyết định 1789/2005/QĐ-NHNN: -NHNN đã có công văn số 7364/NHNN-TCKT³ tổng hợp một số vướng mắc liên quan đến chế độ chứng từ, lưu trữ chứng từ của các TCTD gửi BTC. -Ngày 31/12/2024, NHNN đã có công văn số 10703/NHNN-TCKT đã gửi lấy ý kiến các TCTD và chi nhánh ngân hàng

² Công văn số 2627/PC3 ngày 04 /11/2025

³ Công văn số 7364/NHNN-TCKT ngày 20/9/2023

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		toán. (ii) Không yêu cầu chữ ký điện tử cho chứng từ kế toán của các bút toán hạch toán nội bộ tự động mà không có sự can thiệp của con người vào việc hạch toán kế toán. Trong trường hợp Luật Kế toán sửa đổi sắp tới quy định về nguyên tắc chung như kiến nghị nêu trên, BWG đề xuất NHNN hủy bỏ QĐ 1789. Tuy nhiên, trong trường hợp Luật Kế toán sửa đổi giao việc hướng dẫn chi tiết loại chứng từ kế toán nào cần ký bởi chữ ký điện tử hoặc hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử thể hiện sự chấp thuận của chủ thể ký, BWG đề xuất NHNN sửa đổi QĐ 1789 để hướng dẫn chi tiết cho các loại chứng từ kế toán trong ngành ngân hàng. 2.3. Về các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai QĐ 1789 liên quan đến vấn đề yêu cầu chữ ký kế toán trưởng trên chứng từ kế toán, yêu cầu số tiền bằng chữ, yêu cầu về ngôn ngữ tiếng Việt và một số yêu cầu khác đối với chứng từ kế toán do BWG nêu lên tại cuộc họp ngày 13/5/2021 với Vụ Tài chính – Kế toán, Vụ Thanh toán và Vụ Pháp chế, NHHH (xin vui lòng xem nội dung Biên bản cuộc họp đính kèm). Chúng tôi đề xuất NHNN hỗ trợ kiến nghị với Bộ Tài chính để có những sự sửa đổi phù hợp trong Luật Kế toán đồng thời hủy bỏ hoặc sửa đổi QĐ 1789 (như trình bày ở mục 2.2 nêu trên) để giải quyết các khó			nước ngoài (TCTD) về báo cáo và đề xuất các vướng mắc trong Chế độ kế toán của TCTD, trong đó có đề nghị báo cáo vướng mắc/tồn tại, bất cập và đề xuất kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về chế độ chứng từ, chế độ lưu trữ chứng từ... Do các đề nghị của BWG là vướng mắc tại Luật Kế toán và các Luật chuyên ngành nên về vấn đề này, NHNN đã có các văn bản⁴ gửi Bộ Tài chính trong quá trình sửa đổi Luật Kế toán 2015. Tuy nhiên, các nội dung này chưa được Bộ Tài chính

⁴ Công văn số 1001/TCKT2 ngày 26/8/2024 v/v lấy ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi một số điều của các Luật của Bộ Tài chính gửi Pháp chế tổng hợp gửi BTC
 Công văn số 9024/NHNN-TCKT ngày 01/11/2024v/v ý kiến đối với nội dung sửa đổi bổ sung Luật Kế toán về nội dung quản lý kế toán trong lĩnh vực kế toán của NHNN.
 Công văn số 1463/TCKT2 ngày 27/11/2024 ý kiến về nội dung chỉnh lý, tiếp thu hoàn thiện dự thảo Luật sửa nhiều Luật của Bộ Tài chính gửi Pháp chế tổng hợp gửi BTC

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		khẩn, vướng mắc này.			tiếp thu khi sửa đổi Luật Kế toán 2015. Vì vậy, Luật Kế toán hiện hành vẫn quy định các nội dung nêu trên. Do đó, NHNN không có cơ sở pháp lý để ban hành các quy định khác với Luật. Hiện nay, BTC đang thực hiện sửa đổi, thay thế toàn diện Luật Kế toán, Vụ TCKT sẽ phối hợp với BTC, các đơn vị có liên quan trong việc tháo gỡ các vướng mắc trong Luật gây khó khăn trong việc sửa đổi chế độ chứng từ, chế độ lưu trữ chứng từ của các TCTD và các vấn đề khác phát sinh (nếu có). Đồng thời, trên cơ sở tổng hợp các khó khăn, vướng

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
					mắc, ý kiến đề xuất của các TCTD, Vụ TCKT đang trong quá trình rà soát, nghiên cứu tổng thể các quy định về lưu trữ chứng từ điện tử trong ngành Ngân hàng, chế độ chứng từ kế toán ngành Ngân hàng để có hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản phù hợp với thực tế hiện hành, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển các dịch vụ mới
2.	Giao dịch thanh toán qua sàn thương mại Điện tử (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân	BWG đang nghiên cứu các kiến nghị về Khuôn Khổ Pháp Lý và vai trò của ngành ngân hàng liên quan đến giao dịch thanh toán qua sàn thương mại điện tử và sẽ sớm hoàn thiện để tiếp tục trao đổi, làm việc với NHNN.	- BWG đề xuất phối hợp làm việc với NHNN về vấn đề này. - Liên quan đến nội dung này, Vụ Thanh toán chưa nhận được kiến nghị chính thức của BWG. Về khuôn khổ pháp lý, tại Quyết định 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 về việc phê	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG đề xuất phối hợp làm việc với NHNN về vấn đề này.	2025: Phản hồi của Vụ Thanh toán, Ngân hàng Nhà nước theo Công văn gửi Vụ HTQT: Vụ Thanh toán sẽ thực hiện phối hợp khi nhận được kiến

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
	hàng) (NHNN - Vụ Thanh toán, Vụ QLNH, Cục PCRT)		duyet Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021- 2025 đã đặt ra những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm thúc đẩy thanh toán trong thương mại điện tử ⁵ . - CQTTSGNH Cơ quan TTGSNH nhất trí phối hợp nếu có liên quan đến nội dung phòng, chống rửa tiền.		ng nghị cụ thể.
3.	Hoạt động chia sẻ rủi ro (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN - Vụ Pháp chế và các vụ cục liên quan)	Các thành viên của BWG đã gặp gỡ Vụ Tín dụng Các ngành Kinh tế của NHNN vào giữa tháng 11 năm 2024 để trình bày về sản phẩm này. Trong buổi họp, Vụ Tín dụng Các ngành Kinh tế đã đưa ra một số câu hỏi, hầu hết trong số đó đã được đại diện của BWG giải đáp. Đối với những câu hỏi còn lại, BWG sẽ nghiên cứu và phản hồi sau.	BWG đang dự kiến cùng NHNN tổ chức buổi hội thảo về hoạt động chia sẻ rủi ro, mời các phòng ban liên quan của NHNN, bao gồm Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng, Vụ Chính sách Tiền tệ, Vụ Pháp chế, Vụ Tín dụng, Vụ Ngoại hối, Vụ Tài chính Kế toán) tham dự.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG đề xuất phối hợp làm việc với NHNN về vấn đề này.	2025: Phản hồi của Vụ Tín dụng Các ngành kinh tế theo Công văn số 1818/TD4 ngày 05/11/2025 gửi Vụ HTQT: Tháng 11/2024, BWG lần đầu trình bày sơ bộ về sản phẩm hoạt động chia sẻ rủi ro với Vụ Tín

⁵ Trong đó có một số nội dung nhiệm vụ như Xây dựng các chính sách thúc đẩy, phát triển, khuyến khích sử dụng dịch vụ TTKDTM trong hoạt động thương mại điện tử; Xây dựng hệ thống giải quyết phản ánh khiếu nại tranh chấp trực tuyến trong thương mại điện tử (giao Bộ Công Thương chủ trì).

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
					dụng CNKT. Trong buổi chia sẻ, BWG và Vụ Tín dụng CNKT nhất trí sản phẩm này có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị khác thuộc NHNN, do đó BWG cần làm việc với các đơn vị có liên quan để làm rõ hơn về sản phẩm này. Tuy nhiên, đến nay, Vụ Tín dụng CNKT không có thông tin về việc BWG đã làm việc với các đơn vị khác có liên quan thuộc NHNN. Đồng thời, tại buổi chia sẻ, BWG và Vụ Tín dụng CNKT nhất trí sản phẩm này có một số điểm tương đồng với các nghiệp vụ hiện hành tại Việt Nam (cho vay, ủy thác, bảo

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
					lãnh, bán nợ...), tuy nhiên sản phẩm này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và yêu cầu cần được nghiên cứu chi tiết, cụ thể hơn nội dung đã trình bày sơ bộ tại buổi chia sẻ. Vụ Tín dụng CNKT vẫn chưa nhận được phản hồi của BWG về các nội dung nêu trên. Do đó, đề nghị cân nhắc sự cần thiết của việc tổ chức buổi hội thảo về sản phẩm này. Trường hợp BWG vẫn mong muốn tổ chức hội thảo, đề nghị Vụ HTQT là đơn vị đầu mối phối hợp cùng BWG để tổ chức, các đơn vị liên quan thuộc NHNN sẽ phối hợp với Vụ HTQT.
4.	Khai báo	Sau hơn một tháng triển khai Luật TCTD 2024 cũng như	BWG đang đợi phản hồi của	TIẾP TỤC PHỐI	2025:

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
	thông tin người có liên quan (BWG – Ban Pháp chế và Tuân thủ) (NHNN – Vụ Pháp chế)	các thông tư hướng dẫn, chúng tôi nhận thấy có 03 nhóm vấn đề khó khăn, vướng mắc trong việc khai báo thông tin về “người có liên quan” phát sinh đối với cả khách hàng (đặc biệt là nhóm doanh nghiệp FDI) và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cụ thể như sau: <u>Nhóm Vấn đề 1:</u> Khái niệm “Người có liên quan” tại Thông tư 09/2024/TT-NHNN và Luật TCTD 2024. <u>Nhóm Vấn đề 2:</u> Trách nhiệm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc tuân thủ quy định về giới hạn cấp tín dụng cho khách hàng và người có liên quan và việc kê khai thông tin người có liên quan của khách hàng trong hoạt động cấp tín dụng. <u>Nhóm Vấn đề 3:</u> Nghĩa vụ công khai thông tin về người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và chức danh tương đương tại TCTD 100% vốn nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	NHNN. Vụ Pháp chế NHNN đang xử lý và đang lấy ý kiến của các Vụ, Cục liên quan.	HỢP XỬ LÝ	Phản hồi của Vụ Pháp chế tại Công văn 2656/PC1 ngày 07/11/2025 của Vụ Pháp chế gửi Vụ HTQT: Vụ Pháp chế đang nghiên cứu phối hợp lấy ý kiến các đơn vị liên quan tại NHNN để tổng hợp, tham mưu, báo cáo lãnh đạo NHNN xử lý kiến nghị của BWG theo chức năng, nhiệm vụ.
5.	Vướng mắc liên quan đến Điều 15.5, Luật Các tổ chức tín dụng về phạm vi hoạt động bán	- Ngày 09/09/2024, BWG đã gửi Công văn số 09092024BWGVBF1 xin tham vấn Ngân hàng Nhà nước về cách hiểu và cách thức triển khai Điều 15.5 Luật Các tổ chức tín dụng lên Vụ Chính sách An toàn Hoạt động Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. - Sau đó, ngày 23/09/2024, BWG gửi Công văn số 23092024BWGVBF xin tham vấn Ngân hàng Nhà nước về	BWG đang chờ phản hồi của NHNN.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ	2025 Phản hồi của Vụ Tín dụng CNKT, Ngân hàng Nhà nước theo Công văn số 1818/TD4 ngày 05/11/2025 gửi Vụ

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
	bảo hiểm của ngân hàng (BWG - Ban Pháp luật và Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN - Vụ Chính sách An toàn hoạt động & Vụ Pháp chế)	cách hiểu và cách thức triển khai Điều 15.5 Luật Các tổ chức tín dụng lên Vụ Pháp Chế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. - BWG hiểu nội hàm của từ "gắn" tại Điều 15.5, có liên quan đến một trong những yếu tố sau đây: + Việc khách hàng tham gia sản phẩm bảo hiểm là điều kiện bắt buộc khi khách hàng tham gia hoặc sử dụng bất kỳ sản phẩm, dịch vụ nào khác của ngân hàng, ngoại trừ việc tham gia sản phẩm bảo hiểm là biện pháp dự phòng rủi ro cho tài sản đảm bảo. + Việc khách hàng không tham gia sản phẩm bảo hiểm sẽ là rào cản hoặc làm chậm hoặc gây ảnh hưởng đến việc khách hàng được tiếp cận, cung cấp hoặc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng khác. + Việc tham gia sản phẩm bảo hiểm không đến từ sự lựa chọn tự nguyện theo nhu cầu của khách hàng. - Dựa vào cách hiểu trên, nhóm các ngân hàng thành viên BWG thống nhất các nguyên tắc và cách thức triển khai trong việc cung cấp sản phẩm bảo hiểm. - BWG xin tham vấn thêm ý kiến của Quý NHNN để đảm bảo việc tuân thủ pháp luật được thực hiện thống nhất.			HTQT: Đề nghị bỏ Vụ Tín dụng CNKT là đơn vị thực hiện tại NHNN đối với nội dung này do: + Nội dung tại Điều 15.5 Luật Các TCTD về phạm vi hoạt động bán bảo hiểm của ngân hàng không phải hoạt động tín dụng và không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Vụ Tín dụng CNKT. + Công văn số 09092024BWGVBF1 ngày 09/09/2024 của BWG được gửi đến Vụ Chính sách An toàn hoạt động thuộc Cơ quan Thanh tra giám sát (trước sáp nhập), Vụ Tín dụng CNKT không nhận được và xử lý công văn này.

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
					Phản hồi của Vụ Pháp chế tại Công văn 2656/PC1 ngày 07/11/2025 của Vụ Pháp chế gửi Vụ HTQT: Vụ Pháp chế đang nghiên cứu phối hợp lấy ý kiến các đơn vị liên quan tại NHNN để tổng hợp, tham mưu, báo cáo lãnh đạo NHNN xử lý kiến nghị của BWG theo chức năng, nhiệm vụ.
6.	Mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng	- Ngày 24/09/2024, BWG đã gửi công văn số 24092024BWGVBF ngày 24/09/2024 xin ý kiến hướng dẫn về một số nội dung tại Nghị định số 86/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái. - Cụ thể, công văn nêu khó khăn khi thực hiện Điều 9 của Nghị định 86 về thời điểm trích lập dự phòng rủi ro: Thời gian điều chỉnh quá muộn để làm các Báo cáo tài chính, Báo cáo NHNN và các Báo cáo Ngân hàng mẹ và các Báo	BWG đang đợi phản hồi từ NHNN.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ	

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
	nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái theo Nghị định 86/2024/NĐ- CP (BWG - Ban Pháp luật và Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng (NHNN – Cục An toàn Hệ thống các TCTD)	cáo liên quan. - BWG đề xuất: + Thực hiện điều chỉnh, thay đổi nhóm nợ và số tiền trích lập dự phòng rủi ro trên thuyết minh Báo cáo tài chính; và + Không điều chỉnh các Báo cáo đã gửi NHNN và CIC.			
7.	Dự thảo Công văn hướng dẫn hạch toán đối với nghiệp vụ bao thanh toán (BWG - Ban Pháp luật và Tuân thủ và	Ngày 23/10/2024, BWG đã gửi công văn số 23102024BWGVBF tới Vụ Kế toán Tài chính, Ngân hàng nhà nước để góp ý công văn của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn hạch toán đối với nghiệp vụ bao thanh toán. Cụ thể BWG: - Đề xuất sửa đổi Mục I.1.2 liên quan đến nguyên tắc hạch toán chung như sau: <i>“I. Nguyên tắc hạch toán chung:</i>	BWG đang đợi NHNN ban hành hướng dẫn về vấn đề này.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ	Phản hồi của Vụ TCKT gửi Vụ HTQT năm 2025: Căn cứ Quyết định 1096/2004/QĐ- NHNN ngày 06/9/2004, NHNN đã có Công văn số

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
	Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN - Vụ Tài chính Kế toán)	 <i>Đối với các khoản lãi, phí thu được từ nghiệp vụ bao thanh toán, tổ chức tín dụng (TCTD), Chi nhánh ngân hàng nước ngoài (CN NHNg) tính và hạch toán theo đúng quy định về chế độ tài chính và quy định về quản lý ngoại hối. Các khoản lãi, phí bằng ngoại tệ phải thông qua nghiệp vụ mua, bán ngoại tệ để chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thỏa thuận tại thời điểm phát sinh để hạch toán vào thu nhập, chi phí.</i>” - Đề nghị bỏ mục I.1.5 về yêu cầu tách việc hạch toán các nghiệp vụ bao thanh toán phát sinh trước ngày 01/7/2024 thì thực hiện theo hướng dẫn hạch toán tại Công văn số 1444/KTTC-CĐTH và các nghiệp vụ bao thanh toán phát sinh sau ngày 01/7/2024 thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn này. Đề nghị tất cả nghiệp vụ bao thanh toán hạch toán được theo hướng dẫn của dự thảo công văn kể từ khi Công văn có hiệu lực; - Đề xuất các khoản phí phải thu từ hoạt động bao thanh toán hạch toán vào tài khoản 397 thay vì tài khoản 3591; - Đề nghị bổ sung hướng dẫn hạch toán đối với trường hợp: Ngân hàng nhận lãi trả trước cho toàn bộ thời hạn bao thanh toán từ khách hàng tại thời điểm ký hợp đồng bao thanh toán; - Đề xuất sửa bút toán phần “có TK cho vay thích hợp” thành “có TK cấp tín dụng thích hợp”; - Đề nghị sửa một số đoạn tại Mục 1.4.2 để phù hợp với các khái niệm quy định trong Thông tư 20/2024/TT-NHNN			1444/CV-TCKT2 ngày 21/9/2005 hướng dẫn hạch toán kế toán nghiệp vụ bao thanh toán. Năm 2024, NHNN ban hành Thông tư 20/2024/TT-NHNN có hiệu lực từ 01/7/2024 thay thế Quyết định 1096/2004/QĐ- NHNN và các thông tư trước đó, trong đó bổ sung một số nghiệp vụ như mua miễn truy đòi, mua khoản phải trả của người mua hàng. Tuy nhiên, do trong năm 2024, NHNN không có thẩm quyền ban hành các quy định về kế toán của TCTD nên chưa có văn bản hướng dẫn nghiệp vụ này theo Thông tư

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		về bao thanh toán: Đề nghị sửa một số đoạn để phù hợp với các khái niệm quy định trong Thông tư 20/2024/TT-NHNN về bao thanh toán như sau: <i>Dự thảo hiện tại:</i> III. Hạch toán kế toán 1.4.2. Nếu bên mua không có khả năng thanh toán số nợ (các khoản phải thu từ bên mua hàng theo hợp đồng mua, bán hàng) cho đơn vị bao thanh toán, căn cứ điều khoản và hình thức hợp đồng bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán tiến hành xử lý như sau: ... <i>Đề nghị sửa thành:</i> 1.4.2 Nếu bên mua không có khả năng thanh toán số nợ (các khoản phải thu từ bên mua hàng theo hợp đồng mua, bán hàng) <u>nợ bao thanh toán và phí bao thanh toán</u> cho đơn vị bao thanh toán, căn cứ điều khoản và hình thức hợp đồng bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán tiến hành xử lý như sau: ... <i>Dự thảo hiện tại: gạch đầu dòng thứ hai, mục 1.4.2, mục III</i> III. Hạch toán kế toán 1.4.2.... - Nếu bên bán hàng không có khả năng thanh toán theo hợp đồng bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán tiến hành chuyển nợ quá hạn và sử dụng các biện pháp tận thu nợ. .. <i>Đề nghị sửa thành:</i> ...			mới. Hiện nay, Vụ TCKT đang rà soát toàn bộ chế độ kế toán của TCTD, qua đó xây dựng phương án tổng thể ban hành chế độ kế toán TCTD mới, trong đó có hạch toán kế toán nghiệp vụ bao thanh toán.

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		- Nếu bên bán hàng không có khả năng thanh toán theo hợp đồng bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán tiến hành chuyển nợ quá hạn <u>đối với số tiền bao thanh toán</u> và sử dụng các biện pháp tận thu nợ. - Đề nghị NHNN hướng dẫn hạch toán kế toán và tài khoản kế toán sử dụng để theo dõi khoản phí chưa thu được của các khoản nợ bao thanh toán đã dùng dự phòng xử lý rủi ro, đang trong thời gian theo dõi ngoại bảng để có thể tiếp tục thu hồi dần.			
8.	Công văn 9102/NHNN-TT của Ngân Hàng Nhà Nước về việc tăng cường các biện pháp quản lý rủi ro đối với mở và sử dụng tài khoản thanh toán tổ chức (BWG Ban Pháp luật và Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng)	Ngày 06/12/2024, BWG đã gửi tới Vụ Thanh toán – Ngân hàng Nhà nước công văn góp ý liên quan đến một số nội dung tại Công văn 9102/NHNN-TT của Ngân Hàng Nhà Nước về việc tăng cường các biện pháp quản lý rủi ro đối với mở và sử dụng tài khoản thanh toán tổ chức. Cụ thể: 1. Liên quan đến yêu cầu gặp mặt trực tiếp người đại diện hợp pháp của tổ chức mở tài khoản thanh toán (“TKTT”) và thực hiện kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp của tổ chức mở TKTT đối với khách hàng là tổ chức được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (Mục 2.1, Công Văn 9102), BWG đề xuất: cho phép ngân hàng tự xem xét, cân nhắc và đưa ra đánh giá về sự cần thiết phải gặp mặt trực tiếp đối với một số đối tượng khách hàng có rủi ro cao trước khi hoàn tất quá trình) mở tài khoản của khách hàng theo quy trình nghiệp vụ của ngân hàng. Cụ thể, ngân hàng sẽ xây dựng các tiêu chí trong bộ tiêu	Trong bản Dự thảo thông tư sửa đổi Thông tư 17/2024/TT-NHNN gần nhất, BWG ghi nhận NHNN đã xem xét và cho phép các ngân hàng được thực hiện đánh giá và lựa chọn các tổ chức cần phải gặp mặt trực tiếp và đối chiếu thông tin sinh trắc học trên giấy tờ tùy thân của của người đại diện hợp pháp của tổ chức. Do vậy, còn 02 vấn đề sau BWG vẫn đang chờ phản hồi của NHNN: (i) BWG đề xuất không yêu cầu bắt buộc ngân hàng kiểm tra, đảm bảo thông tin về số	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ	Phản hồi của Vụ Thanh toán, Ngân hàng Nhà nước theo Công văn gửi Vụ HTQT: - Ngày 31/8/2025, NHNN đã ban hành Thông tư 25/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2024/TT-NHNN quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (Thông tư 25). Trong

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
	(NHNN - Vụ Thanh toán)	chỉ quản lý rủi ro đánh giá khách hàng để xác định các trường hợp không cần thiết phải gặp mặt trực tiếp người đại diện hợp pháp của khách hàng tổ chức (“Bộ Tiêu Chí”). Theo đó, nếu khách hàng tổ chức đáp ứng các tiêu chí sau, ngân hàng không phải gặp mặt trực tiếp người đại diện hợp pháp của khách hàng mở TKTT: Mức độ tin cậy và uy tín của doanh nghiệp: + Doanh nghiệp có lịch sử hoạt động lâu dài và uy tín trên thị trường. + Doanh nghiệp có báo cáo tài chính minh bạch, được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán uy tín. Quy mô và tầm ảnh hưởng của doanh nghiệp: + Doanh nghiệp có quy mô lớn, hoạt động trên nhiều lĩnh vực và có tầm ảnh hưởng lớn trong ngành. + Doanh nghiệp có mối quan hệ đối tác và khách hàng rộng rãi, bao gồm các tổ chức và công ty lớn khác. Mối quan hệ hợp tác lâu dài với ngân hàng: + Doanh nghiệp có lịch sử giao dịch lâu dài và ổn định với ngân hàng, không có các vấn đề về nợ xấu hay vi phạm quy định. + Doanh nghiệp có đánh giá tín dụng cao từ các tổ chức tín dụng uy tín. + Trường hợp khách hàng không đáp ứng các tiêu chí về không gặp mặt trực tiếp tại Bộ Tiêu Chí, ngân hàng được phép quyết định thực hiện kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp của khách hàng tổ chức mở TKTT, chúng tôi đề xuất sẽ thực hiện như sau:	điện thoại của người đại diện hợp pháp của tổ chức mở TKTT là chính chủ. (ii) Đề xuất thời điểm có hiệu lực của các quy định tại Công Văn 9102 là từ ngày 01/07/2025 và áp dụng cho các tài khoản mở mới kể từ thời điểm này. Cơ sở của đề xuất được trình bày ở vấn đề 2 & 3 ở cột bên.		đó khoản 1 Điều 5 Thông tư 25 đã sửa đổi bổ sung một số khoản tại Điều 15 Thông tư 17 theo hướng: (i) Quy định rõ việc yêu cầu đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ tài khoản, người đại diện đối với khách hàng cá nhân, người đại diện hợp pháp đối với khách hàng tổ chức theo từng đối tượng khách hàng, trong đó bổ sung thêm một số trường hợp loại trừ đối với khách hàng tổ chức; (ii) Quy định khi khách hàng đăng ký giao dịch trên phần mềm ứng dụng cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		Phạm vi áp dụng: chỉ áp dụng đối với người đại diện hợp pháp ký kết hợp đồng, thỏa thuận mở tài khoản với ngân hàng (như người đại diện theo pháp luật đối với pháp nhân, trưởng chi nhánh, văn phòng đại diện theo ủy quyền của Công ty...). Quy trình, giải pháp: có thể gặp mặt trực tiếp hoặc thông qua ứng dụng đối chiếu sinh trắc học mà không cần phải gặp mặt trực tiếp người đại diện hợp pháp là công dân Việt Nam của khách hàng. Cụ thể, người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp sẽ tiến hành cài đặt ứng dụng của ngân hàng chuyên dùng để xác nhận thông tin sinh trắc học trên điện thoại, liên kết với tài khoản VNeID của khách hàng trên cùng thiết bị điện thoại, tự chụp hình chân dung của khách hàng. Sau đó, phần mềm kỹ thuật của ngân hàng sẽ tiến hành đối chiếu các thông tin thu thập từ tài khoản VNeID, hình chụp chân dung của khách hàng, và so sánh với thông tin của người đó được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Bộ Công an, và trả kết quả về cho ngân hàng. Nghiệp vụ mở tài khoản sẽ được tiếp tục nếu kết quả là trùng khớp, nếu không ngân hàng sẽ từ chối mở tài khoản. (Tuy nhiên, đây vẫn không phải là dạng mở tài khoản bằng phương thức điện tử vì sau đó khách hàng vẫn phải ký hợp đồng mở tài khoản bằng giấy. Do vậy, sẽ vẫn có trường hợp dù không mở tài khoản bằng phương thức điện tử như Điều 16, Thông tư 17/2024/TT-NHNN nhưng người đại diện hợp pháp của tổ chức vẫn có thể thực hiện việc đối chiếu thông tin sinh trắc học online mà không cần			ngân hàng, theo quy định, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải kiểm tra thông tin về số điện thoại của chủ tài khoản hoặc người đại diện chủ tài khoản (đối với khách hàng cá nhân), người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản (đối với khách hàng tổ chức) đảm bảo thông tin về người sử dụng số thuê bao trùng khớp thông tin trên giấy tờ tùy thân của người đó (không áp dụng với trường hợp mở tài khoản thanh toán bằng phương tiện điện tử và mở tài khoản thanh toán đối với đối tượng khách hàng là nhà đầu tư nước ngoài thực hiện

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		phải gặp mặt trực tiếp ngân hàng.) Việc gặp mặt trực tiếp (hoặc thông qua ứng dụng) và việc kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân có thể thực hiện tại các bước khác nhau của quy trình nghiệp vụ mà không phải kiểm tra, đối chiếu ngay tại thời điểm gặp mặt trực tiếp với người đại diện hợp pháp của khách hàng. Cơ sở của đề xuất: Hiện tại, khi không gặp mặt trực tiếp, các ngân hàng áp dụng quy trình KYC nghiêm ngặt để đảm bảo việc xác minh thông tin khách hàng. Ngân hàng đã và đang áp dụng phương pháp thẩm định nâng cao dựa trên rủi ro, tập trung nhiều nguồn lực hơn vào các khách hàng có rủi ro cao và giám sát liên tục để phát hiện và có giải pháp xử lý kịp thời đối với bất kỳ hoạt động/hành vi đáng ngờ nào. Cụ thể: + Chúng tôi tiến hành đối chiếu thông tin sinh trắc học của khách hàng, giấy tờ tùy thân và thông tin được lưu trữ trong thẻ căn cước công dân gắn chip theo Thông tư 17/2024/TT-NHNN; + Hơn nữa, chúng tôi còn thu thập các thông tin khác liên quan đến khách hàng nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền, tránh tình trạng người đại diện hợp pháp được thuê để thành lập công ty ma. + Ngoài ra, sau khi mở tài khoản, hiện nay các ngân hàng đều có hệ thống giám sát để phát hiện bất thường trong hoạt động tài khoản và giao dịch, đặc biệt là giao dịch thanh toán, để có những biện pháp cảnh báo kịp thời kích hoạt quá trình rà soát của khối Kinh doanh hoặc điều tra			hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam). - Điều 5 Thông tư 25 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2025.

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		của Đội Điều tra Giám sát Giao dịch theo quy định của pháp luật hiện hành cũng như chính sách phòng chống tội phạm tài chính của ngân hàng. + Ngân hàng đang cân nhắc sử dụng giải pháp công nghệ để hỗ trợ quá trình xác minh thông tin khách hàng, đối chiếu sinh trắc học từ xa, giảm bớt gánh nặng cho việc gặp mặt trực tiếp. Điều 17.5.c Thông tư 17/2024/TT-NHNN chỉ yêu cầu ngân hàng hoàn thành việc đối chiếu khớp đúng giấy tờ và thông tin sinh trắc học, không yêu cầu gặp mặt trực tiếp người đại diện hợp pháp của tổ chức. 2. Liên quan đến yêu cầu thực hiện kiểm tra, đảm bảo thông tin về số điện thoại của người đại diện hợp pháp của tổ chức mở TKTT là chính chủ, BWG đề xuất không yêu cầu bắt buộc ngân hàng kiểm tra, đảm bảo thông tin về số điện thoại của người đại diện hợp pháp của tổ chức mở TKTT là chính chủ. <u>Cơ sở đề xuất:</u> + Thông tin về khách hàng mở tài khoản thanh toán tại Điều 14, Thông tư 17/2024/TT-NHNN chỉ yêu cầu cá nhân là người đại diện hợp pháp của tổ chức cung cấp số điện thoại, không bắt buộc phải là thuê bao di động chính chủ của cá nhân đó tại Việt Nam. Do vậy, khách hàng có thể cung cấp thông tin về số di động hoặc số máy bàn tại công ty của người đại diện hợp pháp đó; + Chưa có cơ sở pháp luật yêu cầu mỗi công dân Việt Nam hay người nước ngoài là người đại diện hợp pháp của tổ chức bắt buộc phải có một số thuê bao di động chính			

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		chủ. Vì vậy, người đại diện hợp pháp là người nước ngoài không thường xuyên cư trú ở Việt Nam thông thường sẽ không có số thuế bao di động Việt Nam. 3. Liên quan đến hiệu lực của Công Văn 9102, chúng tôi đề xuất thời điểm có hiệu lực của các quy định tại Công Văn 9102 là từ ngày 01/07/2025 và áp dụng cho các tài khoản mở mới kể từ thời điểm này. <u>Cơ sở của đề xuất:</u> Chúng tôi nhận thấy quy định tại Công Văn 9102 chặt hơn so với quy định tại Thông tư 17/2024/TT-NHNN. Hiện tại, các ngân hàng đang đầu tư rất nhiều thời gian và nguồn lực vào việc nghiên cứu, triển khai hệ thống, quy trình để đảm bảo hoàn thành yêu cầu về việc thu thập thông tin sinh trắc học của người đại diện hợp pháp trước ngày 01/07/2025 của Thông tư 17/2024/TT-NHNN. Do đó, để không làm thay đổi lộ trình hoàn thành yêu cầu nói trên của Thông tư 17/2024/TT-NHNN, chúng tôi đề xuất NHNN cho phép một khoảng thời gian chuyển đổi hợp lý thay vì áp dụng ngay quy định tại Công Văn 9102.			
9.	Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 88/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân	Ngày 16/12/2024, BWG gửi công văn số 16122024BWGVBF1 tới CQTTGS của NHNN nêu một số đề xuất đối với nội dung dự thảo nghị định thay thế Nghị định 88/2019/NĐ-CP. Cụ thể BWG đề xuất: 1. không đưa biện pháp “buộc chấm dứt hoạt động, buộc chấm dứt thực hiện hoạt động nghiệp vụ ngân hàng” vào điểm k Khoản 4 của Điều 5 vì (i) Biện pháp này cũng có hậu quả tương tự với việc ngân hàng bị rút giấy phép hoạt	BWG đang chờ NHNN ban hành Nghị định thay thế Nghị định 88/2019/NĐ-CP.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ	

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
	hàng (BWG - Ban Pháp luật và Tuân thủ) (NHNN – Cục An toàn Hệ thống các TCTD, Cục Quản lý, Giám sát các TCTD)	động hoặc rút giấy phép thực hiện hoạt động nghiệp vụ ngân hàng cụ thể. Việc thu hồi giấy phép hoạt động đã được quy định tại Điều 36 của Luật các TCTD 2024; và (ii) điểm n của Khoản 4 đã quy định về việc cấp có thẩm quyền <u>xem xét, áp dụng</u> biện pháp thu hồi giấy phép hoạt động cũng như thu hồi các giấy phép hoạt động nghiệp vụ cụ thể đối với hành vi vi phạm. 2. Bổ sung cụm từ làm rõ “ở nước ngoài của ngân hàng thương mại” tại Điều 8.7.d theo Thông tư 32/2024/TT-NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại quy định về thành lập ngân hàng con ở nước ngoài của NHTM. 3. Điều chỉnh nội dung tại điểm g, Điều 17.3 theo hướng chỉ áp dụng phạt hành chính đối với hành vi "Cấp tín dụng đối với tổ chức, cá nhân không cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cung cấp thông tin, tài liệu không đầy đủ theo quy định nội bộ về cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, trừ thông tin về người có liên quan." Đối với thông tin về người có liên quan, theo quy định tại Khoản 3 Điều 102 Luật TCTD 2024 và các văn bản hướng dẫn hoạt động cấp tín dụng (Thông tư 39 về cho vay, Thông tư 20 về bao thanh toán, Thông tư 21 về L/C...), việc cung cấp thông tin về người có liên quan khi đề nghị cấp tín dụng là trách nhiệm của khách hàng. Trên thực tế, TCTD không thể xác minh được liệu khách hàng đã cung cấp đầy đủ tất cả thông tin về người có liên quan theo khái niệm mới về người có liên quan quy định tại Điều 4.24			

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		Luật các TCTD 2024 hay chưa, thay vào đó khách hàng phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin về người có liên quan của mình. Đối với thông tin, tài liệu liên quan đến xét duyệt cấp tín dụng, Điều 102 Luật các TCTD và các văn bản hướng dẫn chỉ quy định nguyên tắc bao gồm tài liệu, dữ liệu chứng minh khả năng tài chính của khách hàng, phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, không quy định cụ thể từng loại thông tin, tài liệu bắt buộc. Trên cơ sở nguyên tắc đó, từng TCTD xây dựng quy định nội bộ để quy định cụ thể từng loại thông tin, tài liệu được chấp nhận để TCTD xem xét, phê duyệt cấp tín dụng. Việc triển khai áp dụng tại TCTD được thực hiện thống nhất theo quy định nội bộ đã được xây dựng. Do đó, đề nghị chỉnh sửa hành vi vi phạm tại Điều 17.3 dự thảo Nghị định thành “cung cấp thông tin, tài liệu không đầy đủ <i>theo quy định nội bộ về cấp tín dụng của tổ chức tín dụng</i>” nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn triển khai. Trường hợp NHNN đánh giá quy định nội bộ của TCTD chưa đáp ứng tuân thủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật thì hành vi vi phạm được xem xét là “Ban hành quy định nội bộ có nội dung không đầy đủ/không đúng theo quy định của pháp luật” (đã được quy định tại Điều 10 dự thảo Nghị định). 4. Đối với Điều 50.2, NHNN xem xét đưa ra hướng dẫn cụ thể về mặt khái niệm/định nghĩa thế nào là không báo cáo (hoàn toàn không gửi báo cáo nào trong 1 ngày cụ thể), báo cáo không đầy đủ (thiếu 1 trong 3 báo cáo CTR, DWT			

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		hoặc EFT), báo cáo thiếu hay có sai sót (thiếu 1 hoặc nhiều giao dịch trong 1 báo cáo cụ thể). Căn cứ vào Tiết a Khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 09/2023/TT-NHNN hướng dẫn Luật Phòng, Chống rửa tiền, Quá trình chỉnh sửa, bổ sung báo cáo dữ liệu điện tử đã được hướng dẫn cụ thể trong đó có bao gồm báo cáo thiếu hoặc báo cáo có sai sót. Do vậy, việc quy định hành vi vi phạm cũng nên nhất quán với phạm vi quy định để tránh dẫn đến những cách hiểu khác nhau về cùng 1 quy định. Hiện nay, các ngân hàng đều hết sức nỗ lực trong việc tự động hóa quá trình thực hiện báo cáo giao dịch có giá trị lớn, giao dịch chuyển tiền điện tử, giao dịch đáng ngờ. Tuy nhiên, vẫn còn một số bước cung cấp dữ liệu thủ công hoặc có ngoại lệ do yếu tố bên ngoài tác động. Do đó, vẫn có khả năng nhỏ xảy ra trường hợp các thông tin bị thiếu hoặc nhầm lẫn trong lần báo cáo. Tự nhận thức được điều này cũng như tầm quan trọng của việc báo cáo chính xác đầy đủ, các ngân hàng cũng đã thiết lập các bước kiểm soát trước/sau để đảm bảo chủ động rà soát phát hiện ra các trường hợp thiếu hoặc sai sót và kịp thời bổ sung. Ngân hàng kính mong Quý Cơ quan xem xét các tình huống được đề xuất để có thể xử lý vi phạm phù hợp với ngữ cảnh nhưng đồng thời cũng khuyến khích các tổ chức tín dụng trong việc tự chủ động phát hiện sai sót, chủ động báo cáo và kịp thời cập nhật lại thông tin chính xác. Hành vi báo cáo không đầy đủ được đánh giá ít nghiêm			

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		trọng hơn so với hành vi không báo cáo, do đó nên được áp dụng mức phạt nhẹ hơn so với hành vi không báo cáo. Đề xuất lượng hóa số lần vi phạm dựa trên mức độ thường xuyên của báo cáo để có mức phạt phù hợp với từng loại báo cáo. Cụ thể: vi phạm từ 05 lần trở lên đối với báo cáo có tần suất hàng ngày, từ 03 lần trở lên đối với báo cáo có tần suất dưới 01 tháng, từ 02 lần trở lên đối với báo cáo có tần suất trên 01 tháng trong năm tài chính sẽ bị xử phạt. Đối với một số trường hợp vì lý do khách quan như lỗi kết nối đường truyền báo cáo hoặc trường hợp TCTD đã tự phát hiện báo cáo không đầy đủ và chủ động báo cáo bổ sung, đề nghị NHNN cân nhắc không quy định xử phạt. 5. Đề nghị điều chỉnh nội dung Điều 55 theo hướng: <i>Vi phạm quy định về thời hạn, yêu cầu đầy đủ áp dụng đối với vi phạm từ lần thứ 5 trở lên trong năm tài chính đối với báo cáo có định kỳ hàng ngày, vi phạm từ lần thứ 3 trở lên đối với báo cáo có định kỳ dưới 01 tháng hoặc vi phạm từ lần thứ 2 trở lên đối với báo cáo có định kỳ trên 01 tháng.</i> <i>Chế tài xử phạt không áp dụng đối với trường hợp báo cáo không đúng thời hạn hoặc không đầy đủ do lỗi đường truyền kết nối với hệ thống báo cáo của NHNN.</i> <u>Cơ sở của đề xuất:</u> Số lượng báo cáo quá lớn và lượng thông tin phải báo cáo quá nhiều (đặc biệt với sự thay đổi của các báo cáo thông tin tín dụng theo Thông tư 15/2023) tạo áp lực lên các TCTD. Mặc dù Ngân hàng đã có nhiều nỗ lực nâng cao chất lượng			

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		báo cáo thống kê, tuy nhiên không thể tránh được các sai sót do nguyên nhân khách quan, ngoài tầm kiểm soát như lỗi hệ thống, lỗi kỹ thuật... dẫn đến gửi muộn, gửi thiếu báo cáo. Bổ sung quy định đối với các vấn đề/vi phạm do ngân hàng tự phát hiện và báo cáo NHNN thì có thể được xem xét mức xử phạt thấp hơn các mức quy định tại dự thảo Nghị định. Việc xem xét giảm nhẹ đối với các hành vi vi phạm do ngân hàng tự phát hiện đã được NHNN ghi nhận tại Thông tư 52/2018/TT-NHNN quy định xếp hạng TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 23/2021/TT-NHNN), theo đó Điều 16.5 Thông tư quy định đối với trường hợp vi phạm do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện và báo cáo, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính sẽ bị trừ 0,05 điểm đối với mỗi lần vi phạm (so với các trường hợp vi phạm do cơ quan có thẩm quyền phát hiện bị trừ 0,1 điểm đối với mỗi lần vi phạm).			
10.	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 21/2012/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay, vay, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có	Ngày 20/12/2024, BWG gửi công văn số 20122024BWGVBF tới NHNN để góp ý đối với một số nội dung tại Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 21/2012/TT-NHNN Quy định về hoạt động cho vay, vay, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Dự Thảo Thông Tư”). Cụ thể, BWG đưa ra những đề xuất sau: Đối với Điều 1.2.c và Điều 29 của Dự Thảo Thông Tư	BWG đang đợi Thông tư thay thế Thông tư 21/2012/TT-NHNN được ban hành.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ	2025: Phản hồi của Vụ Chính sách Tiền tệ theo Công văn số 2297/CSTT3 ngày 05/11/2025 1.1. Đối với kiến nghị về dự thảo Thông tư

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
	giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Thị trường Tài chính) (NHNN – Vụ Chính sách Tiền tệ)	- BWG đề xuất sửa đổi điểm c, khoản 2, Điều 1 (cụ thể, xóa cụm từ “gửi tiền, nhận tiền gửi”) và bổ sung khoản 4 vào Điều 29, chi tiết như sau: “Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 2. Các hoạt động sau không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này: c) Hoạt động cho vay, vay giữa các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam của cùng một ngân hàng nước ngoài;” - BWG đề xuất bổ sung Khoản 4 vào Điều 29 như sau: “4. Quy định tại Khoản 2 Điều 8, Khoản 1 Điều 10, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 17 và Điều 18 không bắt buộc đối với Hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi giữa các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam của cùng một ngân hàng nước ngoài. Các hoạt động này được thực hiện theo quy định nội bộ của ngân hàng nước ngoài.” 2. BWG đề xuất bỏ Điều 1 Khoản 2 Điểm d và bổ sung Phương thức (Hình thức) cho vay thấu chi trong Điều 8 Khoản 1: “Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 2. Các hoạt động sau không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này: ... d) Hoạt động mở và sử dụng tài khoản thanh toán giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;” “Điều 8. Hình thức cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi 1. Các bên thỏa thuận áp dụng hình thức cho vay, vay, gửi			thay thế Thông tư 21/2012/TT- NHNN tại số thứ tự 12 (trang 35-42): Góp ý của BWG tại công văn số 20122024BWGVBF ngày 20/12/2024 đối với một số nội dung tại Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 21/2012/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay, vay, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được NHNN tiếp nhận. Hiện nay, Thông tư thay thế Thông tư 21/2012/TT-NHNN vẫn đang trong tiến trình hoàn thiện theo kế hoạch.

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		tiền, nhận tiền gửi từng lần, theo hạn mức, <u>thấu chi (đối với cho vay)</u> hoặc theo các hình thức khác đảm bảo thực hiện giao dịch an toàn, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.” 3. Liên quan đến Điều 3.2, BWG đề xuất sửa, bổ sung từ, cụm từ gạch chân như sau: “2. Gửi tiền, nhận tiền gửi là giao dịch mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bên gửi tiền) gửi hoặc cam kết gửi một khoản tiền tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác (bên nhận tiền gửi) trong một thời gian nhất định theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận.” 4. Liên quan đến Điều 3.24 và 3.2.5, BWG đề xuất sửa như sau: “4. Thời hạn cho vay là là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày vay đến ngày đến hạn của khoản vay, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ. 5. Thời hạn gửi tiền là khoảng thời gian được xác định từ ngày tiếp theo của ngày gửi tiền đến ngày đến hạn của khoản tiền gửi, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ.” 5. BWG đề xuất sửa Điều 5 như sau: “Điều 5. Hình thức giao dịch 1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác thông qua <u>hình thức giao dịch bằng điện thoại hoặc văn bản (gồm văn bản giấy hoặc thông qua</u>			

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		<u>phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử).</u> 2. Việc lựa chọn áp dụng <u>hình thức</u> giao dịch do các bên thỏa thuận phù hợp với điều kiện của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và phải bảo đảm thực hiện giao dịch an toàn, hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật.” 6. BWG đề xuất sửa Điều 8 như sau: “Điều 8. <u>Phương thức</u> cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi 1. Các bên thỏa thuận áp dụng <u>phương thức</u> cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi từng lần, theo hạn mức hoặc theo các <u>phương thức</u> khác đảm bảo thực hiện giao dịch an toàn, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. 2. Trường hợp áp dụng <u>phương thức</u> cho vay, gửi tiền theo hạn mức, định kỳ tối thiểu 01 năm một lần, bên cho vay, gửi tiền xem xét, đánh giá và xác định hạn mức cho vay, gửi tiền phù hợp đối với bên vay, nhận tiền gửi. Hạn mức cho vay, gửi tiền phải do người có thẩm quyền của bên cho vay, gửi tiền phê duyệt.” 7. BWG đề xuất sửa Điều 9 như sau: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vay, nhận tiền gửi bằng loại đồng tiền nào thì trả gốc và lãi bằng loại đồng tiền đó, trừ trường hợp vay, nhận gửi tiền bằng ngoại tệ có thể trả gốc và lãi bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác theo thỏa thuận giữa các bên.”			

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		8. BWG đề xuất sửa Điều 13.1 như sau: “1. Thỏa thuận giao dịch cho vay giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tối thiểu gồm các nội dung sau: a) Thông tin về bên cho vay, bên vay hoặc bên gửi tiền, nhận tiền gửi; b) <u>Phương thức</u> cho vay, gửi tiền; c) Ngày thực hiện cho vay, gửi tiền; thời hạn cho vay, gửi tiền; ngày đến hạn khoản cho vay, gửi tiền; d) Đồng tiền cho vay, gửi tiền, trả nợ; đ) Giá trị khoản cho vay, gửi tiền; e) Lãi suất cho vay, gửi tiền; g) Hình thức bảo đảm của khoản vay (nếu có); h) Chỉ dẫn thanh toán; i) Người có thẩm quyền xác nhận giao dịch; k) Quyền và nghĩa vụ của các bên; l) Quy định về điều chỉnh nội dung thỏa thuận cho vay, gửi tiền trong quá trình thực hiện (nếu có); m) Quy định về xử lý tranh chấp, xử phạt quá hạn, xử lý tài sản bảo đảm, gia hạn thời hạn thỏa thuận cho vay, gửi tiền (nếu có); n) Các thỏa thuận khác có liên quan đến khoản vay, gửi tiền của các bên (nếu có).” 9. BWG đề xuất sửa Điều 15.2 như sau: “2. Nội dung của xác nhận giao do các bên thỏa thuận nhưng phải đảm bảo tối thiểu các thông tin sau: - Tên của các bên tham gia giao dịch;			

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		- <u>Ngày thực hiện giao dịch;</u> - <u>Nội dung giao dịch;</u> - <u>Giá trị giao dịch;</u> - <u>Lãi suất giao dịch;</u> - <u>Thời hạn giao dịch;</u> - <u>Hình thức đảm bảo của giao dịch</u> <u>(nếu có);</u> - <u>Phương thức thanh toán; và</u> - <u>Phê duyệt của người có thẩm quyền</u> <u>xác nhận giao dịch.”</u> 10. BWG đề xuất sửa Điều 15.3 như sau: “Trường hợp xác nhận giao dịch bằng văn bản giấy, các bên có thể gửi xác nhận giao dịch qua máy fax hoặc đính kèm qua thư điện tử và phải gửi cho nhau bản gốc trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch.” 11. BWG đề xuất sửa Điều 16.3 như sau: “3. Tổng thời hạn cho vay và thời hạn gia hạn khoản vay tối đa 12 tháng.” BWG đề xuất sửa Điều 17 như sau: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng thỏa thuận việc kéo dài thời hạn gửi tiền (nếu có) tại thỏa thuận gửi tiền. Tổng thời hạn gửi tiền và thời hạn kéo dài khoản tiền gửi tối đa 03 tháng.” BWG đề xuất sửa Điều 18 như sau: “Bên cho vay, gửi tiền chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ hoặc một phần số dư nợ gốc của khoản vay, <u>tiền gửi</u> mà bên vay, nhận tiền gửi không trả nợ đúng hạn theo thỏa			

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		thuận và không được bên cho vay, gửi tiền chấp thuận gia hạn khoản vay hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc <u>bên gửi tiền chấp thuận</u> kéo dài thời hạn gửi tiền.” BWG đề xuất sửa đổi Điều 20.2.c như sau: “2. Giấy tờ có giá được mua, bán có kỳ hạn phải có đủ các điều kiện sau: c) Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên bán, <u>được phép giao dịch theo quy định của pháp luật và các điều khoản và điều kiện của giấy tờ có giá</u>, không có tranh chấp, không trong tình trạng đang được sử dụng để đảm bảo cho nghĩa vụ khác.” 15. Nội dung khác không có trong Dự Thảo Thông Tư: BWG đề xuất bổ sung Điều 19. Hoạt động cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi giữa các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam của cùng một ngân hàng nước ngoài Hoạt động cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi giữa các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam của cùng một ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định nội bộ của ngân hàng nước ngoài đó về hoạt động điều chuyển vốn và không áp dụng các Điều 10, Điều 12 – Điều 18 của Thông tư này.			

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN

A. Nhóm các vấn đề chưa được xử lý

A.2. Các vấn đề NHNN mới phát sinh trong năm 2025

A.2. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2025 (02 VẤN ĐỀ)

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN (2024 - 2025)	Kết luận & Đề xuất của BWG (2025)	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
11.	Vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định tại Thông tư 50/2024/TT-NHNN ngày 31/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước về Quy định an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành ngân hàng (“Thông tư 50”) (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Công	Ngày 04/02/2025, BWG đã gửi công văn số 04022025BWGVBF tới NHNN để trình bày vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư 50/2024/TT-NHNN. 1. Xác nhận phương án triển khai đối với các giao dịch trực tuyến khác (không phải là giao dịch thanh toán) thực hiện bằng phương thức xử lý xuyên suốt theo quy định tại Thông tư 50 Trên cơ sở nghiên cứu các quy định liên quan tại Thông tư 50 và đánh giá rủi ro đối, BWG xin trình bày và xác nhận với NHNN về việc triển khai xác nhận giao dịch trực tuyến khác được thực hiện bằng phương thức xử lý xuyên suốt là phù hợp với quy định tại Thông tư 50 an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành ngân hàng. 2. Vướng mắc khác trong quá trình thực hiện quy định tại Thông tư 50: 2.1. Điều 2.2 và Điều 2.5: BWG đề nghị NHNN hướng dẫn về cơ sở pháp lý của hình thức xác nhận giao dịch đối với nhóm giao dịch với khách hàng thông qua các nền tảng do bên thứ ba cung	BWG đang chờ phản hồi của NHNN.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ	

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm các vấn đề chưa được xử lý
A.2. Các vấn đề NHNN mới phát sinh trong năm 2025

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN (2024 - 2025)	Kết luận & Đề xuất của BWG (2025)	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
	nghe Thông tin) (NHNN – Cục CNTT)	cấp theo quy định tại Điều 22.4 của Luật Giao dịch Điện tử về các hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử mà không phải là chữ ký điện tử và việc sử dụng các hình thức xác nhận khác này thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan. 2.2. Điều 3.3.a: BWG đề nghị NHNN xác nhận cách hiểu “thông tin định danh khách hàng” là thông tin định danh theo định nghĩa tại Nghị định 117/2018/NĐ-CP về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 2.3. Điều 7.6; Điều 9.1 và Điều 11.3: BWG đề nghị NHNN xác nhận cách hiểu của BWG rằng: ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thể thiết kế những giải pháp riêng để kiểm tra, nhận biết khách hàng trong những trường hợp này (ví dụ như gửi mã xác nhận qua SMS/thư điện tử đến số điện thoại/địa chỉ thư điện tử khách hàng đã đăng ký với ngân hàng, trả lời câu hỏi bí mật, v.v) và những giải pháp này không phải là hoạt động nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền như đã trích dẫn ở trên. 2.4. Điều 7.3.d: Ngân hàng chỉ có thể thông báo			

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm các vấn đề chưa được xử lý
A.2. Các vấn đề NHNN mới phát sinh trong năm 2025

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN (2024 - 2025)	Kết luận & Đề xuất của BWG (2025)	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		cho khách hàng trong trường hợp khách hàng cài đặt, đăng nhập, sử dụng ứng dụng trên các OS version không an toàn. Do vậy BWG hiểu rằng việc thông báo này đã đáp ứng được yêu cầu theo quy định Điều 7.3.đ. BWG đề nghị NHNN xác nhận cách hiểu trên của BWG. 2.5. Điều 7.9: Với những giải trình và các khó khăn, vướng mắc của ngân hàng phát hành thẻ trong triển khai quy định tại Thông tư 50/2024/TT-NHNN về xác thực giao dịch thanh toán thẻ như trình bày ở phần “Cơ sở đề xuất”, BWG đề nghị NHNN hướng dẫn về cách hiểu của các quy định trên, đồng thời căn cứ trên tính khả thi về mặt kỹ thuật, hướng dẫn chi tiết về trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên liên quan trong thực hiện giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến để đảm bảo tính tuân thủ các quy định tại Thông tư 50/2024/TT-NHNN, cũng như không ảnh hưởng tới giao dịch của khách hàng sử dụng thẻ trong giao dịch thanh toán với các ĐVCNT/ TCTTT trong nước và quốc tế.			
12.	Góp ý về Chế độ Kế toán của Tổ chức tín dụng và	Ngày 04/03/2025, BWG đã gửi công văn số 04032025BWGVBF tới Vụ Tài chính Kế toán - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để kiến nghị NHNN cân nhắc sửa đổi một số nội dung quy	BWG đang chờ NHNN ban hành thông tư hướng dẫn về vấn đề này.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ	Phản hồi của Vụ TCKT gửi Vụ HTQT năm 2025:

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm các vấn đề chưa được xử lý
A.2. Các vấn đề NHNN mới phát sinh trong năm 2025

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN (2024 - 2025)	Kết luận & Đề xuất của BWG (2025)	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
	các Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Tài chính kế toán) (NHNN – Vụ Kế toán Tài chính)	định liên quan đến Chế độ Kế toán của Tổ chức tín dụng và các Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài: 1. Ban hành Thông tư mới hệ thống hóa lại các Quy định hướng dẫn về chế độ kế toán cho các TCTD và CN NHNg: Hiện tại, hệ thống các văn bản, quy định và hướng dẫn liên quan đến chế độ kế toán áp dụng đối với TCTD, CN NHNg được NHNN ban hành từ rất lâu (cách đây hơn 20 năm) theo nhiều văn bản riêng lẻ, theo từng nội dung nhỏ, các văn bản được cập nhật, thay đổi nhiều lần...gây khó khăn cho TCTD, CN NHNg trong việc tham chiếu, cập nhật, lưu trữ cũng như áp dụng các qui định đối với công tác kế toán. Mặt khác, việc rà soát, cập nhật, sửa đổi từng văn bản riêng lẻ cũng mất thời gian không chỉ đối với NHNN mà cả TCTD, CN NHNg. - Đề xuất: + NHNN xem xét ban hành Thông tư, văn bản mới hệ thống hóa lại các quy định về chế độ kế toán cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và bãi bỏ các quy định trước đây. + NHNN nên xem xét việc xây dựng văn bản qui định chế độ kế toán áp dụng đối với các TCTD,			Về hướng dẫn về chế độ kế toán cho TCTD (trưng tự Thông tư 200 của BTC áp dụng cho doanh nghiệp): Vụ TCKT nhận thấy rằng đề xuất này không phù hợp với hoạt động ngân hàng vì các lý do sau đây: + Các nghiệp vụ, sản phẩm dịch vụ ngân hàng phong phú, đa dạng, có tính đặc thù, thường xuyên thay đổi cải tiến liên tục. + Các TCTD có trình độ công nghệ thông tin

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm các vấn đề chưa được xử lý
A.2. Các vấn đề NHNN mới phát sinh trong năm 2025

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN (2024 - 2025)	Kết luận & Đề xuất của BWG (2025)	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		CN NHNg theo hướng hệ thống hóa, bao quát, tổng hợp các nội dung liên quan đến chế độ kế toán. + Hệ thống tài khoản xây dựng mở dành cho việc thay đổi nhanh và đơn giản đối với các yêu cầu hạch toán báo cáo mới phát sinh của ngân hàng và công tác giám sát của NHNN. 2. Cập nhật hệ thống tài khoản và hướng dẫn hạch toán cho các qui định mới ban hành & áp dụng: Trong những năm gần đây, cơ quan nhà nước ban hành rất nhiều Quy định mới liên quan đến hệ thống ngân hàng. Một số qui định liên quan đến nghiệp vụ ngân hàng đã được sửa đổi và áp dụng để phù hợp với Luật TCTD sửa đổi và các qui định mới. Tuy nhiên, NHNN chưa ban hành hệ thống tài khoản, hướng dẫn hạch toán để sửa đổi, bổ sung để phù hợp với qui định mới. - Đề xuất: + Ban hành văn bản quy định về tài khoản và hạch toán liên quan đến các nghiệp vụ thư tín dụng L/C + Ban hành văn bản quy định về tài khoản và hạch toán liên quan đến các nghiệp vụ bao thanh			cao, thường xuyên cập nhật, ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại, tạo ra nhiều sản phẩm mới đa dạng, phong phú. Mỗi TCTD có một hệ thống phần mềm kế toán và nghiệp vụ khác nhau. Do vậy, từ trước đến nay, việc ban hành chế độ kế toán TCTD chỉ bao gồm các trụ cột chính (hệ thống tài khoản kế toán, chế độ báo cáo tài chính, chứng từ kế toán và các hướng dẫn kế toán các nghiệp vụ đặc

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm các vấn đề chưa được xử lý
A.2. Các vấn đề NHNN mới phát sinh trong năm 2025

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN (2024 - 2025)	Kết luận & Đề xuất của BWG (2025)	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		toán. 3. Ban hành một văn bản hợp nhất hướng dẫn hạch toán kế toán cho các nghiệp vụ kinh doanh đặc thù của Ngân hàng Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành một số công văn riêng lẻ để hướng dẫn hạch toán kế toán cho một số nghiệp vụ kinh doanh đặc thù của ngành Ngân hàng. Tuy nhiên, qui định liên quan đến hạch toán kế toán và trình bày BCTC đối với các CCTCPS hiện nay còn một số bất cập. Đề xuất: + Chúng tôi đề xuất Ngân hàng Nhà nước xem xét ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung tài khoản, hướng dẫn hạch toán đối với một số hoạt động đặc thù của ngân hàng như nghiệp vụ các công cụ tài chính phái sinh (CCTCPS), nghiệp vụ đầu tư chứng khoán, nghiệp vụ mua bán GTCG giữa các TCTD. + Bổ sung tài khoản CCTCPS với kết cấu, nội dung hạch toán cụ thể đối với từng CCTSPS đảm bảo ghi nhận đầy đủ tài sản/nợ phải trả CCTCPS theo giá trị hợp lý cũng như tính nhất quán, hợp lý khi trình bày BCTC liên quan (tài sản/nợ phải trả CCTCPS có thể theo dõi trên cùng một tài			thù, quan trọng). Trong đó: + Hệ thống tài khoản kế toán bao gồm danh mục các tài khoản và nội dung hạch toán của từng tài khoản. Trên cơ sở hệ thống tài khoản, các TCTD có thể dễ dàng thực hiện các nghiệp vụ phát sinh. + Hướng dẫn hạch toán kế toán nghiệp vụ: Đối với một số nghiệp vụ mới hoặc các nghiệp vụ trọng yếu trong hoạt động của TCTD,

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm các vấn đề chưa được xử lý
A.2. Các vấn đề NHNN mới phát sinh trong năm 2025

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN (2024 - 2025)	Kết luận & Đề xuất của BWG (2025)	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		khoản lương tính hoặc theo dõi riêng ở tài khoản tài sản tài chính và tài khoản nợ phải trả tài chính). + Rà soát qui định hiện hành về hạch toán đối với CCTCPS và sửa đổi bổ sung theo hướng (i) phân biệt kế toán CCTCPS giữa mục đích kinh doanh và mục đích phòng ngừa rủi ro; (ii) nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị hợp lý đối với từng CCTCPS (iii) Không bù trừ tài sản CCTCPS và nợ phải trả CCTCPS trên BCĐKT và thuyết minh BCTC (iv) Định kỳ kết chuyển, ghi nhận các khoản lãi, lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị hợp lý của tài sản phái sinh hoặc nợ phải trả phái sinh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, không cần chờ đến cuối năm tài chính. 4. Trình bày báo cáo tài chính Bộ mẫu biểu hiện hành (Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính) được qui định riêng rẽ tại các quyết định và thông tư sửa đổi, các chỉ tiêu thuộc các mẫu biểu chưa được gắn mã số riêng, hướng dẫn cách trình bày chỉ tiêu được mô tả tại mẫu biểu. Một số chỉ tiêu BCTC chưa có sự nhất quán giữa nội dung tài khoản, cách hạch toán và trình bày			NHNN có văn bản hướng dẫn cụ thể để TCTD hạch toán (như công cụ tài chính, tín dụng,...); đối với các nghiệp vụ thông thường khác (hạch toán tài sản cố định, công cụ dụng cụ,...) các TCTD thực hiện theo hướng dẫn của chế độ kế toán doanh nghiệp. Việc ban hành chế độ kế toán như hiện nay của NHNN sẽ tạo nên sự chủ động, linh hoạt cho các TCTD và phù hợp với các sản phẩm nghiệp vụ,

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm các vấn đề chưa được xử lý
A.2. Các vấn đề NHNN mới phát sinh trong năm 2025

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN (2024 - 2025)	Kết luận & Đề xuất của BWG (2025)	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		BCTC, chưa tiệm cận với thông lệ quốc tế về trình bày BCTC. Đề xuất: + Trên cơ sở kế thừa bộ mẫu biểu BCTC hiện hành, NHNN ban hành bộ mẫu biểu BCTC như một phần (chương) thuộc qui định về chế độ kế toán áp dụng đối với các TCTD kèm theo qui định liên quan về lập và trình bày BCTC. Đối với từng chỉ tiêu thuộc các mẫu biểu, NHNN xem xét thiết kế các mã số được gắn riêng cho từng chỉ tiêu đồng thời đính kèm phụ lục hướng dẫn cụ thể cách trình bày từng chỉ tiêu theo mã số (đối chiếu với bảng cân đối phát sinh tài khoản kế toán, đối chiếu giữa thuyết minh BCTC và các mẫu biểu BCTC). + Rà soát, sửa đổi hướng dẫn trình bày các chỉ tiêu liên quan mẫu biểu BCTC nhất quán với hệ thống tài khoản và hạch toán đã cập nhật, sửa đổi và theo hướng tiếp cận thông lệ quốc tế về trình bày BCTC. 5. Chữ ký điện tử trên chứng từ kế toán Ngân hàng Quy định bắt buộc phải có chữ ký điện tử ở các văn bản về kế toán không còn phù hợp với Luật GDĐT 2023.			quy mô hoạt động cũng như hệ thống công nghệ thông tin của các TCTD. Trường hợp NHNN ban hành một bộ quy định chi tiết hạch toán tất cả nghiệp vụ/giao dịch phát sinh của TCTD (cụ thể cho từng giao dịch) sẽ tạo ra những bất cập sau: + Do khối lượng nghiệp vụ của các TCTD rất lớn, đa dạng về chủng loại và phức tạp về quy trình, nên bộ quy định do NHNN ban hành sẽ rất đồ sộ, lớn hơn rất nhiều so

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm các vấn đề chưa được xử lý
A.2. Các vấn đề NHNN mới phát sinh trong năm 2025

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN (2024 - 2025)	Kết luận & Đề xuất của BWG (2025)	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
		Chúng tôi xin đề xuất NHNN sớm ban hành Thông tư mới thay thế Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng để phù hợp với Quy định của Luật số 56. Ngoài ra, chúng tôi kiến nghị Quý Cơ quan hỗ trợ kiến nghị với Bộ Tài chính là đơn vị chủ trì soạn thảo Luật Kế toán sửa đổi, đồng thời xem xét sửa đổi các văn bản hướng dẫn của NHNN. 6. Các khó khăn, vướng mắc khác liên quan đến chứng từ kế toán ngân hàng theo Quyết định 1789. + Chúng tôi đề xuất NHNN hỗ trợ kiến nghị với Bộ Tài chính để có những sự sửa đổi phù hợp trong Luật Kế toán đồng thời ban hành văn bản thay thế QĐ 1789 để sửa đổi các nội dung này để phù hợp với thực tiễn hoạt động tại các Ngân hàng. + Chúng tôi hi vọng NHNN hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, đưa ra các Thông tư, hướng dẫn về Chế độ kế toán cho TCTD, CN NHNN để phù hợp với xu thế phát triển và hiện đại hóa của hệ thống ngân hàng hiện nay của Việt Nam và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài của quốc tế.			với Thông tư 200 của BTC. + Các TCTD thường xuyên cải tiến và có nhiều sản mới, đặc biệt trong bối cảnh ứng dụng công nghệ phát triển. Do đó, Khi một nghiệp vụ/sản phẩm mới phát sinh sẽ dẫn tới NHNN phải sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật để hướng dẫn thực hiện. Việc sửa đổi thường xuyên văn bản pháp luật sẽ gây khó khăn cho các đơn vị áp dụng và phát sinh nhiều công việc cho các

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm các vấn đề chưa được xử lý
A.2. Các vấn đề NHNN mới phát sinh trong năm 2025

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN (2024 - 2025)	Kết luận & Đề xuất của BWG (2025)	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
					cơ quan nhà nước. Đồng thời, việc quy định cứng cách hạch toán các nghiệp vụ sẽ gây khó khăn cho các TCTD khi áp dụng theo từng phần mềm kế toán riêng biệt. - Đối với hướng dẫn cho các nghiệp vụ mới phát sinh: NHNN đã có công văn số 4848/NHNN-TCKT ngày 11/6/2025 hướng dẫn hạch toán kế toán đối với nghiệp vụ thư tín dụng. Hiện nay, Vụ TCKT đang rà soát toàn bộ

Nhóm 1: Các vấn đề thuộc thẩm quyền NHNN
A. Nhóm các vấn đề chưa được xử lý
A.2. Các vấn đề NHNN mới phát sinh trong năm 2025

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN (2024 - 2025)	Kết luận & Đề xuất của BWG (2025)	Phản hồi của các Vụ, cục NHNN (.....)
					chế độ kế toán của TCTD để đề xuất phương án xử lý tổng thể (hướng dẫn nghiệp vụ mới, đặc thù; báo cáo tài chính, hệ thống tài khoản kế toán, chứng từ kế toán,...).

Nhóm 1: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của NHNN
 B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
 B.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

B. NHÓM VẤN ĐỀ ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ (37 VẤN ĐỀ)
B1. CÁC VẤN ĐỀ CŨ TỪ NĂM 2024 (33 VẤN ĐỀ)

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
13.	Dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt theo Thông tư 15/2024/TT-NHNN (BWG - Ban Pháp luật và Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN - Vụ Thanh toán)	Ngày 16/09/2024, BWG đã gửi công văn số 16092024BWGVBF tới Vụ Thanh toán - NHNN Xin ý kiến hướng dẫn về một số nội dung tại Thông tư 15/2024/TT-NHNN quy định về cung ứng dịch vụ toán không dùng tiền mặt.	NHNN đã phản hồi một số câu hỏi của BWG theo bản trả lời chung của NHNN đối với các thông tư về thanh toán tại Công văn số 8396/NHNN-TT ngày 14/10/2024.	ĐÃ XỬ LÝ
14.	Mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo Thông tư 17/2024/TT-NHNN (BWG - Ban Pháp luật và Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN - Vụ Thanh toán)	Ngày 16/08/2024, BWG đã gửi công văn số 16082024BWGVBF ngày 16/08/2024 tới NHNN để xin hướng dẫn một số nội dung tại Thông tư 17/202/TT-NHNN.	NHNN đã phản hồi một số câu hỏi của BWG theo bản trả lời chung của NHNN đối với các thông tư về thanh toán tại Công văn số 8396/NHNN-TT ngày 14/10/2024.	ĐÃ XỬ LÝ
15.	Thông tư 18/2024/TT-NHNN về hoạt động thẻ ngân hàng (BWG Ban Pháp luật và Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN - Vụ Thanh toán)	Ngày 30/08/2024, BWG đã gửi công văn số 30082024BWGVBF xin ý kiến hướng dẫn về một số nội dung tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng. :	NHNN đã phản hồi một số câu hỏi của BWG theo bản trả lời chung của NHNN đối với các thông tư về thanh toán tại Công văn số 8396/NHNN-TT ngày 14/10/2024.	ĐÃ XỬ LÝ
16.	Thông tư 22/2024/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 50/2018/TT-NHNN quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ) (NHNN – Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng)	Trước khi Thông tư 22 được ban hành, BWG đã gửi ý kiến đóng góp liên quan đến Dự thảo thông tư.	Thông tư 22/2024/TT-NHNN đã được ban hành vào ngày 28/06/2024, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 50/2018/TT-NHNN. Tuy nhiên, Thông tư 22 đã không ghi nhận các đề xuất của BWG.	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 1: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
17.	Thông tư 34/2024/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 40/2011/TT-NHNN quy định về cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VPĐD của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ) (NHNN – Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng)	Trước khi Thông tư 34 được ban hành, BWG đã gửi ý kiến đóng góp liên quan đến Dự thảo thông tư. Một trong những kiến nghị quan trọng của BWG là đề nghị bãi bỏ quy định “trừ sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư” trong Điều khoản về Hoạt động đại lý bảo hiểm dự thảo Nghị định.	Thông tư 34 đã được ban hành vào ngày 30/06/2024.	ĐÃ XỬ LÝ
18.	Thông tư 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Quản lý Rủi ro) (NHNN – Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng)	Trước khi Thông tư 31 được ban hành, BWG đã gửi ý kiến đóng góp liên quan đến Dự thảo thông tư.	Thông tư 31 đã được ban hành vào ngày 30/06/2024.	ĐÃ XỬ LÝ
19.	Thông tư 12/2024/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ) (Vụ Chính sách Tiền tệ)	Trước khi Thông tư 12 được ban hành, BWG đã gửi ý kiến đóng góp liên quan đến Dự thảo thông tư.	Thông tư 12 đã được ban hành vào ngày 28/06/2024.	ĐÃ XỬ LÝ
20.	Thông tư 10/2024/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 22/2018/TT-NHNN hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách	Trước khi Thông tư 10 được ban hành, BWG đã gửi ý kiến đóng góp liên quan đến Dự thảo thông tư.	Thông tư 10 đã được ban hành vào ngày 28/06/2024.	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 1: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
	dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ) (NHNN – Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng)			
21.	Thông tư 38/2024/TT-NHNN ngày 01/7/2024 Quy định về hoạt động tư vấn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ) (NHNN – Vụ Pháp chế)	Trước khi Thông tư 38 được ban hành, BWG đã gửi ý kiến đóng góp liên quan đến Dự thảo thông tư.	Thông tư 38 đã được ban hành vào ngày 01/07/2024.	ĐÃ XỬ LÝ
22.	Thông tư 35/2024/TT-NHNN về cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của tổ chức (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ) (NHNN – Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng)	- Trước khi Thông tư 35 được ban hành, BWG đã gửi ý kiến đóng góp liên quan đến Dự thảo thông tư.	- NHNN đã không chấp nhận một trong số các kiến nghị của BWG.	ĐÃ XỬ LÝ
23.	Thông tư 19/2024/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 08/2023/TT-NHNN quy định về điều kiện vay nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ) (NHNN – Vụ Quản lý Ngoại hối)	Trước khi Thông tư 19 được ban hành, BWG đã gửi ý kiến đóng góp liên quan đến Dự thảo thông tư.	Thông tư 19 đã được ban hành vào ngày 28/06/2024.	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 1: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
24.	Cập nhật danh sách đen liên quan đến tổ chức khủng bố theo yêu cầu nêu tại Nghị định 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 (BWG – Ban Phòng chống Rửa tiền) (NHNN – Cục Phòng chống Rửa tiền)	Ngày 22/05/2024, BWG đã gửi Công văn số 22052024BWGVBF-02 tới NHNN để xin hướng dẫn một số nội dung liên quan đến cập nhật danh sách đen.	Ngày 17/07/2024, Cục PCRT đã có văn bản số 359/Cục V.1 phản hồi về các vướng mắc của BWG.	ĐÃ XỬ LÝ
25.	Báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử theo mẫu báo cáo mới (RTR: DWT và EFT) (BWG – Ban Phòng Chống chống rửa tiền) (NHNN – Cục PCRT)	Báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử theo mẫu báo cáo mới (RTR: DWT và EFT). BWG đã gửi ý kiến đóng góp liên quan tới việc triển khai báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử theo mẫu báo cáo mới (RTR: DWT và EFT).	- Cơ quan TTGSNH và Cục PCRT đã tổ chức cuộc họp vào ngày 02/02/2024 và ngày 01/3/2024. - Tại cuộc họp ngày 01/03/2024, Cục PCRT đã thông báo định hướng của lãnh đạo NHNN về các kế hoạch triển khai hệ thống mới, cũng như đưa ra các hướng dẫn liên quan. Đối với một số vấn đề chưa được giải đáp tại cuộc họp, BWG đánh giá cao việc đại diện Cục PCRT đã tích cực nghiên cứu sau cuộc họp, và liên hệ để tiếp tục hướng dẫn các ngân hàng nước ngoài thực hiện triển khai phù hợp với quy định pháp luật.	ĐÃ XỬ LÝ
26.	Hoán đổi ngày làm việc nhân dịp nghỉ lễ Ngày Chiến thắng 30/4 và Ngày Quốc tế Lao động 01/5. (BWG - Ban Pháp luật và Tuân thủ và Ban Nhân sự) (NHNN - Cơ quan TTGSNH, Sở giao dịch)	Sau khi khảo sát và thảo luận nội bộ, BWG đã gửi đề xuất liên quan đến việc hoán đổi ngày làm việc nhân dịp nghỉ lễ Ngày Chiến thắng 30/4 và Ngày Quốc tế Lao động 01/5.	Do BWG không nhận được phản hồi của NHNN trước thời gian nghỉ lễ, nên mỗi thành viên BWG đã tự cân nhắc và chọn cách tiếp cận phù hợp với tình hình của từng bên.	ĐÃ XỬ LÝ
27.	Thông tư 08/2024/TT-NHNN quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng hệ	BWG đã gửi công văn số 16082024VBFBWG lên NHNN xin hướng dẫn về một số vấn đề liên	- Ngày 28/08/2024, BWG gửi thư đề xuất một cuộc họp với lãnh đạo Vụ Thanh toán	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 1: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
	thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia (BWG - Ban Pháp luật và Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN – Vụ Thanh toán)	quan đến Thông tư 08/2024/TT-NHNN.	để trao đổi về đề xuất gia hạn nộp văn bản cam kết theo mẫu số TTLNH-22 (Vướng mắc số 1). - Ngày 06/09/2024, BWG đã họp với Vụ Thanh toán của NHNN. Tại cuộc họp, Vụ Thanh toán trả lời một số vấn đề chính. - Ngày 13/09/2024, NHNN đã ban hành Công văn số 7584/NHNN-TT phúc đáp Công văn số 16082024VBFBWG ngày 16/08/2024 của BWG.	
28.	Nghị định 52/2024/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt (BWG Ban Pháp luật và Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN – Vụ Thanh toán)	- Ngày 15/5/2024, Nghị định số 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ, thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP, về thanh toán không dùng tiền mặt đã được ban hành. - Tiếp theo Hội nghị phổ biến Nghị định số 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt ngày 21/06/2024 của NHNN, BWG đã gửi văn bản số 25062024BWGVBF ngày 25/06/2024 để làm rõ một số điểm trong Nghị định số 52.	- NHNN đã có văn bản số 6172 /NHNN-TT phản hồi chi tiết các vướng mắc của BWG liên quan đến Nghị định 52.	ĐÃ XỬ LÝ
29.	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 35/2016/TT-NHNN về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên Internet (BWG - Ban Pháp luật và Ban Công nghệ thông tin) (NHNN - Cục CNTT)	- BWG đã gửi tới NHNN CV 03072024BWGVBF ngày 03/07/2024, CV số 25072024VBFBWG ngày 25/07/2024 và 08082024BWGVBF ngày 08/08/2024 để trình bày một số ý kiến đối với Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 35/2016/TT-NHNN quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên internet. - Ngày 20/08/2024, BWG đã gửi tới NHNN CV	- Cục CNTT và BWG đã phối hợp tích cực trong quá trình soạn thảo Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 35/2016/TT-NHNN. - Ngày 19/08/2024, BWG đã tham gia cuộc họp góp ý Dự thảo 2 của Thông tư thay thế Thông tư 35 do Cục CNTT - NHNN tổ chức. - BWG đã gửi góp ý chi tiết bằng văn bản	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 1: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
		số 20082024BWGVBF ngày 20/08/2024 để trình bày ý kiến đóng góp Dự thảo 2 của Thông tư thay thế Thông tư 35/2016/TT-NHNN quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên internet.	đối với dự thảo 2 và dự thảo 4 tới Cục CNTT – NHNN vào các ngày 20/08/2024 và 12/09/2024. - Ngày 14/11/2024, NHNN đã ban hành Thông tư 50/2024/TT-NHNN ngày 31/10/2024 quy định về an toàn bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong lĩnh vực Ngân hàng, thay thế thông tư 35/2016/TT-NHNN.	
30.	Thông tư 40/2024/TT-NHNN hướng dẫn hoạt động trung gian thanh toán (BWG - Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN - Vụ Thanh toán)	Ngày 03/10/2024, BWG đã gửi tới Vụ Thanh toán, NHNN công văn số 03102024BWGVBF đưa ra một số đề xuất liên quan đến Thông tư 40/2024/TT-NHNN.	NHNN đã phản hồi một số câu hỏi của BWG theo bản trả lời chung của NHNN đối với các thông tư về thanh toán tại Công văn số 8396/NHNN-TT ngày 14/10/2024.	ĐÃ XỬ LÝ
31.	Thông tư 07/2024/TT-NHNN quy định hoạt động đại lý thanh toán (BWG - Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN - Vụ Thanh toán)	- Ngày 09/10/2024, BWG đã gửi công văn số 09102024BWGVBF tới NHNN để xin hướng dẫn của NHNN về một số nội dung tại Thông tư 07/2024/TT-NHNN. Cụ thể, BWG xin hướng dẫn về tiêu chí để xác định một hoạt động là hoạt động đại lý thanh toán theo Thông tư 07.	Ngày 01/11/2024, BWG đã nhận được Công văn số 8864/NHNN-TT ngày 28/10/2024 của NHNN trả lời các vướng mắc trong quá trình triển khai Thông tư 07 ("Công Văn 8864").	ĐÃ XỬ LÝ
32.	Dự thảo 1 Thông tư thay thế Thông tư 11/2022/TT-NHNN quy định về bảo lãnh ngân hàng (BWG - Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN - Vụ Tín dụng Các ngành Kinh tế)	- Ngày 16/10/2024, BWG đã gửi công văn số 16102024BWGVBF2 tới NHNN để góp ý Dự thảo 1 thông tư thay thế Thông tư 11/2022/TT-NHNN.	NHNN đã ban hành Thông tư 49/2024/TT-NHNN ngày 25/10/2024 sửa đổi, bổ sung Thông tư 11/2022/NHNN.	ĐÃ XỬ LÝ
33.	Hoạt động thư tín dụng theo Thông tư 21/2024/TT-NHNN	- Ngày 09/09/2024, BWG đã gửi công văn số 09092024BWGVBF2 ngày 09/09/2024 tới Vụ	NHNN đã ban hành công văn số 9707/NHNN-TD ngày 26/11/2024 phúc đáp	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 1: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
	(BWG - Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN - Vụ Tín dụng các ngành kinh tế)	Tín dụng đề xin ý kiến hướng dẫn về một số nội dung tại Thông tư 21/2024/TT-NHNN của Ngân Hàng Nhà Nước quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng (“Thông tư 21”).	công văn số 09092024BWGVBF2 ngày 09/09/2024 của BWG.	
34.	Công văn số 8396/NHNN-TT của Ngân hàng Nhà nước ngày 14 tháng 10 năm 2024 (“Công Văn 8396”) (BWG Ban Pháp luật và Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN - Vụ Thanh toán)	Ngày 13/11/2024, BWG đã gửi công văn số 13112024BWGVBF tới Ngân hàng nhà nước để nêu ý kiến của BWG đối với phản hồi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các câu hỏi liên quan đến Thông tư về thanh toán không dùng tiền mặt tại Công Văn 8396.	BWG nhận được phản hồi của NHNN thông qua công văn số 10086/NHNN-TT ngày 10/12/2024.	ĐÃ XỬ LÝ
35.	Vướng mắc liên quan đến việc triển khai các Thông tư về thanh toán không dùng tiền mặt (BWG – Ban Pháp chế và Tuân thủ) (NHNN – Vụ Thanh toán)	Tháng 12/204, BWG đã gửi công văn nêu các vướng mắc và đề xuất liên quan.	BWG đã nhận được phản hồi của NHNN thông qua Công văn số 10756/NHNN-TT ngày 31/12/2024.	ĐÃ XỬ LÝ
36.	Dự thảo Nghị định quy định điều kiện cấp phép của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ) (NHNN – Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng)	- BWG đã gửi các kiến nghị liên quan đến dự thảo Nghị định theo công văn số 12062024BWGVBF ngày 12/06/2024.	Ngày 20/12/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 162/2024/NĐ-CP quy định điều kiện cấp giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập.	ĐÃ XỬ LÝ
37.	Vướng mắc liên quan đến Thông tư số 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (BWG – Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Quản lý Rủi ro)	Ngày 24/12/2024, BWG đã gửi công văn số 24122024BWGVBF tới Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng của NHNN để nêu một số vướng mắc liên quan đến Thông tư 51. BWG đề nghị NHNN xác nhận các TCTD sẽ không phải lựa	NHNN đã phản hồi BWG thông qua Công văn số 255/TTGSNH6 ngày 17/01/2025.	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 1: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
	(NHNN – Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng)	chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán độc lập hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của TCTD theo quy định tại Thông tư 24 cho năm tài chính 2024.		
38.	Thông tư 20/2024/TT-NHNN quy định về bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (BWG - Ban Pháp luật và Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN - Vụ Tín dụng Các ngành Kinh tế)	- Ngày 11/11/2024, BWG đã gửi Công văn số 11112024BWGVBF xin ý kiến hướng dẫn của NHNN về một số nội dung tại Thông tư 20,	Ngày 13/02/2025, BWG đã nhận được Công văn số 847/NHNN-TD ngày 11/02/2025 của Ngân hàng Nhà nước.	ĐÃ XỬ LÝ
39.	Dự thảo 2 Thông tư thay thế Thông tư 11/2022/TT-NHNN quy định về bảo lãnh (BWG Ban Pháp luật và Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (Vụ Tín dụng Các ngành Kinh tế)	Ngày 29/11/2024, BWG đã gửi công văn số 29112024BWGVBF tới Vụ Tín dụng Các ngành Kinh tế của Ngân hàng Nhà nước để góp ý Dự thảo 2 thông tư thay thế Thông tư 11/2022/TT-NHNN.	NHNN đã ban hành Thông tư 61/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024.	ĐÃ XỬ LÝ
40.	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (BWG - Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban quản lý rủi ro) (NHNN – Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng)	Ngày 16/12/2024, BWG gửi công văn số 16122024BWGVBF tới Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng, NNNN để góp ý đối với một số nội dung tại dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 41/2016/TT-NHNN (“Thông Tư 41”) quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“ Dự Thảo ”).	NHNN đã ban hành Thông tư 14/2025/TT-NHNN ngày 30/06/2025 thay thế Thông tư 41/2016/TT-NHNN.	ĐÃ XỬ LÝ
41.	Dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài	BWG đã đóng góp ý kiến và tổ chức các cuộc họp kỹ thuật trao đổi về Dự thảo Nghị định.	Chính phủ đã ban hành Nghị định 94/2025/NĐ-CP ngày 29/04/2025 quy	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 1: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
	chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ) (NHNN - Vụ Thanh toán)	BWG mong được cập nhật về tiến trình cho vấn đề này.	định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng.	
42.	Báo cáo điện tử về phòng chống rửa tiền (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban PCRT) (NHNN – Cục PCRT)	BWG đã gửi tới NHNN công văn 09072024BWGVBF nêu các thắc mắc liên quan đến phản hồi của Cục Phòng, chống rửa tiền tại Bảng câu hỏi thực hiện báo cáo điện tử về phòng chống rửa tiền (dành cho các tổ chức tín dụng) – Phiên bản ngày 15/5/2024.	BWG đã có buổi làm việc trực tiếp với Cục PCRT vào ngày 09/06/2025. Tại buổi họp này, Cục PCRT đã trả lời các câu hỏi của BWG tại Công văn 09072024BWGVBF.	ĐÃ XỬ LÝ
43.	Dự thảo thông tư thay thế Thông tư 05/2014/TT-NHNN hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam (BWG - Ban Pháp luật và Tuân thủ và Ban Sản phẩm Giao dịch Ngân hàng) (NHNN - Vụ Quản lý Ngoại hối)	* Ngày 25/10/2024 , BWG đã gửi công văn số 25102024BWGVBF tới NHNN góp ý dự thảo thông tư thay thế Thông tư 05/2014/TT-NHNN. * Ngày 04/12/2024 , BWG tiếp tục gửi Công văn số 04122024BWGVBF tới Vụ Chính sách Tiền tệ để góp ý thêm về Điều 5.1 và 5.2 của Dự thảo thông tư thay thế Thông tư 05/2014/TT-NHNN.	NHNN đã ban hành Thông tư 03/2025/TT-NHNN ngày 29/04/2025 thay thế Thông tư 05/2014/TT-NHNN.	ĐÃ XỬ LÝ
44.	Đề xuất cuộc họp trao đổi về vướng mắc liên quan đến danh sách tổ chức, cá nhân khủng bố, tài trợ khủng bố và báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử. (BWG – Ban Phòng Chống Rửa Tiền NHNN – Cục Phòng chống Rửa tiền)	Ngày 21/11/2024, BWG gửi công văn số 21112024BWGVBF tới Cục Phòng chống Rửa tiền Đề xuất cuộc họp trao đổi về vướng mắc liên quan đến danh sách tổ chức, cá nhân khủng bố, tài trợ khủng bố và báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử. Ngày 22/05/2024, BWG đã gửi tới Cục An ninh Nội địa – Bộ Công an (đồng kính gửi Cục PCRT) công văn số 22052024BWGVBF-02 về cập nhật Danh sách đen liên quan đến tổ chức khủng bố đăng tải trên website của Bộ Công an.	Sau khi Vụ HTQT lấy ý kiến các Vụ, Cục liên quan về các vấn đề thuộc Kế hoạch hợp tác giữa BWG và NHNN trong năm 2025, Cục PCRT phản hồi Vụ HTQT như sau: nội dung này không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước, cụ thể: - Điều 11 Nghị định số 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ quy định về tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài	ĐÃ XỬ LÝ

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
		Sau đó, BWG đã nhận được phản hồi của Cục PCRT qua công văn số 359/CụcV.1 ngày 17/7/2024 của Cục PCRT (“Công Văn 359”), trong đó trích dẫn phản hồi của Cục An ninh Nội địa tại công văn số 3526/ANND-P5 của Cục An ninh Nội địa (“Công Văn 3526”). Sau khi nghiên cứu phản hồi của Cục An ninh nội địa, BWG hiểu rằng ngoài Danh sách thành viên khủng bố hoặc đối tượng cầm đầu được đăng tải trên các đường link trên trang web của Bộ Công an, ngân hàng phải rà soát các bản án của tòa án và cập nhật thông tin về tổ chức và cá nhân như đối tượng thành lập, cầm đầu, chỉ huy, thành viên tổ chức khủng bố, số bị cáo phạm tội “khủng bố”, “khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân” được nêu trong các bản án này vào danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố của ngân hàng. Yêu cầu này gây khó khăn cho các Ngân hàng trong việc quản lý Danh sách và có thể dẫn đến sự không thống nhất về tên các tổ chức, cá nhân cần đưa vào danh sách do mỗi ngân hàng có thể có quy trình và cách hiểu khác nhau về cùng một bản án. Do đó, chúng tôi kính đề nghị Cục PCRT NHNN phối hợp với Bộ Công An xem xét cung cấp cho các đối tượng báo cáo danh sách đến tổng hợp ở dạng excel có cài mật khẩu (tương tự như cách Danh sách Truy nã đang được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Cục PCRT NHNN) để tạo điều	sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: “2. Cơ quan phòng, chống khủng bố Bộ Công an có trách nhiệm lập hồ sơ, thẩm định và báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an xem xét đề nghị đưa vào danh sách, đưa ra khỏi danh sách tổ chức, cá nhân liên quan khủng bố, tài trợ khủng bố...” 3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi cơ quan có thẩm quyền của Liên hợp quốc, cơ quan và người có thẩm quyền của Việt Nam cập nhật thông tin, đưa vào danh sách, đưa ra khỏi danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố, Bộ Công an có trách nhiệm công bố trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an...” Căn cứ quy định trên, Bộ Công an là đơn vị có trách nhiệm lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan khủng bố, tài trợ khủng bố, do đó, đề nghị BWG trực tiếp trao đổi về vướng mắc trên với Bộ Công an. - Liên quan đến vướng mắc này, ngày 22/5/2024, BWG đã có Công văn số 22052024BWGVBF-02 gửi Cục An ninh nội địa - Bộ Công an (đồng gửi Cục Phòng, chống rửa tiền) về cập nhật danh	

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
		kiện thuận lợi cho các TCTD thực hiện cập nhật khi có thay đổi, và cũng hỗ trợ các TCTD sử dụng cùng một nguồn danh sách đen thống nhất với đầy đủ thông tin định danh cho từng đối tượng để rà soát khách hàng và giao dịch khách hàng một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, việc Cục An ninh Nội địa không đồng ý với kiến nghị của BWG về xác định các tên gọi theo tiêu chí chất lượng cao và chất lượng thấp có tác động đáng kể đến hoạt động xử lý giao dịch của ngân hàng vì các tên ngắn/tên chất lượng thấp có thể tạo ra khối lượng rất lớn các cảnh báo do sự tương đồng giữa các tên tiếng Việt. Hiện tại, theo yêu cầu quy định các ngân hàng đều mở tài khoản cho khách hàng cá nhân theo tên được ghi chính thức trên CCCD/ Hộ chiếu. Ngoài việc rà soát tên khách hàng cá nhân theo tên trên CCCD/Hộ chiếu, việc yêu cầu sàng lọc các bí danh với tên ngắn (tên gồm 1 hoặc 2 chữ) của các đối tượng trong danh sách đen sẽ gây khó khăn đối với các cảnh báo giao dịch vì trùng khớp với các thông tin ở trường nội dung của giao dịch. Với từ có số ký tự quá ngắn và tên thông dụng thì kết quả rà soát sẽ có số lượng cảnh báo giả rất lớn. Ngoài ra, với loại cảnh báo này, nếu tên trùng khớp không phải là tên chủ tài khoản thì TCTD thường sẽ bị khách hàng từ chối cung thông tin của bên thứ ba vì lý do bảo mật thông tin cá nhân khi khách hàng được TCTD	sách đen liên quan đến tổ chức khủng bố đăng tải trên Website của Bộ Công an. Trên cơ sở ý kiến của Cục An ninh nội địa tại Công văn số 3526/ANND-P5, ngày 17/7/2024, Cục Phòng, chống rửa tiền đã có Công văn số 359/CụcV.1 gửi Nhóm Công tác ngân hàng - Liên minh diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam để cung cấp thông tin mà Cục An ninh nội địa trả lời các vướng mắc liên quan đến danh sách tổ chức, cá nhân khủng bố, tài trợ khủng bố (đính kèm Công văn này).	

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
		yêu cầu cung cấp thông tin. Do đó, các cảnh báo này thường không đủ cơ sở kết luận là trùng khớp với danh sách đen do chỉ có một phần thông tin trùng khớp và các thông tin khác không xác định được. Theo Thông tư 17/2024/TT-NHNN về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và Thông tư 18/2024/TT-NHNN về hoạt động thẻ ngân hàng, tùy theo ngày hiệu lực tương ứng được đề cập trong các thông tư, giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của chủ tài khoản hoặc người đại diện (đối với khách hàng cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp (đối với khách hàng tổ chức) cần được đối chiếu khớp đúng với thông tin sinh trắc học của người đó. Xem xét lộ trình xác thực sinh trắc học mà tất cả các Ngân hàng tại Việt Nam hiện đã và đang triển khai thực hiện theo quy định pháp luật, chúng tôi kính mong Quý Cơ quan xem xét và cân nhắc hiệu quả thực tế khi rà soát giao dịch với các bí danh với tên ngắn để tạo điều kiện cho các TCTD có thể tập trung nguồn lực vào các cảnh báo có tỷ lệ trùng khớp chính xác hơn. Ngoài ra, BWG cũng muốn thảo luận với Cục PCRT về việc rà soát các Danh sách khác bao gồm Danh sách trò chơi điện tử trên mạng không phép, Danh sách cá nhân tổ chức liên quan đến lừa đảo và các nội dung cần giải đáp liên quan đến Bảng Q&A về báo cáo giao dịch chuyển tiền		

Nhóm 1: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
		điện tử mà BWG đã gửi đến Quý cơ quan vào ngày 09/07/2024. Do đó, BWG kính đề xuất một buổi làm việc với Cục Phòng, chống rửa tiền để trao đổi cụ thể hơn về vấn đề này		
45.	Thông tư 06/2023/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (BWG - Ban Tài chính Tiêu dùng) (NHNN - Vụ Chính sách Tiền tệ)	Trước đó, vào năm 2021 và 2022, BWG đã gửi ý kiến đóng góp cho Thông tư 39 và Dự thảo Thông tư 06. Sau khi TT 06 được ban hành, BWG đã tham gia Buổi tập huấn về TT 06 của NHNN và đã trình bày và được cơ bản giải đáp, trao đổi một số vướng mắc chính. BWG kính đề nghị NHNN hướng dẫn thêm đối với 2 điều khoản sau: 1. Khoản 2 Điều 1 TT 06 sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 8 TT39: Theo quy định tại Khoản 6 Điều 8, điều kiện cho vay để trả nợ trước hạn là "khoản vay chưa thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ". Trên thực tế, việc khoản vay được thực hiện cơ cấu theo Thông tư 01/2020/TT- NHNN (và các văn bản sửa đổi, bổ sung) và Thông tư 02/2023/TT- NHNN không được phản ánh trên CIC. Do đó, tổ chức tín dụng đang xem xét khoản vay không thể kiểm được tiêu chí này để đánh giá. Tổ chức tín dụng cho vay chỉ có thể yêu cầu khách hàng cung cấp xác nhận từ tổ chức tín dụng mà khách hàng đang có khoản vay hoặc dựa trên việc tự xác nhận và chịu trách nhiệm của khách hàng. Trường hợp yêu cầu	Các vướng mắc chính của BWG cơ bản đã được giải đáp trong buổi tập huấn về TT06 của NHNN. 8/11/2023: NHNN đã có văn bản 8631/NHNN-CSTT trả lời nhiều câu hỏi liên quan tới TT 06, nhằm đảm bảo thống nhất thực hiện. BWG mong nhận được phản hồi của NHNN về vấn đề này. Theo Công văn 154/CSTT3 ngày 25/01/2024, Vụ Chính sách Tiền tệ ghi nhận kiến nghị BWG và sẽ phối hợp xử lý trong thời gian tới. 2025 Phản hồi của Vụ Chính sách Tiền tệ theo Công văn số 2297/CSTT3 ngày 05/11/2025 gửi Vụ HTQT: - Liên quan đến việc khoản vay được thực hiện cơ cấu theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN (và các văn bản sửa đổi, bổ sung) và Thông tư 02/2023/TT- NHNN không được phản ánh trên CIC: Vụ CSTT được biết CIC đã xây dựng mẫu biểu báo cáo; trong đó có bổ sung thông tin về khoản	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 1: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
		khách hàng lấy xác nhận từ tổ chức tín dụng mà khách hàng đang có khoản vay hiện hữu có thể không khả thi nếu tổ chức tín dụng bên kia không cung cấp. Do vậy, kính đề nghị Quý NHNN xem xét việc tổ chức tín dụng cho vay có thể dựa trên xác nhận của khách hàng có được chấp nhận hay không? Khoản vay chưa thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ có loại trừ các khoản vay đã từng được cơ cấu lại theo Thông tư 01/2020 và các sửa đổi, bổ sung Thông tư 03/2021 và Thông tư 14/2021; và Thông tư 02/2023 hay không?	vay của khách hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ; theo đó, TCTD có thể tra cứu thông tin này. (Đề nghị Quý Vụ tham khảo thêm kiến của CIC đối với nội dung này). - Liên quan đến khoản vay chưa thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ có loại trừ các khoản vay đã từng được cơ cấu lại theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN và các sửa đổi, bổ sung Thông tư 03/2021/TT-NHNN và Thông tư 14/2021/TT-NHNN; và Thông tư 02/2023/TT-NHNN hay không: Tại khoản 6 Điều 8 Thông tư 39/2016/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: TCTD không được cho vay đối với các nhu cầu vốn: Để trả nợ khoản vay nước ngoài (không bao gồm khoản vay nước ngoài dưới hình thức mua bán hàng hóa trả chậm), khoản cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp cho vay để trả nợ trước hạn khoản vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: a) Thời hạn cho vay không vượt quá thời hạn cho vay còn lại của khoản vay cũ; b) Là khoản vay chưa thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Theo đó, tại điểm b khoản 6 Điều 8 Thông tư 39/2016/TT-NHNN không có nội dung quy định loại trừ các khoản vay đã từng được cơ cấu lại theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN, các	

Nhóm 1: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
			Thông tư sửa đổi, bổ sung (Thông tư 03/2021/TT-NHNN và Thông tư 14/2021/TT-NHNN); và Thông tư 02/2023/TT-NHNN. Trên cơ sở các nội dung nêu trên, đề nghị BWG chuyển nội dung kiến nghị về Thông tư 06/2023/TT-NHNN nêu trên vào nhóm vấn đề đã được xử lý tại mục B.	

B2. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2025 (04 VẤN ĐỀ)

TT	Vấn đề/ Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
46.	Quyết định số 413/QĐ-CĐNH của Công đoàn Ngân hàng Việt Nam về việc ban hành Quy định chi từ nguồn kinh phí công đoàn của các đơn vị trực thuộc Ngành Ngân hàng chưa thành lập công đoàn cơ sở (BWG - Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban quản Nguồn nhân lực) (NHNN – Ban Tài chính - Công đoàn Ngân hàng Việt Nam)	- Ngày 17/02/2025, BWG đã gửi công văn số 17022025BWGVBF tới Ban Tài chính thuộc Công đoàn Ngân hàng Việt Nam để đưa ra đề xuất/kiến nghị liên quan đến Quyết định số 413/QĐ-CĐNH của Công đoàn Ngân hàng Việt Nam về việc ban hành Quy định chi từ nguồn kinh phí công đoàn của các đơn vị trực thuộc Ngành Ngân hàng chưa thành lập công đoàn cơ sở ("Quyết định 413").	Theo trao đổi với Ban tài chính – Công đoàn Ngân hàng Nhà nước, Công đoàn Nhà nước đã phản hồi về vấn đề này tại Hội nghị làm việc với các TCTD nước ngoài tại Việt Nam về việc thành lập công đoàn cơ sở do Công đoàn Ngân hàng Việt Nam tổ chức chiều 25/2/2024 tại Hà Nội.	ĐÃ XỬ LÝ
47.	Công văn số 993/NHNN-VP ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc ký văn bản gửi NHNN (BWG - Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Nguồn nhân lực) (NHNN – Văn phòng NHNN)	Ngày 17/03/2025, BWG đã gửi công văn số 17032025BWGVBF tới Văn phòng Ngân hàng Nhà nước để trình bày một số vướng mắc liên quan đến việc triển khai thực hiện Công văn số 993/NHNN-VP ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc ký văn bản gửi NHNN	BWG đã nhận được công văn phản hồi của NHNN số 5239/NHNN-VP ngày 24/06/2025.	ĐÃ XỬ LÝ
48.	Góp ý đối với dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 22/2018/TT-NHNN hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ) (NHNN – Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng)	Ngày 24/6/2025, BWG gửi công văn số 23062025BWGVBF tới Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng để góp ý đối với dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 22/2018/TT-NHNN hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 20/2025/TT-NHNN ngày 31/07/2025 thay thế Thông tư 22/2018/TT-NHNN.	ĐÃ XỬ LÝ
49.	Khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục xin cấp phép (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ) (NHNN – Cục Quản lý và Giám sát Các tổ	Ngày 28/08/2025, BWG đã gửi công văn số 28082025BWGVBF tới Cục Quản lý và Giám sát các tổ chức tín dụng nêu một số vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục xin cấp	BWG đã nhận được công văn phản hồi của NHNN số 3007/QLGS1 ngày 05/11/2025. Theo đó NHNN phản hồi như sau:	ĐÃ XỬ LÝ

TT	Vấn đề/ Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
	chức tín dụng)	phép và các đề xuất liên quan. Cụ thể như sau: 1. Vướng mắc chung: 1.1. Vướng mắc trong việc cung cấp tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hồ sơ đề nghị đối với việc cấp bổ sung vào giấy phép hoạt động BWG đề xuất NHNN cân nhắc chấp nhận các Ngân hàng có thể cung cấp thư cam kết của Các Ngân hàng 100% vốn nước ngoài, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài , hoặc của Ngân hàng mẹ. 2. Vướng mắc cụ thể: 2.1. Vướng mắc liên quan đến đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép hoạt động đối với việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế trước thời điểm ngày 01 tháng 07 năm 2024 (như SWIFT, Visa, Mastercard, JCB), gồm: (i) Yêu cầu cung cấp “Hợp đồng hoặc Thỏa thuận hoặc Thư xác nhận của tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế về việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (hoặc ngân hàng mẹ) đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế”. Đối với vướng mắc này, chúng tôi đề xuất Ngân hàng Nhà nước xem xét, cân nhắc sửa đổi Tiết (vii), Điều 9.2 của Thông tư 34 để bổ sung thêm “các loại tài liệu, chứng từ khác” ngoài Hợp đồng/Thỏa thuận hoặc Thư xác	- Ý kiến chung: Cục QLGS sẽ phối hợp, tham gia ý kiến khi các Vụ, Cục chức năng tại NHNN có đề nghị trong quá trình nghiên cứu, tham mưu Thống đốc xem xét việc sửa đổi, xây dựng các Thông tư, văn bản liên quan đến các vướng mắc này. - Ý kiến cụ thể: + Về tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam: Cục QLGS, NHNN đang xem xét xử lý đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của TCTD, CNNHNNg trên cơ sở quy định tại Thông tư 34/2024/TT-NHNN để đánh giá bản chất nội dung hoạt động được phép của Chủ sở hữu/Ngân hàng mẹ thông qua các tài liệu chứng minh như: Giấy phép hoạt động, quy định luật pháp nơi TCTD nước ngoài đặt trụ sở chính; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý nước ngoài nơi TCTD đặt trụ sở chính đối với nội dung hoạt động đề nghị được bổ sung vào Giấy phép;... + Về cấp bổ sung vào Giấy phép hoạt động đối với việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế: Hiện nay, NHNN đang nghiên cứu, xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 34, trong đó có quy định sửa đổi về thành phần hồ sơ, nguyên tắc lập hồ sơ theo hướng	

TT	Vấn đề/ Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
		nhận để tạo sự linh hoạt, tạo điều kiện cho các ngân hàng được phép cung cấp các tài liệu thay thế (ví dụ, các thông tin minh bạch ghi nhận trên website, hệ thống). (ii) <i>Yêu cầu về hợp pháp hóa lãnh sự đối với “Tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài” và “Hợp đồng hoặc Thỏa thuận hoặc Thư xác nhận của tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế về việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (hoặc ngân hàng mẹ) đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế”:</i> Đối với vướng mắc này, BWG chúng tôi kính đề nghị NHNN xem xét cho phép chỉ yêu cầu bản sao (không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với “Tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài” và “Thư xác nhận của tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế về việc ngân hàng đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế” đối với việc cập nhật hoạt động tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế SWIFT, Visa, Mastercard, JCB vào Giấy phép hoạt động của ngân hàng. (iii) <i>Yêu cầu về số liệu trong Báo cáo thuyết minh theo quy định tại điểm (v), Điều 9.2.đ:</i> Chúng tôi đề xuất thời kỳ báo cáo số liệu giao dịch qua hệ thống thanh toán quốc tế <u>tính từ</u> thời điểm 01/01/2024 đến thời điểm nộp hồ	đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục. + Về cập nhật hoạt động thư tín dụng vào Giấy phép: TCTD, CNNHNNg thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn 8210/NHNN-TD ngày 19/09/2025: <i>"1. Trường hợp tại Giấy phép đã được cấp trước ngày 01/07/2024 của TCTD, CNNHNNg đã nêu rõ TCTD được cấp phép nghiệp vụ thư tín dụng thì TCTD được thực hiện nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng mà không phải sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Thông tư 21.</i> <i>2. Trường hợp tại Giấy phép đã được cấp trước ngày 01/07/2024 của TCTD không nêu rõ như mục 1 nêu trên thì các TCTD phải chủ động có văn bản đề nghị cấp đổi Giấy phép gửi NHNN trước ngày 31/12/2025 theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Thông tư 21".</i>	

Nhóm 1: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của NHNN
 B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
 B.2. Các vấn đề mới phát sinh trong năm 2025

TT	Vấn đề/ Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
		<u>SƠ.</u> 2.2. Vướng mắc liên quan đến cập nhật hoạt động thư tín dụng vào giấy phép (i) Trường hợp giấy phép của ngân hàng đã có nội dung về thư tín dụng theo Khoản 2, Điều 56 Thông tư 21/2024/TT-NHNN Chúng tôi kính đề nghị NHNN hướng dẫn việc thực hiện cấp phép cho nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng một cách thống nhất theo hướng <u>không yêu cầu cấp đổi, bổ sung nếu trong giấy phép đã có nội dung “thư tín dụng”</u>, để tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng hoạt động thông suốt và hiệu quả, không bị gián đoạn vì lý do giấy phép. (ii) Trường hợp Ngân hàng đã được cấp phép thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước; dịch vụ thanh toán quốc tế; dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; cung ứng dịch vụ thanh toán trên thị trường trong nước hoặc quốc tế theo Điều 56.3, Thông tư 21/2024/TT-NHNN BWG đề nghị NHNN xác nhận cách hiểu rằng các ngân hàng đã được cấp phép hoạt động thanh toán trước thời điểm 1/7/2024 và đang thực hiện nghiệp vụ thư tín dụng, thì khi cập nhật nghiệp vụ thư tín dụng trên giấy phép chỉ cần tiến hành thủ tục như trường hợp <u>cấp đổi giấy phép</u> theo quy định tại Thông tư 34/2024/TT-NHNN, mà không phải thực hiện các thủ tục xin cấp giấy phép bổ sung hoạt động mới từ đầu		

II. NHÓM VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN XỬ LÝ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH KHÁC CẦN SỰ PHỐI HỢP CỦA NHNN (21 VẤN ĐỀ)
A. NHÓM VẤN ĐỀ CHƯA ĐƯỢC XỬ LÝ (05 VẤN ĐỀ)
A.1. CÁC VẤN ĐỀ CŨ TỪ NĂM 2023 VÀ 2024 (05 VẤN ĐỀ)

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
50.	Vấn đề kiểm soát giao dịch liên quan đến trò chơi trực tuyến chưa được cấp phép (BWG - Ban PCRT) (Vụ Thanh toán, CQTTGS)	1. BWG đã có CV số 210719BWGVBF gửi Bộ TT&TT và NHNN trình bày những khó khăn trong việc triển khai và xin ý kiến chỉ đạo chung về các trò chơi trực tuyến không có giấy phép như sau: 1.1. Đối với yêu cầu của công văn số 585/NHNN-TT ngày 10/8/2020 yêu cầu các ngân hàng từ chối không xử lý các giao dịch liên quan đến trò chơi trực tuyến chưa được cấp phép: NHNN đã gửi công văn số 998/TT4/NHNN-TT ngày 4/9/2020 hướng dẫn BWG về việc kết nối thanh toán. 1.2. Việc đưa những trò chơi có từ khóa ngắn, ít ký tự như K8, M88, G88, GDW (Công văn 830/TTGSNH11); R88, Long ho, B24 (Công văn 551/TTGSNH5) và chuỗi ký tự viết bằng tiếng Trung Quốc, những cá nhân phát hành trò chơi không có thông tin định danh (Công văn 585/TTGSNH5) vào danh sách rà soát có thể dẫn đến số lượng rất lớn các cảnh báo chưa thật chính xác, gây khó khăn cho việc xác định những cảnh báo này có thực sự liên quan đến trò chơi trực	2021 - BWG đã nhận được phản hồi như sau: - Bộ TTTT (Công văn số 1631/PTTH&TTĐT) phản hồi CV số 210719BWGVBF: Bên cạnh các trò chơi điện tử trên mạng đã được cấp phép, có rất nhiều trò chơi đang phát hành không phép và thu phí người chơi thông qua đơn vị hỗ trợ thanh toán trong nước, phần lớn là trò chơi được cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam thông qua kho ứng dụng Apple & Google. Bộ TT&TT đề nghị BWG hướng dẫn, yêu cầu các đơn vị hỗ trợ thanh toán tuân thủ quy định tại Khoản 1, Điều 9 TT24/2014/TT-BTTTT. Về danh sách trò chơi trên mạng hợp pháp/ đã được cấp phép được Bộ TTTT cập nhật định kỳ 01 tháng/lần tại website: www.gameportal.gov.vn, www.abei.vn; www.mic.gov.vn. Đề nghị BWG chủ động truy cập, tra cứu các trò chơi phát hành hợp pháp đã được cập nhật.	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG đề xuất tiếp tục phối hợp với Bộ TTTT và cập nhật cho NHNN về vấn đề này trong thời gian tới.	

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
		tuyến đó hay không. Vì vậy, BWG kiến nghị NHNN làm rõ và hướng dẫn thêm. 1.3. Trong việc kiểm soát các giao dịch liên quan đến khách hàng trong lĩnh vực khách sạn, quán bar, câu lạc bộ, khu du lịch, mã MCC 5813, 7011.. BWG gặp khó khăn khi xác định các cơ sở được cấp phép để từ đó xác định liệu các giao dịch với các cơ sở này là hợp pháp hay không. Rất mong nhận được hướng dẫn của NHNN về danh sách các cơ sở kinh doanh dịch vụ đánh bạc được cấp phép tại Việt Nam. Để đảm bảo biện pháp kiểm soát chặn các giao dịch đến các đơn vị chấp nhận thẻ có mã MCC liên quan được thực hiện một cách hiệu quả, nhất quán và toàn diện bởi tất cả các ngân hàng, chúng tôi mong muốn nhận được hướng dẫn của NHNN trong việc tìm hiểu danh sách các MCC liên quan đến các giao dịch bị cấm theo luật định. 1.4. Quy định pháp lý liên quan: NĐ 03/2017/NĐ-CP, Thông tư 102/2017/TT-BTC về kinh doanh casino có quy định thí điểm 3 năm cho phép người Việt Nam đủ 21 tuổi trở lên và có năng lực hành vi dân sự được chơi tại điểm kinh doanh casino được cơ quan có thẩm quyền cho phép.	Khoản 2 Điều 31 NĐ 72/2013/NĐ-CP quy định trước khi xem xét, kết nối thanh toán cho từng trò chơi, doanh nghiệp hỗ trợ thanh toán có thể yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng cung cấp các giấy tờ quy định, để đủ căn cứ kết nối hoặc chủ động từ chối, tạm ngưng kết nối. Trong trường hợp cần, BWG có thể gửi tới Bộ TTTT danh sách các trò chơi dự kiến sẽ kết nối thanh toán để được cung cấp thông tin. - NHNN (Công văn 7069/NHNN-TTGSNH) phản hồi CV số 210719BWGVBF: Các TCPHT, TCTTT căn cứ vào trách nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành để triển khai thực hiện nhiệm vụ trong việc giám sát, phát hiện các giao dịch thẻ đáng ngờ và biện pháp xử lý các trường hợp này. Ngoài ra, TCPHT và TCTTT có thể phối hợp trao đổi thông tin với nhau và với TCTQT để ngăn chặn các giao dịch thẻ trái quy định pháp luật. Khi TCPHT phát hiện dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến chủ thẻ (là khách hàng) hoặc phát hiện những dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến ĐVCNT, TCPHT cần tìm hiểu,		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
		Hiện BWG không có cách nào để xác định các doanh nghiệp nào nằm trong danh sách được phép thí điểm, cũng như liệu các doanh nghiệp đã hoàn thành việc thí điểm và được cấp phép chính thức để cho phép người Việt Nam vào chơi. Rất mong nhận được hướng dẫn thêm của NHNN để giúp cho việc báo cáo giao dịch của chúng tôi được chính xác và đầy đủ hơn. 2. BWG đã gửi CV số 01-141021BWGVBF ngày 14/10/2021: trong đó, tiếp tục trình bày các vấn đề sau: 2.1. Đề nghị NHNN có ý kiến thêm với Hiệp hội Ngân hàng (VNBA) và các TCTTT nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện và thúc đẩy nhanh việc kết nối, chia sẻ thông tin nêu trên cũng như có thêm chỉ đạo về việc phối hợp toàn ngành trong công tác phòng chống các vi phạm trong hoạt động thẻ. 2.2. Về tiêu chuẩn báo cáo: Do hiện tại chưa xác định được kênh cũng như quy tắc liên lạc hay thời gian phản hồi rõ ràng, đồng thuận giữa TCPHT và TCTTT, BWG đã/ sẽ tiến hành báo cáo giao dịch đáng ngờ với nỗ lực cao nhất, cung cấp nhiều nhất các thông tin theo yêu cầu. BWG đề xuất báo cáo giao dịch đáng ngờ	thu thập thông tin về khách hàng của mình và về ĐVCNT (thông qua việc phối hợp với TCTTT), TCPHT và TCTTT thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ (trong đó bao gồm việc cung cấp những thông tin về ĐVCNT mà TCPHT có được). NHNN ghi nhận khó khăn vướng mắc liên quan trong pháp luật PCRT và sẽ nghiên cứu xem xét trong quá trình sửa đổi Luật PCRT. 2. NHNN (Công văn 980/NHNN-CucV.1) ngày 14/11/2021 phản hồi CV số 01-141021BWGVBF ngày 14/10/2021: 2.1. NHNN ủng hộ đề xuất này của BWG và kiến nghị VNBA triển khai các biện pháp cần thiết để tăng cường việc trao đổi, chia sẻ, nắm bắt cả thông tin về các đối tượng, ĐVCNT có lịch sử nghi ngờ phạm pháp luật giữa các NH, cũng như tham mưu văn bản chỉ đạo toàn ngành trong công tác phòng chống vi phạm hoạt động thẻ trong thời gian tới. 2.2. Về tiêu chuẩn báo cáo: Theo hướng dẫn tại CV số 5913, TCPHT phát hiện dấu hiệu nghi ngờ, cần tìm hiểu, thu thập thông tin từ khách hàng và ĐVCNT (thông qua việc phối hợp với		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
		trên cơ sở tập hợp theo nhóm dựa trên các điểm chung về mặt thông tin thu thập được trên giao dịch thẻ của khách hàng trong quá trình điều tra – một bảng tham khảo riêng chi tiết cho từng TCTTT theo phương thức này được đính kèm với mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ sẽ giúp báo cáo thông tin một cách ngắn gọn, nhất quán, súc tích.	TCTTT), thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ (bao gồm việc cung cấp thông tin về ĐVCNT mà TCPHT có được). Theo hướng dẫn trên, khi xác lập nghi ngờ liên quan đến ĐVCNT, TCPHT trao đổi, thu thập thêm thông tin từ TCTTT liên quan đến ĐVCNT, TCPHT trao đổi, thu thập thêm thông tin từ TCTTT liên quan đến ĐVCNT (nếu có). Trong trường hợp không nhận được phản hồi từ TCTTT hoặc phản hồi muộn không kịp xử lý theo quy định về thời hạn báo cáo, TCPHT gửi STR cho Cục PCRT bao gồm thông tin chi tiết về ĐVCNT do ngân hàng chủ động thu thập được trên cơ sở dữ liệu nội bộ, và sau đó, gửi bổ sung thông tin do TCTTT cung cấp (nếu có). Báo cáo STR thực hiện theo biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo TT 35/2013/TT-NHNN, bao gồm các thông tin về (i) cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch, (ii) cá nhân, tổ chức liên quan đến giao dịch, (iii) lý do nghi ngờ giao dịch và những công việc đã thực hiện, (iv) tài liệu đính kèm. Trường hợp Ngân hàng qua rà soát phát hiện nhóm khách hàng có liên quan tới nhau cùng thực hiện giao dịch thẻ đáng		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
			ngờ, ngân hàng có thể trình bày thông tin của các cá nhân thực hiện giao dịch, cá nhân, tổ chức liên quan đến giao dịch theo các phụ lục đính kèm theo báo cáo STR; ngân hàng cũng có thể lập bảng kê chi tiết thông tin về giao dịch thẻ đáng ngờ (bao gồm thông tin về ĐVCNT và TCTTT) và đính kèm mẫu báo cáo STR. 3. BWG phối hợp cùng NHNN tổ chức cuộc họp trực tuyến với Bộ TTTT/ Cục PT, TH và TTĐT liên quan tới vấn đề ngày vào ngày 21/12/2021: BWG và NHNN đã trình bày các quy định liên quan, quy trình kiểm soát và sàng lọc giao dịch tại các ngân hàng và đề xuất như sau: 3.1. Chúng tôi hiểu rằng yêu cầu tại công văn 585 chỉ áp dụng đối với trường hợp các ngân hàng thực hiện “kết nối thanh toán” cho các trò chơi điện tử trên mạng và không áp dụng cho các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng khác (nếu có). 3.2. Trong trường hợp các ngân hàng có thực hiện “kết nối thanh toán cho các trò chơi điện tử trên mạng”, các ngân hàng sẽ thực hiện theo đúng hướng dẫn		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
			tại điều 9; khoản 5đ, điều 14 và khoản 5đ, điều 23 của Thông tư 24/2014/TT-BTTTT quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng. 3.3. Trong trường hợp các ngân hàng có thực hiện mở tài khoản cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử thì từng ngân hàng đều có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu về nhận biết khách hàng đối với khách hàng là tổ chức phù hợp với quy định pháp luật về PCRT, bao gồm việc kiểm tra về giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1, G2, G3, G4 như quy định tại Thông tư 24/2014/TT-BTTTT. Do vậy việc thanh toán liên quan đến các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử sẽ là trách nhiệm của từng ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản. Ngoài ra, các hình thức thanh toán khác nêu tại CV585 như sử dụng thẻ cào viễn thông, thẻ game, ví điện tử không thuộc phạm vi sản phẩm, dịch vụ do ngân hàng cung cấp. 3.4. Trong trường hợp việc thực hiện rà soát		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
			giao dịch phải dựa trên danh sách cụ thể như đã cung cấp trong các công văn của NHNN, chúng tôi mong muốn thường xuyên được cập nhật và nhận được đầy đủ thông tin về các trò chơi bất hợp pháp/chưa được cấp phép này để có thể tiến hành sàng lọc một cách chính xác và hiệu quả nhất. Đề xuất NHNN và Bộ TTTT xem xét để thiết lập cơ chế phối hợp cung cấp và cập nhật thông tin định kỳ thường xuyên và có thông báo để các ngân hàng được biết tạo điều kiện cho việc rà soát được hiệu quả và đúng quy định. BWG, NHNN và Bộ TT&TT thống nhất tại cuộc họp rằng: Bộ TT&TT nghiên cứu và làm việc với các bên liên quan (Bộ CA, NHNN) xem xét ban hành danh sách bất hợp pháp để NHNN và các NH tiếp tục phối hợp kiểm soát giao dịch, kể cả với giao dịch mà NH đóng vai trò trung gian như thanh toán giữa Visa/MasterCard và nhà cung cấp game (bao gồm cả trò chơi được cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam thông qua kho ứng dụng Apple & Google.) Bộ TT&TT ghi nhận các ý kiến của BWG		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
			và NHNN để xem xét trong quá trình sửa đổi ND 72/2013/ND-CP trong thời gian tới. -Vụ Thanh toán (Công văn số 1407/TT2 ngày 01/12/2022): Vụ Thanh toán đã xử lý các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Vụ Thanh toán như nội dung cập nhật của Quý Vụ HTQT tại Bảng tổng hợp các vấn đề kỹ thuật và hiện tại chỉ theo dõi tình hình phối hợp xử lý từ phía Bộ Thông tin và Truyền thông (cơ quan quản lý Nhà nước về trò chơi trực tuyến). - Vụ Thanh toán (Công văn số 7854/NHNN-TT ngày 10/10/2023) triển khai công văn số 2302/PTTH&TTĐT ngày 28/29/2023 của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử - Bộ TT&TT, theo đó Cục PTTH&TTĐT cung cấp danh sách các trò chơi điện tử trên mạng không phép đang được cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam thông qua các kho ứng dụng App Store, Google Play Store. 2024: Tháng 1/2024, NHNN phản hồi rằng vấn đề này Cơ quan TTGSNH không phải là đơn vị đầu mối. Cơ quan TTGSNH sẽ phối		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
			hợp khi nhận được đề nghị từ các Bộ/ngành, đơn vị liên quan. 2025: Hiện tại, BWG đề xuất BTTT và NHNN: (i) xác nhận cách hiểu về danh sách trò chơi trực tuyến/trò chơi điện tử trên mạng không có giấy phép/chưa được cấp phép; đối tượng báo cáo nào (ví dụ chỉ tổ chức cung ứng dịch vụ/giải pháp kết nối cổng thanh toán trực tuyến) thì phải rà soát khách hàng với danh sách này; và thời điểm rà soát là trước khi thiết lập quan hệ hay thời điểm nào (ví dụ trước khi thiết lập quan hệ với đối tượng báo cáo); (ii) đề xuất cách thức BTTT ban hành danh sách đen thống nhất (ký tự tiếng Việt), cụ thể, rõ ràng, đầy đủ thông tin định danh (ngoài tên pháp lý đầy đủ thì cần có đối với cá nhân: thông tin Ngày tháng năm sinh, địa chỉ thường trú, địa chỉ cư trú, nơi ở hiện tại, hoặc đối với tổ chức thì còn cần địa chỉ trụ sở chính, đại diện theo pháp luật) hỗ trợ quá trình đối chiếu khớp đúng thông tin của các đối tượng báo cáo; (iii) đề xuất cho phép các đối tượng báo cáo đăng ký theo dõi biến động danh sách, nêu rõ nội dung thay đổi khi cập nhật danh		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
			sách (thông tin nào đã được xóa khỏi danh sách, thông tin nào vẫn giữ nguyên, thông tin nào có thay đổi), thể hiện ngày thông tin được cập nhật; và (iv) đề xuất không bao gồm tên/ký tự có chất lượng thấp do ảnh hưởng lớn đến quá trình đối chiếu khớp đúng thông tin (ví dụ 1 số tên chỉ có 1, 2 hoặc 3 ký tự).		
51.	Bù trừ trong giao dịch phái sinh (Thanh toán ròng khi chấm dứt trước thời hạn) (BWG - Ban Thị trường tài chính) (NHNN - Vụ Chính sách Tiền tệ)	BWG kiến nghị cho phép Bù trừ trong giao dịch phái sinh. - 2021 : BWG và NHNN đã trao đổi và phối hợp chặt chẽ trong quá trình xây dựng Dự thảo sửa đổi Thông tư 01/2015/TT-NHNN, thông qua hình thức đóng góp ý kiến cho Dự thảo và tổ chức 2 cuộc họp kỹ thuật để trao đổi các vướng mắc, đề xuất sửa đổi trong TT 01. Thông tư 25/2021/TT-NHNN sửa đổi bổ sung Thông tư 01 đã quy định NHTM, chi nhánh NHNNg được thực hiện thanh toán ròng (bù trừ) trong giao dịch phái sinh lãi suất. - 2024 : BWG đã gửi tới Tòa án Nhân dân Tối cao công văn góp ý Luật Phá sản sửa đổi về vấn đề thanh toán ròng (close-out netting). Tòa án Nhân dân Tối cao đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ trình	- Do vấn đề bù trừ trong giao dịch phái sinh còn liên quan tới Luật Phá sản, BWG đề xuất tiếp tục phối hợp, làm việc với NHNN, Bộ Tư pháp, Tòa án Nhân dân Tối cao trong quá trình sửa đổi Luật Phá sản các quy định liên quan. - Theo Công văn 154/CSTT3 ngày 25/01/2024, Vụ Chính sách Tiền tệ không có ý kiến bổ sung. - Ngày 09/05/2025, BWG và ISDA đã có cuộc họp chính thức với TANDTC để thảo luận chi tiết về các góp ý của BWG đối với Dự thảo Luật Phá sản sửa đổi nhằm góp ý chính sách về thanh toán ròng. - Theo yêu cầu của TANDTC, BWG sẽ chuẩn bị một báo cáo chuyên sâu về cơ chế thanh toán ròng, bao gồm, nhưng không giới hạn ở, phân tích tác động của cơ chế này đối với kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG đề xuất tiếp tục phối hợp, làm việc với NHNN, Bộ Tư pháp, Tòa án Nhân dân Tối cao trong quá trình sửa đổi Luật Phá sản các quy định liên quan.	

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
		UBTVQH thẩm định để đưa Luật Phá sản vào chương trình sửa đổi luật. - 2025: Tiếp theo những nỗ lực năm 2024, năm 2025, BWG đã tích cực vận động nhằm thúc đẩy việc công nhận hợp pháp cơ chế thanh toán bù trừ rỗng trong Luật Phá sản của Việt Nam thông qua các buổi làm việc và hội thảo tham vấn về Dự thảo Luật Phá sản sửa đổi do TANDTC, UBKTTC Quốc hội tổ chức.	và các bên liên quan khác nếu Luật Phá sản không quy định về vấn đề này. - Ngày 17/07/2025, Trưởng Ban Pháp chế và Tuân thủ của BWG đã đại diện phát biểu tham luận với chủ đề “Thanh toán rỗng trong Phá Sản – Kinh nghiệm quốc tế và chiến lược cho Việt Nam nhằm tăng trưởng tài chính bền vững, thúc đẩy kinh tế tư nhân và xây dựng trung tâm tài chính quốc tế”. - Tiếp theo các nỗ lực vận động chính sách, ngày 30/07/2025, BWG đã gửi tới Ngân hàng Nhà nước và Ủy ban Kinh tế và Tài chính Quốc hội các công văn số 30072025BWGVBF, 30072025BWGVBF1, và 30072025BWGVBF2 để đưa ra các kiến nghị sửa đổi Luật Phá sản để công nhận cơ chế thanh toán rỗng. - Cụ thể, BWG đã nêu các vấn đề sau: + Các hạn chế trong Luật phá sản hạn chế cơ chế thanh toán rỗng, bao gồm: (i) Tòa phá sản có thể quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện hợp đồng có khả năng gây bất lợi; (ii) Quản tài viên từ chối việc thực hiện bù trừ nghĩa vụ;		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
			(iii) Cấm thanh toán khoản nợ không có bảo đảm (sau khi có quyết định mở thủ tục phục hồi và thủ tục phá sản); (iv) Quản tài viên không đồng ý chấm dứt sớm giao dịch (sau khi có quyết định thủ tục phục hồi và thủ tục phá sản); (v) Giao dịch thanh toán hoặc bù trừ có lợi đối với khoản nợ chưa đến hạn (được thực hiện trong thời gian 06 tháng trước ngày Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản) có thể bị coi là vô hiệu; (vi) Tòa án, trọng tài đình chỉ giải quyết vụ việc liên quan tới nghĩa vụ tài sản/Cơ quan thi hành án dân sự tạm thi hành án dân sự về tài/tạm dừng xử lý tài sản bảo đảm; (vii) Sử dụng tài sản bảo đảm để thực hiện phục hồi kinh doanh theo nghị quyết của hội nghị chủ nợ. + Lý do cần sửa đổi Luật Phá sản + Chuẩn mực quốc tế + Mục tiêu chính sách + Đề xuất sửa đổi: (i) Khái niệm thỏa thuận thanh toán ròng. Trong đó khẳng định -> Hợp đồng khung có thỏa thuận thanh toán cùng với thỏa thuận về các giao dịch cụ thể sẽ tạo thành một hợp đồng duy nhất		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
			và -> Thanh toán ròng có áp dụng cho giao dịch bảo đảm và chuyển giao tài sản. (ii) Xác định các giao dịch tài chính được áp dụng cơ chế thanh toán ròng (“Giao Dịch Tài Chính Đáp Ứng Điều Kiện”). (iii) Không áp dụng các quy định pháp luật đang hạn chế thực hiện cơ chế thanh toán ròng bằng một trong hai cách sau: -> Cách 1: Bổ sung một điều khoản bao trùm khẳng định việc thực hiện Hợp Đồng Có Thanh Toán Ròng không bị ảnh hưởng bởi luật Phá sản. -> Cách 2: Sửa các điều khoản trong dự thảo Luật Phá Sản (đã nêu tại Bảng 1 của công văn) để không áp dụng đối với Hợp Đồng Có Thanh Toán Ròng. - Ngày 07/08/2025, BWG tham dự tọa đàm tham vấn ý kiến chuyên gia về dự án Luật Phá sản sửa đổi do Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội tổ chức. - Ngày 18/08/2025, BWG gửi Công văn số 18082025BWGVBF1 tới Vụ Pháp chế, Ngân hàng nhà nước nêu góp ý về vấn đề thanh toán ròng tại Dự thảo 3 của Luật Phá sản sửa đổi. Dựa trên khuyến nghị của UNCITRAL,		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
			Unidroit , Hiệp Hội Hoán Đổi và Phái sinh quốc tế (ISDA) và kinh nghiệm của các quốc gia khác, BWG kiến nghị sửa đổi Luật Phá Sản như sau: 1. Bổ sung khái niệm thỏa thuận thanh toán ròng theo thông lệ quốc tế, với nội dung tóm tắt như sau: (a) Mô tả về thỏa thuận Thanh toán ròng như trên. Định nghĩa này sẽ được xây dựng bằng cách tham khảo luật mẫu về thanh toán ròng của ISDA và định nghĩa thanh toán ròng đối với sản phẩm phái sinh lãi suất theo thông tư 25/2021/TT-NHNN. (b) Hợp đồng khung có thỏa thuận thanh toán cùng với thỏa thuận về các giao dịch cụ thể sẽ tạo thành một hợp đồng duy nhất (“Hợp Đồng Có Thanh Toán Ròng”). Nếu không có quy định này, mỗi giao dịch sẽ được coi là nghĩa vụ nợ riêng biệt trong phá sản. Theo đó, một số giao dịch có thể bị tạm đình chỉ, đình chỉ riêng rẽ, làm mất đi ý nghĩa của thanh toán ròng. (c) Thanh toán ròng có áp dụng cho giao dịch bảo đảm và chuyển giao tài sản. 2. Đề xuất các giao dịch tài chính được áp dụng cơ chế thanh toán ròng (“Giao Dịch Tài Chính Đáp Ứng Điều Kiện”), bao gồm:		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
			(a) Giao dịch phái sinh theo quy định của Luật Tổ Chức Tín Dụng và các văn bản hướng dẫn; (b) Giao dịch ngoại hối theo quy định của Luật Tổ Chức Tín Dụng và các văn bản hướng dẫn; (c) Các giao dịch khác mà thông tư Ngân Hàng Nhà Nước cho phép áp dụng thanh toán ròng. 3. Không áp dụng các quy định của Luật Phá Sản đang hạn chế thanh toán ròng bằng một trong hai cách sau: 3.1. Cách 1: Bổ sung một điều khoản bao trùm khẳng định việc thực hiện Hợp Đồng Có Thanh Toán Ròng không bị ảnh hưởng bởi luật Phá sản. 3.2. Cách 2: Sửa từng điều khoản trong dự thảo Luật Phá Sản để loại trừ, không áp dụng đối với Hợp Đồng Có Thanh Toán Ròng.		
52.	Về yêu cầu - phải có chữ ký kế toán trưởng	Về vấn đề này, đã có một số buổi làm việc giữa BWG và Vụ Thanh toán - NHNN và Bộ Tài chính. Nguồn gốc của vấn đề này phát	- BWG đã trao đổi với Bộ Tài chính và nhận được phản hồi qua công văn 3016/BTC-QLKT ngày 25/3/2021 như sau:	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ	Năm 2024, Vụ TCKT đã có các văn bản ⁶ tham gia ý kiến đối với Bộ

⁶ Công văn số 1001/TCKT2 ngày 26/8/2024 v/v lấy ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi một số điều của các Luật của BỘ TÀI CHÍNH gửi Pháp chế gửi Pháp chế tổng hợp.
 Công văn số 9024/NHNN-TCKT ngày 01/11/2024v/v ý kiến đối với nội dung sửa đổi bổ sung Luật kế toán về nội dung quản lý kế toán trong lĩnh vực kế toán của NHNN.
 Công văn số 1463/TCKT2 ngày 27/11/2024 ý kiến về nội dung chỉnh lý, tiếp thu hoàn thiện dự thảo Luật sửa nhiều Luật của BỘ TÀI CHÍNH gửi Pháp chế tổng hợp.

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
	trong điều hành sử dụng tài khoản ngân hàng QĐ 1789/2005/QĐ- NHNN ban hành về chế độ chứng từ kế toán (BWG - Ban Pháp chế & Tuân thủ) (NHNN - Vụ Tài chính- Kế toán phối hợp với các đơn vị liên quan NHNN)	sinh từ Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 06/03/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng, Luật kế toán và Quyết định 1789 của NHNN năm 2005. Trước đây, các NH không gặp nhiều khó khăn khi triển khai quyết định vì giao dịch được thực hiện trên giấy. Nhưng hiện nay hệ thống giao dịchs trực tuyến đã rất phát triển, từ đó phát sinh 2 nhóm chữ kí: của người đại diện theo pháp luật & kế toán trưởng và người được ủy quyền thì các yêu cầu tại Quyết định này không thực tế cho hoạt động thanh toán của các NH. Nhưng do vướng mắc của Luật kế toán và Quyết định 1789 dẫn đến việc các NH chịu rủi ro về mặt tuân thủ, do khi các khách hàng sử dụng qua hệ thống thanh toán của NH thì họ và cả NH cũng không thể chứng minh được 2 nhóm chữ kí như trong quy định. Theo các trao đổi giữa BWG và Bộ Tài chính, Bộ Tài chính cũng đồng thuận rằng các quy định này được xây dựng trên quan điểm giao dịch giấy tờ và không còn phù hợp với giao dịch điện tử như hiện nay. - Kiến nghị: Với kinh nghiệm trong việc xây dựng hệ thống ngân hàng điện tử ở ngân hàng mẹ tại các nước phát triển, BWG đề	<i>“Theo quy định của Luật Kế toán và ND 174/2016/NĐ-CP, các nội dung chủ yếu trên chứng từ kế toán khi hạch toán tại doanh nghiệp phải đảm bảo tính kiểm soát của đơn vị đối với việc ghi nhận các giao dịch kinh tế phát sinh.</i> <i>Khi tổ chức thực hiện, đối với các chứng từ kế toán bằng giấy dùng để hạch toán, chữ ký của các cá nhân có liên quan được thể hiện trên chứng từ giấy. Đối với hệ thống ứng dụng, việc ký chứng từ có thể được thể hiện qua việc thiết lập quy trình nghiệp vụ. Theo đó, việc thực hiện/đề trình/phê duyệt các bước công việc được phân quyền trong hệ thống ứng dụng kế toán của đơn vị chính là việc thể hiện yếu tố chữ ký của chứng từ kế toán. Doanh nghiệp phải xây dựng và chịu trách nhiệm của mình và khi chứng từ kế toán được duyệt qua từng khâu (thực hiện/đề trình/phê duyệt) là đã thể hiện yếu tố chữ ký của các cấp được phân quyền trên chứng từ kế toán.</i> <i>Khi tham gia các kênh thanh toán hay gửi lệnh yêu cầu thanh toán bằng giấy đến ngân hàng sau khi lập/khởi tạo chứng từ kế toán, đại diện các đơn vị giao dịch sẽ truyền lệnh (chứng từ) vào hệ thống giao</i>		Tài chính liên quan đến các vướng mắc của BWG. Thời gian tới, NHNN sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính trong quá trình tham gia ý kiến hồ sơ xây dựng Luật kế toán để tháo gỡ vướng mắc liên quan đến chứng từ kế toán điện tử nói riêng cũng như các vấn đề liên quan đến chế độ kế toán nói chung của các TCTD.

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
		xuất làm việc thêm với các cơ quan chức năng của NHNN và mong muốn được hỗ trợ NHNN trong quá trình NHNN soạn thảo, sửa chữa các luật liên quan, xây dựng hệ thống pháp lý để triển khai giao dịch điện tử tại Việt Nam - như sửa đổi Quyết định 1789 để phù hợp với tình hình phát triển của NH điện tử. - BWG đã nêu vấn đề tại diễn đàn giữa kỳ VBF 2019. NHNN phối hợp với Bộ Tài Chính trong việc sửa đổi Luật kế toán. - Theo công văn số 1488/NHNN-TCKT của NHNN, NHNN yêu cầu các TCTD báo cáo khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai QĐ 1789/2005/QĐ-NHN ban hành về chế độ chứng từ kế toán, đặc biệt là nội dung liên quan đến chứng từ điện tử và chữ ký số. BWG đã tổng hợp để báo cáo NHNN về nội dung này. - Ngày 13/09/2024, BWG đã gửi công văn số 13092024BWGVBF3 tới Vụ Kế toán Tài chính đề nghị đề xuất liên quan đến việc sửa đổi Luật Kế toán, văn bản hướng dẫn và các văn bản khác của NHNN về vấn đề chữ ký trên chứng từ kế toán (vui lòng xem mục 1, phần A.1, Nhóm 1 nêu trên).	<i>dịch hoặc gửi lệnh giấy (chứng từ) đến ngân hàng. Yêu cầu về chữ ký của các đại diện tham gia/truyền lệnh thanh toán hoặc chữ ký của các đại diện trên yêu cầu thanh toán chuyển tiền bằng giấy gửi đến ngân hàng được thực hiện theo quy định của đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán hoặc đơn vị chủ trì/quản lý hệ thống thanh toán (ví dụ như NHNN, NH thương mại, Kho bạc Nhà nước).</i> <i>Như vậy, Luật kế toán quy định về chữ ký trên chứng từ không ảnh hưởng đến việc tạo lập lệnh yêu cầu thanh toán chuyển tiền (giấy và điện tử), đồng thời cũng không ảnh hưởng đến việc tham gia thanh toán điện tử nếu quy định thanh toán điện tử của cơ quan chủ trì hệ thống quy định rõ về vấn đề này phù hợp với ứng dụng công nghệ của từng hệ thống thông tin.</i> <i>Hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng do NHNN chủ trì soạn thảo. Do đó, đối với vướng mắc về quy định kiểm soát chữ ký trong giao dịch thanh toán điện tử của các ngân hàng, đề</i>		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
			<i>ngợi BWG- VBF có ý kiến với NHNN để được giải quyết.”</i> - 2021: Vụ TCKT/ NHNN và BWG đã tổ chức cuộc họp ngày 13/5/2021. Đề xuất sửa đổi yêu cầu về trách nhiệm kiểm soát chữ ký trên lệnh thanh toán của khách hàng thuộc về doanh nghiệp khi tham gia các kênh/ phương thức truyền lệnh (Host to Host/SWIFT) mà doanh nghiệp đã đăng ký với ngân hàng: Tại cuộc họp, Vụ TCKT ghi nhận các khó khăn và thay đổi cần thiết để phù hợp với xu hướng số hóa hiện tại, và các vướng mắc ở khung pháp lý hiện tại (Luật Kế toán). NHNN sẽ làm việc thêm với Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp trong việc sửa đổi các quy định phù hợp với xu hướng hơn. Yêu cầu về số tiền bằng chữ trên chứng từ: NHNN ghi nhận khó khăn và thực tiễn trên các hệ thống SWIFT và các app của các NH. NHNN sẽ tiến hành khảo sát thực tiễn trên Sở Giao dịch và tại các NH để nghiên cứu xem đây có phải vướng mắc chung cho ngành, để tiếp tục làm việc và đề xuất với Bộ Tài chính để xử lý vấn đề này. Lưu trữ chứng từ:		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
			NHNN ghi nhận sự không đồng nhất trong quy định về thời hạn lưu trữ đóng gói chứng từ theo Quyết định 376/2003/QĐ-NHNN quy định về bảo quản lưu trữ chứng từ điện tử đã sử dụng để hạch toán và thanh toán vốn của các Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, QĐ 1789, Nghị định 174/2016/NĐ-CP và Thông tư 43/2011/TT-NHNN (Điều 248) và sẽ rà soát các văn bản liên quan và đề xuất hủy các văn bản không còn phù hợp, cũng như sửa đổi các quy định hợp lý. <u>2022:</u> Hiện nay, trên cơ sở báo cáo trả lời của các TCTD, NHNN đang tổng hợp ý kiến của các đơn vị và thời gian tới sẽ tiếp tục phối hợp với BWG, Bộ Tài chính và các Bộ ngành (Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông) để tháo gỡ dần các vướng mắc cho các TCTD. <u>Vụ Tài chính Kế toán (Công văn số 1314/TCKT1 ngày 29/11/2022):</u> NHNN đã có Công văn số 6561/NHNN-TCKT ngày 9/9/2022 gửi Bộ Tài chính để tham gia ý kiến đối với Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật Kế toán, theo đó, Vụ TCKT đã tóm tắt một số nội dung vướng mắc được các TCTD phản ánh liên quan		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
			đến Luật Kế toán 2015 như: chữ ký trên chứng từ kế toán, nội dung phải dùng bút mực, địa chỉ trên chứng từ điện tử. Đề nghị BWG tiếp tục phối hợp làm việc với Bộ Tài chính đối với nội dung vướng mắc về chữ ký kế toán trưởng trong điều hành sử dụng tài khoản ngân hàng nói riêng cũng như các vướng mắc khác tại Luật Kế toán. Đầu tháng 05/2023, NHNN đã phối hợp với Bộ Tài chính để tổ chức Hội thảo về Luật Kế toán. Theo đó, tại đây các TCTD đã có những bài tham luận để phản ánh những vướng mắc liên quan đến Luật Kế toán, trong đó có nội dung chữ ký của kế toán trưởng trong chứng từ ngân hàng và vướng mắc về chứng từ kế toán điện tử. Sau cuộc hội thảo, NHNN đã có Công văn số 7364/NHNN-TCKT ngày 20/09/2023 gửi Bộ Tài chính về thẩm quyền ban hành Chế độ kế toán áp dụng cho TCTD. Tại công văn này, NHNN đã nêu rõ thẩm quyền ban hành Chế độ kế toán cho TCTD là Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 71 Luật Kế toán năm 2015. Ngày 29/09/2023 và ngày 16/01/2024, Bộ Tài chính đã tổ chức cuộc họp với NHNN (Vụ TCKT, Vụ Pháp chế, CQTTGSNH) về nội dung liên		

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
			quan đến Công văn 7364/NHNN-TCKT. Trong thời gian tới, NHNN sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính (nếu Bộ Tài chính đề nghị) để tháo gỡ vướng mắc liên quan đến chứng từ kế toán điện tử nói riêng cũng như các vấn đề liên quan đến chế độ kế toán nói chung của các TCTD. Dự kiến 2024: Trong thời gian tới, BWG sẽ tổ chức hội thảo/ cuộc họp với Bộ Tài chính, NHNN và các đơn vị liên quan về vấn đề này.		
53.	Chứng từ kế toán điện tử (BWG - Ban Pháp chế & Tuân thủ) (NHNN - Vụ Tài chính – kế toán cùng các vụ, cục liên quan của NHNN) Bộ Thông tin –	1. Vấn đề chữ ký trên chứng từ kế toán điện tử Tham chiếu vào quy định hiện hành tại Điều 19 của Luật Kế toán 2015 và Điều 8 của Quyết định 1789/2005/QĐ-NHNN về chế độ chứng từ kế toán ngân hàng, chứng từ kế toán phải được ký bằng chữ ký tươi hoặc chữ ký điện tử. Như vậy, chỉ có 03 loại (i) Chữ ký điện tử chuyên dùng và (ii) Chữ ký số công cộng và (iii) Chữ ký số chuyên dùng công vụ mới đáp ứng được yêu cầu này. Trong khi đó, Luật GDĐT sửa đổi đã bổ	- BWG đề xuất tiếp tục phối hợp, làm việc với NHNN (Cục CNTT) và Bộ TTTT trong quá trình triển khai Luật GDĐT và xây dựng hoặc sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chữ ký điện tử để đảm bảo các quy định phù hợp với hoạt động của ngành Ngân hàng. - Đầu tháng 05/2023, NHNN đã phối hợp với Bộ Tài chính để tổ chức Hội thảo về Luật Kế toán. Theo đó, tại đây các TCTD đã có những bài tham luận để phản ánh những vướng mắc liên quan đến Luật Kế	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ BWG đề xuất tiếp tục phối hợp, làm việc với NHNN (Cục CNTT) và Bộ TTTT trong quá trình triển khai Luật GDĐT và xây dựng hoặc sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật	Phản hồi của Vụ TCKT gửi Vụ HTQT năm 2025: Năm 2024, Vụ TCKT đã có các văn bản ⁷ tham gia ý kiến đối với Bộ Tài chính liên quan đến các vướng mắc của BWG. Thời gian tới, NHNN sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính trong quá trình tham gia

⁷ Công văn số 1001/TCKT2 ngày 26/8/2024 v/v lấy ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi một số điều của các Luật của BỘ TÀI CHÍNH gửi Pháp chế gửi Pháp chế tổng hợp.
 Công văn số 9024/NHNN-TCKT ngày 01/11/2024v/v ý kiến đối với nội dung sửa đổi bổ sung Luật kế toán về nội dung quản lý kế toán trong lĩnh vực kế toán của NHNN.
 Công văn số 1463/TCKT2 ngày 27/11/2024 ý kiến về nội dung chỉnh lý, tiếp thu hoàn thiện dự thảo Luật sửa nhiều Luật của BỘ TÀI CHÍNH gửi Pháp chế tổng hợp.

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
	Truyền thông, Bộ Tài chính	sung thêm loại chữ ký thứ 4 tại khoản 4 Điều 24 Luật này: “<i>sử dụng các hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử để thể hiện sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu mà không phải là chữ ký điện tử thực hiện theo quy định khác của pháp luật có liên quan.</i>” <u>Kiến nghị:</u> Luật Kế toán 2015 và Quyết định 1789 nên sửa đổi cho phù hợp với quy định của Luật GDĐT sửa đổi bằng cách quy định chứng từ kế toán điện tử phù hợp với quy định của Luật GDĐT mới. 2. Vấn đề con dấu trên chứng từ kế toán điện tử Theo quy định tại Khoản 3 Điều 23: “<i>Trường hợp pháp luật quy định văn bản phải được cơ quan, tổ chức xác nhận thì yêu cầu đó được xem là đáp ứng đối với một thông điệp dữ liệu nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bằng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn hoặc chữ ký số của cơ quan, tổ chức đó.</i>” Điều khoản này chính là đang quy định về vấn đề con dấu của tổ chức. Một thông điệp dữ liệu được xem là đã được đóng dấu bởi tổ chức khi thông điệp đó được ký bởi 03 loại chữ ký nêu tại Khoản 1 Điều 22 Luật	toán, trong đó có nội dung chữ ký của kế toán trưởng trong chứng từ ngân hàng và vướng mắc về chứng từ kế toán điện tử. Sau cuộc hội thảo, NHNN đã có Công văn số 7364/NHNN-TCKT ngày 20/09/2023 gửi Bộ Tài chính về thẩm quyền ban hành Chế độ kế toán áp dụng cho TCTD. Tại công văn này, NHNN đã nêu rõ thẩm quyền ban hành Chế độ kế toán cho TCTD là Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 71 Luật Kế toán năm 2015. Ngày 29/09/2023 và ngày 16/01/2024, Bộ Tài chính đã tổ chức cuộc họp với NHNN (Vụ TCKT, Vụ Pháp chế, CQTTGSNH) về nội dung liên quan đến Công văn 7364/NHNN-TCKT. Trong thời gian tới, NHNN sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính (nếu Bộ Tài chính đề nghị) để tháo gỡ vướng mắc liên quan đến chứng từ kế toán điện tử nói riêng cũng như các vấn đề liên quan đến chế độ kế toán nói chung của các TCTD.	liên quan đến chữ ký điện tử để đảm bảo các quy định phù hợp với hoạt động của ngành Ngân hàng.	ý kiến hồ sơ xây dựng Luật kế toán để tháo gỡ vướng mắc liên quan đến chứng từ kế toán điện tử nói riêng cũng như các vấn đề liên quan đến chế độ kế toán nói chung của các TCTD.

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
		GDĐT. Tham chiếu đến quy định liên quan tại: - Điều 24.2 của Luật Kế toán 2015 và Điều 8.2.(c) của Quyết định 1789, tổ chức vẫn phải đóng dấu lên sổ kế toán/chứng từ kế toán. - Theo Điều 43.2 của Luật Doanh Nghiệp 2020 về con dấu, doanh nghiệp được quyền tự quyết định về loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu. Như vậy, theo quy định này doanh nghiệp có thể quyết định không có con dấu. Tuy nhiên, theo Điều 43.3 của Luật Doanh nghiệp 2020, doanh nghiệp sử dụng con dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật. - Như vậy, nếu Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn có quy định về đóng dấu lên loại tài liệu/chứng từ kế toán nào thì doanh nghiệp mới cần đóng dấu lên tài liệu/chứng từ đó. <i>Kiến nghị:</i> Đề nghị rà soát quy định phân loại loại tài liệu/chứng từ kế toán nào thì thật sự cần thiết yêu cầu con dấu, để phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Luật GDĐT mới. 3. Định nghĩa “chứng từ kế toán” Định nghĩa về “chứng từ kế toán” quy định			

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
		tại Điều 3.3 mang tính nguyên tắc dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau trong các doanh nghiệp, trong giới luật sư về diễn giải luật, thậm chí trong giới các công ty kiểm toán chuyên nghiệp. <i>Kiến nghị:</i> Bộ Tài chính giao cho NHNN hướng dẫn cụ thể về loại chứng từ ngân hàng nào là chứng từ kế toán, loại nào không phải là chứng từ kế toán để có cách hiểu và thực hiện thống nhất.			
54.	Dự thảo đề cương Luật sửa đổi Luật Kế toán (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Tài chính Kế toán) (NHNN - Vụ Tài chính Kế toán Bộ Tài chính)	Ngày 16/10/2024, BWG đã gửi công văn số 16102024BWGVBF1 tới Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Bộ Tài chính đề nghị đề cương dự thảo luật sửa đổi Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 (“ Luật Kế Toán ”). BWG đã đưa ra những đề xuất sau: 1) Liên quan đến Điều 11, Luật Kế Toán về chữ viết và chữ số sử dụng trong kế toán , BWG đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 theo hướng chấp nhận thêm chữ viết trong kế toán là tiếng Việt không dấu như sau:	BWG sẽ tiếp tục góp ý Dự thảo Luật Kế toán được đưa ra lấy ý kiến rộng rãi (nếu có).	TIẾP TỤC PHỐI HỢP XỬ LÝ	Phản hồi của Vụ TCKT gửi Vụ HTQT năm 2025: Năm 2024, Vụ TCKT đã có các văn bản ⁸ tham gia ý kiến đối với Bộ Tài chính liên quan đến các vướng mắc của BWG. Thời gian tới, NHNN sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính trong quá trình tham gia ý kiến hồ sơ xây dựng

⁸ Công văn số 1001/TCKT2 ngày 26/8/2024 v/v lấy ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi một số điều của các Luật của BỘ TÀI CHÍNH gửi Pháp chế gửi Pháp chế tổng hợp.
Công văn số 9024/NHNN-TCKT ngày 01/11/2024v/v ý kiến đối với nội dung sửa đổi bổ sung Luật kế toán về nội dung quản lý kế toán trong lĩnh vực kế toán của NHNN.
Công văn số 1463/TCKT2 ngày 27/11/2024 ý kiến về nội dung chỉnh lý, tiếp thu hoàn thiện dự thảo Luật sửa nhiều Luật của BỘ TÀI CHÍNH gửi Pháp chế tổng hợp.

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
		"1. Chữ viết sử dụng trong kế toán là tiếng Việt, tiếng Việt không dấu. Các tài liệu kế toán bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Các loại tài liệu kế toán giống nhau về nội dung, biểu mẫu thì chỉ phải dịch một lần." 2) Liên quan đến Điều 16.1.e về nội dung chứng từ kế toán, BWG đề xuất sửa đổi như sau: “Điều 16. Nội dung chứng từ kế toán 1. Chứng từ kế toán phải có các nội dung chủ yếu sau đây: e) Số lượng, đơn giá và số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính ghi bằng số; tổng số tiền của chứng từ kế toán dùng để thu, chi tiền ghi bằng số và bằng chữ. Đối với các chứng từ kế toán điện tử hoặc chứng từ phát sinh thông qua hệ thống thanh toán điện tử không bắt buộc ghi tổng số tiền bằng chữ.” 3) Liên quan đến Điều 19.3 về Ký chứng từ kế toán - Chúng tôi kiến nghị Bãi bỏ quy định yêu cầu chữ ký của kế toán trưởng trong chứng từ kế toán chi tiền. - Hoặc kiến nghị làm rõ và phân biệt chứng từ kế toán chi tiền tại điều 19.3 không bao			Luật kế toán để tháo gỡ vướng mắc liên quan đến chứng từ kế toán điện tử nói riêng cũng như các vấn đề liên quan đến chế độ kế toán nói chung của các TCTD.

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
		gồm các chứng từ kế toán phát sinh tại ngân hàng trong các nghiệp vụ sử dụng vốn bao gồm hoạt động liên ngân hàng trong nước và tài chính quốc tế, cho vay khách hàng, chuyển tiền theo yêu cầu khách hàng, v.v. <i>không yêu cầu chữ ký của kế toán trưởng trong các chứng từ kế toán điều chuyển tiền tương ứng.</i> Ngoài kiến đề xuất trên, chúng tôi cũng kiến nghị Chính phủ xem xét quy định theo hướng chứng từ kế toán nói chung chỉ cần có chữ ký người lập và 1 chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền. 4) Liên quan đến Điều 19.4, quy định bắt buộc phải có chữ ký điện tử trên chứng từ điện tử không còn phù hợp với Luật GDĐT 2023. Do vậy, chúng tôi kiến nghị Bộ Tài chính là đơn vị chủ trì soạn thảo Luật Kế toán sửa đổi xem xét đề: Chấp nhận chứng từ kế toán điện tử có thể được ký bởi chữ ký điện tử hoặc các hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử thể hiện sự chấp thuận của chủ thể ký như trong Luật GDĐT 2023. Theo đó, các đơn vị kế toán được chủ động lựa chọn chữ ký điện tử hoặc các hình thức xác nhận khác bằng			

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
		phương tiện điện tử thể hiện sự chấp thuận của chủ thể ký đối với các chứng từ kế toán. Không yêu cầu chữ ký điện tử hay hình thức xác nhận khác cho chứng từ kế toán của các bút toán hạch toán nội bộ tự động mà không có sự can thiệp của con người vào việc hạch toán kế toán. 5) Liên quan đến Điều 23 về Lựa chọn áp dụng hệ thống tài khoản kế toán, chúng tôi kiến nghị xem xét quy định như sau: "Điều 23. Lựa chọn áp dụng hệ thống tài khoản kế toán 1. Đơn vị kế toán phải căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán do Bộ Tài chính, Cơ quan quản lý ngành, Ngân hàng Nhà nước quy định để chọn hệ thống tài khoản kế toán áp dụng ở đơn vị mình. 2. Đơn vị kế toán được chi tiết các tài khoản kế toán đã chọn để phục vụ yêu cầu quản lý của đơn vị. Đối với các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài có thể sử dụng hệ thống tài khoản của Công ty mẹ ở nước ngoài hoặc thiết kế hệ thống tài khoản riêng nhưng phải đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo đúng quy định của pháp luật Kế toán Việt Nam." 6) Liên quan đến Điều 26 về mở sổ, ghi sổ,			

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
		khóa sổ và lưu trữ sổ kế toán Chúng tôi đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 7 điều 26 như sau: “7. Đơn vị kế toán được ghi sổ kế toán bằng phương tiện điện tử. Trường hợp ghi sổ kế toán bằng phương tiện điện tử thì phải thực hiện các quy định về sổ kế toán tại Điều 24, Điều 25 và các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều này, trừ việc chữ ký của người lập sổ, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; sổ trang; đóng dấu giáp lai. Sau khi khóa sổ kế toán trên phương tiện điện tử phải in sổ kế toán ra giấy và đóng thành quyển riêng cho từng kỳ kế toán năm để đưa vào lưu trữ. Trường hợp không in ra giấy mà thực hiện lưu trữ sổ kế toán trên các phương tiện điện tử thì phải bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin dữ liệu và phải bảo đảm tra cứu được trong thời hạn lưu trữ.” 7) Về điểm d, khoản 2, Điều 29. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán, chúng tôi đề xuất sửa đổi như sau: "d) Báo cáo tài chính phải có chữ ký của người lập, kế toán trưởng hoặc người phụ trách cao nhất của kế toán và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán. Người ký báo cáo tài chính phải chịu trách nhiệm về			

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
		<i>nội dung trình bày của việc lập báo cáo.”</i> 8) Liên quan đến Điều 53 về Kế toán trưởng, chúng tôi đề xuất sửa đổi như sau: <i>”Điều 53. Trưởng bộ phận kế toán</i> <i>1. Trưởng bộ phận kế toán là người đứng đầu bộ máy kế toán của đơn vị có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán trong đơn vị kế toán.</i> <i>2. Trưởng bộ phận kế toán của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ ngoài nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này còn có nhiệm vụ giúp người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán giám sát tài chính tại đơn vị kế toán.</i> <i>3. Trưởng bộ phận kế toán chịu sự lãnh đạo của người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; trường hợp có đơn vị kế toán cấp trên thì đồng thời chịu sự chỉ đạo và kiểm tra của kế toán trưởng của đơn vị kế toán cấp trên về chuyên môn, nghiệp vụ.</i> <i>4. Trường hợp đơn vị kế toán cử người phụ trách kế toán thay Trưởng bộ phận kế toán thì người phụ trách kế toán phải có các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều</i>			

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
		54 của Luật này và phải thực hiện trách nhiệm và quyền quy định cho kế toán trưởng quy định tại Điều 55 của Luật này.” 9) Liên quan đến Điều 55 về trách nhiệm và quyền của kế toán trưởng, chúng tôi đề xuất sửa đổi như sau: “Điều 55. Trách nhiệm và quyền của Trưởng bộ phận kế toán 1. Trưởng bộ phận kế toán có trách nhiệm sau đây: a) Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán; b) Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật này; c) Lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán. 2. Trưởng bộ phận kế toán có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.” Ngoài ra, Luật Kế toán nên quy định thêm về Giám đốc tài chính; với những nội dung như: tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc tài chính; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc tài chính; Quan hệ giữa Giám đốc tài chính với Kế toán trưởng. 10) Liên quan đến Điều 71 về Quản lý nhà nước về kế toán, chúng tôi đề xuất sửa đổi như sau:			

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG	Phản hồi của NHNN (.....)
		“Điều 71. Quản lý nhà nước về kế toán 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kế toán. 4. Ngân hàng Nhà nước, ngoài các quy định tại khoản 3 Điều này, chịu trách nhiệm ban hành chế độ kế toán, hướng dẫn hạch toán, kế toán, quy định về chế độ, chứng từ kế toán, sổ kế toán hoặc các văn bản quy phạm pháp luật về kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh nước ngoài của tổ chức tín dụng thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo tuân thủ chuẩn mực về kế toán quy định trong Luật này.”			

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
A. Nhóm vấn đề chưa được xử lý
A.2. Các vấn đề mới phát sinh trong năm 2025

A.2. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2025 (0 VẤN ĐỀ)

Không có

B. NHÓM VẤN ĐỀ ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ (16 VẤN ĐỀ)
B.1. CÁC VẤN ĐỀ CŨ TỪ NĂM 2024 (06 VẤN ĐỀ CŨ)

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	<u>Nội dung</u>	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
55.	Truy thu hồi tổ thuế GTGT đối với phí Thu tín dụng (L/C) (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Tài chính – Kế toán) (Vụ Tín dụng các ngành Kinh tế)	Đề xuất không áp dụng truy thu hồi tổ thuế GTGT đối với phí L/C có tính chất tín dụng. Từ năm 2020 đến tháng 4/2025, BWG nhiều lần gửi công văn đến NHNN, Tổng Cục thuế, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ và Thủ tướng về vấn đề này. BWG cũng có nhiều buổi làm việc với các cơ quan hữu quan.	- Bộ Tài chính vẫn giữ nguyên quan điểm và đã ban hành Công văn số 1917/BTC-TCT gửi Thủ tướng Chính phủ, đề xuất việc thu lãi chậm nộp và các khoản phạt hành chính. - Vào ngày 13 tháng 3 năm 2025, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý với đề xuất nêu trên của Bộ Tài chính thông qua Công văn số 2049/VPCP-KTTH ngày 13 tháng 3 năm 2025. - Ngày 4 tháng 4 năm 2025, Cục Thuế đã ban hành Công văn số 476/CT-DNL để hướng dẫn các cơ quan thuế địa phương thực hiện việc thu lãi chậm nộp từ các ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài. - Việc ban hành Công văn số 2049 của Văn phòng Chính phủ, tiếp theo là Công văn số 476 của Cục Thuế, dường như đã đánh dấu kết thúc cho vấn đề này. Do đó, các thành viên nhìn chung cảm thấy không còn kỳ vọng vào bất kỳ thay đổi nào đối với tình hình hiện tại.	ĐÃ XỬ LÝ
56.	Chữ ký điện tử (BWG - Ban Pháp chế & Tuân thủ) (NHNN - Cục Công nghệ Thông tin đầu mối phối hợp với Vụ Thanh toán, Vụ Pháp chế) Bộ Thông tin và Truyền thông	Trong thời gian 2023 – 2024, BWG nhiều lần gửi công văn đến các cơ quan hữu quan đề xuất đề xuất khách hàng và đối tác của tổ chức tạo lập chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn cũng phải được phép sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn do tổ chức tạo lập đó tạo ra.	Ngày 21/02/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy. Tại Nghị định này, Bộ TTTT vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	Nội dung	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
57.	Luật Dữ liệu (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Công nghệ Thông tin) (Cục Công nghệ Thông Tin)	- Ngày 29/08/2024, BWG đã gửi góp ý Dự thảo 2 Luật Dữ liệu đến các cơ quan liên quan của Bộ Công an. - Ngày 31/08/2024, BWG cùng VBF gửi góp ý Dự thảo 2 Luật Dữ liệu đến Bộ Tư pháp.	Ngày 25 và 26/10/2024, BWG đã được Bộ Công An mời tham dự cuộc họp góp ý dự thảo Luật Dữ liệu. Ngày 30/11/2024 Luật Dữ Liệu số 60/2024/QH15 đã được Quốc hội thông qua.	ĐÃ XỬ LÝ
58.	Dự thảo Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ (BWG - Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Tài chính – kế toán) Tổng Cục thuế, Bộ Tài chính	2023: BWG đã gửi ý kiến đóng góp về bản dự thảo của Nghị định 123 tới Tổng Cục thuế/Bộ Tài chính. 2024: Tháng 7/2024, BWG tiếp tục gửi ý kiến đóng góp về dự thảo lần 3 của Nghị định thay thế Nghị định 123.	Chính phủ đã ban hành Nghị định 70/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 123.	ĐÃ XỬ LÝ
59.	Thủ tục Cấp phép đối với lao động nước ngoài (BWG - Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Nhân sự) Bộ LĐTBXH	<u>Vướng mắc:</u> Kể từ khi Nghị định 70/2023/NĐ-CP có hiệu lực, những doanh nghiệp này phải thực hiện các Thủ tục Cấp phép đối với lao động nước ngoài tại Bộ LĐTBXH (thay vì tại Sở LĐTBXH như thực tiễn hiện nay). Theo đó, các doanh nghiệp được yêu cầu phải nộp lại giấy phép lao động do Sở LĐTBXH cấp và nộp lại hồ sơ xin cấp phép với Bộ LĐTBXH. <u>Đề xuất</u> (i) Bảo toàn hiệu lực của Giấy phép lao động hiện tại do Sở LĐTBXH cấp cho tới khi hết hiệu lực. (ii) Trong trường hợp doanh nghiệp bắt đầu quá trình xin Giấy phép lao động hoặc Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động mới tại	Vấn đề này đã được xử lý sau khi Nghị định 219/2025/NĐ-CP quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam được Chính phủ ban hành.	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.1. Các vấn đề cũ từ năm 2024

TT	Vấn đề / Đơn vị phụ trách	<u>Nội dung</u>	Tiến trình xử lý Phản hồi của NHNN và các bộ ngành	Kết luận và Đề xuất
		Bộ LĐTBXH; trong khi giấy phép hiện tại do Sở LĐTBXH cấp vẫn còn hiệu lực: kính đề xuất Bộ LĐTBXH tiếp tục thừa nhận hiệu lực của giấy phép lao động do Sở LĐTBXH cấp trước đó. (iii) Đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian xử lý trong quy trình cấp phép.		
60.	Dự thảo Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Công nghệ Thông tin) (NHNN – Cục CNTT)	Ngày 22/11/2024, BWG đã gửi công văn số 22112024BWGVBF tới Cục an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Bộ Công an để góp ý Dự thảo Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân (“ Dự thảo ”).	Quốc hội đã ban hành Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 26/06/2025.	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.2. Các vấn đề mới phát sinh trong năm 2025

B.2. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG NĂM 2025 (10 VẤN ĐỀ)

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG
61.	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Công nghệ Thông tin) (Trung tâm Dữ liệu Quốc gia (C12) - Bộ Công An Cục Pháp chế và Cải cách hành chính, tư pháp (V03) - Bộ Công An Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) - Bộ Công An)	BWG đã gửi góp ý đối với Dự thảo Luật Dữ liệu.	- Ngày 30/06/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định 165/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.	ĐÃ XỬ LÝ
62.	Dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Công nghệ Thông tin) (Trung tâm Dữ liệu Quốc gia (C12) - Bộ Công An Cục Pháp chế và Cải cách hành chính, tư pháp (V03) - Bộ Công An Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) - Bộ Công An)	BWG đã gửi góp ý đối với Dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu. .	- Ngày 29/06/2025, Chính phủ đã ban hành Quy định về Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia.	ĐÃ XỬ LÝ
63.	Dự thảo Quyết định ban hành	BWG đã gửi góp ý đối với Dự	Ngày 01/07/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành	ĐÃ XỬ

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.2. Các vấn đề mới phát sinh trong năm 2025

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG
	danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Công nghệ Thông tin) (Trung tâm Dữ liệu Quốc gia (C12) - Bộ Công An Cục Pháp chế và Cải cách hành chính, tư pháp (V03) - Bộ Công An Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) - Bộ Công An)	thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi.	Quyết định 20/2025/QĐ-TTg ban hành danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi.	LÝ
64.	Dự thảo 19 Nghị quyết về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (BWG – Ban Pháp chế & tuân thủ) (Bộ Tài chính)	BWG gửi góp ý đối với Dự thảo 19 Nghị quyết về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.	Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 222/2025/QH15 về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.	ĐÃ XỬ LÝ
65.	Dự thảo 23 Nghị quyết về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (BWG – Ban Pháp chế & tuân thủ) (Ủy ban Kinh tế và Tài chính - Quốc hội)	Ngày 17/04/2025, BWG đã gửi công văn số 17042025BWGVBF tới Ủy ban Kinh tế và Tài chính Quốc hội để đưa ra kiến nghị đối với Dự thảo 23 Nghị quyết về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.	Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 222/2025/QH15 về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.	ĐÃ XỬ LÝ
66.	Thư cảm ơn và tham gia góp ý đối với dự thảo các văn bản quy	Sau cuộc họp với Bộ Công an ngày 10/04/2025, ngày 18 tháng	- Ngày 29/06/2025, Chính phủ đã ban hành Quy định về Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia.	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.2. Các vấn đề mới phát sinh trong năm 2025

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG
	phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Dữ liệu (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Công nghệ Thông tin) (Trung tâm dữ liệu – Bộ Công an)	04 năm 2025, BWG và Nhóm Kinh tế số của VBF đã gửi công văn số 18042025BWGVBF tới Trung tâm Dữ liệu Quốc gia thuộc Bộ Công an (C12) để gửi lời cảm ơn và tham gia góp ý đối với dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Dữ liệu.	- Ngày 30/06/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu. - Ngày 30/06/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định 165/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu. - Ngày 01/07/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 20/2025/QĐ-TTg ban hành danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi.	
67.	Ý kiến đóng góp liên quan tới hiệu lực thi hành của Nghị Định 70/2025/ND-CP ngày 20/03/2025 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Tài chính Kế toán) (Bộ Tài chính, Tổng Cục thuế)	Ngày 21/04/2025, BWG đã gửi công văn tới Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế để đóng góp ý kiến liên quan tới hiệu lực thi hành của Nghị Định 70/2025/ND-CP ngày 20/03/2025 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ ("Nghị định 70").	BWG đã liên lạc qua điện thoại với Phòng Thuế gián thu - Ban Chính sách của Cục thuế, đơn vị phụ trách xử lý công văn của BWG. Chuyên viên phụ trách nói rằng Cục thuế ghi nhận khó khăn này và báo cáo Bộ Tài chính về khó khăn này. Tuy nhiên, do thời hạn đã được quy định tại Nghị định và Nghị định này áp dụng với mọi đối tượng nên khả năng được gia hạn thời hạn áp dụng Nghị định 70 gần như là không thể và Cục Thuế sẽ không phản hồi bằng văn bản.	ĐÃ XỬ LÝ
68.	Vướng mắc trong triển khai định danh điện tử doanh nghiệp trong trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài trong lĩnh vực lao động	Ngày 26/06/2025, BWG đã gửi công văn số 26062025BWGVBF tới Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ Hà Nội và Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh để	Bộ Nội vụ đã phản hồi BWG thông qua Công văn số 935/CVL-CSVL ngày 08/07/2025 ("Công văn 835"). Theo Công văn 835, không có quy định bắt buộc cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp phải thực hiện nộp hồ sơ qua các dịch vụ công trực tuyến.	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.2. Các vấn đề mới phát sinh trong năm 2025

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG
	(BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Nguồn nhân lực) (Bộ Nội vụ)	nêu các vướng mắc và đề xuất liên quan trong triển khai định danh điện tử doanh nghiệp trong trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài và đưa ra các đề xuất liên quan.		
69.	Vướng mắc trong triển khai định danh điện tử doanh nghiệp trong trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Nguồn nhân lực) (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam)	Ngày 26/06/2025, BWG đã gửi công văn số 26062025BWGVBF1 tới Bảo hiểm Xã hội Việt Nam để nêu các vướng mắc và đề xuất liên quan trong triển khai định danh điện tử doanh nghiệp trong trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài và đưa ra các đề xuất liên quan.	Đại diện của BHXH Việt Nam đã phản hồi tại buổi Đối thoại liên bộ và VBF về vướng mắc liên quan đến việc sử dụng định danh của tổ chức và thay đổi địa giới hành chính vào ngày 08/07/2025,.	ĐÃ XỬ LÝ
70.	Vướng mắc trong triển khai định danh điện tử doanh nghiệp trong trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài trong lĩnh vực thuế (BWG – Ban Pháp chế & Tuân thủ và Ban Tài chính) (Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế)	Ngày 26/06/2025, BWG đã gửi công văn số 26062025BWGVBF2 tới Cục thuế và Bộ Tài chính để nêu các vướng mắc và đề xuất liên quan trong triển khai định danh điện tử doanh nghiệp trong trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài và đưa	Cục thuế đã giải quyết vấn đề này tại công văn 2065/CV-NVT ngày 26/06/2025, buổi đối thoại về vướng mắc liên quan đến việc sử dụng định danh của tổ chức và thay đổi địa giới hành chính vào ngày 08/07/2025 và Công văn số 2242 ngày 10/07/2025 phản hồi BWG.	ĐÃ XỬ LÝ

Nhóm 2: Nhóm vấn đề thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, Ngành khác cần sự phối hợp của NHNN
B. Nhóm vấn đề đã được xử lý
B.2. Các vấn đề mới phát sinh trong năm 2025

TT	Các vấn đề/ Các đơn vị thực hiện NHNN/ Văn bản liên quan	Nội dung chi tiết	Tiến trình xử lý & Phản hồi của NHNN/ Các bộ, ngành	Kết luận & Đề xuất của BWG
		ra các đề xuất liên quan.		

BÀI PHÁT BIỂU KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VỐN VIỆT NAM

I. Chính sách khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho đầu tư dài hạn vào quỹ nội địa

Kính thưa Thủ tướng, kính thưa các đồng chí lãnh đạo Bộ Tài chính,

Tôi xin phép trình bày một đề xuất có ý nghĩa nền tảng đối với việc phát triển thị trường vốn Việt Nam, đó là **cho phép khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với các khoản đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư chứng khoán được thành lập hợp pháp tại Việt Nam.**

1. Cơ sở và lợi ích của chính sách

Sau hơn **25 năm hình thành và phát triển**, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm, nhưng **hiệu suất đầu tư bình quân vẫn đạt gần 13%/năm**, và các quỹ đầu tư chuyên nghiệp thậm chí đạt trên 15%/năm.

Đây là bằng chứng cho thấy **đầu tư dài hạn vào thị trường vốn là kênh tích sản hiệu quả và bền vững.**

Tại các quốc gia phát triển, người dân đều **tích lũy phần lớn tài sản hưu trí thông qua đầu tư tài chính**, đặc biệt là qua các quỹ đầu tư. Chính phủ các nước này **sử dụng chính sách thuế linh hoạt để huy động nguồn vốn nhân rồi của người dân**, đồng thời **định hướng đầu tư dài hạn cho nền kinh tế.**

Thuế, trong bối cảnh này, là công cụ chính sách mạnh mẽ nhất để vừa khuyến khích người dân đầu tư, vừa phát triển thị trường vốn một cách bền vững.

2. Tác động tích cực của chính sách – “một mũi tên, bốn đích đến”

- 1) **Khuyến khích đầu tư dài hạn:** Việc được khấu trừ một phần thuế thu nhập cá nhân giúp người dân có động lực đầu tư lâu dài, đồng thời tăng tỷ trọng nhà đầu tư tổ chức trong hệ thống.
- 2) **Hình thành nguồn vốn bền vững:** thuế là “**vốn môi của Nhà nước**”, và huy động được nguồn lực trong dân, huy động được sức dân. Nếu tính rọ là nhà nước bỏ một đồng, dân bỏ vào 4 đồng.
- 3) **Chuẩn bị cho giai đoạn già hóa dân số:** Dự báo đến năm 2040, **tuổi trung vị của dân số Việt Nam sẽ đạt khoảng 40 tuổi**. Việc **xây dựng sớm hệ thống tích lũy hưu trí cá nhân** là yêu cầu thiết yếu để đảm bảo an sinh xã hội lâu dài.
- 4) **Giảm phụ thuộc vào nền kinh tế ngân hàng:** định giá của thị trường chúng ta luôn ở mức thấp so với khu vực, nghĩa là chi phí huy động vốn tự có của doanh nghiệp luôn cao hơn khu vực. Việc phát triển thị trường làm huy động vốn tự có dễ dàng hơn cũng giúp giảm rủi ro phụ thuộc vào nguồn vốn ngân hàng không. Đây là **hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững.**

Chính sách này cũng **phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước** trong việc khuyến khích nguồn lực trong dân, **tích sản thông minh và đóng góp cho nền kinh tế.**

3. Kiến nghị

Đây là chính sách mang tính đột phá và chưa có tiền lệ. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị cần có sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng bộ Tài chính để thống nhất chủ trương, cho phép nghiên cứu, thí điểm và triển khai trong khuôn khổ hợp lý.

II. Khoi thông và thu hút nguồn vốn nước ngoài

Kính thưa Thủ tướng, kính thưa các đồng chí,

Trước hết, cho phép tôi bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc tới Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vì đã quyết liệt thực hiện nhiệm vụ nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam — một cột mốc mà chúng ta đã kiên trì theo đuổi suốt hơn 16 năm và thật ra làm trong 1 năm vừa qua.

Việc nâng hạng thị trường không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật, mà quan trọng hơn, là lời khẳng định với thế giới rằng Việt Nam đã đạt chuẩn mực quốc tế về độ sâu, minh bạch và năng lực quản trị.

Tuy nhiên, cần nhìn nhận rằng việc nâng hạng là điều kiện cần nhưng chưa đủ để tự động thu hút dòng vốn quốc tế quay trở lại.

1. Thực trạng

Trong năm 2024, khối ngoại đã rút ròng gần 4 tỷ USD, và năm 2025 dự kiến tiếp tục rút thêm hơn 5 tỷ USD.

Tổng cộng gần 10 tỷ USD bị rút ra khỏi Việt Nam chỉ trong hai năm — tương đương 12–13% dự trữ ngoại hối quốc gia. Đây không chỉ là vấn đề của thị trường vốn, mà đã trở thành vấn đề vĩ mô, ảnh hưởng đến cân bằng thanh khoản và ổn định tỷ giá.

Hiện nay, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam chỉ khoảng 14%, thấp hơn nhiều so với Indonesia, Malaysia, Philippines, hay Hàn Quốc – nơi tỷ lệ này dao động 20–40%.

Nếu Việt Nam chỉ cần nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài lên 20–25%, dự trữ ngoại hối quốc gia có thể tăng thêm từ 15 đến 30 tỷ USD.

2. Nhận định thực tiễn

Trong suốt 25 năm hình thành và vận hành của thị trường chứng khoán, chưa từng có trường hợp nào nhà đầu tư nước ngoài kiểm soát doanh nghiệp Việt Nam theo hướng gây ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế vĩ mô.

Họ hoạt động trên đất Việt Nam, theo luật Việt Nam, nên không có cơ sở để lo ngại họ đi ngược lại lợi ích dân tộc.

3. Kiến nghị cụ thể

Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét:

- Chỉ giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với những ngành thật sự liên quan đến an ninh quốc gia.

- **Mở room tối đa (tới 100%)** cho các ngành, lĩnh vực khác.

Việc này sẽ tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tổ chức lớn toàn cầu tham gia sâu hơn, giúp thị trường chứng khoán Việt Nam trở nên hấp dẫn, thanh khoản cao, và quan trọng nhất, đóng góp trực tiếp vào ổn định kinh tế vĩ mô và tăng cường dự trữ ngoại hối.

Kính thưa Thủ tướng và các đồng chí,

Hai đề xuất trên – **(1) khấu trừ thuế cho đầu tư dài hạn trong nước, và (2) mở rộng room cho vốn ngoại** – là **hai mũi đột phá song hành**, một bên khơi thông **vốn trong nước**, một bên thu hút **vốn quốc tế**.

Nếu được triển khai đồng bộ, đây sẽ là bước tiến chiến lược giúp thị trường vốn Việt Nam phát triển bền vững, đồng thời giảm phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng, tăng khả năng chống chịu vĩ mô, và đưa Việt Nam tiến gần hơn tới mục tiêu trở thành nền kinh tế thu nhập cao vào năm 2045.

Xin trân trọng cảm ơn.

TỔNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG	KIẾN NGHỊ	CƠ QUAN KIẾN NGHỊ
1.	Quy: Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với đầu tư dài hạn vào quỹ nội địa	Đề xuất cho phép khấu trừ thu nhập cá nhân đối với khoản đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư chứng khoán được thành lập hợp pháp tại Việt Nam nhằm: 1. Khuyến khích người dân tiết kiệm và đầu tư có kỷ luật, thúc đẩy văn hóa đầu tư dài hạn thay vì tích trữ tiền nhàn rỗi. 2. Giảm chi phí vốn: Trong bối cảnh phát hành cổ phiếu mới theo mệnh giá (không phụ thuộc giá thị trường), và trái phiếu doanh nghiệp có mức lãi suất cao hơn trái phiếu Chính phủ khoảng 700 điểm cơ bản, thị trường cổ phiếu và trái phiếu đều là những kênh huy động vốn đắt đỏ. Việc tham gia ngày càng lớn mạnh của nhà đầu tư tổ chức theo thời gian sẽ góp phần giảm chi phí vốn và hỗ trợ khu vực tư nhân. 3. Cung cấp nguồn vốn cho thị trường vốn, giảm phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững. 4. Giảm áp lực cho hệ thống an sinh xã hội trong dài hạn thông qua cơ chế đầu tư – tích lũy thay vì phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. 5. Phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc khuyến khích người dân làm giàu hợp pháp.	Cho phép khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với các khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ có thời gian nắm giữ lâu dài (ví dụ từ 3 năm trở lên).	Bộ Tài Chính, Thủ Tướng Chính Phủ

		Ngoài ra, khoản thu nhập cổ tức từ khoản đầu tư chứng chỉ quỹ hiện tại chịu thuế thu nhập cá nhân ở mức thuế suất 5%. Quy định này đang khiến đầu tư chứng chỉ quỹ kém hấp dẫn đối với nhà đầu tư cá nhân so với các kênh đầu tư khác (ví dụ như lãi gửi tiền tại các tổ chức tín dụng được loại trừ khỏi thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân).		
2.	Quỹ: <i>Tư cách pháp nhân của quỹ đầu tư chứng khoán</i>	Pháp luật Việt Nam hiện không công nhận tư cách pháp nhân của quỹ đầu tư chứng khoán. Điều này gây khó khăn đối với hoạt động (ví dụ: cho vay, đầu tư ra nước ngoài, thực hiện quyền biểu quyết, v.v.). Việc công nhận tư cách pháp nhân của quỹ đầu tư chứng khoán sẽ giúp mang lại các lợi ích chính sau đây: 1. Cho phép quỹ vay vốn, tận dụng cơ hội thị trường (tương tự như quỹ ngoại đang thực hiện tại Việt Nam). 2. Sở hữu tài sản hợp pháp, minh bạch, tăng cường niềm tin của nhà đầu tư, đặc biệt là tổ chức nước ngoài. 3. Tăng trách nhiệm và khả năng cạnh tranh trong ngành quản lý quỹ, tạo điều kiện để quỹ thay đổi công ty quản lý khi cần. 4. Tiệm cận thông lệ quốc tế, cải thiện tính hấp dẫn và chuẩn hóa của thị trường quản lý quỹ Việt Nam.	Luật Chứng khoán (và các văn bản hướng dẫn) cần sửa đổi để công nhận tư cách pháp nhân của các quỹ đầu tư chứng khoán.	Bộ Tài chính, UBCKNN, Thủ Tướng Chính Phủ
3.	Quỹ: <i>Mô hình công ty đầu tư chứng khoán còn nhiều bất cập</i>	Luật chứng khoán có quy định về mô hình công ty đầu tư chứng khoán có tư cách pháp nhân. Tuy	Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn, Luật thuế thu nhập	Bộ Tài chính, UBCKNN

	về mặt quản trị và thuế	nhiên trên thực tế, chưa có bất kỳ công ty đầu tư chứng khoán nào được thành lập do những bất cập của mô hình này, bao gồm: - Công ty đầu tư chứng khoán vẫn phải tuân thủ các yêu cầu về quản trị như một công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp. Quy định này dẫn tới sự chồng chéo (giữa bộ máy quản lý, điều hành của công ty quản lý quỹ và công ty đầu tư chứng khoán) và làm gia tăng chi phí và nhân lực trong công tác quản trị; - Công ty đầu tư chứng khoán là đối tượng đóng thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện tại là 20%. Trong khi đó các quỹ đầu tư chứng khoán không thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.	doanh nghiệp cần được xem xét điều chỉnh theo hướng: - miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với công ty đầu tư chứng khoán. - đơn giản hóa các yêu cầu về quản trị đối với công ty đầu tư chứng khoán.	
4.	Quỹ: Cần đa dạng hoá loại hình quỹ	Hiện tại, các loại quỹ có thể được thành lập tại Việt Nam vẫn chỉ bao gồm quỹ đóng, quỹ mở và quỹ ETF. Tuy nhiên, nhiều loại hình quỹ đầu tư như quỹ chỉ số, quỹ đầu tư công cụ thị trường tiền tệ, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục mới chưa xuất hiện tại Việt Nam nhưng đã và đang ngày càng phổ biến trên thế giới. Việc pháp luật Việt Nam ghi nhận và cho phép thành lập các loại quỹ này cũng đồng thời giúp tăng tính hấp dẫn và cạnh tranh của thị trường chứng khoán – thị trường vốn Việt Nam và phù hợp với mục tiêu được đặt ra trong Nghị quyết 66-NQ/TW⁹ về đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, chủ động	Khung pháp lý điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư nói chung và Thông Tư 98 nói riêng cần được rà soát, sửa đổi và bổ sung để tạo điều kiện cho việc thành lập và vận hành các loại hình quỹ mới như: (a) Quỹ chỉ số (b) Quỹ đầu tư công cụ thị trường tiền tệ (quỹ MM – Money Market Fund) (c) Quỹ đầu tư bất động sản (REIT) (d) Các loại hình quỹ hoán đổi	Ban Quản Lý Các CTQLQ và Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán, UBCKNN

⁹ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

		nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm của thế giới; nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “hai con số”; góp phần thực hiện mục tiêu bảo đảm nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh và đa dạng hoá nguồn vốn cho kinh tế tư nhân được nêu tại Nghị quyết 68-NQ/TW¹⁰.	danh mục (ETF) mới như: quỹ ETF vàng, quỹ ETF hàng hóa, quỹ ETF mô phỏng linh hoạt (Leverage/ Inverse), quỹ ETF tiền điện tử (nhất là trong bối cảnh Chính Phủ đang nghiên cứu triển khai sản giao dịch tiền điện tử).	
5.	Quỹ: Thủ tục công bố thông tin đối với thành viên tạo lập thị trường của các quỹ ETF		Cần rà soát khung pháp lý hiện tại để đơn giản hóa thủ tục công bố thông tin cho thành viên tạo lập thị trường đối với các quỹ ETF.	Ban Quản Lý Các CTQLQ và Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán, UBCKNN
6.	Quỹ: Cho phép các đơn vị cung cấp bộ chỉ số (ngoài VNX) cho quỹ ETF	Hiện tại chỉ có Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam (VNX) có thẩm quyền xây dựng bộ chỉ số. Các bộ chỉ số hiện hữu chủ yếu mang tính chất đại diện thị trường, nhóm ngành nghề chứ chưa bám sát nhu cầu của quỹ ETF là khả năng sinh lợi cao nhất. Việc cho phép những đơn vị cung cấp bộ chỉ số (ví dụ các tổ chức tài chính quốc tế như FTSE, MSCI...) xây dựng bộ chỉ số để giúp đa dạng hóa sản phẩm quỹ ETF trên thị trường, tăng thêm lựa chọn cho nhà đầu tư, phù hợp với quan điểm chỉ đạo: việc xây dựng pháp luật cần tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển được	Đề xuất cho phép những đơn vị cung cấp bộ chỉ số (ví dụ các tổ chức tài chính quốc tế như FTSE, MSCI...) được phép xây dựng bộ chỉ số cho quỹ ETF.	Ban Quản Lý Các CTQLQ và Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán, UBCKNN; Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam

¹⁰ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân

		đặt ra tại Nghị quyết 66-NQ/TW.		
7.	Quỹ: Hạn chế đầu tư đối với quỹ hưu trí tự nguyện	Nghị định 88/2016/NĐ-CP (Nghị định 88) quy định quỹ hưu trí tự nguyện chỉ được đầu tư vào các loại tài sản sau: (a) tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; (b) trái phiếu Chính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương (gọi tắt là TPCP); và (c) chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán. Quỹ hưu trí cũng phải đảm bảo tỷ trọng giá trị đầu tư TPCP (bao gồm cả Khoản đầu tư TPCP thông qua chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán) tối thiểu bằng 50% trong tổng giá trị tài sản quỹ hưu trí. Quy định này đang tạo ra nhiều trở ngại lớn đối với hoạt động của các quỹ hưu trí tự nguyện: • Khá khó thực hiện khi quy mô quỹ hưu trí còn nhỏ; có 2 vấn đề tồn tại: (i) khó khăn khi tìm lô lẻ; và (ii) phải mua với giá cao hơn với số lượng lô lẻ. • Kéo giảm đáng kể hiệu quả hoạt động của quỹ hưu trí (do lợi tức TPCP đang ở mức thấp lịch sử). Điều này tạo ra rủi ro dài hạn đối với quỹ hưu trí do hiệu quả hoạt động không thể đáp ứng yêu cầu của những người đóng góp và không thể tạo ra đủ nguồn quỹ hưu trí. • các quỹ hưu trí không có sự khác biệt trong chiến lược đầu tư và hạn chế khả năng đa dạng hóa giữa các quỹ hưu trí.	Nghị định 88 cần được sửa đổi để cải thiện các hạn chế đầu tư áp dụng với quỹ hưu trí theo hướng: • Giảm mức đầu tư TPCP tối thiểu xuống 30% tổng tài sản. Điều này giúp cải thiện hiệu quả hoạt động của quỹ hưu trí. • Hiện tại, thời gian dung sai chỉ 15 ngày được cấp cho các quỹ hưu trí trước khi tuân thủ hoàn toàn giới hạn đầu tư 50% TPCP. Nó tạo ra tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của các quỹ hưu trí và do đó vô tình ảnh hưởng đến các chủ tài khoản vì nhà quản lý đầu tư sẽ phải tuân thủ quy định và chạy theo mua TPCP để tuân thủ ở mức giá không tối ưu. Các quỹ hưu trí nên có thời gian dung sai 3 năm trước khi hoàn toàn tuân thủ giới hạn đầu tư 30% TPCP. Trong thời gian đó, 30% tổng tài sản có thể đầu tư vào tiền gửi ngân hàng hoặc các sản phẩm tương tự.	Bộ Tài Chính
8.	Quỹ: Định hướng khác trong thiết kế chính sách thuế và mục	Nghị định 88 và Thông tư 86/2018/TT-BTC (Thông tư 86) cho thấy thiết kế của hệ thống thuế là EET	Cần điều chỉnh thống nhất mô hình thuế áp dụng là EET. Đây là	Bộ Tài Chính

	<i>đích của chương trình hưu trí tự nguyện</i>	(miễn thuế cho các giai đoạn đóng góp và đầu tư, và tính thuế ở giai đoạn chi trả). Trong khi đó, cách giải thích quy định pháp luật của Tổng cục Thuế¹¹ chỉ ra rằng tất cả đóng góp cho quỹ hưu trí tự nguyện sẽ là từ thu nhập sau thuế và do đó hệ thống thuế lại đang theo mô hình TEE (tính thuế ở giai đoạn đóng góp, miễn thuế đối với các giai đoạn đầu tư và chi trả). Sự thiếu nhất quán trong thiết kế chính sách thuế này không hỗ trợ mục tiêu chung của quỹ hưu trí tự nguyện nhằm tạo thu nhập bổ sung cho người hưu trí.	mô hình tốt nhất để phục vụ mục đích tiết kiệm cho thu nhập lương hưu của quỹ hưu trí tự nguyện. Mô hình này có thể áp dụng và phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Lưu ý rằng việc miễn trừ thuế trong giai đoạn đóng góp là một phần với mức tối đa/mức trần được áp dụng.	
9.	Quy: Các khoản phạt về thuế đối với việc rút tiền sớm từ quỹ hưu trí tự nguyện	Các quy định pháp luật về thuế hiện tại không có bất kỳ chế tài thuế nào đối với việc rút tiền sớm từ quỹ hưu trí tự nguyện. Bên cạnh đó, không có quy định rằng những người đóng góp quỹ hưu trí tự nguyện phải duy trì số dư tài khoản cho đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu luật định. Nếu không có các chế tài thuế thích hợp, những người đóng quỹ hưu trí tự nguyện có thể rút lui bất cứ lúc nào, gây ảnh hưởng tới hệ thống quỹ hưu trí tự nguyện và không thể đáp ứng mục đích tạo ra quỹ lương hưu.	Chế tài thuế (ví dụ 20% trên tổng số tiền chi trả) nên được áp dụng cho việc rút tiền sớm để khuyến khích mọi người duy trì số dư tài khoản cho đến khi nghỉ hưu. Các chế tài thuế cần thiết với mọi mô hình thuế.	Bộ Tài Chính
10.	Quy: Quy định quy tắc đối với giai đoạn chi trả để đảm bảo mục đích của chương trình hưu trí bổ sung	Nghị định 88 và Thông tư 86 quy định giai đoạn chi trả hiện tại chỉ bao gồm 02 lựa chọn: • Trả một lần (không chịu thuế tài sản); và • Chi trả định kỳ (120 lần chi trả trở lên để được miễn thuế).	Thiết kế giai đoạn chi trả này nên được thiết kế cùng với các chính sách thuế nhằm hướng dẫn những người đóng góp cho quỹ hưu trí tự nguyện hướng tới việc nhận các khoản thanh toán thường xuyên để tạo nguồn thu nhập lương hưu. Đề	Bộ Tài Chính

¹¹ Công văn số 811/TCT-DNNCN của Tổng cục Thuế ngày 24/03/2021 gửi Cục Thuế TP Hà Nội về việc xử lý thuế TNCN đối với khoản đóng góp, nhận tiền từ chương trình hưu trí bổ sung.

			ngiht áp dụng mức chế tài thuế khoảng 20% đối với lựa chọn trả một lần khi thanh toán.	
11.	Quỹ: Thuế thu nhập đầu tư của các quỹ hưu trí tự nguyện	Cách hiểu hiện nay là thu nhập đầu tư của quỹ hưu trí được miễn thuế (giống như các quỹ đầu tư khác trên thị trường). Tuy nhiên, chưa có văn bản pháp luật nào quy định cụ thể và rõ ràng việc miễn thuế này.	Hiện cần có quy định cụ thể về xử lý thuế đối với quỹ hưu trí tự nguyện.	Bộ Tài Chính
12.	Quỹ: Mức miễn thuế hiện tại đối với khoản đóng góp không tạo ra động lực để tham gia chương trình hưu trí bổ sung	Nghị định 88 và Thông tư 86 hiện đang quy định: - Khoản đóng góp cho quỹ hưu trí tự nguyện lên tới 1 triệu đồng/tháng sẽ được khấu trừ thuế TNCN đối với cá nhân. - Khoản đóng góp cho quỹ hưu trí tự nguyện lên tới 3 triệu đồng/tháng của người sử dụng lao động sẽ được khấu trừ thuế TNDN. Các quy định này tiềm ẩn những vấn đề sau: (a) Không thúc đẩy thực tiễn tốt nhất trong việc đóng góp cho quỹ hưu trí tự nguyện là sự phù hợp về đóng góp giữa người sử dụng lao động và người lao động. (b) Đối xử không công bằng giữa người sử dụng lao động và người lao động khi đóng góp cho quỹ hưu trí tự nguyện.	Đề xuất thay đổi cơ sở đóng góp để đảm bảo đối xử công bằng giữa người sử dụng lao động và người lao động. Tham khảo quy định của các quốc gia khác trong khu vực, nên quy định mức đóng góp vào quỹ hưu trí tự nguyện được miễn thuế như sau: - Người sử dụng lao động – lên đến 10% tổng quỹ tiền lương chi trả hàng năm - Người lao động – lên đến 10% tổng tiền lương hàng năm của người lao động.	Bộ Tài Chính
13.	Quỹ: Thuế và phí chuyển đổi giữa các quỹ hưu trí tự nguyện khác nhau	Hệ thống/sản phẩm hiện tại do các nhà quản lý quỹ cung cấp không thể cho phép những người đóng góp chuyển số dư tài khoản từ nhà quản lý quỹ này sang nhà quản lý quỹ khác (tức là không có chức năng di	Việc miễn thuế cho giao dịch chuyển số dư tài khoản lương hưu cá nhân từ chương trình hưu trí bổ sung này sang chương trình hưu trí	Bộ Tài Chính

		động) bằng cách chuyển tài sản. Để chuyển số dư tài khoản, người đóng góp phải bán số dư tài khoản của mình (tức là các đơn vị quỹ đang nắm giữ) để lấy tiền mặt và mua vào một quỹ mới (được quản lý bởi một nhà quản lý quỹ khác quản lý quỹ hưu trí tự nguyện đã ký hợp đồng với chủ lao động mới). Quá trình này và tiền mặt nhận được từ giao dịch phải chịu thuế TNCN mặc dù số dư tài khoản vẫn được dành cho quỹ hưu trí.	bổ sung khác là cần thiết để khuyến khích người đóng góp ở lại với chương trình hưu trí bổ sung. Rõ ràng nghiêm trọng trong quá trình đóng góp cho chương trình hưu trí bổ sung có thể xảy ra nếu tùy chọn di động không có sẵn hoặc có sẵn với chi phí quá cao.	
14.	Quỹ: Cho phép môi giới bảo hiểm phân phối sản phẩm quỹ hưu trí tự nguyện	Khung pháp lý hiện hành cho phép đại lý bảo hiểm phân phối sản phẩm quỹ hưu trí tự nguyện nhưng không cho phép môi giới bảo hiểm tham gia phân phối quỹ hưu trí tự nguyện. Môi giới bảo hiểm có chức năng tương tự như đại lý bảo hiểm trong việc phân phối các sản phẩm bảo hiểm và được cấp phép đầy đủ bởi các cơ quan có thẩm quyền.	Nên điều chỉnh Nghị định 88 và Thông tư 86 theo hướng cho phép các công ty môi giới bảo hiểm phân phối các sản phẩm quỹ hưu trí tự nguyện.	Bộ Tài Chính
15.	Công ty quản lý quỹ: Công ty quản lý quỹ/ Quỹ đầu tư chứng khoán cần được phép thu phí thưởng	Luật hiện không quy định cơ chế cho phép công ty quản lý quỹ/ quỹ đầu tư chứng khoán thu phí thưởng (incentive fee/ performance fee) từ nhà đầu tư. Điều này không hợp lý, vì: - Công ty quản lý quỹ/quỹ đầu tư chứng khoán khi quản lý danh mục đầu tư hiệu quả và đạt mức sinh lời cao thì xứng đáng được nhận một khoản phí thưởng. - Dựa trên nguyên tắc tự do thỏa thuận của pháp luật dân sự, công ty quản lý quỹ/ quỹ đầu tư chứng khoán và nhà đầu tư được phép thỏa thuận về mức phí. Pháp luật chứng khoán không nên can thiệp quá sâu vào thỏa thuận dân sự hợp pháp này.	Luật nên cho phép công ty quản lý quỹ/ Quỹ đầu tư chứng khoán cần được phép thu phí thưởng.	Ban Quản Lý Các CTQLQ và Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán, UBCKNN

16.	Công ty quản lý quỹ: Báo cáo trước và sau giao dịch của nhân viên công ty quản lý quỹ	Theo Điều 11.4 của Thông tư 99, thành viên Ban điều hành và nhân viên của công ty quản lý quỹ phải thực hiện báo cáo trước và sau giao dịch cho tất cả giao dịch chứng khoán, bao gồm cả giao dịch chứng chỉ quỹ (CCQ). Tuy nhiên, báo cáo cho giao dịch CCQ của nhân viên là không cần thiết vì những lý do sau: • Không có sự xung đột lợi ích. Mục đích của quy định của Thông tư 99 nêu trên nhằm kiểm soát và ngăn ngừa xung đột lợi ích. Tuy nhiên, việc nhân viên công ty quản lý quỹ mua CCQ không tồn tại mâu thuẫn lợi ích của nhân viên với lợi ích của nhà đầu tư của quỹ (hay của công ty quản lý quỹ): ○ Các quỹ đầu tư vào một rổ/danh mục mà không phải là một mã chứng khoán cụ thể. ○ Khi nhân viên đầu tư chứng chỉ quỹ do công ty quản lý, lợi ích của nhân viên phù hợp với lợi ích của nhà đầu tư và công ty quản lý quỹ. Cụ thể, trong trường hợp này, tương tự như nhà đầu tư và công ty, nhân viên mong muốn nhìn thấy quỹ phát triển tốt và nhân viên đóng góp vào sự phát triển đó. ○ Khi nhân viên đầu tư chứng chỉ quỹ do công ty quản lý quỹ khác quản lý, nhân viên cũng là một nhà đầu tư của quỹ đó và lợi ích của nhân viên phù hợp với lợi ích của các nhà đầu tư của quỹ đó. Lợi ích của nhân viên tại các quỹ đó không liên quan lợi ích của các nhà đầu tư của các quỹ do công ty quản lý/lợi	• Luật nên miễn trừ nghĩa vụ báo cáo trước và sau giao dịch cho CCQ. Cụ thể, Điều 11.4 của Thông tư 99 cần được sửa thành: <i>‘4. Tất cả các giao dịch chứng khoán (ngoại trừ giao dịch chứng chỉ quỹ) của thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch....’</i> • Nếu nghĩa vụ báo cáo giao dịch CCQ cần thiết được duy trì vì lý do khác, luật nên quy định ngưỡng giá trị giao dịch mà nhân viên phải báo cáo (ví dụ như tương tự nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng với người nội bộ/người có liên quan của người nội bộ).	Ban Quản Lý Các CTQLQ và Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán, UBCKNN

		ích của công ty. • Việc báo cáo cho tất cả các giao dịch gây lãng phí tài sản, thời gian ○ Đối với giao dịch của người nội bộ/người có liên quan của người nội bộ, Điều 33 của Thông tư 96 quy định ngưỡng giá trị giao dịch (cụ thể là 50.000.000 Đồng trở lên/ngày hoặc 200.000.000 Đồng trở lên/tháng) mà người nội bộ/người có liên quan phải thực hiện công bố thông tin và báo cáo trước và sau giao dịch. Tuy nhiên, thông tư 99 không quy định ngưỡng giao dịch. Do vậy, nhân viên công ty quản lý quỹ phải báo cáo tất cả các giao dịch, bao gồm giao dịch có giá trị rất thấp (thậm chí giao dịch chỉ vài triệu hoặc vài trăm ngàn Đồng) và giao dịch phục vụ lợi ích của công ty quản lý quỹ/nhà đầu tư (ví dụ giao dịch để thử nghiệm các ứng dụng của công ty nhằm phục vụ các quỹ). Điều này gây lãng phí rất lớn về thời gian, giấy tờ của công ty và nhân viên.		
17.	<i>Nhà đầu tư nước ngoài: Quy định về hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài</i>	Nhà đầu tư nước ngoài bị buộc bán cổ phiếu khi công ty đại chúng mua cổ phiếu quỹ Theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành, công ty đại chúng phải giảm vốn điều lệ và tổng số cổ phần lưu hành khi mua lại cổ phiếu quỹ. Điều này buộc nhà đầu tư nước ngoài phải bán một số lượng cổ phần họ đang sở hữu tương ứng với số lượng cổ phần công ty mua lại, để tỷ lệ nắm giữ của	Luật chứng khoán cần bỏ quy định buộc công ty đại chúng phải giảm vốn điều lệ và điều chỉnh giới hạn sở hữu nước ngoài khi thực hiện mua lại cổ phần.	UBCKNN – Chính phủ

		nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá giới hạn sở hữu nước ngoài tối đa trong công ty. Quy định này xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi của nhà đầu tư nước ngoài khi tước đi quyền sở hữu chứng khoán hợp pháp của họ.		
18.	Công ty đại chúng: Nên chuyển nghĩa vụ đăng ký thành thông báo đáp ứng điều kiện trở thành công ty đại chúng (trong trường hợp không chào bán cổ phiếu ra công chúng)	Việc chuyển nghĩa vụ đăng ký thành thông báo đáp ứng điều kiện trở thành công ty đại chúng (trong trường hợp không chào bán cổ phiếu ra công chúng) sẽ giúp tháo gỡ tận gốc “điểm nghẽn” do quy định pháp luật chưa hợp lý, cụ thể: (a) thủ tục đăng ký công ty đại chúng tạo ra khoảng trống về mặt pháp lý giữa (a) thời điểm một công ty đáp ứng điều kiện trở thành công ty đại chúng, và (b) thời điểm UBCK chấp thuận công ty đó trở thành công ty đại chúng và phải tuân thủ các nghĩa vụ áp dụng với công ty đại chúng. Trong khoảng thời gian này, không rõ công ty đó là công ty đại chúng hay chưa đại chúng và do đó, quyền lợi của cổ đông trong công ty, cũng như hiệu quả về quản lý nhà nước không được đảm bảo; (b) trên thực tế có nhiều trường hợp công ty thỏa mãn điều kiện là công ty đại chúng nhưng có tình trì hoãn việc đăng ký công ty đại chúng, dẫn đến quyền lợi hợp pháp của cổ đông bị ảnh hưởng. Việc đơn giản hóa thủ tục hành chính (chuyển từ đăng ký thành thông báo) sẽ đáp ứng nhiệm vụ ưu tiên đảm bảo hiệu quả thi hành pháp luật, tăng	Đề xuất sửa đổi Luật Chứng khoán và Nghị định 155 theo hướng: một công ty trở thành công ty đại chúng ngay tại thời điểm công ty đó đáp ứng điều kiện trở thành công ty đại chúng. Công ty đại chúng có nghĩa vụ thông báo (thay vì đăng ký) tư cách đại chúng với UBCKNN trong vòng 90 ngày tiếp theo.	UBCKNN – Chính phủ

		cường kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực thi pháp luật như mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết số 66-NQ/TW. Việc quản lý thông qua cơ chế hậu kiểm là khả thi và phù hợp với nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát triển kinh tế tư nhân đặt ra tại Nghị quyết 68-NQ/TW, đó là: chuyển từ nền hành chính công vụ, quản lý là chủ yếu sang phục vụ và kiến tạo phát triển, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; hiện đại hoá quản trị công, quản trị dựa trên dữ liệu. UBCK có thẩm quyền hủy tư cách công ty đại chúng đối với các công ty không thỏa mãn điều kiện.		
19.	Công ty đại chúng: Cần cho phép công ty đại chúng nắm cổ phiếu quỹ khi mua lại cổ phiếu của chính mình	Việc bãi bỏ yêu cầu công ty đại chúng phải đăng ký giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu sẽ giúp tháo gỡ “điểm nghẽn” do quy định pháp luật bất hợp lý, cụ thể: (a) việc buộc giảm vốn sau mua lại khiến công ty không thể duy trì cổ phiếu quỹ, trong khi đây là công cụ quan trọng được sử dụng để thưởng cho nhân viên (ESOP) hoặc cải thiện một số chỉ tiêu tài chính như ROE (tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu) và EPS (tỷ suất thu nhập trên cổ phần); (b) quy định này không phù hợp với thông lệ quốc tế, dẫn tới việc thị trường vốn, tài chính của Việt Nam giảm sức hấp dẫn và lợi thế cạnh tranh trong khu vực. Theo chúng tôi tìm hiểu, pháp luật của đa phần các quốc gia, nhất là những nền kinh tế mới nổi, cận biên với điều	Đề xuất bãi bỏ toàn bộ quy định tại khoản 5 Điều 36 Luật Chứng khoán. Ngoài ra, đề xuất nghiên cứu điều chỉnh quy định tương ứng tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.	Ban Quản Lý Các CTQLQ và Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán, UBCKNN

		kiện kinh tế – tài chính – thị trường tương tự với Việt Nam (tiêu biểu như Thái Lan, Indonesia và Trung Quốc) đều không bắt buộc công ty phải giảm vốn điều lệ khi mua lại cổ phần từ cổ đông và cho phép công ty nắm giữ cổ phiếu quỹ; và (c) trên thực tế, trước ngày 01/01/2021 (ngày Luật Chứng khoán 2019 có hiệu lực), hoạt động mua lại cổ phần không đi kèm với yêu cầu giảm vốn điều lệ vẫn diễn ra phổ biến. Mặc dù có một số doanh nghiệp thực hiện mua lại cổ phần với động cơ thao túng giá chứng khoán, không thể phủ nhận việc mua lại cổ phần và duy trì cổ phiếu quỹ vẫn là một trong các công cụ quan trọng của công ty cổ phần. Việc yêu cầu giảm vốn điều lệ như Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019 hiện nay vẫn còn theo hướng quản lý cứng nhắc và chưa phù hợp với thực tiễn thị trường. Việc bãi bỏ yêu cầu giảm vốn điều lệ và cho phép công ty đại chúng nắm giữ vốn điều lệ khi mua lại cổ phiếu của chính mình sẽ giúp thị trường chứng khoán Việt Nam tiệm cận thông lệ quốc tế, cải thiện tính hấp dẫn và chuẩn hóa của thị trường vốn Việt Nam, cũng như phù hợp với mục tiêu đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm” được đặt ra tại Nghị quyết 66-NQ/TW.		
20.	Giao dịch chứng khoán: Cần có cơ chế rõ ràng cho các giao dịch cổ phiếu ngoài biên độ giao dịch	Pháp luật cho phép các bên tự do thỏa thuận, do đó rất nhiều giao dịch đầu tư trên thị trường chứng khoán hiện nay (nhất là giữa tổ chức phát hành là	Đề xuất bổ sung cơ chế để các bên được thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu ngoài biên độ trong trường	Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam

		công ty niêm yết và nhà đầu tư nước ngoài) có quy định về quyền chọn bán (<i>put option</i>) của nhà đầu tư trong một số trường hợp cụ thể, ví dụ không đạt được tỷ suất lợi nhuận mong muốn, hoặc khi hết một thời hạn nhất định. Hiện đa số các giao dịch này không thực hiện được do mức giá cam kết mua lại của tổ chức phát hành nằm ngoài biên độ giá (đặc biệt sau những đợt biến động lớn của thị trường). Việc xin chấp thuận của UBCKNN trên thực tế rất khó khăn, dẫn đến việc không đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư theo hợp đồng, thỏa thuận hợp pháp và phù hợp với quy định pháp luật. Việc quy định rõ ràng cơ chế để các bên được thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu ngoài biên độ sẽ giúp cải thiện tính hấp dẫn và chuẩn hóa của thị trường vốn Việt Nam; tăng cường niềm tin của nhà đầu tư, đặc biệt là tổ chức nước ngoài và cũng phù hợp với quan điểm chỉ đạo “người dân và doanh nghiệp được làm những gì luật không cấm” và mục tiêu đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm” được đặt ra tại Nghị quyết 66-NQ/TW.	hợp mức giá mua theo thỏa thuận nằm ngoài biên độ giá tại ngày thực hiện chuyển quyền sở hữu.	
21.	Công bố thông tin: Cập nhật công khai và liên tục số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của các công ty đại chúng, nhằm hỗ trợ việc công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan được chính xác và kịp thời	Theo khoản 18, Điều 4, Luật Chứng khoán 2019, và Điều 31, Thông tư 96/2020/TT-BTC quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành. Theo điểm m) Khoản 2 Điều 37, Thông tư 96/2020/TT-BTC, SGDCK phải công bố thông	Kính đề nghị UBCKNN, SGDCK xây dựng cơ chế công bố thông tin số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của các công ty đại chúng được cập nhật kịp thời, đồng bộ với các thay đổi về số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo quy	UBCKNN, SGDCK

		tin số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch vào cuối ngày giao dịch. Hơn nữa, số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết cần được tính toán chính xác theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành, có tính đến các thay đổi về số cổ phiếu có quyền biểu quyết được quy định tại Điểm k) Khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC đối với nghĩa vụ công bố thông tin bất thường của công ty đại chúng (phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, chuyển đổi trái phiếu, bán cổ phiếu quỹ...). Tuy nhiên hiện nay thông tin công bố của Sở giao dịch Hà Nội và Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là SGDCK) chỉ bao gồm thông tin về số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết và số lượng cổ phiếu đang lưu hành của công ty đại chúng. Do vậy, thành viên thị trường cũng như các nhà đầu tư, bao gồm cổ đông lớn và nhóm người có liên quan, không có cơ sở dữ liệu để xác định chính xác số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết tại thời điểm thực hiện giao dịch mua bán chứng khoán, nhằm phục vụ công tác báo cáo và công bố thông tin thay đổi tỉ lệ sở hữu của nhà đầu tư, cổ đông lớn và nhóm người có liên quan theo đúng quy định pháp luật.	định, nhằm hỗ trợ việc công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan được chính xác và kịp thời.	
22.	Quy định không thống nhất của NHNN và BTC về đặt cọc tham gia đấu giá trong quá trình CPH và thoái vốn nhà nước	NĐTNN đang thực hiện các quy định của pháp luật về mua cổ phần, phần vốn góp trong quá trình CPH và thoái vốn nhà nước theo các quy định hiện hành của Chính Phủ, BTC và UBCK. Mới đây, NHNN cũng đã ban hành Thông tư 03/2019/TT-NHNN có hiệu lực thi hành từ ngày 13/5/2019, cho phép	Đề xuất BTC/UBCK hướng dẫn cụ thể: 1. Các trường hợp NĐTNN được phép nộp tiền đặt cọc bằng ngoại tệ theo quy định tại Thông tư	Bộ Tài chính / UBCKNN

		NĐTNN được phép nộp tiền đặt cọc <u>bằng ngoại tệ</u> trong các đợt đấu giá này. Tuy nhiên, Nghị định 126/2017/NĐ-CP và các quy định tại các quy chế mẫu do UBCK ban hành yêu cầu NĐT (bao gồm NĐTNN) phải nộp tiền đặt cọc cũng như thanh toán toàn bộ tiền mua cổ phần, phần vốn góp bằng <u>đồng Việt Nam</u> vào tài khoản của Đại lý đấu giá trong thời hạn quy định.	03/2019/TT-NHNN của NHNN và hướng dẫn cụ thể về quy trình nộp tiền đặt cọc bằng ngoại tệ nói trên. 2. Trường hợp NĐTNN đặt cọc bằng ngoại tệ và sau đó trúng đấu giá, theo quy định về quản lý ngoại hối, NĐTNN phải thực hiện thanh toán toàn bộ tiền mua cổ phần từ tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của mình. Khi đó, khoản tiền đặt cọc bằng ngoại tệ này sẽ phải chuyển về tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của NĐTNN trước khi chuyển đổi thành đồng Việt Nam và thanh toán toàn bộ tiền mua cổ phần. Đề nghị BTC/UBCK hướng dẫn cụ thể quy trình thanh toán tiền mua cổ phần của NĐTNN trong trường hợp này.	
23.	<i>NĐTNN hiện nay không được phép thực hiện hợp đồng ngoại tệ có kỳ hạn (FX forwards) để quản lý rủi ro</i>		UBCK cần phối hợp với NHNN để xây dựng một cơ chế cho phép NĐTNN thực hiện hợp đồng ngoại tệ có kỳ hạn (FX forwards) để quản lý rủi ro khi chuyển ngoại tệ vào Việt Nam trong quá trình thực hiện đầu tư cổ phiếu và các chứng khoán khác ngoài trái phiếu Chính phủ. Hiện tại, quy định chỉ có nhà đầu tư nước ngoài đầu tư trái phiếu Chính phủ bằng VND được giao	UBCKNN; NHNN

			dịch forward ngoại tệ	
24.	Thiếu thanh khoản và độ sâu của thị trường ngoại hối	NĐTNN có ít kênh giao dịch và gặp khó khăn trong việc giao dịch ngoại hối bằng đồng Việt Nam. Việc thực hiện giao dịch ngoại hối với bên thứ ba đã được cho phép nhưng trên thực tế chưa phổ biến.		NHNN
25.	Ngân hàng thanh toán cho các giao dịch chứng khoán là ngân hàng thương mại; hoặc không có tổ chức bù trừ độc lập	NĐTNN quan ngại về việc thị trường Việt Nam không có tổ chức bù trừ độc lập theo thông lệ quốc tế, Ngoài ra, ngân hàng thực hiện chức năng thanh toán cho các giao dịch chứng khoán là ngân hàng thương mại. Trong khi đó, theo thông lệ quốc tế, thường là các ngân hàng trung ương, hoặc các tổ chức thanh toán độc lập.	Để giảm thiểu rủi ro thanh toán tiền cho thị trường chứng khoán, đề xuất cần phải có tổ chức bù trừ độc lập hoặc tập trung việc thanh toán tiền cho giao dịch chứng khoán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	NHNN
26.	Rủi ro tín dụng và thanh khoản do Ngân hàng thanh toán là một ngân hàng thương mại, không phải là ngân hàng trung ương.	NĐTNN lo ngại về các rủi ro tín dụng và thanh khoản do những nguy cơ có thể lạm dụng tiền của ngân hàng thương mại và các rủi ro khác trong quá trình thanh toán liên quan đến ngân hàng thương mại. Đề xuất này hoàn toàn phù hợp với chuẩn CPMI-IOSCO - Các nguyên tắc hoạt động của Cơ sở hạ tầng Thị trường tài chính – dùng tiền tại ngân hàng trung ương để thực hiện thanh toán này.	Về dài hạn, khuyến nghị chuyển chức năng thanh toán tiền sang NHNN cho tất cả chứng khoán.	NHNN
27.	Chưa có quy định/quy trình xử lý và bảo đảm quyền lợi và tài sản của thành viên thị trường và NĐT trong trường hợp ngân hàng chỉ định thanh toán, NHLK, NHGS mất khả năng thanh toán hoặc phá sản.	Với các thành viên của thị trường chứng khoán là ngân hàng thanh toán, NHLK và NHGS, việc bị giải thể, phá sản cũng sẽ có ảnh hưởng đến quyền lợi của NĐT trong thị trường. Về nguyên tắc, trường hợp ngân hàng thương mại mất khả năng thanh toán hoặc phá sản được xử lý riêng theo các quy định hiện hành về phá sản của các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, các quy định này không đề cập đến việc xử lý tách	Trong Luật Chứng khoán hiện hành đã có quy định tại Điều 75 về nguyên tắc xử lý khi công ty chứng khoán, CTQLQ giải thể, phá sản, nhưng chưa có quy định nào cho các ngân hàng thanh toán, NHLK, NHGS bị phá sản. Chúng tôi đề xuất UBCK/BTC phối hợp	UBCKNN; NHNN

		biệt các khoản tiền đang chờ thanh toán cho các giao dịch chứng khoán đã được khớp và, do vậy, không đảm bảo được hoạt động thanh toán cho thị trường chứng khoán, tài sản của các thành viên thị trường và NĐT được an toàn. Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành cũng không đề cập đến các vấn đề này.	với NHNN để ban hành một quy định chung về vấn đề này.	
28.	<i>Sự cần thiết phải ghi nhận mô hình ngân hàng lưu ký toàn cầu trong các quy định có liên quan (Thông tư 25/2025/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 17/2024/TT-NHNN, Thông tư 03/2025/TT-NHNN)</i>	Hiện nay, mô hình đầu tư phổ biến trên các thị trường quốc tế là các nhà đầu tư tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài (theo đây gọi chung là nhà đầu tư nước ngoài – NĐTNN) mở và vận hành tài khoản tiền và chứng khoán tại từng thị trường thông qua ngân hàng lưu ký toàn cầu (Global Custodian) hoặc nhà môi giới toàn cầu (International Broker Dealer) (gọi chung là Ngân hàng Lưu ký Toàn cầu - NHLKTC) để sử dụng dịch vụ lưu ký chứng khoán của các ngân hàng lưu ký tại Việt Nam (NHLKVN). Hiện tại, Thông tư 25/2025/TT-NHNN đã tạo ra một bước tiến lớn so với Thông tư 17/2024/TT-NHNN khi cho phép cơ chế ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài cho NHLKTC trong việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán cho nhà đầu tư nước ngoài đầu tư gián tiếp trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên, ở góc độ thỏa thuận giữa các bên và thực tế cơ cấu sản phẩm của mô hình đầu tư thông qua NHLKTC, và theo các quy định và thông lệ quốc tế hiện hành, NHLKTC là khách hàng của NHLKVN, và NĐTNN là khách hàng của NHLKTC và được định danh là chủ tài khoản, sở hữu tài sản được giao	Kính đề xuất NHNN phối hợp trao đổi với UBCKNN, BTC để sửa đổi các quy định pháp luật có liên quan, cho phép mô hình chuẩn của hoạt động đầu tư thông qua NHLKTC được thực hiện theo đúng thông lệ quốc tế, theo đó NHLKTC là khách hàng của NHLKVN, NĐTNN là khách hàng của NHLKTC và được định danh là chủ tài khoản, sở hữu tài sản được giao dịch tại thị trường Việt Nam.	NHNN; UBCKNN

		dịch tại thị trường Việt Nam. Do đó, các quy định hiện tại của Việt nam vẫn có điểm khác biệt đối với thông lệ quốc tế, chưa hoàn toàn phù hợp với mô hình đầu tư thông qua NHLKTC.		
29.	<i>Sử dụng SWIFT trong hoạt động giao dịch ngoại hối giữa tổ chức tín dụng và nhà đầu tư nước ngoài</i>	Trong thực tiễn thị trường, SWIFT là phương thức giao tiếp chính và phổ biến được sử dụng trong mọi hoạt động của các tài khoản được mở cho NĐTNN. Điện SWIFT là phương thức giao tiếp mà hầu hết những định chế tài chính lớn trên thế giới (bao gồm các NĐTNN với vốn lớn và hoạt động đầu tư chuyên nghiệp nhất, và các NHLKTC của các NĐTNN) đều sử dụng. Đây là phương thức giao tiếp bảo mật, an toàn và phổ biến nhất trên thị trường tài chính toàn cầu cũng như thị trường Việt Nam hiện nay. Hiện tại, Thông tư 25/2025/TT_NHNN đã ghi nhận sử dụng Swift cho hoạt động mở và sử dụng tài khoản thanh toán của NĐTNN trên thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, việc sử dụng Swift cho NĐTNN nói riêng và các doanh nghiệp nói chung chưa được quy định trong Thông tư 02/2021/TT-NHNN hướng dẫn giao dịch ngoại tệ của các Tổ chức tín dụng.	Để đảm bảo tính thống nhất trong các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, kính đề xuất NHNN sửa đổi Thông tư 02/2021/TT-NHNN cho phép việc sử dụng SWIFT trong hoạt động ngoại hối giữa tổ chức tín dụng và nhà đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở đó, kính đề nghị NHNN xem xét cho phép sử dụng điện SWIFT cho NĐTNN <u>nói riêng cũng như</u> các doanh nghiệp nói chung, cho phép các TCTD được nhất quán phương thức giao dịch và cơ chế giám sát đối với khách hàng giảm thiểu chi phí và rủi ro vận hành đồng thời khích lệ NĐTNN tăng cường đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam.	NHNN
<i>CÁC KIẾN NGHỊ LIÊN QUAN ĐẾN GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN</i>				
30.	<i>Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát được phép cung cấp</i>	Các ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát đang gặp vướng mắc về quy định cấp phép của pháp luật ngân	Chúng tôi kính đề xuất Bộ Tài chính, UBCKNN xem xét, bổ sung	BTC; UBCKNN

dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng, quản trị quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng	hàng trong việc cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát. Việc ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát cung cấp các dịch vụ trên theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ được quy định rõ theo Thông tư 99/2020/TT-BTC hướng dẫn Luật chứng khoán. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, do phát sinh các cách hiểu khác nhau giữa lĩnh vực ngân hàng và lĩnh vực chứng khoán về việc cho phép ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát được cung cấp các dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng do thiếu căn cứ pháp lý ở tầm Luật đề Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cấp phép đối với các dịch vụ này cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Cụ thể, theo Luật các Tổ chức Tín dụng 2024 và Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, chỉ có hoạt động “lưu ký chứng khoán” và “ngành vụ ngân hàng giám sát” theo quy định pháp luật về chứng khoán được hướng dẫn cấp phép cho các ngân hàng thương mại. Ngoài ra, trên thực tế, bên cạnh các công ty quản lý quỹ có nhu cầu ủy quyền cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ quản trị quỹ và	sửa đổi hướng dẫn các quy định cấp phép tại Luật Chứng khoán theo đó cho phép các Ngân hàng giám sát được cung cấp các dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng, quản trị quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng mà không cần thay đổi các giấy phép hiện tại theo đúng quy định hướng dẫn tại Thông tư 99/2020/TT-BTC và thực tế hoạt động hiện nay. Đề xuất cụ thể bổ sung Khoản 6a sau Khoản 6 Điều 86 Luật Chứng khoán: “Điều 86. Hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam <i>6a. Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh, công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện các dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng cho quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và nhà đầu tư tổ chức khác theo hướng dẫn của pháp luật có liên quan.”</i>
---	---	---

	đại lý chuyển nhượng, các nhà đầu tư chuyên nghiệp là tổ chức khác (công ty bảo hiểm, quỹ liên kết đơn vị, quỹ hưu trí,...) hiện đang và sẽ sử dụng dịch vụ lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (có chỉ định hoặc không chỉ định công ty quản lý quỹ quản lý tài sản) cũng có nhu cầu ủy quyền tương tự các dịch vụ này để phục vụ cho mục đích quản trị nội bộ. Đây cũng là nhu cầu và tập quán phổ biến được công nhận tại các thị trường khác trên thế giới. Do đó, việc cho phép ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho các đối tượng là nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp này cần được bổ sung và thể chế hóa ở tầm luật để phù hợp với nhu cầu phát triển thị trường và định hướng trong Đề án tái cấu trúc nhà đầu tư và phát triển ngành quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Quyết định số 3168/QĐ-BTC ngày 12/9/2025 của Bộ Tài chính.	“Mục 4. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT Điều 116. Ngân hàng giám sát 1. Ngân hàng giám sát là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán, <u>và dịch vụ quản trị quỹ, ngân hàng giám sát theo ủy quyền của các nhà đầu tư tổ chức khác theo hướng dẫn của pháp luật có liên quan.</u> 2. Ngân hàng giám sát thực hiện giám sát các hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong phạm vi liên quan tới quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân hàng giám sát có các nghĩa vụ sau đây:” Trên cơ sở đó, các quy định về cấp phép của pháp luật NHNN sẽ có các điều chỉnh phù hợp để đảm bảo ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có đầy đủ căn cứ pháp lý về cấp phép hoạt động khi cung cấp các dịch vụ này cho các nhà đầu tư tổ chức trong nước.	
--	---	---	--

31.	Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện nghiệp vụ Ngân hàng giám sát	Khoản 1 Điều 116 Luật chứng khoán định nghĩa “Ngân hàng giám sát là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp...”. Quy định này không bao gồm Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài (CNNHNN), dẫn đến cách hiểu CNNHNN không được cung cấp dịch vụ Ngân hàng giám sát (NHGS) theo Luật chứng khoán. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 131 Luật các tổ chức tín dụng 2024 quy định “Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện các hoạt động theo quy định tại Mục 1 và Mục 2 Chương này...”, trong đó bao gồm dịch vụ NHGS. Theo đó, CNNHNN được phép thực hiện nghiệp vụ NHGS, tương đồng với dịch vụ được cho phép của NHTM theo quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật các tổ chức tín dụng 2024. Như vậy, có sự không đồng nhất giữa Luật các tổ chức tín dụng 2024 và Luật chứng khoán trong quy định cho phép NHTM và CNNHNN cung cấp dịch vụ NHGS. Theo đó, quy định tại Khoản 1 Điều 116 Luật chứng khoán đã tạo ra sự bất bình đẳng trong phạm vi cung ứng dịch vụ NHGS giữa NHTM và CNNHNN. CNNHNN không thể cung cấp dịch vụ NHGS cho khách hàng của mình mặc dù đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện về giấy phép hoạt động, tỉ lệ an toàn vốn, trang thiết bị... tương tự như NHTM.	Kính đề xuất Bộ Tài Chính và UBCKNN bổ sung quy định trong Luật chứng khoán cho phép CNNHNN được cung cấp dịch vụ NHGS tương tự như NHTM. Theo đó, sửa đổi khoản 1, điều 116 Luật chứng khoán như sau: “Ngân hàng giám sát là <i>ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</i> có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp...”	BTC; UBCKNN
32.	Cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát cho quỹ liên kết đơn vị do doanh nghiệp bảo hiểm	Trên thực tế, ngoài việc cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát cho các quỹ thành lập theo pháp luật chứng khoán, các ngân hàng giám sát còn đang cung cấp	Chúng tôi kính đề xuất Bộ Tài chính, UBCKNN xem xét, bổ sung sửa đổi hướng dẫn các quy định	BTC; UBCKNN

	thành lập	dịch vụ ngân hàng giám sát cho các quỹ liên kết các sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị (hay còn gọi là quỹ liên kết đơn vị) do doanh nghiệp bảo hiểm thành lập trên cơ sở hoạt động ngân hàng giám sát được phép cung cấp theo Luật chứng khoán. Việc doanh nghiệp bảo hiểm phải sử dụng ngân hàng giám sát để thực hiện việc lưu ký tài sản của các quỹ liên kết đơn vị và giám sát việc quản lý tài sản của các quỹ liên kết đơn vị và các hoạt động giám sát khác được quy định rõ theo Nghị Định 46/2023/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, phát sinh các cách hiểu khác nhau giữa lĩnh vực ngân hàng, lĩnh vực chứng khoán và lĩnh vực bảo hiểm về việc có cho phép ngân hàng thương mại là ngân hàng lưu ký được cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát cho quỹ liên kết đơn vị do doanh nghiệp bảo hiểm thành lập do thiếu các căn cứ pháp lý ở tầm luật, nghị định như đã nêu tại Mục trên.	cấp phép tại Luật Chứng khoán theo đó cho phép các Ngân hàng giám sát được cung cấp các dịch vụ này cho các quỹ liên kết đơn vị do các doanh nghiệp bảo hiểm thành lập theo pháp luật kinh doanh bảo hiểm hay quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện theo pháp luật về quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện cho xác định giá trị tài sản ròng, quản trị quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng mà không cần thay đổi các giấy phép hiện tại theo đúng quy định hướng dẫn tại Thông tư 99 và thực tế hoạt động hiện nay. Chúng tôi đề xuất sửa đổi Điều 116 Luật Chứng khoán như sau: “Mục 4. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT Điều 116. Ngân hàng giám sát 1. Ngân hàng giám sát là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán, <u>các nhà đầu tư tổ chức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.</u> <u>3. Ngân hàng giám sát thực hiện giám sát các hoạt động của các nhà đầu tư tổ chức khác theo quy</u>	
--	-------------------------	---	--	--

			<u>định của pháp luật có liên quan”.</u> Trên cơ sở đó, các quy định về cấp phép của pháp luật NHNN sẽ có các điều chỉnh phù hợp để đảm bảo ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có đầy đủ căn cứ pháp lý về cấp phép hoạt động khi cung cấp các dịch vụ này cho các nhà đầu tư tổ chức trong nước.	
--	--	--	--	--

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC THUẾ & HẢI QUAN

Kính thưa Thủ tướng Phạm Minh Chính, Kính thưa Ngài Bộ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng, Kính thưa các quý vị đại biểu, tôi tên là Takahisa Onose, Đại diện cho Nhóm Công tác Thuế và Hải quan của VBF.

Thúc đẩy tăng trưởng chất lượng thông qua cải cách, đổi mới và hợp tác là một trong những định hướng chiến lược quan trọng của Đảng và Nhà nước để đưa Việt Nam tiến vào “kỷ nguyên vươn mình” trong giai đoạn tới. Trong năm 2024-2025, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều Nghị quyết quan trọng để thực hiện chiến lược trên, bao phủ các lĩnh vực như phát triển khoa học công nghệ, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, phát triển kinh tế tư nhân, và hội nhập quốc tế. VBF và cộng đồng doanh nghiệp hoàn toàn tin tưởng rằng các chính sách đột phá này sẽ tạo nền tảng để Việt Nam bức tốc tăng trưởng kinh tế bền vững trong những thập kỷ tới đây.

Trong bối cảnh đó, việc tạo dựng môi trường thuế ổn định nhằm khuyến khích tăng trưởng kinh doanh bền vững có một vai trò hết sức quan trọng. Mặc dù Chính Phủ và các cơ quan liên quan đã nỗ lực vượt bậc trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế, việc áp dụng các quy định vẫn còn tồn tại một số bất cập, cản trở quá trình đầu tư thông suốt của doanh nghiệp. Trong số đó, tôi xin phép trình bày 3 vấn đề quan trọng mang tính cấp bách như sau:

Thứ nhất, đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng điện tử công nghệ cao, hoạt động nghiên cứu phát triển, sản xuất thử đóng vai trò quan trọng sống còn. Theo đó, doanh nghiệp phải nhập khẩu các nguyên vật liệu, máy móc, công cụ dụng cụ từ nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng và không phải thanh toán. Việc nhận hàng không thanh toán để thực hiện hoạt động trên chỉ là một khâu không thể tách rời trong hoạt động sản xuất của nhà máy – bởi nhờ đó, các sản phẩm phát triển thành công sẽ được khách hàng yêu cầu sản xuất hàng loạt. Hoạt động này cũng phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo tại Nghị quyết 57-NQ/TW. Do vậy, không thể tách hoạt động nhận hàng không thanh toán này ra khỏi hoạt động sản xuất kinh doanh chính để yêu cầu doanh nghiệp nộp thuế khác biệt với hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

Thứ hai, luật Hải quan mới có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 cho phép xuất nhập khẩu tại chỗ được thực hiện mà không phân biệt doanh nghiệp nước ngoài có hay không có hiện diện tại Việt Nam. Tuy nhiên, rất nhiều doanh nghiệp gặp vướng mắc, khó khăn do quy định mới này không được áp dụng hồi tố. Doanh nghiệp nội địa nhập khẩu tại chỗ từ thương nhân nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam trước 01/07/2025 đã nộp đủ thuế nhập khẩu và sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu cho sản xuất xuất khẩu 100% hiện không được xem xét hoàn thuế nhập khẩu. Chúng tôi kính mong Chính phủ, các Bộ ban ngành xem xét phê duyệt hoàn thuế nhập khẩu cho các trường hợp này.

Thứ ba, nhiều nhà thầu khi nhập khẩu hàng hóa phục vụ xây dựng cho doanh nghiệp chế xuất đã tuân thủ hướng dẫn của Bộ Tài chính nhưng vẫn bị cơ quan hải quan truy thu thuế. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến phát biểu của Chủ tịch Kocham về vấn đề này. Việc áp dụng chính sách thuế thiếu nhất quán và không công bằng gây khó khăn cho doanh nghiệp, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đầu tư tại Việt Nam.

Chúng tôi rất mong Chính Phủ và các ban ngành liên quan quan tâm xem xét, và sớm giải quyết các vướng mắc được chúng tôi tổng hợp trong báo cáo của nhóm công tác, bao gồm các vấn đề nêu trên, để góp phần hoàn thiện khung pháp lý, cải thiện môi trường đầu tư, tạo niềm tin và nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

TỔNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ THUẾ QUAN

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
1	Thuế	Quy định pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các công văn hướng dẫn về chính sách ưu đãi thuế với hàng không phải thanh toán	Chính sách ưu đãi thuế với hàng không phải thanh toán: Trong quá trình đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh, liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), Công ty đang gặp vướng mắc khi áp dụng chính sách thuế suất ưu đãi đối với hàng hóa là nguyên vật liệu, thiết bị, công cụ dụng cụ mà Công ty nhận từ các nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng đầu vào của Công ty theo điều kiện “không phải thanh toán”, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm sản phẩm công nghệ điện tử phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, qua trao đổi với cơ quan thuế địa phương, cơ quan thuế cho rằng hàng hóa không phải thanh toán trong trường hợp trên phải ghi nhận là thu nhập khác và xử lý thuế khác biệt hoàn toàn với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính và không cho hưởng ưu đãi thuế nếu hoạt động sản xuất kinh doanh chính đang được hưởng ưu đãi. Chúng tôi cho rằng hướng xử lý thuế này là chưa phù hợp với quy định về thuế: Thứ nhất là về bản chất và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Trong lĩnh vực sản xuất hàng công nghệ cao, nhà đầu tư phải sử dụng một số nguyên vật liệu đặc thù, công cụ dụng cụ, hoặc thiết bị có đặc tính kỹ thuật riêng biệt để xử lý. Theo đó, các nhà cung cấp trong	Chúng tôi kính mong Bộ tài chính/Cục thuế và các cơ quan liên quan xem xét, cân nhắc, nhìn nhận đúng bản chất của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, theo đó, việc nhận hàng miễn phí từ đối tác nhằm mục đích kiểm tra, kiểm nghiệm và sản xuất thử là một phần của tổng thể hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, không phải là một giao dịch riêng biệt nằm ngoài việc sản xuất kinh doanh. Theo đó, thu nhập (nếu có) của số hàng miễn phí này cần được xem xét và xử lý tương tự với thu nhập từ hoạt động sản xuất chính của doanh nghiệp và áp dụng ưu đãi thuế của hoạt động sản xuất chính này (nếu còn) hoặc áp dụng thuế suất không ưu đãi (nếu hoạt động sản xuất chính đã hết ưu đãi thuế TNDN).

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			chuỗi cung ứng sẽ cung cấp các hàng hóa này không thanh toán để doanh nghiệp có thể thực hiện nghiên cứu phát triển, thử nghiệm một cách nhanh chóng, tối thiểu hóa chi phí và tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm. Đây là thực tiễn rất phổ biến và cần thiết để chuỗi cung ứng có trách nhiệm và có vai trò trong việc phát triển sản phẩm để tạo ra sản phẩm mới có tính thương mại và mang lại doanh thu cho cả chuỗi cung ứng sau này. Việc nhận các nguyên vật liệu, linh kiện, công cụ dụng cụ, thiết bị từ các nhà cung cấp cho mục đích sản xuất, nghiên cứu, phát triển nêu trên không thể coi là hoạt động cho, tặng thông thường. Việc cung cấp này có quan hệ chặt chẽ và trực tiếp liên quan, phục vụ và xuất phát từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và không nằm ngoài mục tiêu sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Hoạt động nhận hàng hóa không phải thanh toán của các doanh nghiệp bước đầu tiên bắt buộc phải có trong toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh, không nên hiểu là thời điểm phát sinh thu nhập để nộp thuế. Thứ hai là quan điểm của Cục thuế đang tạo ra sự mâu thuẫn đối với các hướng dẫn của cơ quan thuế trước đó. Cụ thể, các cục thuế tỉnh, thành khác đều áp dụng ưu đãi thuế cho các trường hợp tương tự tại các Công văn số 578/CT-TTHT ngày 09/04/2018 của Cục Thuế Bắc Ninh, Công văn số	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			11368/CT-TTHT ngày 11/07/2019 của Cục thuế tỉnh Bình Dương. Việc không nhất quán trong cách hướng dẫn và áp dụng cùng một căn cứ pháp luật cho cùng một sự việc dẫn đến nhiều sự quan ngại cho các nhà đầu tư trong việc áp dụng và tuân thủ pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự minh bạch của môi trường đầu tư của Việt Nam.	
2		Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (Khoản 3 Điều 44) Thông tư 156/2013/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 151/2014/TT-BTC (Khoản 3 Điều 10, Khoản 7 Điều 12)	Thời điểm kê khai thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn gián tiếp: - Công ty TNHH Nhiệt điện Vũng Áng II (“VAPCO”) được thành lập tại Việt Nam từ ngày 26/10/2007, chủ đầu tư là Công ty TNHH OneEnergy Asia (gọi tắt là “1EA”) - doanh nghiệp được thành lập tại Quần đảo Cayman. 1EA sở hữu 100% vốn tại VAPCO. Theo Hợp đồng BOT ngày 15/12/2020 ký giữa Bộ Công thương (bên Việt Nam) và 1EA (nhà đầu tư phát triển dự án), VAPCO là Công ty BOT thực hiện Dự án Nhà máy Nhiệt điện BOT Vũng Áng 2. - CLP Vietnam (VAPCO) Limited và DGA Vung Ang 2 B.V. là hai chủ đầu tư của 1EA. Ngày 11/12/2018, CLP và DGA ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (“Thỏa thuận”) với Chugoku Electric Power International Netherlands B.V (“Chugoku”). Theo trích lục từ sổ sách của	Theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành (trước 01/01/2022): - Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế - Trường hợp nhà thầu nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng vốn, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế là ngày thứ 10 (mười) kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền chuẩn y việc chuyển nhượng vốn, hoặc ngày thứ 10 (mười) kể từ ngày các bên thỏa thuận chuyển nhượng vốn tại hợp đồng chuyển nhượng vốn đối với trường hợp không phải chuẩn y việc chuyển nhượng vốn.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			1EA được lưu ở cơ quan đăng ký tại Quần đảo Cayman, Chugoku được ghi nhận là cổ đông của 1EA tại ngày 20/3/2019. Tuy nhiên, việc chấp nhận Chugoku là nhà đầu tư vào Dự án Vũng Áng 2 với tư cách là cổ đông của 1EA chỉ được Bộ Công thương (cơ quan nhà nước có thẩm quyền) chấp thuận vào ngày 11/10/2021 tại công văn số 1932/ĐL-BOT. - Đây là giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp thông qua việc chuyển nhượng vốn trong một công ty nước ngoài có đầu tư vào một công ty Việt Nam. Theo đó, căn cứ theo các quy định hiện hành về việc kê khai thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, căn cứ theo Thỏa thuận và căn cứ theo Hợp đồng BOT, CLP/ DGA đã kê khai và nộp thuế cho thu nhập chuyển nhượng vốn vào ngày 22/11/2021 khi tư cách cổ đông của Chugoku tại 1EA được Bộ Công thương chấp thuận như quy định và các điều kiện tiên quyết trong Thỏa thuận được thỏa mãn. - Tuy nhiên, trong quá trình làm việc với Chi cục Thuế khu vực XI (nay là Thuế tỉnh Hà Tĩnh), cơ quan thuế có quan điểm cho rằng thời điểm VAPCO phải kê khai thuế TNDN đối với giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp nói trên là ngày 20/3/2019 khi CLP và DAG hoàn thành việc đăng ký chuyển quyền sở hữu vốn cho Chugoku tại	Căn cứ theo quy định nêu trên, chúng tôi hiểu rằng trong giao dịch chuyển nhượng vốn của CLP/DGA (nhà thầu nước ngoài), thời hạn kê khai thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn là 10 ngày kể từ ngày Bộ Công thương – cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt giao dịch này (chuẩn y việc chuyển nhượng vốn). Việc Chugoku được đăng ký là cổ đông của 1EA tại trích lục sổ sách của 1EA vào ngày 20/03/2019 theo quy định pháp luật của Quần đảo Cayman chưa đảm bảo đầy đủ điều kiện để xác định thời điểm kê khai thuế vì chưa có sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Tại Hợp đồng BOT được ký kết ngày 15/12/2020 (Điều 26.8) cũng đã quy định: <i>"(ii)...Nhà đầu tư chuyển nhượng hoặc cổ đông của Nhà đầu tư chuyển nhượng trước hết phải có được sự phê duyệt trước của Bộ Công thương,..."</i> ... <i>Quy trình tương tự như trên được áp dụng đối với việc đưa ra phê duyệt trước của Bộ Công thương, với những sửa đổi cần thiết, đối với việc thay đổi quyền sở hữu của Nhà đầu tư hoặc cổ đông trực tiếp hoặc gián tiếp của Nhà đầu tư,..."</i> Ngày 11/10/2021, Bộ Công thương đã có

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			Quần đảo Cayman. Về vấn đề này, Thuế tỉnh Hà Tĩnh đã có văn bản báo cáo Cục Thuế để xin hướng dẫn. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn chính thức từ Cục Thuế.	công văn gửi nhà đầu tư (IEA) thông báo không phản đối việc thay đổi cổ đông sở hữu của IEA. Theo đó, sau khi có văn bản của Bộ Công thương, bên mua (Chugoku) mới chính thức được Chính phủ Việt Nam công nhận là nhà đầu tư mới của VAPCO. Tại Hợp đồng BOT cũng đã quy định rõ quy trình phê duyệt này áp dụng cho cả hoạt động chuyển nhượng vốn gián tiếp. Do đó, để phù hợp với quy định, thời điểm kê khai thuế cần căn cứ theo mốc thời gian được Bộ Công thương phê duyệt (ngày 11/10/2021). Ngoài ra, căn cứ theo Hợp đồng mua bán cổ phần, khoản thanh toán mà Chugoku trả cho bên bán tại ngày bên Mua được đăng ký vào danh sách cổ đông của IEA chưa phát sinh lợi nhuận từ chuyển nhượng vốn, do đó chưa phát sinh nghĩa vụ thuế. Vì vậy, để có căn cứ xác định thời điểm kê khai thuế TNDN đối với giao dịch chuyển nhượng vốn, chúng tôi cho rằng cũng cần căn cứ vào thời điểm bên Bán phát sinh lợi nhuận. Trong trường hợp này chính là thời điểm thoả mãn điều kiện Bên Bán nhận được Khoản thanh toán cuối cùng (ký Hợp đồng BOT và đóng tài chính), cụ thể là ngày 22/11/2021. Như vậy, chúng tôi cho rằng việc kê khai

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
				thuế TNDN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của CLP/DGA thông qua VAPCO tại thời điểm Giao dịch phát sinh lợi nhuận tại 22/11/2021 là phù hợp với quy định của pháp luật. Kính đề nghị Cục Thuế xem xét thấu đáo trường hợp của Công ty để có hướng dẫn phù hợp, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư.
3	Thuế	Khoản 15 Điều 7 Thông tư 78/2014/TT-BTC	Xử lý thuế đối với các khoản hỗ trợ từ Chính phủ nước ngoài Hiện nay, một số quốc gia phát triển (ví dụ, Nhật Bản) có các chương trình khuyến khích đầu tư, cung cấp hỗ trợ bằng tiền trực tiếp cho dự án đầu tư của doanh nghiệp trong nước, bao gồm cả dự án đầu tư của doanh nghiệp đó tại các nước khác như Việt Nam. Theo đó, tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp FDI được thành lập từ dự án đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài cũng được hưởng trợ cấp trực tiếp từ nguồn vốn của Chính phủ nước đó. Tuy nhiên, theo quy định thuế TNDN hiện hành, các khoản hỗ trợ đầu tư sẽ được coi là thu nhập khác và bị áp dụng mức thuế 20% (không được hưởng ưu đãi thuế). Việc áp dụng mức thuế trên đối với khoản hỗ trợ từ Chính phủ nước ngoài làm tăng chi phí cho nhà đầu tư và giảm hiệu quả của các khoản hỗ trợ trên, do đó làm giảm tính hấp dẫn trong môi trường đầu tư của Việt Nam.	Việc miễn thuế hoặc cho phép áp dụng ưu đãi thuế đối với khoản hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Chính phủ nước ngoài sẽ giúp các doanh nghiệp FDI trong nước dễ dàng tiếp cận nguồn vốn bổ sung, giúp tăng năng lực tài chính để đầu tư mở rộng hoạt động đầu tư; đồng thời giúp thúc đẩy môi trường đầu tư hấp dẫn và minh bạch đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị Bộ Tài chính, Cục thuế nghiên cứu, xem xét, sửa đổi các quy định liên quan theo hướng nêu trên.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
	Thuế	Khoản 6 Điều 18 Thông tư 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 4 Điều 10 Thông tư 96/2015/TT-BTC Điều 131 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP được bổ sung bởi Điều 71 Nghị định 35/2022/NĐ-CP Khoản 2 Điều 66 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP Khoản 1, Khoản 3 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 Công văn 2721/TCT-CS ngày 26/6/2024 gửi Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc và PVN Công văn 160525/CV-PVN ngày 16/5/2025	Ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư mở rộng Công ty có Dự án đầu tư mở rộng tại Khu Công nghiệp Bình Xuyên, huyện Hương Canh, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ), là Khu Công nghiệp không nằm trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi với tổng vốn đầu tư cho Dự án là 75 triệu USD. Theo quy định của pháp luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"), dự án ĐTMR được hưởng ưu đãi về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với dự án mới, nếu nguyên giá tài sản cố định tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động đạt tối thiểu từ mười tỷ đồng đối với các dự án đầu tư mở rộng thực hiện tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư ("Nghị định 31"), danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư duy nhất có hiệu lực tại thời điểm hiện hành quy định về danh mục ưu đãi đầu tư bao gồm hai danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, thì Khu Công nghiệp được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính Phủ được liệt kê trong Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn để được hưởng ưu đãi đầu tư	Kính đề nghị Bộ Tài chính, Cục Thuế nghiên cứu, xem xét thấu đáo vấn đề này có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, thấu tình đạt lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện chính sách ưu đãi thuế TNDN của Việt Nam cũng như đảm bảo các quyền lợi cho Công ty chúng tôi.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			theo địa bàn. Do đó, Dự án ĐTMR 2023 của Công ty được thực hiện tại Khu Công nghiệp Bình Xuyên, huyện Hương Canh, tỉnh Vĩnh Phúc, khu công nghiệp được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính Phủ, sẽ được xem là Dự án đầu tư mở rộng thuộc địa bàn kinh tế-xã hội khó khăn. Tuy nhiên, tại các văn bản trả lời cho Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Thuế tỉnh Phú Thọ) và doanh nghiệp, Tổng cục thuế (nay là Cục Thuế), Tổng cục Thuế đưa ra các ý kiến hướng dẫn chưa thỏa đáng, được diễn giải chủ yếu trên quan điểm của cơ quan thuế, chưa cân nhắc kỹ lưỡng các quy định pháp luật liên quan và chưa trả lời đúng vướng mắc của doanh nghiệp dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của nhà đầu tư và môi trường đầu tư tại Việt Nam. Cụ thể, Tổng cục Thuế có quan điểm không áp dụng danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư hiện hành quy định tại Nghị định 31 đối với Khu công nghiệp để đánh giá các vấn đề liên quan đến ưu đãi Thuế TNDN, và Tổng Cục thuế cho rằng “<i>nguyên tắc xuyên suốt của pháp luật thuế TNDN là ưu đãi tách giữa địa bàn và khu (trong đó có khu công nghiệp, trừ khu công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi theo quy định của pháp luật). Pháp luật thuế TNDN không quy định ưu đãi thuế TNDN đối với Dự án đầu tư tại Khu công nghiệp theo mức áp dụng đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn</i>”.	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			Chúng tôi thấy rằng quan điểm này của Tổng cục chưa phù hợp với nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật bởi danh mục địa bàn ưu đãi thuế TNDN ban hành kèm theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP đã bị bãi bỏ, được thay thế bởi danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại Nghị định 31, là danh mục duy nhất đang còn hiệu lực đến thời điểm bây giờ dùng để tham chiếu.	
4	Thuế	Theo quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 29/09/2021 (Điều 63), để được hưởng miễn, giảm thuế đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động cho vay tại Việt Nam theo Điều ước đã ký kết (trong trường hợp của IFC là Điều lệ của IFC), IFC hoặc tổ chức được ủy quyền cần nộp hồ sơ xin miễn, giảm thuế theo Điều ước Quốc tế tới cơ quan đăng ký thuế, trong đó bao gồm Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/DUQT ban hành kèm theo phụ lục I của Thông tư có xác nhận của cơ quan đề xuất ký kết Điều ước quốc tế cùng với các tài liệu liên quan.	Vướng mắc trong thủ tục xin miễn, giảm thuế theo điều ước quốc tế đối với khoản vay của các Tổ chức tài chính quốc tế - Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp cần thay mặt cho bên cho vay gửi Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/DUQT theo quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC tới Ngân hàng Nhà nước để xin xác nhận cho mục đích miễn thuế theo điều ước quốc tế. Tuy nhiên, cho đến nay, việc xác nhận tại Văn bản đề nghị miễn thuế vẫn chưa được Ngân hàng Nhà nước thực hiện. - Về vấn đề này, chúng tôi được biết Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính đã có rất nhiều các văn bản trao đổi qua lại và báo cáo Văn phòng Chính phủ. Nhưng đến nay, vẫn chưa có văn bản hướng dẫn nào chính thức được ban hành cho các doanh nghiệp để thực hiện. - Qua trao đổi chúng tôi được biết là TCT đang trao đổi nội bộ để đưa ra hướng xử lý và giải	Đề nghị Bộ Tài chính xem xét và phối hợp chỉ đạo các cơ quan hữu quan để nhanh chóng thúc đẩy quá trình xem xét và đưa ra giải pháp triệt để giúp tháo gỡ vướng mắc hiện nay liên quan đến hồ sơ thủ tục xin miễn, giảm thuế đối với thu nhập từ hợp đồng vay của IFC. Cụ thể, nhanh chóng ban hành mẫu và nội dung xác nhận để NHNN có thể ký xác nhận các doanh nghiệp có cơ sở xin miễn thuế theo điều ước quốc tế.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			quyết các nội dung mà NHNN còn đang vướng mắc. Cụ thể, các bên đang thảo luận theo hướng sửa đổi các nội dung trong Mẫu 01/DUQT được ban hành kèm Thông tư 80/2021/TT-BTC để có thể đáp ứng được các yêu cầu của NHNN. Về vấn đề này doanh nghiệp đã gửi văn bản đầu tiên lên Cục thuế Bắc Ninh từ ngày 12/7/2022 đến nay đã hơn 2 năm. Doanh nghiệp cũng đã có các văn bản gửi lên Tổng Cục thuế và Chính phủ tuy nhiên, cho đến nay, việc xác nhận tại Văn bản đề nghị miễn thuế vẫn chưa được Ngân hàng Nhà nước thực hiện. Vì vậy, Doanh nghiệp không thể thực hiện quyền lợi được miễn giảm theo Điều ước.	
5	Thuế	Khoản 1, điều 156, Luật số 80/2015/QH13 ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật như sau: <i>“Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó”</i> .	Áp dụng miễn thuế theo Điều ước quốc tế Chính Phủ Việt Nam (đại diện bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) đã ký kết một số thỏa thuận khung/bản ghi nhớ với một số tổ chức tài chính như: Công ty Tài chính Phát triển Hà Lan – gọi tắt FMO; Công ty Khuyến khích và Tham gia Hợp tác Kinh tế – gọi tắt PROPARCO; Công ty Tài chính Quốc tế – gọi tắt IFC, trong đó cam kết cho phép các tổ chức tài chính này được miễn mọi loại thuế trực tiếp hoặc gián tiếp đối với mọi hoạt động và giao dịch liên quan đến hỗ trợ phát triển và đối với các khoản thanh toán phải trả cho các Tổ chức này như gốc, lãi, cổ tức, phí bảo lãnh. Bộ Ngoại Giao Việt Nam cũng đã có văn bản xác nhận rằng Bản ghi nhớ và Thỏa thuận khung đều là Điều ước	Trường hợp này không phải là vướng mắc liên quan đến sửa mẫu xác nhận với Ngân hàng NN như các trường hợp khác và cũng đã để kéo dài quá lâu, vì vậy, kính đề nghị Bộ Tài chính, Cục thuế nghiên cứu, xem xét, sớm giải quyết thấu đáo, nhằm giúp các nhà đầu tư yên tâm vào việc thực thi hệ thống pháp Luật của Việt Nam. Cụ thể là với những hợp đồng vay đã ký từ thời điểm trước khi có Thông tư 156 (tháng 12/2013) thì doanh nghiệp không phải nộp hồ sơ áp dụng điều ước quốc tế do chưa có quy định. Các hợp đồng vay ký sau ngày hiệu lực của Thông tư 156 (ngày 20/12/2013) thì phải gửi hồ sơ áp dụng miễn giảm theo điều ước quốc tế theo quy định.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			quốc tế mà Chính Phủ Việt Nam cần tuân thủ chặt chẽ với những cam kết đã ký. Về thủ tục hồ sơ để áp dụng miễn giảm thuế theo điều ước quốc tế: Trước tháng 12 năm 2013, Luật quản lý thuế và các văn bản dưới Luật không có hướng dẫn về thủ tục hồ sơ áp dụng miễn thuế theo điều ước quốc tế. Chỉ đến khi Thông tư 156/2013/TT-BTC ra đời (hiệu lực ngày 20/12/2013) mới có quy định về thủ tục áp dụng miễn Thuế theo điều ước quốc tế, trong đó quy định: “<i>Trong phạm vi 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng</i> với Bên Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi cho cơ quan thuế nơi đăng ký thuế hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế, gồm...”; Thông tư 156/2013/TT-BTC cũng không có quy định việc áp dụng hồi tố các thủ tục này đối với các hợp đồng đã được ký kết trước thời điểm Thông tư có hiệu lực. Tuy nhiên thực tế, Thuế Quảng Ninh đã yêu cầu chúng tôi phải có hồ sơ thông báo miễn thuế theo điều ước quốc tế đối với những hợp đồng đã được ký kết trước thời điểm quy định về hồ sơ thủ tục được ban hành thì mới chấp nhận cho miễn giảm Thuế theo quy định tại Điều ước quốc tế. Theo đó chúng tôi đã gửi Công văn tới Bộ Tài chính từ tháng 02/2020 nhưng cho đến nay đã hơn 5 năm mà chúng tôi chưa nhận được công văn trả lời về vấn đề này. Như phân tích ở trên thì yêu cầu này là không có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền lợi trực tiếp của các tổ chức quốc tế và bản thân	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			Công ty chúng tôi; và cũng không phù hợp với quy định về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật tại Khoản 1, điều 156, Luật số 80/2015/QH13. Yêu cầu này khiến Việt Nam sẽ vi phạm các cam kết với các tổ chức quốc tế, không đảm bảo nguyên tắc hiệu lực trong áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, và theo đó sẽ ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam, ảnh hưởng đến niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài nói chung đối với việc thực thi Pháp Luật tại Việt Nam.	
6	Thuế	Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15; Khoản 3, Điều 37, Nghị định 181/2025/ND-CP (Nghị định 181) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế GTGT	Việc xác định người bán đã kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng cho mục đích hoàn thuế theo quy định tại Nghị định 181 Một trong các điều kiện để cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT: <i>“a) Tại thời điểm cơ sở kinh doanh nộp hồ sơ hoàn thuế, người bán đã nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng theo quy định và không còn nợ tiền thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tương ứng với kỳ tính thuế thuộc kỳ hoàn thuế của cơ sở kinh doanh để nghị hoàn thuế.”</i> Quy định trên có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025 – ngày hiệu lực của Nghị định 181. Mặc dù quy định cũng nêu rõ, <i>“Cơ quan quản lý thuế tại thời điểm cơ sở kinh doanh nộp hồ sơ hoàn thuế trên cơ sở kết quả xử lý của hệ thống công nghệ thông tin tự động để xác định người bán đã kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo quy</i>	Bên cạnh việc tán thành với quy định nêu trên trên giác độ việc hoàn thuế cần thận trọng, minh bạch hơn, Công ty cho rằng cách thức và thời gian thực hiện để áp dụng được quy định này nên được xem xét chi tiết, thấu đáo và nhất quán, nên đề ra lộ trình thực hiện theo từng bước, để đảm bảo quy định mới hợp lý và không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của người nộp thuế. Theo đó, tại thời điểm hiện tại, khi mà hệ thống ngành thuế chưa kịp đáp ứng được yêu cầu này thì chúng tôi đề xuất Bộ Tài chính/Cục thuế cần nhắc có chỉ đạo các cơ quan thuế địa phương giải quyết hoàn thuế GTGT cho các trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau, để kịp thời giải quyết nguồn lực tài chính cho doanh nghiệp, không làm ảnh hưởng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			định”, tuy nhiên đến thời điểm Công ty gửi đề xuất này, hệ thống công nghệ thông tin tự động của cơ quan thuế chưa đáp ứng được việc kiểm tra, xác định người bán đã kê khai và nộp thuế cho các hóa đơn mà người bán xuất cho Công ty hay chưa. Theo đó, hồ sơ hoàn thuế mà Công ty định kỳ vẫn nộp cho cơ quan thuế đang chưa được thụ lý. Đồng thời, cán bộ quản lý thuế cũng chưa thể xác định thời điểm nào có thể xử lý được vấn đề này do còn trong thời gian chờ đợi hướng dẫn từ phía Cục thuế (Tổng Cục thuế trước đây). Liên hệ với cơ quan quản lý thuế trực tiếp (Cục thuế tỉnh Phú Thọ), Công ty được biết bên cạnh Công ty, các doanh nghiệp có đặc thù hoàn thuế GTGT định kỳ trên địa bàn tỉnh cũng đang gặp tình trạng tương tự. Có thể thấy, điều này sẽ ảnh hưởng đến nguồn lực tài chính đối với hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp.	
7	Thuế	Khoản 4, Điều 18, Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính (sửa đổi bởi Điểm b, Khoản 12, Điều 1, Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài Chính và Điều 2, Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018 của Bộ Tài Chính)	Hoàn thuế Giá trị gia tăng (GTGT) cho hoạt động xuất khẩu Công ty TNHH Thép Vina Kyoei là công ty liên doanh được thành lập với 60% vốn đầu tư từ Nhật Bản và 40% vốn đầu tư từ Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sắt, thép, gang. Công ty đã nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đầu vào đối với hoạt động xuất khẩu	Vina Kyoei khẩn thiết kiến nghị Bộ Tài chính và Cục thuế, xem xét và giải đáp vướng mắc về trường hợp hoàn thuế của Công ty. Đề nghị đại diện Bộ Tài chính và Cục thuế xác nhận cho chúng tôi, trong tình huống chúng tôi đã xuất trình đầy đủ các hồ sơ, tài liệu hợp lệ, chứng minh về việc quan hệ mua bán của Công ty với các nhà cung cấp là có thật và thực tế diễn ra. Nhưng sau

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
		Công văn số 1752/BTC-TCT ngày 10/2/2014 của Bộ Tài Chính Công văn 11797/BTC-TCT của Bộ Tài Chính ngày 22/08/2014	cho kỳ từ tháng 12/2021 – tháng 11/2022 đến Cục Thuế vào tháng 01/2023 và đã được Cục Thuế tiến hành kiểm tra trước hoàn thuế GTGT từ tháng 20/02/2023. Sau gần 2 năm kể từ khi Công ty nộp hồ sơ xin hoàn thuế, ngày 15/11/2024, đoàn kiểm tra đã ban hành Thông báo 36602/TB-CTBRV-KDT kết luận Công ty không đủ điều kiện hoàn thuế cho toàn bộ số thuế GTGT xin hoàn của doanh nghiệp với số tiền 88,253,165,804 đồng với lý do: Công ty sử dụng các hóa đơn người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh; người nộp thuế có cảnh báo rủi ro về thuế..... Đoàn kiểm tra căn cứ vào việc công ty có mua hàng của 8 nhà cung cấp thuộc các trường hợp rủi ro cao về thuế và hóa đơn đề từ chối hoàn thuế, mặc dù Công ty đã cung cấp đầy đủ tài liệu để chứng minh các giao dịch của Công ty với các nhà cung cấp này là có thật và thực tế diễn ra. Quan điểm của doanh nghiệp: Việc phân loại rủi ro của các doanh nghiệp thuộc về nghiệp vụ quản lý của cơ quan thuế. Hệ thống phân loại này không công khai. Tại thời điểm giao dịch diễn ra, doanh nghiệp đã kiểm tra thông tin nhà cung cấp nhưng không có bất kỳ thông báo chính thức nào từ cơ quan thuế hay các cơ quan chức năng về việc các nhà cung cấp	này nhà cung cấp không còn hoạt động tại trụ sở thì chúng tôi vẫn được xử lý hoàn thuế cho các giao dịch hợp lệ đã thực hiện trước đó. Vấn đề này có ý nghĩa quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến việc duy trì hoạt động kinh doanh của chúng tôi tại Việt Nam. Mong Bộ Tài chính và Cục thuế giải đáp để đảm bảo quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp, giúp công ty yên tâm sản xuất kinh doanh và đóng góp vào sự phát triển của kinh tế đất nước.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			này tạm ngừng kinh doanh hoặc hóa đơn không còn giá trị sử dụng. • Các thông báo Đoàn kiểm tra đang sử dụng làm căn cứ đánh giá rủi ro của các nhà cung cấp đều là các văn bản được ban hành sau kỳ hoàn thuế mà doanh nghiệp xin hoàn. • Tình trạng rủi ro về thuế và hóa đơn của các nhà cung cấp này trên hệ thống nội bộ của cơ quan thuế tại thời điểm Đoàn tiến hành kiểm tra không thể là cơ sở để bác bỏ tính pháp lý của các giao dịch mà Công ty đã thực hiện trước đó với các nhà cung cấp. • Việc Cục thuế từ chối hoàn thuế cho Công ty là thiếu căn cứ pháp lý, gây khó khăn cho doanh nghiệp kể cả về tài chính lẫn tâm lý kinh doanh, đồng thời tác động tiêu cực đến môi trường đầu tư tại Việt Nam nói chung. Vina Kyoei đã gửi đơn Đơn khiếu nại đối với Thông báo từ chối hoàn thuế nói trên 03/12/2024. Ngày 23/01/2025, chúng tôi nhận được Quyết định số 05/QĐ-CTBRV của Cục trưởng Cục thuế tỉnh BRVT ban hành ngày 02/01/2025 không công nhận Đơn khiếu nại lần thứ nhất của Vina Kyoei và giữ nguyên kết luận về việc hồ sơ của Công ty chưa đủ điều kiện hoàn thuế theo Thông báo số 36602/TB-CTBRV-KDT.	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			Vina Kyoei nhận thấy hồ sơ hoàn thuế của Công ty đã không được giải quyết một cách thỏa đáng, thiếu căn cứ và thiếu tính minh bạch. Vì vậy, chúng tôi đã tiếp tục nộp hồ sơ khiếu nại lần thứ hai trình Tổng cục thuế (nay là Cục thuế) xem xét.	
8	Thuế	Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 (Khoản 1 Điều 11) Thông tư 219/2013/TT-BTC (Khoản 10 Điều 7, Điều 11; Khoản 4 Điều 5)	Hoàn thuế Giá trị gia tăng Tháng 12/2014, Công ty ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với cơ sở hạ tầng với Công ty Cổ phần đầu tư HimlamBC (bên chuyển nhượng) để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng toà nhà, căn hộ cho thuê. Đối với giao dịch nói trên, bên chuyển nhượng đã xuất 03 hoá đơn GTGT cho Công ty, trong đó có hoá đơn ngày 15/6/2016, trị giá hoá đơn là 81 tỷ, số thuế GTGT là 8,1 tỷ VND. Cũng như 2 hóa đơn kia thì đối với hóa đơn này, bên chuyển nhượng đã kê khai, nộp thuế GTGT đầu ra và Công ty cũng đã kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng. Bên chuyển nhượng cũng đã được Cục Thuế TP. Hà Nội (nay là Thuế Hà Nội) thanh tra, kiểm tra thuế cho thời kỳ phát sinh giao dịch và không có ý kiến gì về việc xuất hoá đơn và kê khai thuế của đơn vị. Tuy nhiên, vào năm 2017, khi Cục Thuế TP. Hà Nội thực hiện kiểm tra trước hoàn thuế theo Đề nghị hoàn thuế từ Quý I/2016 – đến Quý IV/2016 của Công ty, đoàn thanh tra của Cục Thuế TP. Hà Nội cho rằng giao dịch này là chuyển nhượng dự	Chúng tôi hiểu rằng bất luận cơ quan thuế kết luận giao dịch chuyển nhượng giữa Công ty CP đầu tư HimlamBC và Công ty TNHH Haseko LHT là chuyển nhượng dự án hay chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với cơ sở hạ tầng thì căn cứ hướng dẫn của Cục Thuế, giao dịch này đều chịu thuế GTGT 10%. Do đó, Công ty kiến nghị Bộ Tài chính, Cục thuế sớm có chỉ đạo Thuế TP. Hà Nội giải quyết dứt điểm vấn đề vướng mắc của Công ty, chấp thuận cho chúng tôi được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào đối với hoá đơn GTGT mà Công ty CP đầu tư HimlamBC đã xuất và kê khai, nộp thuế GTGT đầu ra 10% cho cơ quan thuế.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			án nên thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nên không đồng ý cho Công ty (bên nhận chuyển nhượng) được kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hóa đơn GTGT ngày 15/6/2016. Như vậy, cùng một giao dịch chuyển nhượng nhưng các kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra thuế của Cục Thuế TP. Hà Nội đối với bên nhận chuyển nhượng và bên chuyển nhượng đang có quan điểm xử lý khác nhau trong xác định thuế GTGT, dẫn đến vấn đề của chúng tôi từ năm 2017 đến nay (đã 8 năm rồi) mà vẫn tồn đọng, chưa được giải quyết hoàn thuế GTGT. Công ty cũng đã có văn bản gửi Tổng cục Thuế, nay là Cục Thuế và Cục Thuế mới đây cũng đã có công văn số 434/CT-CS ngày 02/4/2025 gửi Chi cục Thuế khu vực I (nay là Thuế Hà Nội) rà soát lại kết quả thanh tra kiểm tra để xử lý đúng quy định, báo cáo kết quả xử lý gửi về Cục Thuế trước ngày 10/4/2025. Đồng thời, chúng tôi cũng đã có văn bản số 03/2025/CV ngày 09/4/2025 gửi Chi cục Thuế khu vực I để giải trình, cung cấp thêm thông tin và kiến nghị với Chi cục Thuế khu vực I. Tuy nhiên, đến nay chúng tôi vẫn chưa nhận được thêm bất kỳ hướng dẫn hay phản hồi nào của cơ quan thuế về việc giải quyết vấn đề của chúng tôi. Ngoài ra, theo quan sát của chúng tôi, việc xử lý về thuế GTGT của đoàn thanh tra năm 2017 của	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			Cục Thuế TP. Hà Nội đối với giao dịch chuyển nhượng của chúng tôi cũng không đúng tinh thần với hướng dẫn của Tổng cục Thuế (nay là Cục Thuế) cho các trường hợp tương tự như: Công văn 269/TCT-CS ngày 17/1/2025 trả lời Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá; Công văn 416/TCT-CS ngày 23/01/2025 trả lời Cục Thuế tỉnh Bình Dương. Tại các Công văn này, Tổng cục Thuế hướng dẫn Hợp đồng chuyển nhượng Dự án bất động sản là hoạt động kinh doanh bất động sản theo Luật kinh doanh BĐS nên thuộc đối tượng chịu thuế GTGT	
9	Thuế	Điều 14 và Điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC Khoản 9, điều 3, Nghị định 123/2020/NĐ-CP Công văn số 4532/TCT-TTKT ngày 26/10/2020	Hoàn thuế Giá trị gia tăng Công ty TNHH Itochu Việt Nam là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư của Nhật Bản, hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Trong thời gian vừa qua, Công ty đã được Chi cục Thuế khu vực 2 (nay là Thuế TP. Hồ Chí Minh) thực hiện kiểm tra trước hoàn thuế GTGT đối với hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT cho hoạt động xuất khẩu của Công ty (kỳ đề nghị hoàn từ 10/2020 – 04/2022) và đã được Thuế TP.HCM thực hiện hoàn thuế cho Công ty. Tuy nhiên, căn cứ Biên bản kiểm tra hoàn thuế, Thuế TP. HCM có ý kiến không cho công ty được hoàn thuế đối với 02 nội dung: (i) Thuế GTGT đầu vào liên quan đến hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từ các nhà cung cấp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (ngày hoá đơn trước ngày doanh nghiệp có Thông báo bỏ địa chỉ kinh doanh)	Kính đề nghị Bộ Tài chính, Cục Thuế xem xét vấn đề của doanh nghiệp, hướng dẫn và có chỉ đạo Thuế TP.HCM xem xét một cách thấu đáo các nội dung giải trình của Công ty và các tài liệu, chứng từ chứng minh kèm để tiếp tục giải quyết, chấp nhận hoàn thuế đối với 02 vấn đề mà Công ty đã nêu.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			(ii) Thuế GTGT đầu vào liên quan đến các hoá đơn của Công ty TNHH CBT Steel (“CBT Steel”) là doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro về hoá đơn theo Công văn 4532/TCT-TTKT ngày 26/10/2020 (“Công văn 4532”) cần kiểm tra xác minh, tạm thời chưa xét hoàn. Đối với 02 nội dung nêu trên, theo quan điểm của chúng tôi, việc Thuế TP.HCM không cho Công ty được hoàn thuế là không có cơ sở, dựa trên các lý do như sau: - Đối với nội dung (i): Tại thời điểm phát sinh giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ của nhà cung cấp, các nhà cung cấp này đều đang hoạt động bình thường; Công ty đã lưu giữ và cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ để chứng minh giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ với các nhà cung cấp này cho đoàn kiểm tra; Đến nay, chưa có bất kỳ kết luận nào từ các cơ quan công an hay các cơ quan chức năng khác là hóa đơn của các doanh nghiệp này là hóa đơn không hợp pháp. Do đó, việc Công ty thực hiện khấu trừ và đề nghị hoàn số thuế GTGT đầu vào đối với các hoá đơn này hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. - Đối với nội dung (ii): Danh sách doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro về quản lý, sử dụng hoá đơn ban hành kèm theo Công văn 4532 của Tổng cục Thuế (nay là Cục Thuế) được đưa ra dựa trên một số tiêu chí rủi ro; trên cơ sở đó, Cục Thuế đề nghị	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			Thuế TP.HCM kiểm tra, xác minh hoá đơn của các doanh nghiệp này để xử lý nếu có dấu hiệu vi phạm. Như vậy, việc nhà cung cấp CBT Steel mới chỉ nằm trong danh sách kèm theo công văn 4532 của Tổng cục Thuế, chưa có kết quả xác minh cuối cùng của cơ quan thuế/cơ quan có thẩm quyền về các hoá đơn này có phải hoá đơn bất hợp pháp hay không thì chưa có căn cứ để đoàn kiểm tra chưa chấp nhận khấu trừ, hoàn thuế cho Itochu. Liên quan đến nhà cung cấp này, chúng tôi cũng đã tích cực phối hợp với đoàn kiểm tra, chủ động liên hệ với nhà cung cấp CBT Steel để xác minh các hoá đơn do CBT xuất cho Công ty chúng tôi trong kỳ hoàn thuế. Theo đó, công ty đã giải trình và cam kết về tính xác thực trong giao dịch mua bán hàng hoá với CBT Steel, đồng thời cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ mua bán với nhà cung cấp (bao gồm cả nhà cung cấp thứ cấp và nhà cung cấp trực tiếp là CBT Steel) và khách hàng của Công ty gồm: Hợp đồng mua bán hàng hoá, hoá đơn GTGT, chứng từ thanh toán, biên bản giao nhận hàng hoá, chứng từ vận chuyển, phiếu cân, phiếu nhập kho,... Đồng thời, nhà cung cấp CBT Steel cũng cam kết và khẳng định đã kê khai thuế GTGT đầu ra đối với các hoá đơn đã xuất cho Itochu. Như vậy, chúng tôi thấy rằng có đầy đủ cơ sở để Công ty được khấu trừ, hoàn thuế đối với các hoá đơn đầu vào của CBT Steel	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
10	Thuế		Tình trạng chậm hoàn thuế VAT trong xuất – nhập khẩu nội địa. Nhiều doanh nghiệp Hàn Quốc nhiều năm chưa được hoàn thuế, ảnh hưởng lớn đến dòng tiền và kế hoạch đầu tư.	Vì vậy, chúng tôi xin phép được đưa ra một số kiến nghị như sau: 1. Đề nghị cho phép hoàn thuế hồi tố đối với các khoản mà doanh nghiệp đã nộp hồ sơ hợp lệ trong quá khứ nhưng chưa được hoàn. 2. Đề nghị thiết lập đầu mối chuyên trách hoặc áp dụng cơ chế “fast-track” để quy trình hoàn thuế được minh bạch và nhanh chóng hơn. 3. Đề nghị xem xét cơ chế bồi hoàn một phần chi phí tài chính hoặc lãi vay mà doanh nghiệp phải gánh chịu do việc chậm hoàn thuế. 4. Bên cạnh việc mở rộng áp dụng nguyên tắc “hoàn trước, kiểm tra sau”, đề nghị thiết lập cơ chế thông báo thường xuyên tiến độ xử lý hồ sơ cho doanh nghiệp.
11	Thuế	Khoản 1 b, 2a Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính về Thuế giá trị gia tăng có quy định: Điều 9. Thuế suất 0% 1) b) ... Trường hợp cung cấp dịch vụ mà hoạt động cung cấp vừa diễn ra tại Việt Nam, vừa diễn ra ở	Xử lý thuế GTGT với giao dịch giữa hai doanh nghiệp Việt Nam (1) mua bán hàng hóa có điểm giao, nhận ở ngoài Việt Nam và (2) cung cấp dịch vụ diễn ra ở nước ngoài Theo các quy định nêu bên, trước tháng 7 năm 2025, các hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong hai trường hợp sau vẫn được áp dụng thuế GTGT 0%: • Dịch vụ được cung cấp giữa hai doanh nghiệp Việt nam nhưng hoạt động cung cấp diễn ra ở ngoài Việt Nam; và	Để phù hợp với bản chất thuế GTGT, khuyến khích các hoạt động kinh doanh phát triển đa dạng phong phú, phù hợp với sự phát triển thương mại toàn cầu, chúng tôi kiến nghị Bộ tài chính, Cục thuế nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định thuế GTGT hiện hành theo hướng tiếp tục được áp dụng thuế suất 0% đối với hàng hóa, dịch vụ được cung cấp trong hai trường hợp đã nêu.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
		ngoài Việt Nam nhưng hợp đồng dịch vụ được ký kết giữa hai người nộp thuế tại Việt Nam hoặc có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì thuế suất 0% chỉ áp dụng đối với phần giá trị dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam, trừ trường hợp cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất 0% trên toàn bộ giá trị hợp đồng. Trường hợp, hợp đồng không xác định riêng phần giá trị dịch vụ thực hiện tại Việt Nam thì giá tính thuế được xác định theo tỷ lệ (%) chi phí phát sinh tại Việt Nam trên tổng chi phí. Cơ sở kinh doanh cung cấp dịch vụ là người nộp thuế tại Việt Nam phải có tài liệu chứng minh dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam. Ví dụ 45: Công ty B ký hợp đồng với Công ty C về việc cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế cho dự án đầu tư ở Cam-pu-chia của Công ty C (Công ty B và công ty C là các	Hàng hóa được mua bán giữa hai doanh nghiệp Việt Nam nhưng có điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam và đáp ứng một số điều kiện quy định. Tuy nhiên, theo quy định của Luật thuế GTGT mới có hiệu lực từ 1/7/2025 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn, không còn có các hướng dẫn tương tự như trên, theo đó hiểu rằng các hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ tương tự không còn được hưởng mức thuế suất GTGT 0% nữa, mà sẽ phải áp dụng các mức 5%, 10% hay 8% theo quy định tại thời điểm phát sinh giao dịch. Chúng tôi thấy rằng các quy định tại Thông tư 219 nêu trên rất hợp lý, phù hợp do các hàng hóa, dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp/tiêu dùng ngoài Việt Nam, nên dù là giao dịch được thực hiện giữa hai doanh nghiệp Việt Nam thì cũng cần được xử lý thuế GTGT tương tự như giao dịch theo đó doanh nghiệp Việt Nam bán hàng hóa, dịch vụ cho doanh nghiệp nước ngoài. Bản chất thuế GTGT đánh trên hàng hóa, dịch vụ được cung cấp nên cần dựa trên tính chất của hàng hóa, dịch vụ liên quan để xác định thuế suất áp dụng, mà không phụ thuộc vào bên mua là bên Việt Nam hay bên nước ngoài.	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
		doanh nghiệp Việt Nam). Hợp đồng có phát sinh các dịch vụ thực hiện ở Việt Nam và các dịch vụ thực hiện tại Cam-pu-chia thì giá trị phần dịch vụ thực hiện tại Cam-pu-chia được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%; đối với phần doanh thu dịch vụ thực hiện tại Việt Nam, Công ty B phải kê khai, tính thuế GTGT theo quy định. Ví dụ 46: Công ty D cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát, lập báo cáo khả thi đối với dự án đầu tư tại Lào cho Công ty X. Giá trị hợp đồng Công ty D nhận được là 5 tỷ đồng đã bao gồm thuế GTGT cho phần dịch vụ thực hiện tại Việt Nam. Hợp đồng giữa 2 doanh nghiệp không xác định được doanh thu thực hiện tại Việt Nam và doanh thu thực hiện tại Lào. Công ty D tính toán được các chi phí thực hiện ở Lào (chi phí khảo sát, thăm dò) là 1,5 tỷ đồng và chi phí thực hiện ở Việt Nam (tổng hợp, lập báo cáo) là 2,5 tỷ đồng. Doanh thu đối với phần dịch vụ thực hiện tại Việt Nam đã bao		

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
		gồm thuế GTGT được xác định như sau: $5 \text{ tỷ} \times \frac{2,5 \text{ tỷ}}{2,5 \text{ tỷ} + 1,5 \text{ tỷ}} = 3,125 \text{ tỷ đồng}$ Trường hợp Công ty D có tài liệu chứng minh Công ty cử cán bộ sang Lào thực hiện khảo sát, thăm dò và có giấy tờ chứng minh Công ty mua một số hàng hóa phục vụ việc khảo sát, thăm dò tại Lào thì doanh thu đối với phần dịch vụ thực hiện tại Lào được áp dụng thuế suất 0% và được xác định bằng 1,875 tỷ đồng ($5 - 3,125 = 1,875$ tỷ đồng). ... 2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%: ... Riêng đối với trường hợp hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam, cơ sở kinh doanh (bên bán) phải có tài liệu chứng minh việc giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam như: hợp đồng mua hàng hóa ký với bên bán hàng hóa ở nước ngoài; hợp đồng bán hàng hóa ký với bên mua hàng; chứng từ chứng minh hàng hóa		

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
		được giao, nhận ở ngoài Việt Nam như: hóa đơn thương mại theo thông lệ quốc tế, vận đơn, phiếu đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ...; chứng từ thanh toán qua ngân hàng gồm: chứng từ qua ngân hàng của cơ sở kinh doanh thanh toán cho bên bán hàng hóa ở nước ngoài; chứng từ thanh toán qua ngân hàng của bên mua hàng hóa thanh toán cho cơ sở kinh doanh. Ví dụ 48: Công ty A và Công ty B (là các doanh nghiệp Việt Nam) ký hợp đồng mua bán dầu nhờn. Công ty A mua dầu nhờn của các công ty ở Sin-ga-po, sau đó bán cho Công ty B tại cảng biển Sin-ga-po. Trường hợp Công ty A có: Hợp đồng mua dầu nhờn ký với các công ty ở Sin-ga-po, hợp đồng bán hàng giữa Công ty A và Công ty B; chứng từ chứng minh hàng hóa đã giao cho Công ty B tại cảng biển Sin-ga-po, chứng từ thanh toán tiền qua ngân hàng do Công ty A chuyển cho các công ty bán dầu nhờn ở Sin-ga-po, chứng từ thanh toán tiền qua		

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
		ngân hàng do Công ty B thanh toán cho Công ty A thì doanh thu do Công ty A nhận được từ bán dầu nhờn cho Công ty B được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.		
13	Thuế	Thông tư 86/2024/TT-BTC quy định về đăng ký thuế Điểm 2, Điều 38 quy định <i>“Điều 38. Hiệu lực thi hành</i> <i>2. Mã số thuế do cơ quan thuế cấp cho cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh được thực hiện đến hết ngày 30/6/2025. Kể từ ngày 01/7/2025, người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc sử dụng mã số thuế theo quy định tại Điều 35 Luật Quản lý thuế thực hiện sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế.”</i>	Việc sử dụng số định danh thay MST cá nhân theo quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC Gần đây, Cục Thuế đã nâng cấp ứng dụng Hỗ trợ kê khai (HTKK) đáp ứng sử dụng số định danh thay MST cá nhân theo quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế. Theo đó, tổ chức chi trả thu nhập bắt buộc phải sử dụng số định danh thay MST cá nhân để kê khai cho người lao động và người phụ thuộc. Tuy nhiên, hệ thống đang mặc định sử dụng số định danh cho cả các tờ khai của năm cũ. Trong thực tế, nhiều tổ chức chi trả thu nhập có nhu cầu nộp tờ khai bổ sung cho các kỳ quyết toán thuế của các năm trước đó và ứng dụng HTKK cũng yêu cầu nhập số định danh cho cá nhân và người phụ thuộc của các năm trước. Điều này là không khả thi trong thực tế bởi có nhiều người lao động đã nghỉ việc nên tổ chức chi trả thu nhập không thể liên hệ để thu thập số định danh cá nhân cho người lao động đó và người phụ thuộc của người lao động để kê khai.	Khuyến nghị Bộ tài chính, Cục thuế nghiên cứu nâng cấp ứng dụng HTKK, việc yêu cầu bắt buộc nhập số định danh cá nhân chỉ áp dụng cho kỳ kê khai thuế từ 7/2025 và quyết toán thuế TNCN năm 2025 trở đi. Đối với các tờ khai quyết toán thuế của các năm từ 2024 trở về trước, ứng dụng HTKK cho phép tổ chức chi trả thu nhập kê khai MST do cơ quan thuế cấp trước đây để tổ chức chi trả thu nhập có thể nộp tờ khai quyết toán thuế bổ sung.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
14	Tiền thuê đất	Truy thu tiền thuê đất	Truy thu tiền thuê đất Tập đoàn Nidec đã ký kết Hợp đồng Khung về Đầu tư từ năm 2005 trong đó đã quy định rõ các ưu đãi đầu tư dành cho các dự án đầu tư trực tiếp bởi Tập đoàn và các công ty con trong đó có các nội dung ưu đãi miễn tiền thuê đất và giá <i>thuê đất đối với dự án sản xuất công nghệ cao là 0.2USD/m²/năm</i>. Trên cơ sở nội dung Hợp đồng Khung về Đầu tư, ngày 03/07/2012, Ban quản lý KCNC đã ký Hợp đồng thuê đất với doanh nghiệp theo mức giá thuê đất đã thỏa thuận trong hợp đồng khung và doanh nghiệp đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2019, Tập đoàn tái cấu trúc nội bộ theo đó doanh nghiệp bị sáp nhập vào một doanh nghiệp khác cũng là công ty con khác của Tập đoàn trong cùng khu công nghệ cao tại Việt Nam. Trên cơ sở hợp đồng sáp nhập, khu đất đã được chuyển giao sang cho công ty nhận sáp nhập kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ. Đến nay, doanh nghiệp là công ty nhận sáp nhập gặp vướng mắc trong việc cập nhật thông tin về người sử dụng đất tại Hợp đồng thuê đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với Ban quản lý KCNC. Ban quản lý cho biết các thủ tục này chưa thể thực hiện được do vướng mắc về kiến nghị truy thu tiền thuê đất lên đến hơn 16 tỷ đồng của	Chúng tôi kiến nghị Chính phủ cân nhắc chỉ đạo để UBND Thành phố HCM, Ban quản lý KCNC và các cơ quan chức năng quan tâm, ưu tiên xem xét và giải quyết vấn đề này, hủy bỏ đề nghị truy thu tiền thuê đất để doanh nghiệp có thể sớm triển khai kế hoạch đầu tư tiếp theo.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			Kiểm toán Nhà nước từ năm 2018. Lý do được Kiểm toán Nhà nước đưa ra là Ban quản lý KCNC đã ký Hợp đồng cho thuê đất với Nidec Seimitsu với giá thuê đất thấp hơn quy định tại Quyết định số 5754/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của UBND Thành phố HCM. Ngày 5/8/2024, Ban quản lý có công văn số 1087/KNCN-XTĐT gửi doanh nghiệp, Ban quản lý thông tin về kiến nghị của kiểm toán nhà nước Khu vực IV tại Công văn số 323/KV IV-TH ngày 23/7/2024, và yêu cầu công ty thực hiện nộp tiền thuê đất bổ sung 16.643.554.372 đồng như đã nêu trên. Việc sau 12 năm kể từ thời điểm ký Hợp đồng thuê đất, Chính phủ Việt Nam yêu cầu doanh nghiệp nộp bổ sung số tiền thuê đất như sự việc nói trên là hoàn toàn không có cơ sở và đang vi phạm nghiêm trọng đến các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng thuê đất cũng như các cam kết mà Chính phủ Việt Nam đã thể hiện trong Hợp đồng khung.	
15	Thời hạn thuê đất		Vấn đề hết hạn thời hạn thuê đất tại các khu công nghiệp Nhiều doanh nghiệp Hàn Quốc sắp hết hạn hợp đồng thuê đất, nhưng chưa có cơ chế gia hạn, dẫn tới nguy cơ phải dừng hoạt động. Điều này gây thiệt hại nặng nề cho doanh nghiệp và ảnh hưởng uy tín môi trường đầu tư của Việt Nam.	Vì vậy, chúng tôi xin phép được đưa ra 03 kiến nghị như sau: - Doanh nghiệp hết hạn được bố trí đất thay thế trong cùng KCN hoặc khu vực lân cận. - Thế chế hóa cơ chế gia hạn hợp đồng cho các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện trong quá trình đầu tư nhất định.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			Điều này không chỉ gây thiệt hại nghiêm trọng cho các doanh nghiệp, mà còn có thể ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của môi trường đầu tư tại Việt Nam.	3. Ưu tiên gia hạn và ưu đãi cho các doanh nghiệp đã có đóng góp từ giai đoạn mở cửa thập niên 1990.
16	Xuất hóa đơn hàng cho mượn và hoàn trả	Vướng mắc liên quan tới việc thực hiện xuất hóa đơn hàng cho mượn và hoàn trả theo khoản 1 Điều 4, Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 được bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025	(i) Quy định về hóa đơn và thuế GTGT trước 01/06/2025 - Thông tư 39/2014/TT-BTC và Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn: Hàng cho mượn phải xuất hóa đơn nhưng không quy định giá tính thuế. - Thông tư 119/2014/TT/BTC và Thông tư 26/2015/TT-BTC sửa đổi Thông tư 39/2014/TT-BTC và Thông tư 219/2013/TT-BTC như sau: - Hàng cho mượn <u>không phải xuất hóa đơn</u> - Giá tính thuế GTGT: <u>không phải tính nộp thuế GTGT</u> - Nghị định 123/2020/NĐ-CP và Thông tư 119/2014/TT-BTC quy định: - Hàng cho mượn <u>phải xuất hóa đơn</u> - Giá tính thuế GTGT: <u>Không phải tính, nộp thuế GTGT</u> ⇒ Thực tế áp dụng trong 2 trường hợp: - Non-EPE cho EPE mượn: Xuất hóa đơn thuế suất “không chịu thuế” - Non-EPE cho Non-EPE mượn: Xuất hóa đơn thuế suất “không kê khai nộp	Bổ sung giá tính thuế đối với hàng xuất cho mượn không phải tính thuế giá trị gia tăng. Nếu phải kê khai thì đề nghị <u>sửa đổi mẫu tờ khai 01/GTGT để kê khai mục riêng hàng cho mượn</u> để không ảnh hưởng tới việc tính toán số thuế GTGT được hoàn trong kỳ của doanh nghiệp thuộc đối tượng hoàn thuế GTGT và đảm bảo phản ánh đúng bản chất giao dịch

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			thuế” (ii) Quy định về hóa đơn và thuế GTGT từ 01/06/2025 - Nghị Định 70/2025/NĐ-CP quy định phải lập hóa đơn đối với xuất hàng hóa dưới hình thức cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa. <u>Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.</u> <u>Tuy nhiên</u> - Nghị định 181/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật thuế GTGT: không quy định giá tính thuế đối với giao dịch cho mượn ⇒ Vương mắc trong thực tiễn: - Theo quy định pháp luật thuế về hóa đơn doanh nghiệp phải xuất hóa đơn khi xuất hàng cho mượn nhưng hành lang pháp lý hiện tại không hướng dẫn giá tính thuế và thuế suất đối với hàng cho mượn khiến doanh nghiệp lúng túng trong việc tuân thủ xuất hóa đơn? Xuất hóa đơn với giá nào? Thuế suất ra sao? Qua một số trao đổi với cán bộ thuế thì được hướng dẫn là xuất hóa đơn và tính nộp thuế cho hàng mượn. Tuy nhiên nếu thực hiện tính và nộp thuế GTGT cho giao dịch xuất hàng cho mượn thì không phù hợp với bản chất giao dịch. Lý do: Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 có quy định rất cụ thể về hợp đồng cho mượn tài sản, theo đó bên cho mượn giao tài sản cho bên mượn để sử dụng trong một	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			thời hạn <u>mà không phải trả tiền, bên mượn phải trả lại tài sản</u> đó khi hết thời hạn mượn hoặc mục đích mượn đã đạt được. Như vậy giao dịch cho mượn theo pháp luật chuyên ngành đã công nhận không phát sinh nghĩa vụ phải trả tiền của bên mượn tài sản. Xét về mặt bản chất giao dịch nếu giao dịch cho mượn đúng bản chất cho mượn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên cho mượn, tạo ra lợi ích kinh tế cho bên cho mượn tài sản (không bao gồm các trường hợp hình thức cho mượn nhưng bản chất là bán, cho thuê) thì nên được xem là không phát sinh nghĩa vụ thuế, <u>theo đó không phải tính thuế GTGT.</u> Kê khai thuế GTGT: quy định hiện hành chưa có hướng dẫn về việc kê khai hóa đơn khi xuất hàng cho mượn vào chỉ tiêu nào trên tờ khai 01/GTGT. Hiện nay các chỉ tiêu kê khai là “Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ”. Do vậy doanh nghiệp vướng mắc trong việc kê khai hóa đơn và liệu có ảnh hưởng tới việc tính toán số thuế GTGT được hoàn trong kỳ của doanh nghiệp thuộc đối tượng hoàn thuế GTGT? Yêu cầu xuất hóa đơn nhằm mục đích quản lý giao dịch hàng hóa ra/vào của doanh nghiệp không vì mục đích thu thuế vô hình chung tạo gánh nặng	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
			cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ xuất hóa đơn, vướng mắc liên quan tới kê khai và hoàn thuế GTGT của các doanh nghiệp.	
17	Giao nhận vận tải		Khó khăn trong quá trình giao nhận vận tải với mục đích xuất khẩu. Một số doanh nghiệp sản xuất (bao gồm sản xuất ô tô) chế tạo sản phẩm dành riêng cho xuất khẩu nên không xin được giấy chứng nhận chất lượng (CQ) tại Việt Nam. Vì vậy, doanh nghiệp không thể cấp biên số tạm để vận chuyển ra cảng, làm trì hoãn toàn bộ lịch xuất khẩu. Những hạn chế về thủ tục như vậy không chỉ đơn thuần là vấn đề hành chính, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín trong giao dịch quốc tế của doanh nghiệp.	Vì vậy, chúng tôi kiến nghị áp dụng cho phép cơ chế ngoại lệ để cấp biên số tạm cho hàng hóa xuất khẩu, đồng thời thiết lập cơ chế phối hợp nhanh cấp trung ương để tránh kéo dài do xử lý đơn lẻ.
18	Nhân lực		Vấn đề thiếu hụt nhân lực Các doanh nghiệp gặp khó khăn trong cả nhân lực kỹ thuật và lao động lành nghề. Gần đây, một số doanh nghiệp nước ngoài trả lương và thưởng cao để “lôi kéo” lao động, khiến nhân sự đã được đào tạo không ổn định, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất và kế hoạch đầu tư mới. Điều này không chỉ gây gián đoạn trong sản xuất mà còn trở thành rào cản lớn đối với việc mở rộng đầu tư mới.	Vì vậy, chúng tôi kính đề nghị Chính phủ Việt Nam như sau: 1. Tăng cường hợp tác đào tạo nghề, nâng cao tay nghề lao động địa phương. 2. Điều chỉnh hạn ngạch và nới lỏng quy định sử dụng lao động nước ngoài theo nhu cầu của ngành công nghiệp. 3. Có cơ chế hỗ trợ để doanh nghiệp giữ chân nhân lực đã đào tạo, hạn chế tình trạng “chảy máu lao động”.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
19	Logistics			Hiện nay, Logistics hàng không đang ngày càng giữ vai trò chiến lược trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và thúc đẩy phát triển kinh tế số. Trong bối cảnh Chính phủ Việt Nam đang đẩy mạnh chủ trương phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại và khuyến khích mô hình hợp tác công tư, việc tiếp cận các mô hình cảng hàng không và logic hàng không mới, hiệu quả và linh hoạt là yếu tố then chốt. Thực tế đã có một số nhà đầu tư uy tín, giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực logistic đã được cấp phép hoạt động dưới hình thức cảng hàng không kéo dài. Một số nhà đầu tư đang mong muốn triển khai mô hình kết nối trực tiếp từ cảng kéo dài đến thẳng sân đỗ và lên máy bay. Đây là hướng tiếp cận mới và tiềm năng, cần được hỗ trợ bằng các chính sách đột phá, tạo điều kiện pháp lý rõ ràng để hiện thực hóa. Vì vậy, VBF khuyến nghị Chính phủ nên cân nhắc vấn đề này để có định hướng chính sách phù hợp.
20	Miễn thuế đối với hàng tiêu dùng, sử dụng trong	Theo quy định tại Thông tư 38/2015/TT-BTC và Thông tư 39/2018/TT-BTC, và Nghị định 181/2025/NĐ-CP	Theo quy định tại thông tư 38/2015/TT-BTC và Thông tư 39/2018/TT-BTC, Hàng hóa là vật liệu xây dựng, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng mua từ nội địa để xây dựng công trình, phục vụ cho điều hành bộ máy văn phòng và sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại DNCX được quyền lựa chọn thực hiện hoặc	Cần có hướng dẫn chính thức bằng văn bản về định nghĩa phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu của doanh nghiệp chế xuất. Đề xuất tất cả các hàng hóa tiêu dùng trong doanh nghiệp chế xuất được xem là phục vụ

Stt	Vấn đề	Tham chiếu quy định	Vấn đề	Khuyến nghị
	nội bộ doanh nghiệp chế xuất.		không thực hiện thủ tục hải quan. Khi thực hiện thủ tục hải quan, hàng hóa này vẫn được miễn thuế đối với DNCX. Tuy nhiên, tại nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định chỉ những hàng hóa sử dụng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu mới được áp dụng mức thuế 0%. Do không có định nghĩa cụ thể về thế nào là phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu, các hàng hóa thuộc nhóm nêu trên có được tiếp tục hưởng chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp chế xuất hay không? Thực tế nhiều nhà cung cấp đang yêu cầu văn bản cam kết việc phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu khi xuất hóa đơn cho các mặt hàng nêu trên.	trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu.

TỔNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ HẢI QUAN

Stt	Vấn đề	Tham chiếu	Vấn đề	Khuyến nghị
1	Hải quan	Điều 16, Thông tư 33/2023 của BTC về xác định xuất xứ hàng hóa	C/O thể hiện mã HS khác với mã HS trên tờ khai nhập khẩu Quy định yêu cầu người nhập khẩu phải cung cấp (i) Quy trình sản xuất và (ii) Bảng tính xuất xứ của nhà sản xuất để giải trình tính hợp lệ của C/O trong trường hợp có sự sai khác mã HS giữa C/O và tờ khai nhập khẩu ngay cả trong trường hợp tiêu chí xuất xứ của mã HS trên C/O và mã HS trên tờ khai cùng là hàm lượng giá trị (RVC/LVC). Điều này gây khó khăn rất lớn cho doanh nghiệp và cũng không thực sự cần thiết vì: - Các tài liệu (i) Quy trình sản xuất và (ii) Bảng tính xuất xứ thường là các tài liệu chứa các thông tin bí mật của nhà sản xuất (như công nghệ sản xuất, danh mục nguyên liệu và chi phí sản xuất,...) nên nhà sản xuất hầu như sẽ không sẵn sàng cung cấp cho người nhập khẩu để cung cấp cho hải quan nước nhập khẩu nhằm mục đích giải trình; trong khi đó - Mã HS về bản chất là không ảnh hưởng đến công thức tính hàm lượng giá trị (RVC/LVC), nên việc sai khác mã HS giữa C/O và tờ khai hải quan sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của C/O nếu tiêu chí xuất xứ của các mã HS này cùng là mức RVC/LVC như sau.	Xem xét sửa đổi quy định về việc xử lý C/O khi có sự sai khác mã HS giữa C/O và tờ khai nhập khẩu. Cụ thể, nếu tiêu chí xuất xứ của các mã HS này cùng là mức RVC/LVC như sau thì Cơ quan hải quan xem xét chấp nhận C/O nếu không có nghi ngờ nào khác, mà không cần yêu cầu doanh nghiệp cung cấp (i) Quy trình sản xuất và (ii) Bảng tính xuất xứ của nhà sản xuất để giải trình, chứng minh.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu	Vấn đề	Khuyến nghị
2	Hải quan	Nghị định 31/2018; Điều 15, Nghị định 43/2017, sửa đổi bổ sung tại Nghị định 111/2021; Khoản 1, Điều 5, Thông tư 33/2023.	Xác định và khai báo xuất xứ hàng hóa xuất khẩu Căn cứ quy định hiện hành, trường hợp hàng hóa chỉ trải qua quá trình gia công, chế biến đơn giản tại Việt Nam (ví dụ: lắp ráp đơn giản từ các nguyên liệu nhập khẩu) theo quy định tại Điều 9, Nghị định 31/2018, hoặc chưa đáp ứng tiêu chí xuất xứ Việt Nam (chưa đáp ứng tiêu chí LVC hoặc CTC,...) thì người xuất khẩu phải thực hiện như sau: (i) Khai báo xuất xứ trên tờ khai hải quan, và chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan (nếu cần) là không xác định, mô tả hàng hóa trên tờ khai xuất khẩu phải khai theo cấu trúc “<i>mô tả hàng hóa</i>#&KXD; (Khoản 1, Điều 5, Thông tư 33/2023). (ii) Xuất xứ hàng hóa trên nhãn hàng hóa (nếu thể hiện) sẽ phải thể hiện bằng một trong các cụm hoặc kết hợp các cụm từ thể hiện công đoạn hoàn thiện hàng hóa như sau: “lắp ráp tại”; “đóng chai tại”; “phối trộn tại”; “hoàn tất tại”; “đóng gói tại”; “dán nhãn tại” kèm nơi thực hiện cuối cùng là “Việt Nam” (Điều 15, Nghị định 43/2017, sửa đổi bổ sung tại Nghị định 111/2021). Điều này đã gây khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất khẩu vào thị trường Mỹ và EU, nơi mà người nhập khẩu yêu cầu doanh nghiệp Việt Nam phải	Tham khảo quy định về xuất xứ hàng hóa của EU, và Mỹ: (i) EU cho phép sử dụng quy tắc phụ trong trường hợp có hai hoặc nhiều quốc gia tham gia vào quá trình sản xuất, nhưng nơi thực hiện công đoạn cuối cùng chưa đáp ứng để được coi là nước xuất xứ thì xuất xứ hàng hóa được xác định căn cứ vào xuất xứ của nguyên liệu, cụ thể nếu mã HS của sản phẩm từ Chương 1 đến Chương 29, hoặc Chương 31 đến Chương 40 thì sẽ căn cứ vào trọng lượng của nguyên vật liệu có xuất xứ nhiều nhất, trường hợp sản phẩm có mã HS của các Chương khác kể trên thì sẽ căn cứ vào trị giá của nguyên vật liệu có xuất xứ nhiều nhất. (ii) Mỹ mặc dù không có quy tắc phụ như EU, nhưng cho phép xuất xứ hàng hóa được phép giữ nguyên là nước mà tại đó nguyên vật liệu xảy ra sự biến đổi đáng kể (Substantial Transformation) để tạo ra sản phẩm hoặc bán thành phẩm, mặc dù tại nước đó không phải là nơi thực hiện công đoạn cuối cùng để tạo ra sản phẩm xuất khẩu. Ví dụ, cáp quang được tạo ra từ sợi thủy tinh

Stt	Vấn đề	Tham chiếu	Vấn đề	Khuyến nghị
			thể hiện xuất xứ hàng hóa là một quốc gia, vùng lãnh thổ cụ thể. Điều này vô tình đã làm hạn chế khả năng xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam.	siêu tinh khiết, kéo thành sợi, phủ lớp bảo vệ, bọc vỏ,...tại Pháp, sau đó được xuất sang Trung Quốc để thực hiện các công đoạn như cắt thành các đoạn theo thiết kế, gắn đầu nối thì sản phẩm sau đó xuất khẩu từ Trung Quốc vào Mỹ vẫn được xác định là có xuất xứ tại Pháp. (iii) Xem xét bổ sung cơ chế cho phép doanh nghiệp Việt Nam được xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu như của EU và Mỹ nêu trên cho các trường hợp hàng hóa xuất khẩu không đáp ứng là xuất xứ Việt Nam.
3	Hải quan	Điều 22, Nghị định 85/2019.	Kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ Nghị định này quy định trường hợp hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ được miễn kiểm tra chuyên ngành trước thông quan (miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm và miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng). Quy định trên dẫn đến cách hiểu khác nhau và bất cập trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan và quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm hàng hóa.	Xem xét bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể về việc miễn kiểm tra chuyên ngành trong quá trình làm thủ tục hải quan và khi lưu thông hàng hóa tại Việt Nam với hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ. Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ vẫn phải tuân thủ pháp luật chuyên ngành trước khi lưu thông hàng hóa tại Việt Nam thì có thể sử dụng hồ sơ đã hoàn tất thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa của người xuất khẩu tại chỗ (nếu có) để làm căn cứ chứng minh và không cần thực hiện lại thủ tục kiểm tra chuyên ngành.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu	Vấn đề	Khuyến nghị
			(i) Cách hiểu 1: Doanh nghiệp chỉ được miễn nộp hồ sơ về kiểm tra chuyên ngành khi thực hiện thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa, nhưng vẫn phải tuân thủ các quy định về kiểm tra chuyên ngành như chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, công bố sản phẩm,... trước khi lưu thông hàng hóa tại Việt Nam. (ii) Cách hiểu 2: Doanh nghiệp được miễn toàn bộ các thủ tục liên quan đến kiểm tra chuyên ngành khi thực hiện thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa, cũng như khi lưu thông hàng hóa tại Việt Nam.	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu	Vấn đề	Khuyến nghị
4	Hải quan	Khoản 20, Điều 5 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12	Chính sách thuế GTGT với hàng hóa khi nhập khẩu của nhà thầu xây dựng cung cấp cho DNCX Tại các công văn số 2870/BTC-TCHQ ngày 05/3/2013, số 12366/BTC-TCHQ ngày 17/9/2013, số 1697/BTC-TCHQ ngày 08/02/2014, Bộ Tài chính và Tổng Cục Hải quan đã căn cứ quy định tại Khoản 20, Điều 5 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 và hướng dẫn rằng: “<u>Các nhà thầu chính, nhà thầu phụ nhập khẩu hàng hóa để xây dựng nhà xưởng, văn phòng làm việc cho chủ đầu tư là doanh nghiệp chế xuất thì số hàng hóa nhập khẩu đó cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT</u>”. Theo đó, các doanh nghiệp là nhà thầu của chủ đầu tư là DNCX đã thực hiện kê khai không chịu thuế GTGT khi nhập khẩu hàng hóa để xây dựng nhà xưởng cho DNCX. Các hàng hóa này sau khi nhập khẩu đã được đưa thẳng vào DNCX và chỉ được sử dụng trong DNCX. DNCX, nhà thầu sau đó cũng đã nộp đầy đủ báo cáo cho Cơ quan Hải quan theo mẫu quy định tại Thông tư 38/3015/TT-BTC, sửa đổi bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC về lượng hàng hóa do nhà thầu nhập khẩu để cung cấp cho DNCX. Nhà thầu phụ khi bán cho nhà thầu chính cũng đã xuất hóa đơn có thuế suất thuế GTGT (10%)	Bộ Tài chính (Tổng Cục Hải quan) đã có các công văn 2870/BTC-TCHQ ngày 05/3/2013, số 12366/BTC-TCHQ ngày 17/9/2013, số 1697/BTC-TCHQ ngày 08/02/2014 hướng dẫn Công ty Samsung C&T Corporation và Công ty TNHH Samsung Electro-Mechanics Việt Nam về việc nhà thầu (bao gồm cả thầu chính và thầu phụ) không phải nộp thuế nhập khẩu và VAT khi nhập khẩu hàng hóa để cung cấp cho DNCX theo hợp đồng thầu xây dựng. Do vậy, để đảm bảo tính công bằng, nhất quán, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp/nhà đầu tư trên cùng một cơ sở pháp lý, chúng tôi kiến nghị CHQ nên xem xét thấu đáo để hướng dẫn Hải quan địa phương cho phép các doanh nghiệp là nhà thầu xây dựng không phải kê khai bổ sung và nộp lại thuế GTGT tại khâu nhập khẩu, nếu hàng hóa đã được nhà thầu nhập khẩu để cung cấp cho DNCX theo hợp đồng thầu xây dựng, và thực tế sau khi thông quan, hàng hóa đã được đưa thẳng vào DNCX và chỉ được sử dụng trong DNCX.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu	Vấn đề	Khuyến nghị
			cho toàn bộ giá trị hạng mục công trình xây dựng hoàn thành theo hợp đồng thầu phụ. Hóa đơn GTGT đầu ra đã được nhà thầu phụ kê khai và nộp thuế đầy đủ cho cơ quan thuế nội địa. Mặc dù vậy, hiện tại Cơ quan Hải quan đã yêu cầu các doanh nghiệp là nhà thầu phải thực hiện kê khai lại tờ khai hải quan nhập khẩu, và nộp bổ sung thuế GTGT liên quan đến các hàng hóa nhập khẩu để xây dựng cho chủ đầu tư là DNCX.	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu	Vấn đề	Khuyến nghị
5	Hải quan	Điểm g Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP. Khoản 3, Điều 7, Thông tư 05/2018/TT-BCT.	Nguyên liệu hoặc hàng hóa có xuất xứ được sản xuất trong nước và sử dụng trong công đoạn tiếp theo để sản xuất ra một hàng hóa khác Nghị định số 31/2018/NĐ-CP quy định về Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá có bao gồm: <i>Bản khai báo xuất xứ của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp nguyên liệu có xuất xứ hoặc hàng hóa có xuất xứ được sản xuất trong nước theo mẫu do Bộ Công Thương quy định trong trường hợp nguyên liệu đó được sử dụng cho một công đoạn tiếp theo để sản xuất ra một hàng hóa khác.</i> Cụ thể là Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 05/2018/TT-BCT. Trên phụ lục X, nhà sản xuất nội địa khai báo nguyên liệu có xuất xứ Việt Nam và đáp ứng tiêu chí xuất xứ (3) [<i>Ghi tiêu chí xuất xứ cụ thể (ví dụ: CC/RVC...%)</i>] theo quy định tại Chương Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong (4) [<i>Ghi tên FTA/Thông tư... (ví dụ: VKFTA/Phụ lục I Thông tư....)</i>] Mẫu khai báo này không áp dụng cho thương nhân đề nghị cấp C/O mẫu D. Một số vướng mắc được đặt ra: (i) Đối với trường hợp thương nhân đề nghị cấp C/O mẫu D: Nếu có sử dụng nguyên liệu hoặc hàng hóa có xuất xứ được sản xuất trong nước để sản xuất ra một hàng hóa khác thì thương nhân đề nghị cấp C/O mẫu D sẽ cung cấp chứng từ gì? Nhà sản xuất trong nước đề nghị cấp C/O mẫu D	Đề nghị xem xét để hướng dẫn rõ hơn về trường hợp này.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu	Vấn đề	Khuyến nghị
			hợp lệ, có đánh dấu vào ô “Partial Cumulation” để cung cấp cho thương nhân đề nghị cấp C/O mẫu D (DNCX)? Nếu áp dụng cách thức này sẽ làm tăng chi phí và thời gian cho nhà sản xuất trong nước và thương nhân đề nghị cấp C/O. (ii) Đối với các trường hợp khác, Nghị định và Thông tư này chưa hướng dẫn rõ cách thức khai báo và cộng gộp giá trị của nguyên liệu có xuất xứ, được sản xuất trong nước sẽ được tính như thế nào để xét xuất xứ của hàng hoá đang được xin cấp C/O. Ví dụ: Hàng hoá cuối cùng đang được xin cấp C/O: Áp dụng tiêu chí RVC/LVC theo các quy tắc xuất xứ đang áp dụng, như vậy: ▪ <u>Trường hợp 1:</u> Nguyên liệu có xuất xứ được sản xuất trong nước đáp ứng tiêu chí CTC theo quy tắc xuất xứ đang áp dụng. Vậy khi xét xuất xứ của hàng hoá cuối cùng theo RVC/LVC, thì toàn bộ giá trị của Nguyên liệu có xuất xứ được sản xuất trong nước có được cộng vào để tính tỷ lệ RVC/LVC không? ▪ <u>Trường hợp 2:</u> Nguyên liệu có xuất xứ được sản xuất trong nước đáp ứng tiêu chí LVC theo quy tắc xuất xứ đang áp dụng (chẳng hạn tỷ lệ RVC/LVC thực tế đạt 70%). Vậy khi	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu	Vấn đề	Khuyến nghị
			xét xuất xứ của hàng hoá cuối cùng, toàn bộ giá trị của Nguyên liệu có xuất xứ được sử dụng có được cộng vào để tính tỷ lệ RVC/LVC không? Hay chỉ lấy phần trị giá nguyên liệu tương ứng với tỷ lệ RVC/LVC thực tế là 70%?	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu	Vấn đề	Khuyến nghị
6	Hải quan	Khoản 3 Điều 3 Luật 90/2025/QH15; Khoản 19 Điều 1 Nghị định 167/2025/NĐ-CP .	Giao dịch xuất nhập khẩu tại chỗ có sự tham gia của nhiều bên thương nhân nước ngoài và giấy phép cho hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ (nếu có) - Khoản 3 Điều 3 Luật 90/2025/QH15 quy định: “Điều 47a. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ 1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hoá giao, nhận tại Việt Nam theo chỉ định của <u>thương nhân nước ngoài</u> theo hợp đồng mua bán, gia công, thuê, mượn giữa các doanh nghiệp Việt Nam với <u>thương nhân nước ngoài.</u>” - Khoản 19 Điều 1 Nghị định 167/2025/NĐ-CP quy định: “Điều 35. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ 1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hóa được quy định tại khoản 1 Điều 47a Luật Hải quan được bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, bao gồm: a) Hàng hóa gia công tại Việt Nam và được <u>thương nhân nước ngoài</u> đặt gia công bán, chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam;	Đề nghị xem xét có hướng dẫn cụ thể: (i) Cho phép thực hiện giao dịch xuất nhập khẩu tại chỗ với sự tham gia của nhiều bên thương nhân nước ngoài; (ii) Các thương nhân nước ngoài tham gia giao dịch xuất nhập khẩu tại chỗ không cần xin giấy phép kinh doanh theo quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối của Bộ Công Thương hay của cơ quan quản lý đầu tư.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu	Vấn đề	Khuyến nghị
			b) Hàng hóa mua bán, thuê, mượn giữa doanh nghiệp Việt Nam với <u>thương nhân nước ngoài</u> và được <u>thương nhân nước ngoài</u> chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp tại Việt Nam.” Trong thực tế chuỗi cung ứng sẽ có nhiều trường hợp mua bán xuất nhập khẩu tại chỗ có sự tham gia của nhiều bên thương nhân nước ngoài. Hai quy định nêu trên không cấm nhưng cũng không đề cập rõ là được phép về sự tham gia của nhiều thương nhân nước ngoài trong giao dịch xuất nhập khẩu tại chỗ. Ví dụ: Công ty A ở Việt Nam bán hàng cho công ty B ở nước ngoài, công ty B tiếp tục bán cho công ty C cũng ở nước ngoài, sau đó công ty C bán lại cho một công ty D ở Việt Nam, hàng được giao trực tiếp từ công ty A sang công ty D. Như vậy, có 2 vấn đề được đặt ra: (i) Giao dịch có sự tham gia của 2 thương nhân nước ngoài (Công ty B và C) như trên có được xem là xuất nhập khẩu tại chỗ theo Khoản 3 Điều 3 Luật 90/2025/QH15, Khoản 19 Điều 1 Nghị định 167/2025/NĐ-CP không? (ii) Các công ty B và công ty C là các thương nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa trong lãnh thổ Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ có cần xin giấy phép kinh doanh theo quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối của Bộ Công Thương hay của cơ quan quản lý đầu tư không?	

Stt	Vấn đề	Tham chiếu	Vấn đề	Khuyến nghị
7	Hải quan	Điều 9 Luật 48/2024/QH15; Điều 17 Nghị định 181/2025/NĐ-CP.	Thuế GTGT đối với hàng xuất bán cho thương nhân nước ngoài, được chỉ định giao hàng tại kho ngoại quan Công văn 1872/BTC-TCT ngày 17/02/2025 của Bộ Tài Chính gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai hướng dẫn: " <i>Trường hợp doanh nghiệp nội địa bán hàng hóa cho thương nhân nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam và được chỉ định giao hàng cho bên thứ ba là doanh nghiệp Việt Nam thông qua kho ngoại quan không đáp ứng được điều kiện hàng hóa xuất khẩu bán cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, hàng hóa bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan nên không thuộc trường hợp hàng hóa xuất khẩu áp dụng thuế suất 0% theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC nêu trên.</i> " Tuy nhiên Thông tư 219/2013/TT-BTC dẫn chiếu trong Công văn 1872 đã hết hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Do đó, thực tế xảy ra hai vướng mắc sau: (i) Từ 01/7/2025, trường hợp doanh nghiệp nội địa bán hàng hóa cho thương nhân nước ngoài và được chỉ định giao hàng cho một doanh nghiệp Việt Nam khác thông qua kho ngoại quan thì có thuộc trường hợp được áp dụng thuế suất 0% theo Điều 9 Luật 48/2024/QH15 và Điều 17 Nghị định 181/2025/NĐ-CP không? (ii) Trong trường hợp doanh nghiệp nội địa	Đề nghị xem xét để hướng dẫn về vướng mắc (i) và (ii) này.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu	Vấn đề	Khuyến nghị
			bán hàng hóa cho thương nhân nước ngoài và được chỉ định giao hàng vào kho ngoại quan. Sau đó hàng hóa do thương nhân nước ngoài định đoạt. Tại thời điểm làm thủ tục hải quan xuất khẩu cho hàng hóa, doanh nghiệp nội địa không có thông tin hàng hóa sẽ tiếp tục xuất khẩu đi nước ngoài hay bán lại cho công ty Việt Nam khác. Khi đó, doanh nghiệp nội địa có được áp dụng mức thuế suất 0% GTGT cho hàng hóa xuất khẩu đưa vào kho ngoại quan không? Nếu không, cần có hướng dẫn rõ hơn cho trường hợp này để các doanh nghiệp thực hiện đúng quy định.	
8	Hải quan	Nghị định 134/2016/NĐ-CP Nghị định 167/2025/NĐ-CP Nghị định 08/2015/NĐ-CP Điều 47a, Luật Hải quan sửa đổi	Hoàn thuế nhập khẩu cho hàng hóa nhập khẩu tại chỗ (trước 1/7/2025) sử dụng cho hoạt động sản xuất xuất khẩu Liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ, từ ngày 25/06/2025 Chính phủ và Quốc hội đã phê duyệt luật Hải quan mới có hiệu lực từ ngày 01/07/2025, cho phép xuất nhập khẩu tại chỗ được thực hiện mà không phân biệt doanh nghiệp nước ngoài có hay không có hiện diện tại Việt Nam do quy định cũ chưa phù hợp với định hướng phát triển và khuyến khích đầu tư của Chính phủ. Tuy nhiên vẫn rất nhiều doanh nghiệp gặp phải vướng mắc, khó khăn do quy định mới không được áp dụng hồi tố. Các trường hợp doanh nghiệp nội địa nhập khẩu tại chỗ từ Thương nhân nước ngoài có hiện diện	Chúng tôi kính mong Chính phủ, các Bộ ban ngành xem xét phê duyệt hoàn thuế nhập khẩu cho các trường hợp nhập khẩu tại chỗ trước 01/07/2025, hàng hóa được sử dụng hoàn toàn cho hoạt động sản xuất xuất khẩu mà không bị ảnh hưởng bởi yếu tố Thương nhân nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam.

Stt	Vấn đề	Tham chiếu	Vấn đề	Khuyến nghị
			tại Việt Nam trước 01/07/2025 (Thương nhân chỉ định một doanh nghiệp khác trong Việt Nam giao hàng) đã nộp đủ thuế nhập khẩu và sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu cho sản xuất xuất khẩu 100% (thành phẩm đã thực xuất khẩu) hiện không được xem xét hoàn thuế nhập khẩu.	



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP ÚC TẠI VIỆT NAM

TÓM TẮT

AusCham chúc mừng Chính phủ Việt Nam đã có những cải cách hành chính quyết liệt trong năm 2025, bao gồm:

- **Tái cấu trúc các Bộ, ngành** ở cấp trung ương;
- **Sáp nhập các đơn vị cấp tỉnh từ 63 xuống còn 34** và bãi bỏ cấp hành chính quận/huyện, hình thành mô hình hai cấp **tỉnh – xã**, có hiệu lực từ ngày **1/7/2025**.

Những cải cách này phản ánh quyết tâm của Việt Nam trong việc hiện đại hóa bộ máy nhà nước, nâng cao hiệu quả, và hỗ trợ quá trình chuyển đổi số.

Thương mại song phương giữa Úc và Việt Nam đã vượt **28 tỷ AUD trong năm 2023–2024**, thể hiện đà phát triển mạnh mẽ trong khuôn khổ **Chiến lược Kinh tế Đông Nam Á đến 2040** của Úc và **Chiến lược Tăng cường Hợp tác Kinh tế (EEES)**.

Các thành viên AusCham, đại diện cho nhiều lĩnh vực, trân trọng kiến nghị các cải cách trọng tâm trong những lĩnh vực ưu tiên sau:

- Cải cách Hành chính & Chính phủ điện tử
- Chuyển dịch Năng lượng & Khả năng ngân hàng hóa (bankability)
- Ổn định Điện cho Công nghiệp
- Di chuyển Lao động
- Kinh tế Số & Dòng chảy Dữ liệu
- Y tế & Giáo dục
- Giải quyết Tranh chấp & Niềm tin Nhà đầu tư

I. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH & CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ

Cuộc tái cấu trúc hành chính mang tính bước ngoặt năm 2025 của Việt Nam là một bước đi táo bạo nhằm hiện đại hóa quản trị và nâng cao hiệu quả nhà nước. Các cải cách chính bao gồm:

- **Nghị quyết 60-NQ/TW (4/2025)**: Đặt nền tảng giảm số lượng tỉnh.
- **Nghị quyết 202/2025/QH15 (6/2025)**: Sáp nhập các tỉnh, bãi bỏ cấp quận/huyện, hình thành mô hình hai cấp tỉnh – xã.
- **Nghị quyết 203/2025/QH15 (6/2025)**: Sửa đổi Hiến pháp để phản ánh những thay đổi cơ cấu này.

AusCham hoan nghênh các biện pháp trên vì tạo cơ hội tinh giản thủ tục, củng cố hệ thống chính phủ điện tử, và nâng cao tính thống nhất trên toàn quốc. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn gặp một số thách thức gây cản trở hiệu quả và làm tăng chi phí.

Vấn đề	Khuyến nghị
Cấp phép và phê duyệt bị trì hoãn, yêu cầu không thống nhất mặc dù Luật Đầu tư 2020 và Luật Doanh nghiệp 2020 đã quy định rõ.	- Thực thi nghiêm thời hạn luật định tại Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Sở Công Thương, và hải quan. - Công bố và áp dụng thống nhất các danh mục hồ sơ chuẩn, dựa chặt chẽ trên luật và nghị định, đảm bảo đồng bộ toàn quốc.
Một số thủ tục cấp phép và hải quan (ví dụ: giấy phép nhập khẩu hóa chất, sản phẩm thực phẩm như whey có thành phần sữa) bị chậm trễ do tái cấu trúc bộ ngành và cơ quan cấp tỉnh, gây không rõ ràng về thẩm quyền.	- Công bố hướng dẫn cập nhật về cơ quan chịu trách nhiệm cấp phép nhập khẩu nhạy cảm sau tái cấu trúc. - Thiết lập điểm liên hệ tạm thời tại cấp tỉnh để xử lý hồ sơ trong giai đoạn chuyển tiếp. - Nhanh chóng cập nhật hệ thống nộp hồ sơ điện tử và website chính thức để phản ánh cơ cấu mới, tránh yêu cầu nộp lại hồ sơ.
Hệ thống chính phủ điện tử còn phân tán, nhiều cơ quan vẫn yêu cầu nộp trực tiếp, hạn chế hiệu quả của sáng kiến số hóa.	- Mở rộng và tích hợp cổng thông tin điện tử, cho phép nộp và theo dõi hồ sơ liên thông nhiều bộ ngành. - Mở rộng chấp nhận hồ sơ trực tuyến song ngữ (Việt/Anh) trên các nền tảng, tăng khả năng tiếp cận cho nhà đầu tư nước ngoài.
Việc thực thi ở cấp tỉnh còn khác biệt dưới mô hình hai cấp mới (NQ 202/2025/QH15 và NQ 203/2025/QH15).	Đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ cấp tỉnh nhằm đảm bảo áp dụng pháp luật thống nhất.

I. ỔN ĐỊNH NĂNG LƯỢNG CHO CÔNG NGHIỆP

Vấn đề	Khuyến nghị
Các sự cố mất điện gần đây làm suy giảm niềm tin của nhà đầu tư.	Công bố trước kế hoạch cắt điện và kế hoạch quản lý lưới điện.
Các khu công nghiệp thiếu hụt năng lượng và hạn chế trong việc sử dụng năng lượng tái tạo.	Khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà/điện mặt trời tự dùng trong khu công nghiệp.
Các dự án điện LNG phê duyệt chậm.	Đẩy nhanh quy trình phê duyệt các dự án LNG có năng lực để đảm bảo ổn định tải nền.

III. DI CHUYỂN LAO ĐỘNG

Việt Nam đã có bước tiến quan trọng với việc ban hành Nghị định 219/2025/NĐ-CP (có hiệu lực 7/8/2025), thay thế Nghị định 152/2020 và 70/2023. Nghị định này đã đơn giản hóa và hiện đại hóa quy định về quản lý lao động nước ngoài, bao gồm: số hóa hồ sơ, phân cấp cho địa phương, giảm yêu cầu kinh nghiệm, và mở rộng các trường hợp miễn trừ. Cộng đồng doanh nghiệp nước ngoài hoan nghênh cải cách này, phù hợp với quá trình tái cấu trúc hành chính rộng hơn.

Tuy nhiên, các thành viên AusCham lưu ý rằng việc **thực thi thiếu đồng bộ giữa các tỉnh** và một số khoảng trống pháp lý vẫn tạo thách thức.

Vấn đề	Khuyến nghị
Người nước ngoài không có Thẻ tạm trú (TRC) không thể hoàn tất đăng ký VNeID cấp 2 , hạn chế khả năng tiếp cận các dịch vụ công và thủ tục hành chính ngày càng gắn với nền tảng này.	• Mở rộng đối tượng đủ điều kiện đăng ký VNeID cấp 2 bao gồm người nước ngoài có visa dài hạn, giấy phép lao động, hoặc giấy chứng nhận đầu tư, không chỉ TRC. • Cho phép doanh nghiệp hỗ trợ đăng ký tập thể cho nhân viên để giảm gánh nặng hành chính.
Việc thực thi Nghị định 219 có thể khác nhau giữa các tỉnh, tạo sự không chắc chắn cho doanh nghiệp trong giai đoạn chuyển tiếp.	• Bộ LĐTBXH và Bộ Công an ban hành hướng dẫn song ngữ (Việt/Anh) giải thích các nội dung chính của Nghị định 219, bao gồm tiêu chí đủ điều kiện, danh mục miễn trừ, và thủ tục thông báo. • Tổ chức tập huấn cho cán bộ Sở LĐTBXH và cơ quan Xuất nhập cảnh cấp tỉnh để đảm bảo áp dụng đồng bộ trên toàn quốc.

IV. GIÁO DỤC

Vấn đề	Khuyến nghị
Các trường mầm non tư thục dưới 150 trẻ phải tuân thủ yêu cầu quy hoạch mạng lưới nghiêm ngặt theo <i>Luật Giáo dục 2019</i> .	• Miễn áp dụng quy định này đối với các trường quy mô nhỏ. • Khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân trong giáo dục mầm non.

KẾT LUẬN

AusCham đánh giá cao Chính phủ về cuộc tái cấu trúc hành chính quyết liệt năm 2025 (NQ 60-NQ/TW, NQ 202/2025/QH15, NQ 203/2025/QH15) và những nỗ lực cải cách đang diễn ra. Bằng việc kết hợp những thay đổi cơ cấu này với các biện pháp trọng điểm trong năng lực, chuyển đổi số, di chuyển lao động, y tế, giáo dục, và giải quyết tranh chấp, Việt Nam có thể tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư và hiện thực hóa tầm nhìn tăng trưởng bền vững, dựa trên đổi mới sáng tạo.

AusCham và các thành viên sẵn sàng đồng hành cùng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan để biến những khuyến nghị này thành kết quả cụ thể.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

Giới thiệu

Chúng tôi tin rằng giáo dục và đào tạo sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được tăng trưởng chất lượng. Điều này có thể đạt được thông qua sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan chính phủ, phòng thương mại, các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp nói chung.

Trong bài viết này, chúng tôi đề cập tới các các vấn đề dưới đây:

1. Nghị định số 219/2025/NĐ-CP
2. Giáo dục K-12
3. Đào tạo nghề
4. Giáo dục Đại học - Khoảng cách Kỹ năng
5. Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ESL)
6. Số hóa Học tập (Giáo dục 4.0)

Tất cả các lĩnh vực của hệ thống giáo dục cần xem xét lại các chiến lược của mình để cung cấp giáo dục hiệu quả trong bối cảnh hiện tại và tương lai. Điều này rất quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam cả hiện tại và tương lai. Chúng tôi muốn nhắc lại rằng các cơ quan Chính phủ (cả trong và ngoài nước), các tổ chức giáo dục và ngành công nghiệp cần hợp tác để tận dụng các cơ hội hiện tại và giảm thiểu hoặc loại bỏ rủi ro.

1. Nghị định số 219/2025/NĐ-CP về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định số 219/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 7 tháng 8 năm 2025. Nghị định này mang lại cho giáo viên nước ngoài những thủ tục đơn giản hóa đáng kể, cấp phép nhanh hơn, giảm gánh nặng hành chính và linh hoạt hơn so với các quy định trước đây, giúp giáo viên nước ngoài làm việc tại Việt Nam dễ dàng và hợp pháp hơn.

- Nghị định số 219/2025/NĐ-CP mang lại một số lợi thế cho giáo viên nước ngoài làm việc tại Việt Nam, bao gồm:
- Giảm bớt rào cản về trình độ và kinh nghiệm.
- Thủ tục hành chính điện tử và một cửa.
- Thời hạn giấy phép dài hơn và linh hoạt hơn.
- Phân loại lao động rõ ràng.
- Phân cấp thẩm quyền.

Tóm lại, Nghị định 219/2025/NĐ-CP mang lại cho giáo viên nước ngoài những thủ tục đơn giản hóa đáng kể, cấp phép nhanh hơn, giảm gánh nặng hành chính và linh hoạt hơn so với các quy định trước đây, giúp giáo viên nước ngoài làm việc tại Việt Nam dễ dàng và hợp pháp hơn.

2. Giáo dục K-12

Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo VBF mong muốn nhấn mạnh rằng để duy trì nền giáo dục K-12 chất lượng cao và bền vững tại Việt Nam, điều cần thiết là thu hút và giữ chân các chuyên gia nước ngoài có bằng cấp được quốc tế công nhận. Ngoài ra, Hội nghị Chăm sóc sức khỏe và An toàn học đường Việt Nam năm nay đã quy tụ các chuyên gia, nhà hoạt động tới để cùng thảo luận những chủ đề quan trọng và chia sẻ kinh nghiệm về lĩnh vực sức khỏe tinh thần và bảo vệ trẻ em. Hội nghị nhằm mục đích tăng cường hợp tác giữa các trường học, đại học, các đơn vị cung cấp dịch vụ sức khỏe tâm lý – hành vi, bệnh viện, tổ chức phi chính phủ (NGO), và nhiều lĩnh vực khác.

Chúng tôi mong muốn thúc đẩy sự đa dạng trong các lĩnh vực kỹ thuật trong giáo dục K-12 nhằm giải quyết tình trạng mất cân bằng giới tính trong các ngành công nghiệp chủ chốt. VBF khuyến nghị thực hiện các chính sách hòa nhập giới để tạo ra môi trường học tập công bằng. Ngoài ra, chúng tôi muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của các chương trình công nghệ ngoại khóa nhằm khơi dậy niềm yêu thích công nghệ của trẻ em gái. Việc tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực thông qua học bổng và cơ hội học tập là rất quan trọng để khuyến khích trẻ em gái theo đuổi giáo dục kỹ thuật. Cuối cùng, việc tiếp tục hợp tác với các công ty công nghệ có thể cung cấp sự cố vấn và kinh nghiệm thực tế, đây là chìa khóa để xây dựng lực lượng lao động công nghệ đa dạng trong tương lai.

3. TVET (Giáo dục và Đào tạo Kỹ thuật và Nghề nghiệp)

Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp và thúc đẩy việc làm là trọng tâm trong các mục tiêu phát triển của Chính phủ Việt Nam và chúng tôi tin rằng sau đây là những lĩnh vực chính cần được giải quyết:

- Đáp ứng nhu cầu của ngành thông qua việc phát triển chương trình giảng dạy năng động;
- Cải thiện quy trình tuyển dụng thông qua việc cung cấp chương trình và tiếp thị tốt hơn;
- Nâng cao năng lực của giáo viên, nhà quản lý và lãnh đạo;
- Thực hành của các cơ sở đào tạo nghề; và
- Triển khai hiệu quả Khung trình độ quốc gia (NQF).

Điều quan trọng là chúng ta phải tiếp tục nỗ lực trong những lĩnh vực này và tìm ra các giải pháp giúp cải thiện hệ thống đào tạo nghề (TVET). Một số quốc gia đang hỗ trợ TVET tại Việt Nam thông qua các cơ quan phát triển và chương trình hợp tác của họ. Các chương trình này bao gồm nhưng không giới hạn ở:

- Úc
- Đức thông qua GIZ (Cơ quan Phát triển Đức)
- Nhật Bản thông qua JICA (Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản)
- Hàn Quốc thông qua KOICA (Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc)
- Vương quốc Anh (UK)

Do đó, chúng tôi mong muốn tiếp tục đạt được tiến triển trong vấn đề này và muốn nhân cơ hội này cảm ơn Bộ GD&ĐT trước vì sự hợp tác của họ.

4. Giáo dục đại học - Khoảng cách kỹ năng

Việt Nam đang phải đối mặt với khoảng cách đáng kể về kỹ năng giáo dục đại học, đặc trưng bởi sự chênh lệch giữa kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp đại học và nhu cầu của thị trường lao động. Mặc dù nền kinh tế đang bùng nổ và đầu tư ngày càng tăng vào các lĩnh vực công nghệ cao, nhiều trường đại học Việt Nam vẫn chú trọng kiến thức lý thuyết hơn là kỹ năng thực hành, ứng dụng.

Nhà tuyển dụng thường nhận thấy sinh viên tốt nghiệp chưa được chuẩn bị đầy đủ cho những thách thức trong công việc thực tế, thiếu các kỹ năng mềm quan trọng như giải quyết vấn đề, sáng tạo, khả năng phục hồi và khả năng kết nối các công việc hàng ngày với các mục tiêu lớn hơn của công ty. Cũng có lo ngại về sự tham gia hạn chế của các đối tác khu vực tư nhân trong việc định hình chương trình giảng dạy đại học, dẫn đến việc đào tạo không phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Nhiều công ty bày tỏ sự thất vọng về việc sinh viên tốt nghiệp có tỷ lệ nghỉ việc cao, thiếu tầm nhìn chuyên môn dài hạn và khả năng quản lý căng thẳng tại nơi làm việc.

Để giải quyết những vấn đề này, lãnh đạo các trường đại học và các cơ quan chính trị tại Việt Nam nhận thấy sự cần thiết phải cải cách phương pháp quản lý và giáo dục nội bộ của trường đại học để chuẩn bị tốt hơn cho sinh viên khi ra trường. Điều này bao gồm việc tăng cường hợp tác với khu vực tư nhân và tăng cường các nội dung đào tạo thực hành để thu hẹp khoảng cách kỹ năng giữa giáo dục và nhu cầu của thị trường.

Tóm lại, hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức trong việc thích ứng với nhu cầu của nền kinh tế hiện đại, dựa trên công nghệ và đang có những nỗ lực nhằm nâng cao khả năng tuyển dụng bằng cách cải thiện tính phù hợp, kỹ năng thực hành và kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp.

5. Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai (ESL)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đặt mục tiêu đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học cho tất cả học sinh vào năm 2035, và triển khai toàn diện vào năm 2045. Đề án quốc gia này sẽ tích hợp tiếng Anh như một môn học, công cụ giảng dạy cho các môn học khác và cho giao tiếp hàng ngày.

Cần có sự kết hợp giữa đội ngũ giáo viên tiếng Anh có trình độ chuyên môn cao làm việc tại các trung tâm ngoại ngữ được điều hành chuyên nghiệp. Điều này sẽ cho phép học sinh Việt Nam được hưởng lợi từ một đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn cao, giúp các em chuẩn bị cho nền kinh tế toàn cầu thông qua việc học ngôn ngữ và tiếp xúc văn hóa.

6. Số hóa việc học (Giáo dục 4.0)

Số hóa học tập, thường được gọi là Giáo dục 4.0, tại Việt Nam đánh dấu một bước chuyển đổi đáng kể trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, tận dụng công nghệ số để cải thiện việc dạy, học và tiếp cận các nguồn lực giáo dục. Sự chuyển đổi này đang thúc đẩy giáo dục từ phương pháp giảng dạy trực tiếp truyền thống sang những trải nghiệm học tập được cá nhân hóa, linh hoạt và ứng dụng công nghệ cao hơn.

Bộ GD&ĐT đang xây dựng một chiến lược AI toàn diện cho giáo dục nhằm cải thiện hoạt động quản lý và giảng dạy thông qua AI. Năm 2025, Việt Nam đang thúc đẩy các cải cách giáo dục toàn diện phù hợp với Chiến lược Phát triển Giáo dục đến năm 2030, hướng tới một hệ thống giáo dục hiện đại, cạnh tranh toàn cầu.

Các sáng kiến chính bao gồm tích hợp công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và học tập cá nhân hóa vào lớp học để tạo ra môi trường giáo dục linh hoạt và thích ứng. Các cơ sở giáo dục đang thúc đẩy mạng lưới AI, chất bán dẫn, công nghệ sinh học và năng lượng tái tạo để thúc đẩy đào tạo chất lượng và đổi mới.

Phần kết luận

Ngành giáo dục và đào tạo của Việt Nam đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy tăng trưởng chất lượng, như đã nêu trong chủ đề Diễn đàn Thường niên VBF năm nay: "DOANH NGHIỆP ĐỒNG HÀNH VỚI CHÍNH PHỦ CHUYỂN ĐỔI XANH TRONG KỶ NGUYÊN SỐ". Những cải cách quan trọng bao gồm Nghị định số 219/2025/NĐ-CP, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hội nhập của giáo viên nước ngoài, nâng cao chất lượng giáo dục từ bậc phổ thông đến lớp 12 và thúc đẩy đa dạng giới trong các lĩnh vực kỹ thuật. Những cải tiến về đào tạo nghề (TVET), được hỗ trợ bởi các đối tác quốc tế, tập trung vào khoảng cách kỹ năng đang cản trở tăng trưởng việc

làm. Cải cách giáo dục đại học giải quyết tình trạng mất cân đối kỹ năng, vốn rất quan trọng đối với nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam.

Mục tiêu đầy tham vọng là đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai vào năm 2035 và sự chuyển đổi số mang tính chuyển đổi của Giáo dục 4.0 minh họa cho cam kết hiện đại hóa việc học của quốc gia. Những nỗ lực này cùng nhau đặt nền tảng vững chắc cho một hệ thống giáo dục hướng tới tương lai, toàn diện và cạnh tranh toàn cầu, củng cố con đường phát triển kinh tế bền vững và tiến bộ xã hội của Việt Nam vào năm 2045.

Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF), hợp tác với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Phòng Thương mại, luôn cam kết hỗ trợ Việt Nam khai thác cơ hội và giải quyết thách thức. Cam kết lâu dài của chúng tôi tập trung vào việc thúc đẩy sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan chính phủ, các tổ chức giáo dục và các bên liên quan trong ngành để thúc đẩy những cải cách có ý nghĩa và tăng trưởng bền vững trong lĩnh vực giáo dục.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC ĐIỆN & NĂNG LƯỢNG

Tài trợ cho tăng trưởng năng lượng Việt Nam phục vụ các ngành công nghiệp công nghệ tiên tiến và đổi mới sáng tạo

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) – Nhóm Công tác Điện và Năng lượng (PEWG) xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam ở mọi cấp về sự hợp tác chặt chẽ và những cuộc tham vấn xây dựng đã diễn ra xuyên suốt năm 2024 và 2025. Đến nay, ngành điện và năng lượng của Việt Nam và quốc tế đã có trong tay các khung khổ cần thiết gồm Chiến lược phát triển năng lượng, Luật Điện lực, Quy hoạch Điện VIII (PDP8), cùng các nghị định và quyết định hỗ trợ để định hướng đầu tư, triển khai và tiếp tục đối thoại. Các khung khổ này được thiết kế nhằm thu hút hàng trăm tỷ đô la Mỹ cần thiết để đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng của Việt Nam.

Tuy nhiên, đổi mới sáng tạo và công nghệ tiên tiến, đặc biệt là trung tâm dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI) và dịch vụ số, có khả năng thúc đẩy mạnh mẽ tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của Việt Nam, như được nêu trong Báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới 2025 của IMF. Các ngành công nghiệp này cần một nguồn điện dồi dào, đáng tin cậy và ít carbon để phát triển. Tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của chúng sẽ tạo thêm áp lực lên lưới điện Việt Nam, kéo theo những tác động quan trọng đối với an ninh năng lượng trong tương lai.

Nhu cầu điện ngày càng tăng từ lĩnh vực công nghệ có thể kích thích nguồn cung nhiều hơn, nhưng tác động đến giá điện sẽ phụ thuộc vào mức độ nhanh chóng và hiệu quả của phản ứng từ hệ thống. Nếu nguồn cung được mở rộng tương ứng với nhu cầu, chi phí tăng thêm sẽ ở mức vừa phải. Ngược lại, nếu nguồn cung phản ứng chậm, hậu quả sẽ là giá điện cao hơn, ảnh hưởng đến cả doanh nghiệp lẫn hộ gia đình, thậm chí có thể kìm hãm sự phát triển của chính các ngành công nghiệp đổi mới sáng tạo. Sự bất định về tác động ròng này có nguy cơ trì hoãn các quyết định đầu tư, nhấn mạnh sự cần thiết của các phản ứng chính sách kịp thời và hợp tác giữa Chính phủ và doanh nghiệp.

Xu hướng toàn cầu về trung tâm dữ liệu và AI cho thấy rõ quy mô thách thức. Ở nhiều thị trường, các doanh nghiệp tìm kiếm địa điểm xây dựng cơ sở mới thường được thông báo rằng nguồn điện đầy đủ sẽ không có sẵn trong vòng tới năm năm, bao gồm hai năm cho khâu cung ứng thiết bị. Những sự chậm trễ này ngày càng phổ biến trong bối cảnh các ngành công nghiệp dựa vào đổi mới đang tăng trưởng với tốc độ chưa từng có. Yêu cầu của các ngành này, từ bộ xử lý làm mát bằng chất lỏng, kho lưu trữ đám mây ngày càng mở rộng, đến các tiêu chuẩn khắt khe về tính bền vững và khả năng chống chịu, đang tạo áp lực nghiêm trọng lên lưới điện toàn cầu. Việt Nam cần hành động quyết liệt để tránh những hạn chế tương tự.

Quy hoạch Điện VIII xác định năng lượng hạt nhân là một thành tố quan trọng trong cơ cấu năng lượng dài hạn của Việt Nam, bên cạnh khí tự nhiên, năng lượng tái tạo và lưu trữ pin. Mỗi nguồn này sẽ đóng vai trò trong việc đáp ứng nhu cầu điện đang tăng nhanh. Đáng chú ý, một số doanh nghiệp thành viên VBF đang tìm kiếm nguồn điện ít carbon, ổn định 24/7, đã ký hợp đồng cho công suất hạt nhân mới trên toàn cầu, và dự kiến sẽ có thêm nhiều giao dịch tương tự trong những năm tới. Xu thế toàn cầu này phản ánh dự báo rằng mức sử dụng điện từ các công nghệ đổi mới sẽ tăng gấp đôi vào năm 2030.

Các doanh nghiệp VBF có thể mạnh dạn kể về tài chính và phát triển các giải pháp phía cung cho các khoản đầu tư năng lượng đổi mới. Nhiều doanh nghiệp đã hợp tác chặt chẽ với EVN và các đơn vị thành viên để đáp ứng nhu cầu của Việt Nam. Cũng quan trọng không kém là duy trì đối thoại để tiếp tục củng cố chiến lược năng lượng và khung pháp lý của Việt Nam. Kinh

nghiệm quốc tế cho thấy các ngành tiêu thụ điện lớn tại Hoa Kỳ, châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc đang ngày càng tự đảm bảo nguồn phát điện của riêng mình thông qua hợp tác với chính phủ và các công ty điện lực. Việt Nam có thể rút ra nhiều bài học quý từ các mô hình này.

Trong những năm qua, PEWG đã tích cực thúc đẩy chương trình nghị sự về chuyển dịch năng lượng của Việt Nam thông qua một loạt hoạt động thiết thực và hợp tác chặt chẽ với các cơ quan chính phủ, chính quyền địa phương và các bên liên quan khu vực tư nhân. Những nỗ lực chung này đã tạo ra những góc nhìn quý giá, làm cơ sở cho các khuyến nghị hiện nay.

Trong giai đoạn 2024 - 2025, Nhóm Công tác đã triển khai dự án “Nâng cao tính khả thi trong việc thu hút vốn đầu tư vào lĩnh vực năng lượng sạch Việt Nam.” Một trong những sản phẩm quan trọng của sáng kiến này là Báo cáo Kế hoạch Năng lượng Sản xuất tại Việt Nam (**MVEP**) 4.0, cung cấp cách tiếp cận toàn diện cho quá trình chuyển dịch năng lượng. Báo cáo được xây dựng trên ba trụ cột chiến lược, được cụ thể hóa trong các Bản Tóm tắt Chính sách đi kèm, gồm: “Năng lực cạnh tranh quốc gia trong thu hút nguồn vốn vào lĩnh vực năng lượng sạch” nhằm định vị Việt Nam là trung tâm đầu tư năng lượng sạch trong khu vực; “Các giải pháp giảm thiểu rủi ro cho dự án năng lượng tái tạo” tập trung vào các biện pháp chính sách nhằm giảm rủi ro đầu tư và nâng cao tính khả thi tài chính; và “Cơ chế đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án năng lượng tái tạo” đề xuất các bước cụ thể để đơn giản hóa thủ tục phê duyệt dự án và tăng cường minh bạch. Sự kiện thường niên Tọa đàm Năng lượng Sản xuất tại Việt Nam (**MVED**) đóng vai trò là hoạt động cao điểm của dự án này, trở thành nền tảng hợp tác công-tư tiêu biểu, mang đến cơ hội chiến lược để trình bày các phát hiện của Báo cáo MVEP 4.0 tới các nhà hoạch định chính sách và thị trường, đồng thời thúc đẩy hợp tác dài hạn thông qua thảo luận chuyên sâu, đối thoại đa bên và xây dựng quan hệ đối tác.

Song song đó, PEWG cũng chú trọng mạnh mẽ đến việc nâng cao năng lực cho chính quyền địa phương, coi đây là yếu tố then chốt để thúc đẩy chuyển dịch năng lượng. Trong thời gian này, chúng tôi đã tổ chức chuỗi hội thảo trên toàn quốc từ Bắc đến Nam, bao gồm các tỉnh trọng điểm và khu công nghiệp, nhằm tăng cường hiểu biết kỹ thuật và pháp lý cho các cơ quan cấp tỉnh. Các hội thảo tập trung vào việc nâng cao tính minh bạch và dự đoán trong thực thi pháp luật, qua đó tạo môi trường thuận lợi hơn để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (**FDI**) chất lượng cao vào lĩnh vực năng lượng. Chương trình cũng đề cập đến một số lĩnh vực ưu tiên như: lộ trình giảm phát thải phù hợp với mục tiêu khí hậu toàn cầu và yêu cầu ESG của nhà đầu tư; tuân thủ và thực thi pháp luật để giảm bớt những bất định về thủ tục cho doanh nghiệp; và chia sẻ kiến thức về giải pháp năng lượng sạch để thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân. Thông qua việc trang bị cho các bên liên quan địa phương công cụ thực tiễn và sự rõ ràng về chính sách, PEWG đã góp phần xây dựng một môi trường đầu tư thân thiện hơn, phù hợp với thông lệ quốc tế và kỳ vọng của nhà đầu tư toàn cầu.

Những sáng kiến này đã khẳng định vai trò xây dựng của PEWG như một nền tảng đối thoại đa bên. Bằng cách thúc đẩy sự thấu hiểu chung và xây dựng đồng thuận giữa Chính phủ, khu vực tư nhân và các đối tác quốc tế, những nỗ lực này đóng góp trực tiếp vào quá trình chuyển dịch năng lượng của Việt Nam và tạo lập môi trường minh bạch, có thể dự đoán và thân thiện với đầu tư cho ngành điện. Với tinh thần xây dựng và định hướng giải pháp, chúng tôi đã tổng hợp và chính thức gửi tới các cơ quan Chính phủ liên quan bộ khuyến nghị chi tiết nhằm thúc đẩy nhanh việc triển khai các dự án năng lượng tái tạo và nâng cao hiệu quả của cơ chế DPPA giữa các đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện lớn.

Chủ đề của Diễn đàn VBF thường niên năm nay “Tạo nền tảng cho tăng trưởng chất lượng thông qua cải cách, đổi mới và hợp tác” có ý nghĩa đặc biệt đối với ngành năng lượng Việt Nam. Cải cách, thông qua cải thiện khung pháp lý, là chìa khóa để mở khóa đầu tư. Đổi mới, cả về công

nghệ và thiết kế thị trường, là cần thiết để tích hợp năng lượng tái tạo và năng lượng ít carbon vào hệ thống. Chúng tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng điện không chỉ đơn thuần là một dịch vụ tiện ích; nó là mạch sống của công nghiệp, là động lực của đổi mới và là nền tảng của năng lực cạnh tranh quốc gia. Bằng cách hành động quyết đoán để củng cố khung chính sách, đẩy nhanh triển khai năng lượng tái tạo, và tạo điều kiện cho các khoản đầu tư quy mô lớn vào điện gió ngoài khơi, điện hạt nhân và lưu trữ, Việt Nam có thể đảm bảo các ngành công nghiệp đổi mới, trung tâm dữ liệu, AI, sản xuất công nghệ cao, phát huy hết tiềm năng.

Nhóm Công tác Điện và Năng lượng khẳng định sẵn sàng tiếp tục đối thoại và hợp tác với Chính phủ Việt Nam để đạt được các khoản đầu tư tài chính cho những mục tiêu chung này. Cùng nhau, chúng ta có thể xây dựng một hệ thống điện bảo đảm tầm nhìn về một nền kinh tế Việt Nam thịnh vượng, bền vững và dựa trên đổi mới sáng tạo.

Xin trân trọng cảm ơn.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC KHAI KHOÁNG

1. TÓM TẮT

Việt Nam là quốc gia giàu tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là các kim loại quan trọng như đất hiếm, niken, đồng, coban và vonfram cần thiết cho (a) ngành năng lượng và năng lượng tái tạo giúp thực hiện cam kết COP26-28 của Việt Nam về giảm lượng khí thải cacbon dioxit, và (b) ngành công nghiệp chip bán dẫn và số hóa đang phát triển nhanh chóng mà Việt Nam hướng tới trở thành quốc gia dẫn đầu.

Thật đáng tiếc, cho đến nay, chỉ một phần nhỏ trong số những tài sản kim loại quý giá này của Việt Nam được phát hiện do Việt Nam chưa bao giờ được thăm dò một cách có hệ thống bằng các công nghệ và phương pháp hiện đại, chẳng hạn như địa vật lý trên không và các công nghệ thâm nhập sâu để xác định vị trí các mỏ chôn sâu hơn.

Hơn nữa, các mỏ gần bề mặt hiện tại của Việt Nam do các doanh nghiệp nhà nước vận hành vẫn chưa thu hút được vốn FDI đáng kể nào, cùng với đó là các thông lệ tốt nhất trên thế giới cần thiết để khai thác và chế biến khoáng sản bằng các công nghệ xanh bền vững với môi trường. Do đó, năng lực chuyên môn và nguồn vốn FDI là yếu tố cần thiết để cải thiện đáng kể hiệu suất, an toàn và phát triển môi trường bền vững, v.v.

Các thành viên Nhóm Công tác về Khai khoáng đang gặp phải sự phối hợp và trao đổi thông tin thiếu rõ ràng giữa các bộ và ban ngành khác nhau của Việt Nam liên quan đến thăm dò và khai thác, đặc biệt là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường (hiện nay là Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường), Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Lâm nghiệp), cả ở cấp trung ương và cấp tỉnh. Hy vọng rằng các cơ quan như Hội đồng Quốc gia về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo được đề xuất thành lập với vai trò phối hợp được xác định có thể giúp giải quyết các vấn đề này.

Những bất cập trong Luật Khoáng sản Việt Nam năm 2010 gồm các loại thuế tài nguyên, thuế và phí đang ở mức quá cao so với các quốc gia khác, và là những cản trở đáng kể đối với việc phát triển hiệu quả ngành khai khoáng ở Việt Nam. Luật Khoáng Sản và Địa Chất mới đã được phê chuẩn vào tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, nhưng dường như nhiều Nghị Định liên quan đến các Điều Khoản của Luật mới vẫn đang được hoàn thiện chi tiết. Các nghị định này sẽ cần đặt nền tảng thực tế rõ ràng cho một môi trường pháp lý minh bạch hơn, thân thiện với nhà đầu tư hơn, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực thăm dò và khai thác khoáng sản.

Do vậy, không giống như nhiều nước láng giềng ASEAN của Việt Nam, tại Việt Nam hiện không có công ty khai khoáng lớn nhất thế giới nào đang hoạt động. Các thành viên Nhóm Công tác về Khai khoáng là những công ty khá nhỏ, nhưng vẫn quyết tâm duy trì hoạt động và đạt được kết quả tích cực tại Việt Nam bằng cách sử dụng các công nghệ tốt nhất thế giới.

2. KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KIM LOẠI QUAN TRỌNG TẠI VIỆT NAM

Các kim loại hiện đang được các thành viên Nhóm Công tác về Khai khoáng tìm kiếm hoặc khai thác đều là kim loại thiết yếu trong sản xuất xe điện và pin, tua bin gió, tấm pin năng lượng mặt trời và chuyển đổi số. Khi tìm được nguồn kim loại sẵn có này trong nước, thay vì phải nhập khẩu, Việt Nam có cơ hội phát triển sâu các ngành công nghiệp chế tạo công nghệ cao và tiến tới trở thành một trung tâm thống trị khu vực và thế giới về sản xuất các sản phẩm này, hiện đang được săn đón rất nhiều với mục tiêu trung hòa cacbon trong tương lai. Điều này rõ ràng phù hợp

với định hướng của Cục Đầu tư Nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc chú trọng nâng cao năng lực cho các ngành sản xuất và công nghiệp phụ trợ tại Việt Nam và sẵn sàng hợp tác với các doanh nghiệp Việt Nam khi cần. Định hướng này cũng phù hợp với kế hoạch và tầm nhìn được nêu trong Quy hoạch Phát triển điện lực VIII và Thỏa thuận Đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP), trong đó dự kiến hình thành các trung tâm năng lượng tái tạo cùng với năng lực sản xuất để hỗ trợ đạt được các mục tiêu chuyển đổi năng lượng và mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 của Việt Nam.

Để nhấn mạnh điểm này, Tổng cục Thống kê Việt Nam đã báo cáo rằng 8 mặt hàng do Việt Nam sản xuất có giá trị xuất khẩu vượt 10 tỷ đô la Mỹ, đạt tổng cộng 280 tỷ đô la Mỹ vào năm 2024. Bốn trong số tám mặt hàng này chủ yếu là kim loại, bao gồm a) điện thoại di động và linh kiện; b) điện tử, máy tính và linh kiện; c) máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; và d) phương tiện và phụ tùng, đạt 194 tỷ đô la Mỹ.

Ngành khoáng sản thế giới đang phải khai thác nhiều kim loại hơn bao giờ hết để đáp ứng nhu cầu về kim loại quan trọng vì một tương lai trung hòa cacbon. Ví dụ, đối với kim loại đồng, kể từ năm 2010 đến nay, số lượng phát hiện mới đã giảm 80% và nguồn cung đồng của thế giới hiện đang ở mức rất thấp. Đồng được gọi là “kim loại điện khí hóa”, vì tăng trưởng xanh sẽ cần nhiều dây truyền dẫn bằng đồng hơn bao giờ hết để phân phối điện năng được sản xuất bằng các nguồn năng lượng tái tạo. Ví dụ: Australia có kế hoạch chi 20 tỷ đô la Úc để nâng cấp lưới điện tái tạo và Công ty UK National Grid - Công ty điện và khí đốt đa quốc gia của Anh đã có kế hoạch đầu tư 54 tỷ bảng Anh để nâng cấp mạng lưới năng lượng. Ngoài ra, một số quốc gia đã cấm xuất khẩu tinh quặng đồng và yêu cầu tinh luyện trong nước tất cả đồng. Nhu cầu về các kim loại quan trọng khác cũng diễn ra tương tự, và điều cốt yếu là Việt Nam phải phát hiện, khai thác, tái chế và chế biến tất cả các kim loại quan trọng trong nước mà không nhập khẩu chúng.

Để làm được như vậy, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về tăng trưởng xanh, khai thác, chế biến, tinh luyện và tái chế kim loại và khoáng sản sẽ đòi hỏi sự chuyển đổi từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang ứng dụng công nghệ hiện đại mới để giảm đáng kể và cuối cùng là loại bỏ lượng khí thải carbon dioxide - chẳng hạn như công nghệ hydro xanh, công nghệ oxy hóa áp suất, điện khí hóa tất cả các phương tiện và máy móc khai thác và sử dụng thủy điện tái tạo và thủy luyện kim tại những nơi đã có trong hoạt động khai thác mỏ và chế biến sâu.

Những công nghệ hiện đại này cũng được thiết kế để đạt được các mục tiêu quan trọng về áp dụng các thực hành phát triển bền vững và có trách nhiệm để bảo vệ cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái, bao gồm cả rừng nếu phù hợp, nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

3. LỢI ÍCH VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Đã từ lâu, ngành khai khoáng được công nhận là một trong những động lực cải thiện cơ sở hạ tầng hiệu quả nhất trên toàn thế giới. Những vùng phát hiện mỏ khoáng sản thường là các vùng núi cao, nơi sinh sống của các dân tộc thiểu số và có điều kiện kinh tế-xã hội vô cùng nghèo nàn của quốc gia, và Việt Nam nằm trong số những quốc gia này. Lợi ích rõ ràng khác của khai khoáng có trách nhiệm là nó có thể đóng góp vào việc giúp xóa đói giảm nghèo ở các vùng sâu vùng xa bằng cách tạo ra rất nhiều cơ hội việc làm và các đơn đặt hàng cho hàng hóa và dịch vụ địa phương.

Chính vì vậy, việc khai thác bền vững hiện đại ở Việt Nam rõ ràng sẽ giúp giải quyết các thách thức trong chiến lược của Chính phủ về các Mục tiêu Phát triển Kinh tế - Xã hội (SDGs), đồng thời đáp ứng hai trong số các mục tiêu chính của Ngân hàng Thế giới về Khung Đối tác Quốc gia

tại Việt Nam là (a) cung cấp cơ sở hạ tầng và (b) mở rộng sự tham gia vào hoạt động kinh tế của người dân tộc thiểu số.

4. ĐẦU TƯ DÀI HẠN TRONG NGÀNH KHAI KHOÁNG VÀ RỦI RO

Ngành khai khoáng là điển hình của ngành sản xuất và dịch vụ truyền thống, bởi vì nó đòi hỏi thời gian dài và đầu tư đáng kể vào thăm dò và phát triển trước khi bất kỳ dự án nào có thể thành công. Việc phát hiện một số loại tài nguyên khoáng sản chính ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương thường phải mất trung bình 18 năm kể từ khi bắt đầu thăm dò cho đến khi phát hiện ra mỏ quặng. Do đó, để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có chất lượng vào khai thác, Nhóm Công tác về Khai khoáng đề nghị Chính phủ:

- a) So sánh chế độ tài khóa của Việt Nam với các quốc gia ngang hàng và cung cấp một chế độ tài khóa cạnh tranh với chế độ tài khóa của các quốc gia khác;
- b) Đơn giản hóa chế độ tài chính hiện hành để dễ giải thích cho các nhà đầu tư;
- c) Tạo sự ổn định tài chính và giảm tần suất thay đổi chính sách do thời gian thực hiện các dự án khai thác kéo dài; và
- d) Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn nội bộ, xem xét công nhận và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về tài nguyên khoáng sản (ví dụ: JORC).

Hoạt động đầu tư thăm dò thường gặp nhiều rủi ro và hay thay đổi mục tiêu khi tiến hành thăm dò, nhất là trong điều kiện tài nguyên khoáng sản ở sâu trong lòng đất và ở khu vực có điều kiện địa chất phức tạp. Chính phủ phải bảo đảm việc quy hoạch thăm dò, khai thác mỏ, lập dự án đầu tư, xây dựng cơ chế, chính sách sẽ khuyến khích việc khai thác một cách hợp lý và có tính hiệu quả tốt nhất. Các công ty có kinh nghiệm thực hiện các chương trình thăm dò tiên tiến về mặt kỹ thuật và có trách nhiệm với môi trường phải được ưu tiên cấp phép nhanh chóng cho các dự án tiếp theo. Thăm dò liên tục là chìa khóa cho sự bền vững trong các dự án khai thác mỏ.

5. SỬA ĐỔI LUẬT KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VÀ GIẢM THUẾ KHOÁNG SẢN

Việc thảo luận để làm rõ, đơn giản hoá và hoàn thiện Luật Khoáng Sản và Địa Chất mới của Việt Nam cần được tiến hành cởi mở và dựa trên tham vấn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khai khoáng Việt Nam, FDI và các chuyên gia khai khoáng quốc tế đóng góp ý kiến thông qua các tờ trình và cuộc họp định kỳ, chẳng hạn như các buổi họp do Đại Sứ Quán Úc tại Hà Nội tổ chức vào đầu năm nay. Nhóm Công tác về Khai khoáng mong muốn được tham gia và đóng góp cho các hội thảo và cuộc họp này, để hoạt động khai khoáng sạch, bền vững với môi trường có thể đóng góp một phần quan trọng vào quá trình tăng trưởng kinh tế ấn tượng của Việt Nam.

PHỤ LỤC BÁO CÁO CỦA NCT NÔNG NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC: QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NƯỚC TẠI VIỆT NAM (ĐẶC BIỆT TẠI KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG)

LỜI GIỚI THIỆU

Nguồn nước ngọt, đặc biệt là nước sạch, là tài nguyên quý giá và thiết yếu cho sự sống, nông nghiệp, công nghiệp và các hệ sinh thái. Khi dân số ngày càng tăng, nhu cầu sử dụng nước cũng tăng theo; do đó, toàn xã hội cần tích cực tham gia vào việc bảo tồn nguồn nước, giảm thiểu lượng tiêu thụ, và quản lý hiệu quả nước thải ở mức cao.

Việt Nam sử dụng một lượng nước đáng kể mỗi năm trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Tổng lượng nước sử dụng tại Việt Nam hiện vào khoảng **89 tỷ mét khối mỗi năm**, trong đó:

- **Nông nghiệp:** Là ngành tiêu thụ lớn nhất, sử dụng khoảng **75 tỷ mét khối mỗi năm** (chiếm 84% tổng lượng nước).
- **Công nghiệp:** Sử dụng khoảng **10 tỷ mét khối mỗi năm** (chiếm 11%).
- **Sinh hoạt:** Chiếm khoảng **4 tỷ mét khối mỗi năm** (tương đương 4% tổng lượng nước sử dụng).

Các con số này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc quản lý và bảo tồn tài nguyên nước một cách hiệu quả nhằm bảo đảm sử dụng bền vững nguồn nước tại Việt Nam.

Đồng bằng sông Cửu Long, thường được gọi là “vựa lúa” của Việt Nam, là khu vực có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo sinh kế cho hàng triệu người dân. Khu vực này được biết đến với mạng lưới sông ngòi và kênh rạch dày đặc, cùng đất đai phì nhiêu, đóng góp lớn cho nền kinh tế quốc gia. Tuy nhiên, khu vực này hiện đang đối mặt với những thách thức nghiêm trọng liên quan đến quản lý nguồn nước, mà nếu không được giải quyết kịp thời, có thể dẫn đến hậu quả nặng nề về sinh thái, kinh tế và xã hội.

1. Tổng quan về Đồng bằng sông Cửu Long

Đồng bằng sông Cửu Long nằm ở khu vực phía Tây Nam của Việt Nam, có diện tích khoảng 40.000 km², được hình thành bởi quá trình bồi tụ phù sa của sông Mê Kông - con sông chảy qua sáu quốc gia: Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia và cuối cùng là Việt Nam. Vùng đồng bằng này có địa hình thấp, hệ thống sông ngòi chằng chịt, đất phù sa màu mỡ, là một trong những vùng sản xuất nông nghiệp năng suất cao nhất thế giới. Khu vực này đóng góp hơn một nửa sản lượng lúa của Việt Nam và là trung tâm chính của ngành thủy sản và nuôi trồng thủy sản.

Tuy nhiên, mặc dù có nguồn tài nguyên phong phú, Đồng bằng sông Cửu Long đang phải đối mặt với nhiều thách thức trong quản lý nước, do cả yếu tố tự nhiên lẫn nhân tạo, bao gồm:

- **Biến đổi khí hậu:** mực nước biển dâng, tần suất thời tiết cực đoan tăng và sự thay đổi mô hình mưa gây ra nhiều rủi ro lớn. Xâm nhập mặn do nước biển dâng có thể khiến nhiều diện tích đất nông nghiệp mất khả năng canh tác. Ngoài ra, lượng mưa thất thường gây ra hạn hán và ngập lụt, phá vỡ cân bằng tài nguyên nước vốn mong manh.

- b. Các đập thủy điện và chuyển hướng dòng chảy thượng nguồn:** Việc xây dựng đập và các dự án chuyển hướng nước, đặc biệt tại Trung Quốc và Lào, đã làm thay đổi dòng chảy và lượng phù sa đổ về đồng bằng. Kết quả là lượng phù sa giảm, gây sụt lún đất và suy giảm khả năng tự bồi tụ tự nhiên của đồng bằng.
- c. Sụt lún đất:** Việc khai thác nước ngầm quá mức phục vụ tưới tiêu và sinh hoạt dẫn đến sụt lún nghiêm trọng. Khi kết hợp với mực nước biển dâng, nguy cơ ngập lụt và xâm nhập mặn gia tăng, đe dọa hạ tầng và sản xuất nông nghiệp.
- d. Ô nhiễm:** Hoạt động công nghiệp và nông nghiệp góp phần gây ô nhiễm nguồn nước. Việc sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón hóa học tạo ra dòng chảy dinh dưỡng, dẫn tới hiện tượng phú dưỡng, gây hại cho hệ sinh thái thủy sinh.

2. Tầm quan trọng của Quản lý nước bền vững

Trước những thách thức nêu trên, quản lý nước bền vững là yếu tố then chốt để đảm bảo tương lai của Đồng bằng sông Cửu Long. Quản lý nước bền vững có nghĩa là lập kế hoạch và sử dụng tài nguyên nước một cách thận trọng, đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Các khía cạnh chính của quản lý nước bền vững tại Đồng bằng sông Cửu Long gồm:

- a. Quản lý tổng hợp tài nguyên nước (IWRM):** IWRM là cách tiếp cận tổng thể, xem xét mối liên hệ mật thiết giữa nguồn nước, đất đai và hệ sinh thái. Phương pháp này yêu cầu sự phối hợp các nỗ lực quản lý nước giữa các ngành, các cấp và quy mô khác nhau, nhằm thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả tài nguyên nước đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Tại Đồng bằng sông Cửu Long, IWRM có thể giúp giải quyết sự cạnh tranh về nhu cầu nước giữa nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt, đồng thời bảo vệ các hệ sinh thái quan trọng của khu vực.
- b. Khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu:** Xây dựng khả năng chống chịu khí hậu bao gồm việc thích ứng với khí hậu đang thay đổi và giảm thiểu tác động của nó. Điều này có thể đạt được thông qua các biện pháp như cải thiện cơ sở hạ tầng kiểm soát lũ, thúc đẩy giống cây trồng chịu mặn, và áp dụng các kỹ thuật tưới tiết kiệm nước. Tăng cường khả năng chống chịu của cộng đồng và hệ sinh thái tại Đồng bằng sông Cửu Long là điều thiết yếu để giảm tính dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu.
- c. Các phương thức nông nghiệp bền vững:** Việc áp dụng các phương thức nông nghiệp bền vững có thể giúp giảm tác động tiêu cực của nông nghiệp đối với tài nguyên nước. Canh tác chính xác, nông lâm kết hợp và nông nghiệp hữu cơ có thể cải thiện hiệu quả sử dụng nước, giảm ô nhiễm và nâng cao chất lượng đất. Thúc đẩy nông nghiệp bền vững tại Đồng bằng sông Cửu Long là yếu tố quan trọng để duy trì năng suất nông nghiệp của khu vực và bảo vệ chất lượng nguồn nước.
- d. Sự tham gia và giáo dục cộng đồng:** Huy động sự tham gia của cộng đồng địa phương trong các nỗ lực quản lý nước và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc sử dụng nước bền vững là rất quan trọng để đạt được thành công lâu dài. Việc giáo dục nông dân, doanh nghiệp và người dân về các phương thức tốt nhất trong tiết kiệm nước và phòng chống ô nhiễm có thể thúc đẩy tinh thần trách nhiệm và sự gắn kết với tài nguyên nước.

3. Các giải pháp và chiến lược tiềm năng

Để đảm bảo tương lai bền vững của Đồng bằng sông Cửu Long, cần có một loạt các giải pháp và chiến lược để giải quyết những thách thức liên quan đến nước mà khu vực này đang phải đối mặt:

- a. **Nâng cấp cơ sở hạ tầng quản lý nước:** Đầu tư vào cơ sở hạ tầng quản lý nước hiện đại là điều cần thiết để cải thiện hệ thống kiểm soát lũ, nâng cao hiệu quả tưới tiêu và giảm thiểu rủi ro hạn hán. Việc xây dựng các đập đa năng, hồ chứa và trạm bơm có thể giúp điều tiết nguồn nước và đảm bảo cung cấp nước ổn định cho nông nghiệp và sinh hoạt.
- b. **Thúc đẩy hợp tác xuyên biên giới:** Đồng bằng sông Cửu Long phụ thuộc vào nguồn nước từ thượng nguồn sông Mekong, vì vậy hợp tác với các quốc gia láng giềng là rất quan trọng. Thúc đẩy các hiệp định chia sẻ nước công bằng và hợp tác trong quản lý lưu vực sông có thể giúp giảm thiểu xung đột và đảm bảo phân bổ tài nguyên nước bền vững.
- c. **Khung chính sách và quy định:** Các chính sách và khung quy định mạnh mẽ của chính phủ là cần thiết để hỗ trợ quản lý tài nguyên nước bền vững. Chính phủ Việt Nam nên ban hành các chính sách thúc đẩy việc tiết kiệm nước, điều chỉnh khai thác nước ngầm và thực thi các biện pháp kiểm soát ô nhiễm. Các ưu đãi cho việc áp dụng các thực hành bền vững và hình phạt đối với việc không tuân thủ có thể thúc đẩy những thay đổi tích cực.
- d. **Nghiên cứu và Đổi mới sáng tạo:** Cần có nghiên cứu và đổi mới liên tục để phát triển các giải pháp mới cho những thách thức trong quản lý tài nguyên nước. Đầu tư vào nghiên cứu về thích ứng với biến đổi khí hậu, nông nghiệp bền vững và công nghệ quản lý nước có thể mang lại những hiểu biết và công cụ quý giá để giải quyết các vấn đề mới nổi. Sự phối hợp giữa các trường đại học ở Đồng bằng sông Cửu Long và các tổ chức nghiên cứu quốc tế là rất quan trọng để đảm bảo rằng các phương pháp quản lý tài nguyên nước tiên tiến nhất trên thế giới được nghiên cứu và áp dụng.

4. Quản lý nước ở Đồng bằng sông Cửu Long

Quản lý nước ở Đồng bằng sông Cửu Long có tầm quan trọng hàng đầu để bảo đảm tính bền vững về sinh thái, kinh tế và xã hội của khu vực. Những thách thức do biến đổi khí hậu, việc chuyển hướng dòng nước ở thượng nguồn, sụt lún đất và ô nhiễm đặt ra yêu cầu phải có một cách tiếp cận toàn diện và tích hợp.

Bằng cách áp dụng các thực tiễn quản lý nước bền vững, xây dựng khả năng chống chịu với khí hậu và gắn kết cộng đồng địa phương, người dân và chính quyền Đồng bằng sông Cửu Long có thể bảo đảm rằng khu vực này sẽ tiếp tục phát triển và duy trì vai trò là một phần quan trọng của Việt Nam và thế giới. Các nỗ lực hợp tác ở cấp địa phương, quốc gia và quốc tế là thiết yếu để bảo vệ tương lai của Đồng bằng sông Cửu Long và hàng triệu người phụ thuộc vào nguồn tài nguyên của nơi này.

Lưu lượng nước hằng năm của sông Mekong thay đổi theo mùa, nhưng trung bình, con sông xả ra **khoảng 475 tỷ mét khối nước** mỗi năm. Dòng chảy chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của mùa mưa, với phần lớn lượng nước được cung cấp trong mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 11.

Việc xây dựng các đập ở thượng nguồn có những tác động đáng kể đến dòng chảy của sông Mekong tại Việt Nam, ảnh hưởng cả đến môi trường và cộng đồng địa phương.

Các đập thượng nguồn, đặc biệt là ở Trung Quốc và Lào, giữ và tích trữ nước, làm giảm dòng chảy tự nhiên của sông Mekong. Sự giảm lưu lượng này dẫn đến mực nước thấp hơn ở hạ lưu,

ảnh hưởng đến nông nghiệp, ngư nghiệp và nguồn cung cấp nước sinh hoạt hằng ngày cho các cộng đồng ở Việt Nam.

Lưu lượng sông thấp hơn làm trầm trọng thêm tình trạng xâm nhập mặn vào Đồng bằng sông Cửu Long, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn nước ngọt cho tưới tiêu và nước uống. Xâm nhập mặn làm hỏng mùa màng và giảm năng suất nông nghiệp, đặc biệt tác động đến sản xuất cá và thủy sản có vỏ.

Chế độ dòng chảy thay đổi phá vỡ nhịp lũ tự nhiên của sông Mekong, ảnh hưởng đến quá trình sinh sản và di cư của cá và các loài thủy sinh khác. Điều này dẫn đến sự suy giảm quần thể cá, vốn đóng vai trò quan trọng đối với an ninh lương thực và sinh kế của địa phương.

Tác động của các đập thượng nguồn còn bị trầm trọng hơn bởi biến đổi khí hậu, có thể gây ra nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan hơn, như hạn hán và lũ lụt. Những tác động kết hợp này có thể tạo ra một “khủng hoảng kép về nước” cho các khu vực hạ lưu, trong đó có Việt Nam.

Sự suy giảm dòng chảy và vận chuyển phù sa có những hệ quả kinh tế lớn đối với Đồng bằng sông Cửu Long, nơi phụ thuộc nặng nề vào nông nghiệp và ngư nghiệp. Năng suất nông nghiệp và sản lượng đánh bắt cá thấp hơn có thể dẫn đến thu nhập giảm cho nông dân và ngư dân, ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế của khu vực.

Việc xây dựng đập ở thượng nguồn có những tác động sâu sắc đến dòng chảy của sông Mekong tại Việt Nam. Giải quyết vấn đề này đòi hỏi sự hợp tác quốc tế và các thực tiễn quản lý nước bền vững để bảo đảm tính khả thi lâu dài của Đồng bằng sông Cửu Long và đời sống của các cộng đồng nơi đây.

5. Các giải pháp và sáng kiến toàn cầu

Trên thế giới, nhiều quốc gia đang triển khai các phương pháp và công nghệ tiên tiến trong quản lý và bảo tồn nguồn nước, nhằm đối phó với tình trạng khan hiếm và bảo đảm sử dụng bền vững. Các mô hình này có thể được Việt Nam xem xét, bao gồm:

a. Quản lý nước kỹ thuật số

- Ứng dụng quản lý nước thông minh (Smart Water Management Apps): sử dụng dữ liệu thời gian thực và phát hiện rò rỉ để tăng hiệu quả bảo tồn nước, giúp người dùng theo dõi mức tiêu thụ, phát hiện thất thoát và tối ưu hóa việc sử dụng.
- Công nghệ IoT (Internet of Things): sử dụng thiết bị cảm biến để giám sát hệ thống nước, cung cấp dữ liệu phục vụ quản lý hiệu quả hơn.

b. Hệ thống lọc và khử mặn tiên tiến

- Hệ thống lọc hiện đại: loại bỏ tạp chất hiệu quả hơn, giúp nước đạt chuẩn tiêu dùng và giảm nhu cầu xử lý sâu.
- Công nghệ khử mặn (Desalination): như thẩm thấu ngược (RO), cho phép chuyển nước biển thành nước ngọt, mở rộng nguồn nước sinh hoạt cho khu vực ven biển.

c. Công nghệ tiết kiệm nước

- Hệ thống tưới thông minh: sử dụng dữ liệu thời tiết và cảm biến độ ẩm đất để điều chỉnh lịch tưới, giảm lãng phí nước.
- Thiết bị lưu lượng thấp: như vòi nước, vòi sen và bồn cầu tiết kiệm nước đang được áp dụng rộng rãi.
- Hệ thống phát hiện rò rỉ và ngắt tự động: giúp giảm đáng kể lượng nước tiêu thụ.

d. Tái sử dụng và tái chế nước thải

- Tái chế nước xám: sử dụng lại nước từ bồn rửa, vòi sen, máy giặt cho tưới tiêu hoặc xả toilet.
- Tái sử dụng nước thải sau xử lý: cho mục đích công nghiệp hoặc tưới cảnh quan, giảm áp lực lên nguồn nước ngọt.

e. Thu gom nước mưa

- Thu và trữ nước mưa giúp giảm phụ thuộc vào nguồn nước ngầm và nước mặt, đặc biệt hữu ích trong mùa khô.

f. Hạ tầng quản lý nước phi tập trung

- Hệ thống xử lý và phân phối nước quy mô nhỏ, địa phương hóa giúp tăng hiệu quả và khả năng chống chịu ở vùng sâu, vùng xa.

g. Tham gia cộng đồng và giáo dục

- Chiến dịch tuyên truyền cộng đồng: nâng cao nhận thức về tiết kiệm nước và hướng dẫn các thực hành bền vững.
- Quản lý dựa vào cộng đồng: khuyến khích người dân tham gia vào các quyết định và hoạt động quản lý nước để bảo đảm hiệu quả lâu dài.

h. Phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI)

- Ứng dụng dữ liệu lớn và AI để dự báo nhu cầu nước, tối ưu hóa phân phối, ngăn ngừa thiếu hụt và nâng cao hiệu quả quản lý.

Những phương pháp và công nghệ sáng tạo này đang thay đổi cách thức con người quản lý và bảo tồn nguồn nước, giúp việc sử dụng nước bền vững trở nên thiết thực và khả thi hơn bao giờ hết.

KẾT LUẬN

Việt Nam có vai trò quan trọng trong công tác bảo tồn và quản lý nguồn nước, đồng thời có cơ hội trở thành quốc gia tiên phong trong sử dụng nước bền vững.

Việc bảo tồn và quản lý nước thải có ý nghĩa sống còn trong việc đảm bảo sử dụng công bằng và bền vững tài nguyên nước. Bằng việc áp dụng các thực hành bền vững, bảo vệ môi trường, và thúc đẩy hợp tác, Việt Nam có thể bảo đảm nguồn cung nước an toàn, ổn định và công bằng cho tất cả. Quản lý nước không chỉ là một nhu cầu cấp thiết, mà còn là trách nhiệm đạo đức đối với sự phát triển của con người và hành tinh.